HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ MAI ANH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ MAI ANH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

Mã số: 931 02 02

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN NGỌC ÁNH



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



Nguyễn Thị Mai Anh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN 9

1.1. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước 9

1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước 18

1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu các công trình khoa học liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu 32

Chương 2: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN 35

2.1. Thông tin đối ngoại và công tác thông tin đối ngoại ở Việt Nam 35

2.2. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại - Khái niệm, nội dung, phương thức và vai trò 60

Chương 3: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM 76

3.1. Thực trạng Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại giai đoạn hiện nay 76

3.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm 120

Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI ĐẾN NĂM 2035 134

4.1. Dự báo những yếu tố tác động và phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại đến năm 2035 134

4.2. Những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại đến năm 2035 145

KẾT LUẬN 189

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN 191

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 192

PHỤ LỤC 209

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNXH : Chủ nghĩa xã hội

HTCT : Hệ thống chính trị

KT, GS : Kiểm tra, giám sát

MTTQ : Mặt trận Tổ quốc

TTĐN : Thông tin đối ngoại

UBND : Ủy ban nhân dân

XHCN : Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công tác thông tin đối ngoại là một bộ phận quan trọng trong công tác tư tưởng, đối ngoại và truyền thông của Đảng và Nhà nước, giữ vai trò trực tiếp quảng bá hình ảnh quốc gia, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, tạo dựng sự đồng thuận quốc tế, đồng thời góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, thông tin đã trở thành một nguồn lực đặc biệt và là một thành tố quan trọng của sức mạnh quốc gia. Không gian mạng cùng các nền tảng truyền thông số đã tạo điều kiện cho thông tin lan truyền nhanh chóng, vượt qua mọi ranh giới quốc gia, đồng thời cũng làm gia tăng các hoạt động xuyên tạc, chống phá, tác động đến nhận thức xã hội và uy tín quốc gia. Điều đó đặt ra yêu cầu phải không ngừng đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại nhằm chủ động định hướng dư luận, nâng cao hiệu quả truyền thông quốc gia và bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia trong môi trường thông tin toàn cầu.

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN là tổng thể các hoạt động của Đảng từ việc đề ra các chủ trương, đường lối, chiến lược, chính sách lớn đến việc tổ chức thực hiện và tiến hành kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác TTĐN. Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN là một tất yếu khách quan, nhằm bảo đảm sự định hướng chính trị đúng đắn; phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng tham gia và là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả của công tác TTĐN.

Những năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại thông qua việc ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận, chỉ thị và quy chế nhằm thống nhất nhận thức, hoàn thiện cơ

chế lãnh đạo, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Công tác thông tin đối ngoại đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế; quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam; thu hút đầu tư, du lịch; củng cố quan hệ đối ngoại và tạo sự đồng thuận của cộng đồng quốc tế đối với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, trong các sự kiện quốc tế quan trọng, phòng, chống đại dịch COVID-19, thúc đẩy ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, ngoại giao số và triển khai đường lối đối ngoại của Đại hội XIV của Đảng, công tác thông tin đối ngoại đã khẳng định vai trò là một trong những công cụ quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đối ngoại và phát triển đất nước.

Tuy nhiên, trước những biến đổi nhanh chóng của tình hình thế giới và khu vực, công tác thông tin đối ngoại cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới. Sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, truyền thông xã hội, dữ liệu lớn và công nghệ số đã làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, phân phối và tiếp nhận thông tin. Các thế lực thù địch, phản động và phần tử cơ hội chính trị ngày càng gia tăng các hoạt động lợi dụng không gian mạng để xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bóp méo tình hình dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc; kích động tư tưởng chống đối và làm suy giảm niềm tin của nhân dân. Trong khi đó, việc lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại ở một số cấp, ngành còn bộc lộ những hạn chế như nhận thức chưa thật sự thống nhất; cơ chế phối hợp có lúc, có nơi chưa đồng bộ; nội dung và phương thức thông tin đổi mới chưa theo kịp yêu cầu của chuyển đổi số; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; việc ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn trong công tác thông tin đối ngoại còn hạn chế. Những vấn đề đó đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại trong giai đoạn mới.

Về phương diện lý luận, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao, truyền thông quốc tế và thông tin đối ngoại, song các nghiên cứu chuyên sâu về Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại dưới góc độ khoa học xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước còn chưa nhiều. Đặc biệt, chưa có nhiều công trình phân tích một cách hệ thống cơ sở lý luận, nội dung, phương thức, nguyên tắc, cơ chế và các yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển của các nền tảng truyền thông số. Do đó, việc nghiên cứu đề tài sẽ góp phần bổ sung, phát triển lý luận về Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại trong điều kiện mới.

Về phương diện thực tiễn, đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới với mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Đồng thời, Việt Nam đang triển khai mạnh mẽ các chủ trương lớn của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại và nâng cao sức mạnh mềm quốc gia. Những yêu cầu mới đó đặt ra nhiệm vụ phải nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại như Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã xác định: "Chủ động, tích cực triển khai hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, hợp tác quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, góp phần khẳng định, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế" [66, tr.252], bảo đảm tính chủ động, thống nhất, chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả; phát huy vai trò của thông tin đối ngoại trong việc tạo dựng hình ảnh quốc gia, củng cố niềm tin quốc tế, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững chủ quyền quốc gia trên không gian mạng và nâng cao vị thế Việt Nam trong hệ thống chính trị quốc tế.

Xuất phát từ những yêu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn nêu trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài ***"Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại giai đoạn hiện nay"*** làm luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại, mà còn đánh giá khách quan thực trạng, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và những kinh nghiệm; từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp khả thi nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên phát triển mới.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích

Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn về Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN, trên cơ sở đó, đề xuất phương hướng và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan và xác định những nội dung luận án tập trung nghiên cứu trong quá trình thực hiện đề tài.

Hai là, làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn về Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN. Trong đó, tập trung làm rõ khái niệm, vị trí, vai trò, nội dung, phương thức Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN.

Ba là, khảo sát, đánh giá đúng thực trạng sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN trong thời gian qua; phân tích làm rõ nguyên nhân và rút ra những kinh nghiệm.

Bốn là, dự báo những yếu tố tác động, xác định phương hướng và đề xuất những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN giai đoạn hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN trên các lĩnh vực sau: Thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam ra thế giới; Thông tin tuyên truyền về phát triển kinh tế - xã hội; Thông tin tuyên truyền trong đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch.

- *Phạm vi về không gian*: Luận án tập trung nghiên cứu sự Đảng lãnh đạo công tác TTĐN ở các ban, bộ, ngành của Trung ương, có minh chứng qua một khảo sát tại một số địa phương cụ thể.

- *Phạm vi về thời gian:* Luận án tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN từ năm 2012, khi Bộ Chính trị (khóa XI) đã ban hành Kết luận số 16-KL/TW, là văn bản chiến lược đầu tiên của Đảng về Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011 - 2020. Các số liệu, tư liệu điều tra, khảo sát chủ yếu từ năm 2012 đến năm 2026; các giải pháp có giá trị đến năm 2035.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đối ngoại và công tác TTĐN.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của luận án là hiện trạng hoạt động lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN giai đoạn hiện nay, thông qua nghiên cứu các báo cáo tổng kết, các số liệu thống kê của các ban, bộ, ngành và thông qua kết quả điều tra, khảo sát thực tiễn của nghiên cứu sinh.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học chuyên ngành và liên ngành. Điển hình như: lịch sử - lôgic; phân tích - tổng hợp; thống kê, so sánh; điều tra, khảo sát, tổng kết thực tiễn và phương pháp chuyên gia…Cụ thể:

Phương pháp lịch sử - logic: được sử dụng chủ yếu trong chương 2 và chương 3 của luận án nhằm làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn về Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN; nhất là trong xây dựng khái niệm, làm rõ nội dung, phương thức Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, làm rõ nguyên nhân và rút ra những những kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN trong giai đoạn hiện nay.

Phương pháp phân tích - tổng hợp: được sử dụng trong cả các chương của luận án nhằm đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu có liên quan; xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu; phân tích các số liệu, tư liệu trong các văn bản, tài liệu của Đảng, của các ban, bộ, ngành nhằm chứng minh cho các nhận định trong đánh giá thực trạng Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN.

Phương pháp thống kê, so sánh: được sử dụng chủ yếu ở chương 1 và chương 3 của luận án nhằm tổng hợp kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án; đánh giá, xử lý các số liệu, tư liệu trong đánh giá thực trạng Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN và rút ra những kinh nghiệm trong lãnh đạo công tác TTĐN của Đảng.

Phương pháp tổng kết thực tiễn được sử dụng chủ yếu ở chương 3 và chương 4 của luận án nhằm đánh giá thực trạng, làm rõ nguyên nhân và rút ra những những kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN trong thời gian qua; đồng thời, dự báo những yếu tố tác động, đề xuất các giải pháp đồng bộ, khả thi tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN trong thời gian tới.

Phương pháp chuyên gia được sử dụng chủ yếu ở chương 2 và 4 của luận án nhằm xây dựng khung lý thuyết của vấn đề nghiên cứu; đề xuất các giải pháp đồng bộ, khả thi tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN trong thời gian tới.

5. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, làm rõ khái niệm: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN giai đoạn hiện nay: *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại là tổng thể các hoạt động của Đảng trong việc đề ra các chủ trương, đường lối, chiến lược, chính sách lớn; tổ chức thực hiện và tiến hành kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm định hướng chính trị, tư tưởng và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của công tác thông tin đối ngoại.*

Thứ hai, làm rõ hơn nội dung Đảng lãnh đạo công tác TTĐN, đó là: Đảng lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp thể chế hóa chủ trương của Đảng và huy động các nguồn lực thực hiện công tác TTĐN; sự lãnh đạo phối hợp hoạt động của các tổ chức như: Thông tấn xã Việt nam, Đài truyền hình Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (VUFO) làm công tác TTĐN.

Thứ ba, kết quả phân tích thực tiễn đã giúp luận án khái quát hóa bài học kinh nghiệm về lãnh đạo phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức, lực lượng, tạo sức mạnh tổng hợp trong tiến hành công tác TTĐN

Thứ tư, đề xuất hai giải pháp có tính đặc thù và đột phá: một là, lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN, nhất là tập trung làm tốt công tác tuyên truyền về những thành tựu của 40 năm đổi mới và số hóa các hình thức, phương pháp tuyên truyền. Hai là, lãnh đạo tăng cường nguồn lực cho công tác TTĐN, nhất là nguồn lực dành cho việc chuyển đổi số của các cơ quan làm công tác TTĐN, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện những vấn đề lý luận về công tác TTĐN và Đảng lãnh đạo công tác TTĐN trong thời kỳ mới.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp thêm những luận cứ khoa học cho Đảng, mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các ban, bộ, ngành Trung ương trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác TTĐN.

Đồng thời, luận án có thể làm tài liệu tham khảo phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập về công tác xây dựng Đảng tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố trên phạm vi toàn quốc.

7. Kết cấu của luận án

Luận án được kết cấu thành: Phần mở đầu; phần nội dung chính với 4 chương, 9 tiết; kết luận; danh mục công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến luận án; danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở NGOÀI NƯỚC

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về đối ngoại, thông tin đối ngoại

Gerald Segal (2005), *Openness and Foreign Policy Reform in Communist States* (*Cải cách chính sách đối ngoại và mở cửa ở các quốc gia cộng sản*) [182]. Cuốn sách phân tích cách các quốc gia XHCN điều chỉnh chính sách đối ngoại để phù hợp với bối cảnh quốc tế mới, tập trung vào sự kết nối giữa cải cách kinh tế trong nước và mở cửa ngoại giao, đồng thời tập trung nghiên cứu chính sách đối ngoại của các quốc gia Châu Á để trả lời cho câu hỏi: tại sao những quốc gia ở châu Á có được chính sách đối ngoại thành công trong giai đoạn cải cách, mở cửa. Cuốn sách bàn sâu về các nội dung của chính sách văn hóa - truyền thông - ý thức hệ; có nhiều điểm tương đồng với chính sách TTĐN ở nước ta hiện nay: đó là hoạt động để quảng bá hình ảnh đất nước, dư luận quốc tế, và tạo môi trường thuận lợi cho cải cách và hội nhập quốc tế.

Richard CVincent (2007), *Global Communication and Propaganda (Truyền thông và Tuyên truyền toàn cầu)* [192]. Cuốn sách phân tích sâu sắc các yếu tố kỹ thuật của tuyên truyền trong thời đại thông tin toàn cầu. Tác giả nhấn mạnh cách thức truyền thông đại chúng được sử dụng để định hình dư luận quốc tế, tập trung vào sự kết hợp giữa kỹ thuật tuyên truyền hiện đại và các kênh truyền thông trực tiếp. Tác giả khẳng định, các ngành ngoại giao công chúng, quan hệ công chúng có nguồn gốc từ tuyên truyền và về bản chất đều dùng các kỹ thuật của tuyên truyền là thuyết phục gây ảnh hưởng đối với đối tượng. Về tuyên truyên đối ngoại, tác giả cho rằng, tất cả các quốc gia đều sử dụng chiến dịch tuyên truyền ở cả cấp độ trong nước và nước ngoài. Cuốn sách cung cấp một cách nhìn tổng quan về cách thức tuyên truyền, đặc biệt hữu ích cho các nghiên cứu về truyền thông đối ngoại và ảnh hưởng của truyền thông đối với quan hệ quốc tế.

Daya Kishan Sosu (2009), *International Communication* (*Truyền thông quốc tế*) [180]. Cuốn sách gồm 27 bài viết được biên tập cẩn thận và có tính thông tin cao, tập hợp các công trình có ảnh hưởng từ các học giả nổi tiếng trong lĩnh vực truyền thông đại chúng, thông tin từ xa, khoa học chính trị, xã hội học, nhân chủng học và nghiên cứu quốc tế... Những bài viết đặc sắc này cung cấp một bức tranh toàn cảnh về giao tiếp quốc tế, đã định hình sự tiến bộ của học thuật trong lĩnh vực này. Cuốn sách trình bày các vấn đề quan trọng về kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị và công nghệ liên quan đến lĩnh vực truyền thông đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu, truyền thông toàn cầu.

William Hachten và James F.Scotton (2011), *The World News Prism - Challenges of Digital Communication* (*Lăng kính tin tức thế giới - Những thách thức của truyền thông kỹ thuật số*) [197]. Cuốn sách đã nêu vấn đề đáng lưu ý, trong thời đại Internet và số hóa, tất cả các quốc gia, bất kể khoảng cách hay sự khác biệt về địa lý, đều có thể tham gia vào thế giới thông tin hiện đại toàn cầu. Trong bối cảnh đó, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia đang gia tăng nhanh chóng. Theo đó, internet trở thành phương tiện truyền thông quan trọng trên toàn cầu. Các quốc gia cần tận dụng mạng internet nhằm thúc đẩy sự phát triển của hệ thống cung cấp thông tin quốc gia để cung cấp tin tức cho thế giới.

Zhang Qingmin (2014), *Contemporary China's Diplomacy* (*Ngoại giao của Trung Quốc hiện nay*) [200]. Cuốn sách đã: 1) Phân tích đặc điểm chính sách ngoại giao của Trung Quốc, có cả đặc điểm chung toàn cầu và đặc điểm văn hóa quốc gia của Trung Quốc trong quan hệ đối ngoại như thúc đẩy hợp tác, láng giềng tốt và hướng đến sự hài hòa; 2) Phân tích những kinh nghiệm đối ngoại của Đảng Cộng sản Trung Quốc và nhấn mạnh, những kinh nghiệm này vừa là kho báu của ngoại giao Trung Quốc, vừa là nền tảng cho sự phát triển trong tương lai và đóng góp to lớn cho các lý thuyết ngoại giao quốc tế; 3) Khái quát về quá trình phát triển và thay đổi ngoại giao của Trung Quốc trong việc xây dựng cơ chế quan hệ giữa Trung Quốc và các nước lớn khác trên thế giới; 4) Trình bày quan điểm và chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với các vấn đề quốc tế toàn cầu hiện nay.

Ashu MG Solo (2016), *Political Campaigning in the Information Age* (*Vận động chính trị trong thời đại thông tin*) [177]. Cuốn sách là tập hợp 20 chương nghiên cứu từ 33 chuyên gia quốc tế về việc ứng dụng công nghệ, tin học và toán học vào vận động chính trị. Sách phân tích cách Internet, mạng xã hội và các công cụ kỹ thuật số thay đổi phương thức lan truyền thông điệp, tổ chức cử tri và nâng cao hiệu quả chiến dịch trong thời đại thông tin, bên cạnh đó, trình bày về các phương pháp vận động chính trị và truyền thông chính trị trong thời đại thông tin thông qua thực tiễn truyền thông xã hội và quan hệ công chúng chính trị của các đảng chính trị Bồ Đào Nha năm 2008, của các đảng chính trị trong cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu năm 2009, các phương tiện truyền thông mới định hình nền dân chủ ở Ba Lan, và các chiến dịch trực tuyến của Đảng Cộng hòa Hoa Kỳ. Cuốn sách tập trung phân tích chính sách, báo chí, phương tiện truyền thông kỹ thuật số, phương tiện truyền thông và chính trị mới, việc sử dụng công nghệ trong các chiến dịch chính trị. Cuốn sách nhấn mạnh sự chuyển dịch từ truyền thông truyền thống sang các nền tảng số, nơi công nghệ kỹ thuật số đóng vai trò then chốt trong việc định hình chiến lược chính trị hiện đại.

Armand Mattelart & Michele Mattelart (Dịch giả: Hồ Thị Hòa) (2018*): History of communication theories* (*Lịch sử các lý thuyết truyền thông*) [175]. Cuốn sách là công trình tổng quan phân tích sự phát triển đa dạng của các trường phái nghiên cứu truyền thông. Sách phân tích sự đa diện và sự bùng nổ của truyền thông, mà về mặt lịch sử, đã luôn nằm trong sự tranh chấp giữa các hệ thống vật thể và các hệ thống phi vật thể, giữa bình diện sinh học và bình diện xã hội, giữa tự nhiên và văn hóa, giữa các công cụ kỹ thuật và ngôn từ, giữa kinh tế và văn hóa, giữa vi mô và vĩ mô, giữa địa phương và toàn cầu, giữa tác nhân và hệ thống, giữa cá nhân và xã hội, giữa tự do và các xu hướng quyết định luận xã hội. Trong các bối cảnh lịch sử khác nhau, những sự căng thẳng và đối kháng này, vốn là khởi nguồn của những quan điểm độc tôn, đã không ngừng diễn ra trong một thời gian dài và dẫn đến sự hình thành của các trường phái, các trào lưu và các xu hướng truyền thông. Cuốn sách là tài liệu tham khảo giúp hiểu sâu hơn về cách thông tin định hình xã hội và con người qua các thời kỳ.

Arnaud Mercier (2020), *Political communication* (*Truyền thông chính trị*) [176]. Cuốn sách trình bày một số vấn đề lý luận và thực tiễn về truyền thông chính trị qua khảo cứu thực tiễn với những trường hợp cụ thể ở một số quốc gia thông qua: "*Donald Trump hay truyền thông thần chú", "Blog, mạng xã hội và cuộc cách mạng mùa xuân Ả Rập*: *Từ thế giới ảo tới thực tại, "Chiến tranh thông tin ở Nga: Một cuộc chiến đa diện"*. Trong đó, đề cập đến khái niệm, bản chất, đặc trưng, vai trò của truyền thông chính trị, mối quan hệ của truyền thông chính trị với quá trình chính trị và việc thực thi chính sách, những thành tựu và khủng hoảng của truyền thông chính trị trong kỷ nguyên kỹ thuật số hiện nay, tác động tích cực và tiêu cực của truyền thông đối với đời sống chính trị.

Denis McQuail, Mark Deuze (2020), *Media and Mass Communication Theory (Lý thuyết truyền thông đại chúng và phương tiện truyền thông)* [181]. Tác giả tập trung miêu tả về thế giới truyền thông hiện nay đang lan tỏa nhanh, rộng rãi và luôn trực tuyến. Đồng thời, cập nhật, cung cấp một cái nhìn tổng quan đáng tin cậy và dễ tiếp cận về truyền thông và lý thuyết truyền thông, với sự kết hợp cân bằng giữa mô tả, phân tích, các số liệu minh chứng. Cuốn sách cho thấy đời sống hiện nay được liên kết chủ yếu là nhờ phương tiện truyền thông, thông tin, điều này có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin nói chung và công tác TTĐN nói riêng.

Pawel Surowiec & Ilan Manor (eds.) (2021), *Public Diplomacy and the Politics of Uncertainty (Ngoại giao công chúng và nền chính trị bất định) (Nhà xuất bản: Palgrave Macmillan)* [190]. Cuốn sách nghiên cứu hoạt động ngoại giao công chúng của các chính phủ trong môi trường truyền thông số và bối cảnh chính trị toàn cầu bất định. Công trình làm rõ cách các quốc gia ứng dụng công nghệ để tương tác trực tiếp với công chúng nước ngoài, quản trị khủng hoảng thông tin và ứng phó với thách thức tin giả. Đây là nội dung có nhiều điểm tương đồng với khái niệm TTĐN đang sử dụng ở nước ta hiện nay: đó là hoạt động linh hoạt đổi mới phương thức truyền thông trên nền tảng số nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và định vị hình ảnh đất nước trước những biến động quốc tế.

Mark Deuze (2023), *Life in Media: A Global Introduction to Media Studies* (*Cuộc sống trong truyền thông: Giới thiệu toàn cầu về nghiên cứu truyền thông*) [187]. Cuốn sách sử dụng các ví dụ và nghiên cứu điển hình có liên quan từ khắp nơi trên thế giới để minh họa các lý thuyết, khái niệm và phương pháp cơ bản của nghiên cứu truyền thông. Cuốn sách được cấu trúc xoay quanh sáu chủ đề cốt lõi: cách truyền thông cung cấp thông tin và truyền cảm hứng cho các hoạt động hàng ngày của chúng ta; cách chúng ta sống trong mắt công chúng; cách chúng ta phân biệt giữa thật và giả; cách chúng ta tìm kiếm và thể hiện tình yêu; cách chúng ta sử dụng truyền thông để tạo ra sự thay đổi; cách tạo ra phương tiện truyền thông; và cách tạo ra sự thịnh vượng trong giới truyền thông. Bằng cách cố ý đưa vào những tiếng nói đa dạng và nắm bắt các khía cạnh của đời sống truyền thông, cuốn sách này đổi mới cách hiểu và nói về truyền thông.

Harold D. Lasswell (2023) Thảo Minh (dịch), *Propaganda techniques in world war* (*Kỹ thuật tuyên truyền trong thế chiến*) [183]. Cuốn sách là một công trình nghiên cứu về cách thức các cường quốc tiến hành và sử dụng tuyên truyền nhằm huy động dư luận, củng cố ý chí quốc gia và định hình hành vi xã hội phục vụ chiến tranh. Bằng phương pháp tiếp cận liên ngành, kết hợp lịch sử, tâm lý học và xã hội học, cuốn sách không chỉ làm sáng tỏ vai trò của tuyên truyền đối với việc định hướng nhận thức và hành động của công chúng, mà còn đặt nền móng lý luận cho khoa học truyền thông, nhất là trong việc nhận diện quyền lực mềm và ảnh hưởng của dư luận đối với hoạch định chính sách quốc gia.

Atsushi Tago (2024), *Public Diplomacy and Foreign Policy (Ngoại giao công chúng và chính sách đối ngoại)* [178]. Cuốn sách trình bày cơ sở lý luận về ngoại giao công chúng như một công cụ của nhà nước và chính phủ trong thực thi chính sách đối ngoại. Tác giả làm rõ mối quan hệ hữu cơ giữa việc thuyết phục công chúng nước ngoài với việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược quốc gia, đồng thời nhấn mạnh vai trò phối hợp của các tác nhân. Cuốn sách có nhiều điểm tương đồng với TTĐN ở nước ta hiện nay: đó là

việc sử dụng truyền thông như một công cụ thiết yếu để bổ trợ cho ngoại giao chính thức, quảng bá văn hóa và tối đa sức mạnh mềm của quốc gia.

Yuval Noah Harari (2024) *"Nexus - A Brief History of Information Networks from the Stone Age to Artificial Intelligence"* (*Nexus - Lược sử của những mạng lưới thông tin từ thời đại đồ đá đến trí tuệ nhân tạo*) [199]. Tác phẩm trình bày về các hình thức tồn tại của thông tin, cách con người sử dụng, phân tích về hai mô hình thể chế - nền dân chủ và độc tài - sử dụng thông tin như thế nào? Tác giả cho rằng, các xã hội cũng như các hệ thống chính trị khác nhau đều sử dụng thông tin để đạt được mục tiêu của họ, dù tốt hay xấu. Trong đó, tác giả nhấn mạnh vai trò thông tin của hoạt động đối ngoại, nhất là khi chúng ta phải đối mặt khi AI xuất hiện và đe dọa sự tồn tại của loài người.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến công tác thông tin đối ngoại và đảng cầm quyền lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại

Joseph s. Nye Jr (2008), *Public Diplomacy and Soft Power* (*Ngoại giao công chúng và sức mạnh mềm*) [184]. Tác giả đề cập đến các vấn đề cơ bản của ngoại giao công chúng, quyền lực mềm và các mối quan hệ trong quan hệ quốc tế hiện đại. Trong bối cảnh công nghệ phát triển, góp phần làm giảm chi phí sản xuất và lưu hành thông tin, loài người ngày càng có nhiều cơ hội tiếp cận các nguồn thông tin. Các quốc gia luôn cạnh tranh để thúc đẩy giới thiệu hình ảnh tốt đẹp của quốc gia. Vì vậy, cần nâng cao hiệu quả của TTĐN nhằm gia tăng sức mạnh mềm của mỗi quốc gia. Tài liệu này là nền tảng lý luận quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách đối ngoại.

Chu Hiểu Tín, Phùng Linh Chi (2008), *Xây dựng cơ chế phản hồi nhanh dư luận, tạo ra kênh thông tin thông suốt cho quyết sách của Đảng và Chính phủ* [128]. Các tác giả đã làm rõ quan niệm về hiệu quả công tác thông tin và tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả công tác thông tin. Bao gồm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; ý thức, niềm tin cộng sản chủ nghĩa và tính tích cực xã hội. Các tác giả cũng chỉ ra các điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan để nâng cao hiệu quả công tác thông tin. Theo đó, điều kiện khách quan là

lối sống xã hội, chế độ dân chủ và môi trường xã hội. Nhân tố chủ quan bao gồm trình độ lãnh đạo của của Đảng, năng lực của cán bộ tuyên truyền, hình thức, phương pháp; vai trò của các cơ quan tuyên truyền và các tổ chức xã hội.

Junhao Hong (2011), *From the World Largest Propaganda Machine to a Multipurposed Global News Agency: Factors in and Implications of Xinhua's Transformation since 1978* (*Từ cỗ máy tuyên truyền lớn nhất thế giới đến hãng thông tấn toàn cầu đa mục tiêu: Các yếu tố và ý nghĩa của sự chuyển đổi của Tân Hoa xã kể từ năm 1978*) [185]. Tác giả đánh giá những thay đổi của Tân Hoa xã trong ba thập niên vừa qua theo hướng mở rộng quy mô và ảnh hưởng quốc tế. Trong đó khẳng định, Tân Hoa xã - với mô hình vận hành và phương thức hoạt động đã có sự thay đổi lớn về tư duy truyền thông. Từ đó, tác giả đòi hỏi các cơ quan báo chí, truyền thông Trung Quốc cần tích cực, chủ động đổi mới, hướng đến cung cấp thông tin cho công chúng trong nước và trên thế giới, đồng thời phải có lợi nhuận như một doanh nghiệp truyền thông.

David L. Paletz, Diana Owen và Timothy E. Cook (2017), *American Government and Politics in the Information Age* (*Chính phủ và Chính trị Hoa Kỳ trong Thời đại Thông tin*) [179]. Cuốn sách đề cập về ý nghĩa của các phương tiện thông tin đại chúng; cách mà hệ thống chính trị Hoa Kỳ tương tác với các phương tiện truyền thông; những điểm tương đồng và khác biệt giữa những tương tác này với thế giới thực của chính phủ và chính trị; những kết quả mà những tương tác này có thể gây ra đối với công chúng, chính trị, chính phủ và các chính sách công. Các tác giả cũng cho thấy phương tiện truyền thông có thể can thiệp hiệu quả vào chính trị. Tác phẩm này cung cấp cái nhìn toàn diện về thông tin kỹ thuật số thay đổi người dân Mỹ và tham gia vào chính trị.

Rogher H. Davidson và Walter J. Oleszek, (2019), *Congress and its members* (*Quốc hội và các thành viên*) [193]. Cuốn sách phân tích cơ cấu và hoạt động của Quốc hội; quá trình thông qua các quyết sách tại Quốc hội; quan hệ giữa Quốc hội với các nhánh quyền lực khác; phương thức mà các đảng chính trị, đặc biệt là đảng cầm quyền tham gia vào quá trình hoạch định chính sách

trong Quốc hội; công tác tuyên truyền, thuyết phục nhằm thống nhất trong nội bộ các Đảng. Cuốn sách minh chứng sự tác động đến chính sách đối ngoại của Đảng cầm quyền qua TTĐN đối với Quốc hội.

Vu Lam (2021), *Information and Communications Technologies, Online Activism, and Implications for Vietnam's Public Diplomacy (Công nghệ thông tin và truyền thông, hoạt động tích cực trực tuyến và những hàm ý đối với ngoại giao công chúng của Việt Nam)* [196]. Bài tạp chí nghiên cứu tác động của công nghệ thông tin - truyền thông (ICTs) và phong trào trực tuyến đối với ngoại giao công chúng. Nghiên cứu làm rõ những hệ quả, thời cơ và thách thức mà không gian mạng đặt ra cho các cơ quan quản lý TTĐN trước bối cảnh luồng dư luận đa chiều phát triển phức tạp. Bài viết đưa ra nhiều gợi ý đối với đổi mới phương thức TTĐN trên môi trường số, tận dụng Internet để kết nối với công chúng toàn cầu và bảo đảm an ninh thông tin.

Yayoi Kato (2021), *Party Ideology, Public Discourse, and Reform Governance in China: Playing the Language Game (Ý thức hệ của Đảng, diễn ngôn công cộng và quản trị cải cách ở Trung Quốc: Trò chơi ngôn từ)* [198]. Cuốn sách phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với diễn ngôn công cộng, truyền thông và quản trị quốc gia trong bối cảnh cải cách. Công trình tập trung vào cách Đảng kiến tạo, vận dụng các thuật ngữ chính trị và thông điệp tư tưởng để dẫn dắt dư luận qua từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội. Cuốn sách bàn sâu về các nội dung của chính sách văn hóa - truyền thông - ý thức hệ; đưa ra những gợi ý với TTĐN ở nước ta: hoạt động làm chủ diễn ngôn và định hướng truyền thông nhằm giữ vững ổn định xã hội, đồng thời tạo sự đồng thuận phục vụ công cuộc cải cách, mở cửa.

Peter Jakobsson, Johan Lindell & Fredrik Stiernstedt (2022), *Media policy attitudes and political attitudes: the politization of media policy and the support for the 'media welfare state'* (*Thái độ chính sách truyền thông và thái độ chính trị: chính trị hóa chính sách truyền thông và sự ủng hộ cho nhà nước phúc lợi truyền thông*) [191]. Trong nỗ lực tìm hiểu mối quan hệ giữa thái độ chính trị

của người dân và thái độ của họ đối với truyền thông, nghiên cứu này sử dụng một cuộc khảo sát đối với người dân Thụy Điển để điều tra các quan điểm chính trị trên truyền thông trong không gian đương đại của các vị thế chính trị. Kết quả cho thấy, sự chồng chéo giữa không gian của truyền thông và không gian chính trị rộng lớn hơn, chủ nghĩa can thiệp vào bối cảnh truyền thông. Một bộ phận nhỏ nhưng có quan điểm thể hiện sự tự do về chính sách truyền thông được phản ánh trong các đề xuất chính sách hiện tại của các đảng chính trị trong Quốc hội. Kết quả cho thấy sự chính trị hóa rõ rệt trong các vấn đề truyền thông.

Paul Pillar (2023), *Beyond the Water's Edge: How Partisanship Corrupts U.S. Foreign Policy (Vượt ra ngoài biên giới quốc gia: Sự bè phái làm tha hoá chính sách đối ngoại của Mỹ như thế nào?)* [189]. Tác giả cho rằng, có một sự thật hiển nhiên xưa cũ rằng, trong khi các chính trị gia Mỹ chơi trò chơi đảng phái về các vấn đề trong nước, thì những cuộc tranh cãi nhỏ nhặt như vậy lại nhường chỗ cho sự đoàn kết. Theo tác giả, hiện tượng này dẫn đến những cuộc chiến tranh kéo dài không cần thiết và làm xói mòn nền dân chủ của Hoa Kỳ. Tác giả đã quay ngược lại lịch sử Hoa Kỳ để chứng minh cách mà họ đã vượt qua xu hướng này. Cuốn sách đề xuất những chính sách nhằm giảm ảnh hưởng của đảng phái đối với chính sách đối ngoại.

Thomas Graham (2023), *Getting Russia Right (Làm cho nước Nga đúng đắn)* [194]. Theo tác giả, một số cuốn sách cho rằng Mỹ và Nga là kẻ thù tự nhiên, cam chịu chiến đấu cho đến khi một bên thắng. Những người khác đổ lỗi cho quốc gia này hay quốc gia khác về các chính sách khiến cho việc hợp tác trở nên bất khả thi sau những ngày sôi động của những năm 90. Tác giả cho rằng, các yếu tố mang tính cấu trúc - chủ yếu trong số đó là sự khác biệt trong cách mỗi bên nhìn nhận vị trí chính đáng của Nga trên thế giới - kết hợp với một loạt quyết định thiếu thận trọng của cả hai bên nhằm rời bỏ quan hệ song phương sa sút. Bằng cách nhấn mạnh vào sự hỗ trợ của cả Washington và Moscow, cuốn "Đưa nước Nga đúng đắn" lập luận rằng những quyết định sáng suốt hơn thực sự

có thể dẫn đến những kết quả tốt hơn. Và cuốn sách đưa ra một loạt khuyến nghị rõ ràng, cụ thể, trong đó có TTĐN.

Nicole Talmacs & Altman Yuzhu Peng (eds.) (2024), *Communications in Contemporary China: Orchestrating Thinking (Truyền thông ở Trung Quốc đương đại: Đồng điệu hóa tư duy)* [188]. Cuốn sách nghiên cứu hệ thống truyền thông do Đảng - Nhà nước Trung Quốc điều phối, làm rõ cơ chế lãnh đạo tư tưởng và truyền thông đối nội, đối ngoại trong kỷ nguyên số. Các tác giả phân tích phương thức kết hợp giữa công nghệ mới và các biện pháp định hướng truyền thống để đạt được sự nhất quán cao về mặt nhận thức. Cuốn sách bàn sâu về các nội dung của chính sách văn hóa - truyền thông - ý thức hệ, nhất là thiết lập cơ chế kiểm soát tư tưởng, phối hợp chặt chẽ giữa các tuyến thông tin nhằm phát ngôn thống nhất trước công chúng quốc tế.

Vedat Demir & Carola Richter (eds.) (2025), *The Public Diplomacy of Authoritarian Regimes (Ngoại giao công chúng của các chế độ độc quyền) (Nhà xuất bản: Palgrave Macmillan)* [195]. Cuốn sách nghiên cứu cách thức các chế độ chính trị và đảng cầm quyền tổ chức, lãnh đạo hoạt động ngoại giao công chúng và truyền thông đối ngoại nhằm gia tăng ảnh hưởng quốc tế. Công trình phân tích sâu các chiến lược điều hành, mô hình quản lý thông tin mà các chính thể này áp dụng để xây dựng hình ảnh quốc gia và định hướng dư luận thế giới. Cuốn sách đưa ra nhiều gợi ý với công tác TTĐN ở nước ta hiện nay: đó là hoạt động sử dụng TTĐN như một công cụ quyền lực mềm nhằm củng cố tính chính danh của chế độ và gia tăng vị thế địa chính trị.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về đối ngoại, thông tin đối ngoại

Khoa Tuyên truyền, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2006), *Nguyên lý Tuyên truyền* [98]. Cuốn Giáo trình đã nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên sâu về tuyên truyền. Trong đó, đã trình bày một số vấn đề lý luận chung về tuyên truyền, bao gồm định nghĩa, chức năng, nhiệm vụ, vai trò và các giải pháp tiến hành tuyên truyền. Đồng thời, đi sâu làm rõ nội dung, phương thức, lực lượng,

các giải pháp đổi mới tuyên truyền trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, như kinh tế, chính trị, văn hóa, đối ngoại.

Khoa Tuyên truyền Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2006), *Tuyên truyền đối ngoại* [97]. Giáo trình đưa ra định nghĩa, nội dung, lực lượng, hình thức, đối tượng, phương tiện của tuyên truyền đối ngoại. Các tác giả cho rằng, tuyên truyền đối ngoại là một phương thức tổng hợp; có phạm vi toàn thế giới; nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quốc gia trong quá trình phát triển. Nội dung của tuyên truyền đối ngoại là tuyên truyền về đất nước, con người, truyền thống lịch sử, và nền văn hóa Việt Nam ra nước ngoài. Hình thức, phương tiện của tuyên truyền đối ngoại là hệ thống thông tin đại chúng; báo chí đối ngoại; các hoạt động đối ngoại của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước; tổ chức các sự kiện quốc tế ở trong nước và nước ngoài; ... Giáo trình cũng phân biệt sự giống và khác nhau giữa "thông tin" và "tuyên truyền", "tuyên truyền đối ngoại" và "thông tin đối ngoại".

Nguyễn Thanh Sơn (2010), *Nhìn lại 6 năm thực hiện Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và những vấn đề đặt ra* [116]. Bài viết đánh giá tồn tại trong hoạt động TTĐN như: chưa đủ mạnh để vươn tới các địa bàn có cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; có lúc thiếu nhạy bén, thiếu chính xác, còn tình trạng chồng chéo; nhiều thông tin về những vấn đề nhạy cảm trong nước, khi đến với đồng bào thường đi qua các kênh không chính thức hoặc bị các phần tử xấu xuyên tạc. Do đó, cần có những "biện pháp tích cực", đổi mới mạnh mẽ hoạt động TTĐN để từng bước chiếm lĩnh mặt trận truyền thông ở nước ngoài.

Nguyễn Văn Dững (2011), *Lý thuyết truyền thông* [58]. Tác giả đã trình bày một số vấn đề cơ bản về truyền thông, bao gồm định nghĩa, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, nội dung truyền thông. Trong đó, so sánh khái niệm tuyên truyền với truyền thông, phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai thuật ngữ này. Tác giả đã dẫn lời của V.Lênin khi cho rằng, tuyên truyền là đem chân lý đến cho người nghe. Đây là một căn cứ quan trọng để phân tích, giải

thích rõ tính hai mặt của truyền thông, phản bác lại quan điểm cho rằng, truyền thông luôn mang tính áp đặt, một chiều.

Lê Thanh Bình (chủ biên) (2012), *Báo chí và thông tin đối ngoại* [28]. Tác giả nhấn mạnh vai trò của Báo chí và TTĐN và cho rằng, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, công tác TTĐN ngày càng trở nên quan trọng và cấp bách nhằm góp phần thực hiện hóa mục tiêu hội nhập và phát triển. Báo chí và TTĐN quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế, vai trò của quốc gia trên trường quốc tế. Do đó, lực lượng báo chí, truyền thông và các phương tiện truyền thông đại chúng có vai trò quan trọng.

Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quế (2013), *Chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới* [69]. Cuốn sách đánh giá sự đổi mới tư duy đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hơn 25 năm và vai trò của công tác đối ngoại trong việc phá thế bao vây cấm vận của các thế lực thù địch, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng và hội nhập quốc tế, phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ đó, làm rõ tư tưởng, nguyên tắc, nhiệm vụ, phương châm chỉ đạo công tác đối ngoại, lập trường của Việt Nam đối với các vấn đề quốc tế lớn. Qua đó, xác định phương hướng và đề xuất những giải pháp nhằm tăng cường hoạt động đối ngoại trong thời gian tới, trong đó giải pháp nâng cao hiệu quả TTĐN.

Vũ Xuân Hồng (2013), *Để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển mặt trận đối ngoại nhân dân* [86], Tạp chí Cộng sản, số 1 (843). Bài viết cho rằng, công tác đối ngoại nhân dân là sự sáng tạo độc đáo của Đảng ta và Bác Hồ. Đây là một sự nghiệp xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam trong việc thực hiện chiến lược "kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại", kết hợp đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Việc hình thành quan điểm chỉ đạo xây dựng, củng cố, phát triển tổ chức làm công tác đối ngoại nhân dân luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh và các thế hệ lãnh đạo của Đảng đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo.

Vũ Thanh Vân (2014), *Truyền thông quốc tế* [166]. Tác giả đã trình bày khái niệm, đặc điểm và các yếu tố thúc đẩy toàn cầu hóa thông tin, đồng thời cung cấp cái nhìn toàn cảnh về hiện trạng và đặc thù của ngành kinh doanh truyền thông trên thế giới hiện nay. Tác giả trình bày những vấn đề cơ bản nhất về tập đoàn truyền thông như, khái niệm, sự phát triển, phương thức hoạt động và bản chất của các tập đoàn truyền thông. Bên cạnh đó, tác giả làm rõ những thách thức trong việc quản lý và phương thức quản lý trong các cơ quan báo chí - truyền thông toàn cầu hiện nay. Có thể nói, đây là công trình tổng hợp và khái quát những vấn đề cơ bản về báo chí và truyền thông quốc tế.

Trần Thị Thúy Hà (2014), *Hoạt động đối ngoại nhân dân trong đời sống chính trị Việt Nam và thế giới những năm đầu thế kỉ XXI* [72], Tạp chí Khoa học, Đại học quốc gia Hà Nội, tập 30, số 4. Tác giả cho rằng, toàn cầu hóa cùng những thay đổi mạnh mẽ, phức tạp khó lường đòi hỏi các quốc gia phải xây dựng cho mình "sức mạnh thông minh". Trong hệ thống các phương tiện để có được sức mạnh thông minh đó có đối ngoại nhân dân. Đối ngoại nhân dân ngày càng trở thành một thành tố quan trọng, lồng ghép vào tất cả các lĩnh vực của hoạt động đối ngoại. Ở Việt Nam, đối ngoại nhân dân là một trong ba trụ cột của ngoại giao hiện đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đối ngoại nhân dân đã, đang và sẽ tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng, giúp củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác với các quốc gia, các vùng lãnh thổ, các tổ chức, cá nhân, nhân dân các nước, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế và khu vực.

Nguyễn Hữu Cát (chủ biên) (2015), *Đổi mới Thông tin đối ngoại trong thời kỳ hội nhập quốc tế ở Việt Nam* [45]. Cuốn sách trình bày sự giống và khác nhau giữa TTĐN và thông tin đối nội. Đối tượng của thông tin đối nội là nhân dân trong nước; trong khi của TTĐN là nhân dân và các tổ chức ngoài nước. Mục tiêu của thông tin đối nội là "quán triệt và triển khai đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước"; trong khi đó mục tiêu của TTĐN là "nhằm tranh thủ sự ủng hộ của thế giới để tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước". Nội dung của TTĐN có chọn lọc hơn cho phù hợp với nhiều đối

tượng đa dạng và chú trọng đến nội dung giới thiệu quảng bá hình ảnh Việt Nam. Đây là những tri thức hữu ích cho nghiên cứu về tuyên truyền, tuyên truyền đối ngoại và TTĐN.

Nguyễn Thị Tình (2015), *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại nhân dân* [129], Tạp chí Lịch sử Đảng, số 12 (301). Tác giả khẳng định, thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh: đối ngoại nhân dân đã tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi mục tiêu đối ngoại trong từng giai đoạn lịch sử. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại nhân dân được hình thành trong quá trình tìm đường cứu nước và xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Đây là cơ sở quan trọng để Đảng và Nhà nước thực hiện đường lối độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa trong điều kiện lịch sử mới.

Vũ Dương Huân (2018), *Về chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam* [90]. Nội dung cuốn sách đề cập đến nhiều vấn đề quan trọng trong công tác ngoại giao và chính sách đối ngoại theo quan điểm của Đảng, như: công tác ngoại giao truyền thống Việt Nam; tư tưởng đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh. Từ đó, tác giả đã đúc kết những kinh nghiệm quý báu từ quá trình nghiên cứu về ngoại giao và các vấn đề quốc tế, như: phân tích chính sách đối ngoại từ nhận thức đến hình thành tư duy và hoạch định chính sách đối ngoại với mục tiêu cao nhất là "lợi ích quốc gia, dân tộc".

Nguyễn Thanh Hà (2018), *Công tác đối ngoại nhân dân góp phần quan trọng xây dựng đường biên giới Việt - Lào hòa bình hữu nghị, phát triển bền vững* [70]. Bài viết chỉ rõ: Xuất phát từ vị trí chiến lược quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, văn hóa - đối ngoại… của tỉnh, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Kon Tum luôn nhận thức phải làm tốt công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới. Bởi chỉ giữ vững, ổn định và phát triển toàn diện biên giới thì mới xây dựng, củng cố tình đoàn kết, gắn bó, góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện giữa biên giới hai nước trên tất cả các lĩnh vực và củng cố tình hữu nghị Việt - Lào ngày càng gắn bó keo sơn.

Nguyễn Văn Du, Ngô Chí Nguyện (2018), *Đối ngoại nhân dân trong quan hệ Việt Nam - Nhật Bản hiện nay* [55]. Bài viết đánh giá kết quả đối ngoại nhân dân giữa Việt Nam và Nhật Bản trong thời gian qua và cho rằng, quan hệ Việt Nam - Nhật Bản đang ở giai đoạn tốt nhất trong lịch sử bang giao giữa hai nước, kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1973. Nhật Bản là đối tác quan trọng của Việt Nam trên rất nhiều lĩnh vực hợp tác. Những năm qua, quan hệ ngoại giao giữa hai nước phát triển mạnh mẽ, sâu rộng trên cả ba kênh: đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Từ đó, chỉ ra triển vọng của kênh đối ngoại này trong mối quan hệ song phương giữa hai nước thời gian tới.

Lưu Trần Toàn (2019), *Tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới qua báo chí đối ngoại trong giai đoạn hiện nay* [131], Luận án tiến sĩ ngành Chính trị học. Tác giả đã trình bày có hệ thống những vấn đề lý luận về công tác tuyên truyền, tuyên truyền đối ngoại, làm rõ cơ sở lý luận, bản chất của tuyên truyền hình ảnh quốc gia, đưa ra quan niệm về tuyên truyền hình ảnh quốc gia ra thế giới qua báo chí đối ngoại và hệ thống hóa các yếu tố cấu thành của tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới qua báo chí đối ngoại. Luận án đánh giá thực trạng, từ đó đề xuất các giải pháp đẩy mạnh tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới qua báo chí đối ngoại.

Nguyễn Thị Thương Huyền (2019), *Quy trình sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay* [91], Luận án tiến sĩ Báo chí học. Luận án đã trình bày có hệ thống đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến hoạt động báo chí đối ngoại. Đã xác lập hệ thống khái niệm về báo chí đối ngoại và các khái niệm có liên quan; làm rõ những vấn đề lý luận về quy trình sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại, đánh giá những tác động của quy trình đến hiệu quả của các sản phẩm; những yêu cầu về nội dung và hình thức của các sản phẩm báo chí đối ngoại.

Bùi Thị Vân (2021), *Quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay* [165], Luận án tiến sĩ Báo chí học. Luận án đã làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về báo chí đối ngoại và quản lý báo chí đối ngoại; trình

bày khái niệm, nguyên tắc, nội dung, phương thức quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại. Luận án đã đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại, chỉ rõ những kết quả, hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, luận án xác định những vấn đề đặt ra, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay.

Nguyễn Ngọc Oanh, Nguyễn Thị Thương Huyền, Nguyễn Đồng Anh (2021), *Tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại và truyền thông quốc tế* [111]. Trên cơ sở trình bày khái niệm, đặc điểm, nội dung, hình thức của báo chí đối ngoại và truyền thông quốc tế; tổ chức hệ thống báo chí đối ngoại, sản phẩm truyền thông quốc tế, giáo trình đề cập đến tổ chức toà soạn, phân công lao động và quy trình sản xuất sản phẩm và sử dụng các phần mềm trong tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại và truyền thông quốc tế.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến công tác thông tin đối ngoại và Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại

Phạm Gia Khiêm (2010), *Công tác thông tin đối ngoại góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng* [96]. Bài viết đã đánh giá những thành công, hạn chế và đúc kết những bài học kinh nghiệm của công tác TTĐN sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Tác giả nêu những nhân tố then chốt quyết định thành công của công tác TTĐN thời gian qua, đó là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự sâu sát của cấp ủy Đảng và chính quyền, sự nỗ lực của Ban Chỉ đạo công tác TTĐN, các bộ, ban ngành, địa phương, các cơ quan báo chí, các đơn vị làm công tác TTĐN. Tác giả đề xuất giải pháp tăng cường công tác TTĐN; trong đó, nhấn mạnh giải pháp: tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo; tổ chức tập huấn cho các ngành, địa phương về công tác TTĐN.

Nguyễn Chí Thảo (2012), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại (1991-2010)* [138]. Trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối đối ngoại của Đảng, tác giả phân tích quá trình Đảng từng bước hoàn thiện chủ trương, cơ chế và

phương thức TTĐN, nhằm phá thế bao vây, cấm vận, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo dựng hình ảnh một Việt Nam đổi mới, hòa bình, hợp tác và phát triển. Tác giả đã chỉ ra những thành tựu quan trọng của công tác TTĐN; đồng thời nhận diện những hạn chế về nội dung, phương thức, sự phối hợp và chất lượng đội ngũ cán bộ. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm và định hướng đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác TTĐN trong giai đoạn hiện nay.

Nguyễn Chí Thảo (2017), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hoạt động thông tin đối ngoại từ năm 1986 đến năm 2013* [139]. Luận án đã phân tích, làm rõ những căn cứ xác định chủ trương và yếu tố tác động đến quá trình Đảng lãnh đạo hoạt động thông tin đối ngoại từ năm 1986 đến năm 2013. Nghiên cứu chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng đối với hoạt động thông tin đối ngoại những năm 1986-2013. Rút ra những nhận xét và kinh nghiệm trên cơ sở thực tiễn và khoa học từ sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động thông tin đối ngoại những năm 1986 - 2013. Trong khi đó, Luận án của tác giả tập trung nhằm nhận diện vấn đề, đánh giá thực trạng, phát hiện quy luật và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

Lê Thanh Bình (2012), *Tổng quan truyền thông quốc tế - dành cho người làm công tác thông tin đối ngoại* [27]. Cuốn sách cung cấp khái niệm, cơ sở lý luận và thực tiễn của truyền thông quốc tế, các yêu cầu về phẩm chất nghề nghiệp, đạo đức, văn hóa chính trị của người làm công tác truyền thông quốc tế nói chung và nhà báo quốc tế nói riêng. Đồng thời, giới thiệu sự đa dạng và phong phú các sản phẩm truyền thông quốc tế và các cơ quan làm nhiệm vụ truyền thông quốc tế tại Việt Nam; phân tích tác động của một số sản phẩm truyền thông quốc tế tiêu biểu. Từ đó, đặt ra yêu cầu về phẩm chất, năng lực cho người làm truyền thông quốc tế. Cuốn sách còn giới thiệu các kỹ năng xây dựng các sản phẩm truyền thông quốc tế và các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác TTĐN.

Nguyễn Quốc Bảo (2012), *Vận dụng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh vào việc đổi mới đường lối đối ngoại của Đảng ta hiện nay* [24]. Đề tài làm rõ

nội dung cơ bản trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh; sự vận dụng và phát triển tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước vào quá trình đổi mới đường lối đối ngoại trong giai đoạn hiện nay. Tác giả đã đánh giá những thành tựu và một số kinh nghiệm của Đảng, Nhà nước trong lãnh đạo thực hiện đổi mới đường lối đối ngoại trong giai đoạn mới.

Lê Hồng Anh (2013), *Nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục của các sản phẩm thông tin đối ngoại* [3]. Bài viết dự báo về tình hình thế giới và khu vực trong những năm tới, tác động đến các hoạt động TTĐN trong Chiến lược phát triển TTĐN giai đoạn 2011 - 2020. Từ đó, đề xuất một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của công tác TTĐN, như: phải đổi mới nội dung tuyên truyền cho phù hợp với yêu cầu mới; kiện toàn cơ chế, chính sách, văn bản pháp quy về TTĐN; đổi mới hơn nữa phương thức TTĐN; củng cố, kiện toàn đội ngũ những người làm công tác TTĐN.

Nguyễn Thanh Sơn (2014), *Huy động hiệu quả nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài* [117]. Tác giả khẳng định quan điểm của Đảng về cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; vai trò việc thu hút và phát huy hiệu quả nguồn lực của kiều bào trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế. Tác giả cho rằng, mặc dù, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích, kết quả huy động vẫn chưa tương xứng với tiềm năng do còn những hạn chế về cơ chế, thủ tục, thông tin và niềm tin. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp huy động hiệu quả nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Đáng chú ý, bài viết đặt trọng tâm vào tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN khuyến khích kiều bào tích cực đầu tư, chuyển giao tri thức, công nghệ và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế.

Nguyễn Phú Trọng (2014), *Công tác đối ngoại phải lấy lợi ích cơ bản, lâu dài của quốc gia dân tộc làm nền tảng* [160], Tạp chí Cộng sản số 1/2014. Bài viết đã đánh giá toàn diện những thành tựu nổi bật trong công tác TTĐN mà Việt

Nam đạt được từ sau Đại hội XI của Đảng. Từ đó, nêu lên những yêu cầu về công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, trong đó, phải tiếp tục đẩy mạnh TTĐN bằng việc tăng cường phổ biến và đề cao những giá trị văn hóa của dân tộc để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động đối ngoại, góp phần nâng cao vai trò, uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Phạm Gia Khiêm (2015), *Nền ngoại giao toàn diện Việt Nam trong thời kỳ hội nhập* [95]. Cuốn sách tập hợp những bài viết, phát biểu, trả lời phỏng vấn được chọn lọc về việc triển khai và thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam, cũng như công tác xây dựng ngành ngoại giao. Tác giả cho rằng, TTĐN là một bộ phận rất quan trọng trong hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Trong tình hình đất nước và quốc tế có nhiều thay đổi, TTĐN đứng trước những cơ hội và thách thức mới, đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới để nâng cao hiệu quả hoạt động TTĐN.

Phạm Văn Linh (2016), *Một số vấn đề đổi mới nội dung, phương thức công tác tuyên giáo trong tình hình mới* [101]. Cuốn sách làm rõ một số vấn đề lý luận về đổi mới nội dung, phương thức công tác tuyên giáo trong tình hình mới; đánh giá thực trạng, đề xuất những giải pháp đổi mới nội dung, phương thức công tác tuyên giáo trong tình hình mới. Về những giải pháp đổi mới nội dung, phương thức công tác tuyên giáo trong tình hình mới, cuốn sách xác định: Bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng; cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong từng giai đoạn cách mạng; Xây dựng, phát triển nền văn hóa, nền tảng tinh thần của xã hội, xây dựng con người mới; Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Lương Khắc Hiếu (2013), *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam* [76]. Cuốn sách là công trình nghiên cứu cơ bản về công tác tư tưởng, trong đó nhấn mạnh đến công tác tuyên truyền, bộ phận cấu thành của công tác tư tưởng. Tác giả đã hệ thống hóa và xây dựng được khái niệm và

cấu trúc của tuyên truyền bao gồm: mục đích, đối tượng, chủ thể, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện, hiệu quả, trong đó có đề xuất nhiều ý tưởng mới liên quan đến công tác tuyên truyền. Đây là căn cứ quan trọng để tham khảo, làm rõ những vấn đề lý luận của tuyên truyền đối ngoại.

Ban Đối ngoại Trung ương (2018), *Công tác thông tin đối ngoại - những điều cần biết* [13]. Cuốn sách trình bày những kiến thức cơ bản về công tác TTĐN như: chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện công tác TTĐN; vai trò, yêu cầu, phương pháp trong công tác TTĐN; vai trò của công tác đối ngoại nhân dân, công tác thông tin, tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế; vai trò của báo chí,... sự phát triển phương tiện thông tin, đa dạng hóa kênh ngoại ngữ, báo chí quốc tế, truyền thông đa phương tiện, sử dụng mạng xã hội, hợp tác quốc tế, tổ chức các đoàn phóng viên, các hoạt động ngoại giao truyền thông hiệu quả.

Nguyễn Phú Trọng (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* [161]. Cuốn sách tập hợp những bài viết, bài phát biểu đúc kết những thành tựu phát triển lý luận, những kết quả tổng kết thực tiễn mới nhất của Đảng ta về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Về lĩnh vực đối ngoại và TTĐN, cuốn sách đã chỉ ra cách giải quyết các thách thức đối ngoại một cách mềm mại mà hiệu quả, tranh thủ các điểm đồng về lợi ích để thúc đẩy hợp tác và phát triển, bảo vệ tối đa lợi ích của dân tộc. Việc xây dựng, phát triển trường phái ngoại giao "Cây tre Việt Nam" là điều kiện, cơ sở để hoạt động đối ngoại Việt Nam "Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước" [161, tr.192].

Nguyễn Mạnh Cường (2021), *Mối quan hệ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân trong nền ngoại giao toàn diện Việt Nam* [54. Tác giả khẳng định: Một trong những nội dung quan trọng nhằm triển khai

đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại được Đại hội XIII của Đảng xác định là "Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân". Đây vừa là một nội dung mang tính kế thừa tinh thần của các kỳ Đại hội trước, vừa là một bước phát triển mới về nhận thức đối với nội hàm, vai trò, cách thức phối hợp, triển khai các hoạt động đối ngoại. Để triển khai hiệu quả nội dung này, cần làm rõ nhận thức rõ về mối quan hệ giữa ba trụ cột này trong tình hình mới.

Bùi Thanh Sơn (2022), *Ngoại giao Việt Nam vì sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII* [114]. Bài viết khẳng định vị trí, vai trò chiến lược của ngoại giao Việt Nam giai đoạn mới, coi ngoại giao là lực lượng tiên phong kiến tạo môi trường hòa bình, tranh thủ nguồn lực bên ngoài và nâng cao vị thế đất nước. Đặc biệt, bài viết chỉ rõ yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN trong bối cảnh truyền thông số và cạnh tranh toàn cầu về thông tin**.** Từ đó nhấn mạnh: phải chủ động nắm bắt xu thế truyền thông hiện đại, nâng cao tính chuyên nghiệp, kịp thời và sức lan tỏa của công tác TTĐN, nhằm chủ động định hướng dư luận quốc tế, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Nguyễn Phú Trọng (2023), *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc "Cây tre Việt Nam"* [162]. Cuốn sách khẳng định bước phát triển tư duy lý luận của Đảng về đối ngoại trong công cuộc đổi mới đất nước dựa trên sự kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh và phù hợp với quy luật phát triển, các xu thế lớn trong sự vận động của quan hệ quốc tế. Đồng thời, khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định để phát huy hiệu quả và sức mạnh tổng hợp của đối ngoại, trong đó có TTĐN. Trên cơ sở đánh giá những kết quả, thành tựu nổi bật trong từng thời kỳ, tác giả rút ra 05 bài học kinh nghiệm để tiếp tục phát huy trong thời gian tới.

Lê Hải Bình - Chủ biên (2023), *Công tác thông tin đối ngoại hướng tới các mục tiêu chiến lược năm 2030, tầm nhìn 2045* [25]. Cuốn sách nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của công tác TTĐN; trình bày một cách hệ thống từ lý luận

đến thực tiễn, từ lịch sử đến hiện tại, gắn kết bối cảnh quốc tế với tình hình trong nước về lĩnh vực TTĐN; chỉ ra những thành tựu đạt được cũng như một số hạn chế, thiếu sót của công tác này từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới (1986) đến nay. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác TTĐN, phục vụ đắc lực các mục tiêu chiến lược của đất nước trong giai đoạn mới.

Trần Thị Thanh (2024), *Xây dựng thế trận lòng dân trên không gian mạng: Nhiệm vụ trọng tâm của thông tin đối ngoại hiện nay* [137]. Trên cơ sở đánh giá các thách thức an ninh phi truyền thống, tác giả làm rõ vai trò của TTĐN trong việc định hướng dư luận và bảo vệ chủ quyền thông tin trên mạng xã hội; chia sẻ các mô hình hay, cách làm sáng tạo của một số địa phương trong việc huy động lực lượng cộng tác viên, trí thức và kiều bào ở nước ngoài tham gia lan tỏa thông tin tích cực về Việt Nam, đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Nguyễn Thị Trường Giang (2024), *Đổi mới công tác tuyên truyền chính trị trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay* [68]. Cuốn sách nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về công tác tuyên truyền chính trị trên mạng xã hội; đánh giá vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác tuyên truyền và TTĐN trong bối cảnh mới. Cuốn sách đã chỉ ra tính tất yếu khách quan việc đổi mới công tác tuyên truyền chính trị gắn liền với tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với TTĐN. Đồng thời, xác định những vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp đổi mới công tác tuyên truyền chính trị trên mạng xã hội hiện nay.

Lê Hải (2024), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại trong kỷ nguyên số* [73]. Bài viết đi sâu phân tích thực trạng và yêu cầu khách quan của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trước sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo và các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới. Tác giả khẳng định: Đảng lãnh đạo bằng định hướng chiến lược, thể chế hóa bằng quy định pháp luật nhưng phải linh hoạt về phương thức. Bài viết đề xuất giải pháp phát huy vai trò chỉ đạo thống nhất của Ban Chỉ đạo Công tác

thông tin đối ngoại Trung ương gắn liền với cơ chế phản ứng nhanh trước các luồng thông tin sai lệch.

Bùi Thu Chang (2025), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kinh tế đối ngoại lý luận và thực tiễn* [47]. Cuốn sách đã trình bày khái niệm; nội dung và phương thức Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại. Trong nội dung Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại, có hai nội dung đáng chú ý: 1) Đảng lãnh đạo xây dựng phát triển các nguồn lực, các chủ thể kinh tế đối ngoại (trước tiên là các doanh nghiệp, các cơ sở hạ tầng phục vụ kinh tế đối ngoại...); 2) Đảng lãnh đạo xử lý các tình huống về kinh tế đối ngoại và hoạt động kinh tế đối ngoại liên quan cho đến chính sách đối ngoại. Đây là những vấn đề mà luận án có thể kế thừa khi xác định nội dung Đảng lãnh đạo công tác TTĐN.

Vũ Hoàng (2025), *Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) và AI trong quản lý, định hướng thông tin đối ngoại* [79]. Đây là bài viết mang tính ứng dụng thực tiễn, tác giả phân tích cách thức các cơ quan quản lý báo chí đối ngoại sử dụng công nghệ số để phân tích xu hướng quan tâm của công chúng quốc tế đối với Việt Nam. Từ đó, Đảng, Nhà nước đưa ra các chỉ đạo sát sao, giúp các bài viết TTĐN đánh trúng tâm lý độc giả nước ngoài, tránh việc tuyên truyền một chiều, khô cứng.

Phạm Minh Anh (2025), *Trường phái ngoại giao Cây tre Việt Nam và sự phản ánh trong hệ thống thông tin đối ngoại đương đại* [4]. Tác giả nghiên cứu sâu về mặt học thuật cách thức cụ thể hóa hệ tư tưởng đối ngoại của Đảng (gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển) vào nội dung truyền thông quốc tế. Bài viết đánh giá cao tính chủ động của các cơ quan báo chí đối ngoại khi chuyển tải các thông điệp hòa bình, hợp tác, là bạn, là đối tác tin cậy của Việt Nam ra thế giới; đồng thời chỉ ra một số điểm cần cải thiện trong việc đồng bộ hóa nội dung giữa các kênh đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân.

Tô Lâm (2026), *Triển khai đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn mới tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước, góp*

phần hiện thực hoá các mục tiêu chiến lược của đất nước [99]. Bài viết nhấn mạnh vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc giữ vững môi trường hòa bình, bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc từ sớm, từ xa, đồng thời huy động hiệu quả các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển nhanh và bền vững. Bên cạnh đó, tác giả đưa ra các định hướng nhằm nâng cao hiệu quả triển khai đường lối đối ngoại, như phát huy sức mạnh tổng hợp của đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, ngoại giao khoa học - công nghệ; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đối ngoại. Qua đó, bài viết khẳng định đối ngoại không chỉ là công cụ bảo vệ Tổ quốc mà còn là động lực quan trọng góp phần hiện thực hóa các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu các công trình khoa học liên quan đến đề tài

Qua khảo cứu các công trình khoa học ở trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài của luận án cho thấy, trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về công tác đối ngoại, TTĐN, công tác TTĐN và Đảng lãnh đạo công tác TTĐN, cụ thể:

Thứ nhất, về mặt lý luận, nghiên cứu của các học giả trên thế giới và trong nước đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về công tác đối ngoại và TTĐN. Trong đó, đã trình bày khái niệm, vị trí, vai trò, hình thức, phương pháp của công tác đối ngoại và TTĐN. Một số công trình đã làm rõ sự giống và khác nhau giữa truyền thông với thông tin, giữa truyền thông quốc tế với TTĐN. Nhiều công trình đã trình bày khái niệm, phân tích mục tiêu, nhiệm vụ, chủ thể, lực lượng, nội dung, hình thức hoạt động, vai trò và đặc điểm của công tác TTĐN. Một số công trình khoa học trong nước đã nghiên cứu về sự cần thiết phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đối ngoại nói

chung và công tác TTĐN nói riêng trong điều kiện Đảng cầm quyền.

Thứ hai, về thực tiễn, một số công trình nghiên cứu, nhất là các công trình nghiên cứu ở trong nước đã khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước nói chung và công tác TTĐN của Đảng, Nhà nước nói riêng, chỉ ra những thành tựu, ưu điểm; những hạn chế, khuyết điểm. Một số công trình đã phân tích làm rõ nguyên nhân của những thành tựu, ưu điểm và nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm. Từ đó, rút ra những kinh nghiệm có giá trị trong thực hiện công tác đối ngoại của Đảng, Nhà nước nói chung và công tác TTĐN nói riêng.

Thứ ba, về phương hướng và giải pháp, một số công trình nghiên cứu đã dự báo những thuận lợi, khó khăn tác động đến công tác đối ngoại của Đảng, Nhà nước nói chung và công tác TTĐN nói riêng. Từ đó, xác định phương hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại và công tác TTĐN. Một số công trình đã đề xuất được những giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác TTĐN của Đảng, Nhà nước; trong đó, có giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN.

Những công trình khoa học ở trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài của luận án phản ánh những vấn đề lý luận và thực tiễn phong phú, đa dạng; với nội dung, hình thức, phương pháp triển khai công tác TTĐN đối với từng đối tượng và bối cảnh khác nhau.

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy: đã có nhiều công trình nghiên cứu về công tác đối ngoại, TTĐN, công tác TTĐN và Đảng lãnh đạo công tác TTĐN ở nhiều góc độ, đối tượng, phạm vi và chuyên ngành khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu, dưới góc độ ngành xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước về Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN. Bởi vậy, đề tài của luận án là vấn đề độc lập, không trùng lặp với các công trình khoa học đã nghiệm thu, công bố; các luận án đã bảo vệ. Tác giả luận án trân trọng những kết quả

đã được nghiên cứu, kế thừa hợp lý, có chọn lọc và tiếp tục phát triển những nội dung có liên quan để hoàn thành luận án của mình.

1.3.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Kế thừa thành tựu của các công trình khoa học đã nghiên cứu có liên quan đến đề tài của luận án, trên cơ sở khai thác nguồn thông tin, tư liệu mới, luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề cơ bản sau đây:

Thứ nhất, làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn về Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN. Trong đó, xây dựng hệ thống khái niệm, từ khái niệm công cụ đến khái niệm trung tâm, bao gồm: khái niệm về TTĐN, khái niệm về công tác TTĐN và khái niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN; xác định nội dung, phương thức và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN, làm cơ sở cho đánh giá thực trạng và xác định phương hướng, đề xuất những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN.

Thứ hai, khảo sát, đánh giá đúng thực trạng sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN từ năm 2012 đến nay; làm rõ những ưu điểm đã đạt được, chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm; phân tích làm rõ nguyên nhân của những ưu điểm và nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm. Từ đánh giá thực trạng và làm rõ nguyên nhân, luận án rút ra những kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN.

Thứ ba, luận án dự báo những thuận lợi, khó khăn tác động đến sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN; xác định phương hướng và đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi, trong đó có các giải pháp đột phá nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN đến năm 2035.

Chương 2
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI VÀ CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở VIỆT NAM

2.1.1. Thông tin đối ngoại ở Việt Nam - khái niệm, nội dung, hình thức và vai trò

2.1.1.1. Khái niệm thông tin đối ngoại ở Việt Nam

Thông tin, theo đại từ điển Tiếng Việt được hiểu: (1) là truyền tin, đưa tin báo cho nhau biết. (2) là tin tức được truyền đi cho biết, tin tức về các sự kiện diễn ra trong thế giới xung quanh [174, tr.1587].

Theo Luật số 104/2016/QH13 của Quốc hội về *Tiếp cận thông tin*, ngày 06/4/2016, có hiệu lực từ 01/7/2018 ghi rõ: *Thông tin* là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra.

Như vậy, *thông tin là tin tức, thông báo về một sự vật hay một hiện tượng được chứa đựng trong các hình thức nhất định, được tiếp nhận, lựa chọn và sử dụng các phương thức thích hợp.*

Thông tin vừa là phương tiện của nhận thức, vừa là nguồn lực của phát triển, đặc biệt trong thời đại chuyển đổi số và hội nhập quốc tế hiện nay.

Thông tin, truyền thông và tuyên truyền là những khái niệm có nghĩa tương đồng, tuy nhiên cũng có sự khác biệt.

Truyền thông là quá trình chia sẻ thông tin. Truyền thông là một kiểu tương tác xã hội, trong đó ít nhất có hai tác nhân tương tác lẫn nhau chia sẻ các quy tắc và tín hiệu chung. Ở dạng đơn giản, truyền thông là thông tin được truyền từ người gửi tới người nhận. Ở dạng phức tạp hơn, truyền thông là các thông tin trao đổi, liên kết người gửi và người nhận. Phát triển truyền thông là phát triển các quá trình tạo khả năng để một người hiểu những gì

người khác nói (ra hiệu, hay viết), nắm bắt ý nghĩa của các thanh âm và biểu tượng, và họa được cú pháp ngôn ngữ [133, tr.412]. Truyền thông bao gồm các hoạt động truyền đạt, thông báo, tuyên truyền, quảng bá thông tin.

Tuyên truyền là hoạt động của chủ thể tư tưởng tác động đến đối tượng tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của đối tượng, hình thành ở họ một kiểu thế giới quan, một kiểu ý thức xã hội, khơi dậy, cổ vũ tính tích cực xã hội của những đối tượng đó. Theo Đại từ điển Tiếng Việt, *tuyên truyền là giải thích rộng rãi để thuyết phục, vận động mọi người làm theo* [174, tr.1753]. Theo đó, tuyên truyền là truyền bá, phổ biến, giải thích những học thuyết, quan điểm lý luận, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm xây dựng cho đối tượng được tuyên truyền thế giới quan, nhân sinh quan, thông quá đó có thái độ, hành động tích cực trong thực tiễn xã hội. Hoạt động tuyên truyền diễn ra dưới nhiều hình thức: qua hội thảo hoặc hội nghị truyền đạt chủ trương, chính sách ở các ngành, các cấp; buổi nói chuyện của báo cáo viên, tuyên truyền viên; việc tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, xuất bản sách báo, băng hình, sinh hoạt văn hóa, biểu diễn văn nghệ… nhằm đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến quần chúng, biến đường lối, chính sách thành các phong trào hành động cách mạng của quần chúng [154, tr.403-404].

Tùy theo cách phân chia, tính chất, nội dung hoặc phương thức tác động mà có những kiểu loại tuyên truyền khác nhau: tuyên truyền vô sản, tuyên truyền tư sản, tuyên truyền kinh tế, chính trị, văn hóa… tuyên truyền cá biệt, nhóm, đại chúng; tuyên truyền miệng, trực quan, tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng; tuyên truyền trực tiếp, gián tiếp…[133, tr.425].

Từ các khái niệm trên đây, cho thấy: thông tin, tuyên truyền và truyền thông là những thuật ngữ khác nhau nhưng có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau. Trong đó, thông tin là nền tảng, là nội dung, dữ liệu, tri thức; tuyên truyền là hoạt động định hướng có nội dung thông tin theo mục tiêu chính trị -

xã hội, truyền thông là phương thức tổ chức, lan tỏa và tương tác để thông tin và tuyên truyền đến được công chúng hiệu quả.

Đối ngoại, theo Đại Từ điển Tiếng Việt, là "Chủ trương, chính sách về quan hệ mang tính quốc gia đối với nước khác" [174, tr.658]. Như vậy, đối ngoại là toàn bộ hoạt động giao lưu, hợp tác, quan hệ giữa một quốc gia, tổ chức hoặc địa phương với các chủ thể bên ngoài lãnh thổ của mình (các quốc gia khác, tổ chức quốc tế, vùng lãnh thổ, cộng đồng người nước ngoài...) nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, thúc đẩy phát triển, giữ vững hòa bình, ổn định và nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

Đối ngoại của Việt Nam là tổng thể các hoạt động mang tính chiến lược, toàn diện và thống nhất của Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam trong quan hệ với các quốc gia, tổ chức quốc tế và các chủ thể khác trên thế giới, nhằm bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Về thông tin đối ngoại, trong cuốn "Effectiveness of International Propaganda" (Hiệu quả của tuyên truyền quốc tế) đã đưa ra khái niệm: Thông tin đối ngoại là "hoạt động truyền thông thuyết phục của một chính phủ hướng đến công chúng nước ngoài" [186, tr.62-63] và "tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của quốc gia". Theo đó, TTĐN là thông tin hướng đến các tổ chức và cá nhân người nước ngoài nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của quốc gia.

Ở Việt Nam, khái niệm TTĐN được đề cập trong nhiều nghiên cứu từ nhiều góc độ tiếp cận: báo chí, truyền thông đối ngoại, quan hệ quốc tế, công tác tư tưởng. Trong nhiều trường hợp, TTĐN và tuyên truyền đối ngoại có thể được dùng thay thế cho nhau. Thuật ngữ "tuyên truyền đối ngoại" [5] được sử dụng chính thức trong Chỉ thị số 45-CT/TW năm 1962; thuật ngữ "thông tin đối ngoại" được sử dụng chính thức từ Chỉ thị số 11-CT/TW năm 1992. Theo Quyết định số 79/2010/QĐTTg, TTĐN "là thông tin quảng bá hình ảnh đất nước, con người, lịch sử, văn hóa dân tộc Việt Nam; thông tin về chủ trương,

đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam ra thế giới và thông tin về thế giới vào Việt Nam" [143]. Trong Chỉ thị số 10/2000/CT-TTg, TTĐN được xác định như một lĩnh vực hoạt động: "Thông tin đối ngoại là một bộ phận rất quan trọng của công tác đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta nhằm làm cho các nước, người nước ngoài (bao gồm cả người nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam), người Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài hiểu về đất nước, con người Việt Nam, đường lối, chủ trương chính sách và thành tựu đổi mới của ta, trên cơ sở đó tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới, sự đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" [142].

Theo Chiến lược phát triển TTĐN giai đoạn 2011 - 2020, TTĐN là "một bộ phận quan trọng của công tác đối ngoại và công tác tư tưởng nhằm làm cho thế giới hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; quan điểm và lập trường của Việt Nam trong các vấn đề quốc tế và khu vực; giới thiệu những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới; về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa dân tộc; đấu tranh chống lại những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với Việt Nam, qua đó tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, sự đồng thuận và đóng góp của đồng bào ta ở nước ngoài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông tin đối ngoại còn giúp nhân dân trong nước tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm, tinh hoa văn hóa của nhân dân thế giới, góp phần cùng nhân dân thế giới đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển".

Nghị định 72/2015/NĐ-CP, ngày 07/9/2015 của Chính phủ về Quản lý hoạt động TTĐN xác định: "Thông tin đối ngoại bao gồm thông tin chính thức về Việt Nam, thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam và thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam".

Trong cuốn sách "Thông tin đối ngoại Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn", tác giả Phạm Minh Sơn đã đưa ra khái niệm: "Thông tin đối ngoại là một dạng thông tin, được hiểu là tin tức, là thông báo, là tri thức về một sự vật hay một hiện tượng được chứa đựng trong các hình thức nhất

định, được tiếp nhận, lựa chọn và sử dụng trong công tác đối ngoại. Thông tin đối ngoại bao gồm những thông tin trong nước và quốc tế được dung trong quá trình hoạt động đối ngoại" [122, tr.15].

Từ những luận giải trên đây, có thể đưa ra khái niệm: *Thông tin đối ngoại ở Việt Nam là những tin tức, thông báo chính thức của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực đối ngoại nhằm làm cho thế giới hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, những thành tựu trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; lịch sử, văn hóa, truyền thống, đất nước, con người, những giá trị vật chất và tinh thần của dân tộc Việt Nam; qua đó, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, sự đồng thuận và đóng góp của đồng bào ta ở nước ngoài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Như vậy, TTĐN là thông tin chính thức trong công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân, có nhiệm vụ: 1) Giới thiệu cho thế giới về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những thành tựu của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thể hiện quan điểm, lập trường chủ động, trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc lợi ích cốt lõi, mang tầm chiến lược của Việt Nam, các vấn đề quốc tế phù hợp với các giá trị chung của nhân loại tiến bộ. 2) Quảng bá về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa, di sản, tri thức khoa học Việt Nam, lan tỏa hệ giá trị quốc gia - dân tộc, hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam. 3) Đưa thông tin về tình hình quốc tế đến với nhân dân trong nước phù hợp với điều kiện Việt Nam; chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm phong phú kho tàng tri thức, văn hóa Việt Nam. 4) Phản bác những thông tin sai trái, những luận điệu xuyên tạc về Việt Nam, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

2.1.1.2. Nội dung thông tin đối ngoại ở Việt Nam

Thông tin đối ngoại là một bộ phận quan trọng trong chiến lược truyền thông quốc gia, phản ánh tư duy đối ngoại của Đảng và Nhà nước, đồng thời là công cụ sắc bén để quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, định

hướng dư luận quốc tế, tăng cường hiểu biết, hợp tác và bảo vệ lợi ích quốc gia. Tại Việt Nam, nội dung TTĐN được có phạm vi toàn diện, bao trùm nhiều lĩnh vực, nhưng có thể khái quát thành năm nhóm trọng tâm sau:

Một là, thông tin về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Đây là nhóm nội dung cốt lõi, mang tính nền tảng trong hoạt động TTĐN, nhằm công bố và phổ biến rộng rãi các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cũng như thông tin chính thức về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Việt Nam. Các thông tin này được trình bày nhất quán, chặt chẽ, giúp cộng đồng quốc tế hiểu đúng, hiểu rõ lập trường, định hướng phát triển và thực trạng của đất nước. Nguồn cung cấp chủ yếu từ các cơ quan như Bộ Ngoại giao, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo chí lớn, cơ quan đại diện ngoại giao, thông cáo báo chí và phát biểu của lãnh đạo cấp cao. Nhóm nội dung này có vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa các thông tin sai lệch, xuyên tạc về Việt Nam.

Hai là, giới thiệu, quảng bá về hình ảnh đất nước, con người, văn hóa và tiềm năng phát triển của Việt Nam

Thông tin đối ngoại không chỉ mang tính chính trị - hành chính, mà còn đóng vai trò như một công cụ "ngoại giao mềm" để xây dựng hình ảnh tích cực, hấp dẫn về đất nước, con người và văn hóa Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế. Nhóm nội dung này bao gồm: hoạt động giới thiệu lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc, di sản, phong tục tập quán, tiềm năng du lịch, môi trường đầu tư - kinh doanh, sự kiện văn hóa - thể thao quốc tế có yếu tố Việt Nam. Đây là mảng thông tin có tính nghệ thuật, giàu cảm xúc và mang lại hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ. Việc quảng bá hình ảnh Việt Nam thông qua các ấn phẩm truyền thông, chương trình truyền hình, nền tảng số, triển lãm, hội chợ quốc tế, giao lưu văn hóa… không chỉ góp phần nâng cao vị thế đất nước, mà còn tạo dựng lòng tin và sự quan tâm hợp tác của cộng đồng quốc tế.

Ba là, thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Thông tin đối ngoại không chỉ là chiều "xuất", mà còn là chiều "nhập" - tức là đưa thông tin từ thế giới vào Việt Nam để phục vụ công tác định hướng dư luận, dự báo tình hình và hoạch định chính sách. Nội dung này bao gồm thông tin về xu hướng phát triển của thế giới, các vấn đề quốc tế và khu vực, chính sách của các nước lớn, tình hình quốc tế, xung đột, khủng hoảng, cũng như thông tin về hình ảnh Việt Nam trên truyền thông quốc tế. Việc nắm bắt và phân tích thông tin quốc tế có vai trò rất lớn trong việc giúp các cơ quan hoạch định chính sách có cái nhìn toàn diện, chủ động ứng phó với các biến động toàn cầu, đồng thời kịp thời điều chỉnh cách thức truyền thông để định vị Việt Nam một cách phù hợp trong môi trường truyền thông quốc tế.

Bốn là, thông tin về phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc

Một trong những nội dung trọng yếu, thể hiện tính chiến lược của TTĐN là cung cấp thông tin có tính chất chính thống, thuyết phục, nhằm giải thích rõ ràng lập trường, chính sách của Việt Nam trước các vấn đề quốc tế nhạy cảm, các sự kiện có yếu tố tranh luận hoặc các luồng dư luận bất lợi trên truyền thông quốc tế. Đây là quá trình chủ động tham gia cuộc đối thoại toàn cầu bằng tiếng nói chính thức, lý lẽ vững chắc, thông tin xác thực và tư duy mềm dẻo. Thông qua báo chí, phát ngôn, văn bản trả lời, hoặc các bài viết chuyên đề bằng nhiều ngôn ngữ, các cơ quan chức năng Việt Nam có thể làm rõ chính nghĩa, phản bác luận điệu xuyên tạc, bảo vệ hình ảnh đất nước và củng cố uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Nhóm nội dung này có ý nghĩa quan trọng trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và chủ quyền quốc gia bằng "sức mạnh của sự thật".

Năm là, thông tin phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài

Thông tin phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là hoạt động truyền thông, tuyên truyền, cung cấp thông tin chính thống của Đảng, Nhà nước đến cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống, học tập và làm việc ở nước ngoài. Nhằm giúp cộng đồng người Việt ở nước ngoài nắm bắt chủ trương, chính sách, tình hình đất nước; củng cố lòng tự hào dân tộc, giữ gìn

bản sắc văn hóa Việt Nam và tăng cường sự gắn bó giữa kiều bào với Tổ quốc, góp phần thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Với mục tiêu chính là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại của Việt Nam; đấu tranh phản bác thông tin sai lệch, xuyên tạc, bảo vệ hình ảnh quốc gia và uy tín của Việt Nam; kết nối kiều bào với quê hương, tạo điều kiện để họ góp sức vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữ gìn văn hóa Việt Nam, lan tỏa tinh thần đoàn kết, nhân ái trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

Hoạt động thông tin này do nhiều cơ quan phối hợp thực hiện, bao gồm: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao (Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài); Các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (Đại sứ quán, Lãnh sự quán); Các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, như: Báo Nhân Dân, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Quê Hương, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5), Đài Truyền hình Việt Nam (VTV4)… Thông qua các hình thức như: Báo chí, truyền hình, phát thanh, báo điện tử đa ngữ (Việt, Anh, Pháp, Nga…); Mạng xã hội, nền tảng số, website của các cơ quan đối ngoại; Các chương trình giao lưu, hội thảo, diễn đàn, sự kiện văn hóa - nghệ thuật, tuần lễ Việt Nam ở nước ngoài; Xuất bản phẩm, video clip, phim tài liệu, ấn phẩm số giới thiệu về Việt Nam. Nội dung chính là thông tin về thành tựu phát triển của đất nước, đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế. Chính sách dành cho người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt về quốc tịch, đầu tư, kiều hối, du học, hồi hương, thăm thân; hoạt động của kiều bào tiêu biểu, các tấm gương đóng góp cho đất nước. Tin tức phản bác luận điệu sai trái, thù địch.

2.1.1.3. Hình thức thông tin đối ngoại ở Việt Nam

Thông tin đối ngoại ở Việt Nam được thực hiện qua 2 hình thức chủ yếu:

Một là, tuyên truyền trực tiếp

Trong hệ thống các phương thức TTĐN, tuyên truyền trực tiếp là hình thức truyền đạt thông tin bằng lời nói, tiếp xúc và giao tiếp trực tiếp giữa người tuyên truyền và người tiếp nhận, nhằm giúp công chúng hiểu đúng, tin tưởng và

ủng hộ Việt Nam. Đây là kênh giao tiếp mang tính truyền thống, nhân văn và hiệu quả sâu sắc, đặc biệt trong việc xây dựng niềm tin, cảm xúc, và tạo đồng thuận nhận thức giữa các đối tượng trong và ngoài nước.

Tuyên truyền trực tiếp được thực hiện thông qua hội nghị, hội thảo, tọa đàm như tổ chức các buổi báo cáo, chuyên đề, tọa đàm về tình hình thế giới, đường lối đối ngoại, chủ quyền biển đảo, nhân quyền, hội nhập quốc tế. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, hoặc các cơ quan, địa phương…tổ chức phối hợp các Hội nghị tuyên truyền về "Biển, đảo Việt Nam - truyền thống và hiện đại"; Tọa đàm "Việt Nam trong cộng đồng ASEAN"; Hội nghị "Đẩy mạnh thông tin đối ngoại phục vụ hội nhập quốc tế" tại các tỉnh, thành phố.

Tuyên truyền trực tiếp qua đối thoại, gặp gỡ nhân dân và kiều bào là việc cán bộ, đại sứ, nhà ngoại giao trực tiếp gặp gỡ, trao đổi với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài để thông tin về tình hình trong nước, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với kiều bào. Các đoàn đại biểu nước ngoài, nhà báo quốc tế, tổ chức phi chính phủ được mời tham quan, khảo sát thực tế tại Việt Nam (như Tây Nguyên, Trường Sa, các khu công nghiệp, vùng phát triển kinh tế…). Qua các buổi gặp gỡ, Việt Nam truyền tải hình ảnh thực tế, minh chứng sinh động, giúp người nghe có cái nhìn khách quan, tin cậy.

Tuyên truyền trực tiếp qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng như tổ chức lớp tập huấn công tác thông tin đối ngoại cho cán bộ các cấp, phóng viên, tuyên truyền viên, cán bộ đối ngoại nhân dân. Nội dung tập huấn bao gồm kỹ năng truyền thông quốc tế, kiến thức hội nhập, công tác tuyên truyền về biển đảo, biên giới, dân tộc, tôn giáo… Qua đó, hình thành đội ngũ tuyên truyền viên đối ngoại chuyên nghiệp, bản lĩnh và am hiểu quốc tế

Tuyên truyền trực tiếp tại các sự kiện đối ngoại lớn như "Ngày Việt Nam tại nước ngoài", "Tuần lễ văn hóa - du lịch Việt Nam", "Festival", "Lễ hội Áo dài", hội chợ du lịch, hội chợ thương mại quốc tế đều có các buổi giao lưu, giới thiệu trực tiếp, thuyết trình, gặp gỡ báo chí quốc tế. Những buổi tuyên truyền

này thường kết hợp trình chiếu hình ảnh, biểu diễn nghệ thuật, trình bày ấn phẩm đối ngoại, giúp người tham dự trải nghiệm trực tiếp văn hóa Việt Nam.

Tuyên truyền trực tiếp thông qua hoạt động của cán bộ ngoại giao và tuyên truyền viên cơ sở, các đại sứ, lãnh sự, tùy viên văn hóa, cán bộ tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài khi tham gia giao lưu, phát biểu, diễn thuyết, giới thiệu về đất nước Việt Nam. Trong nước, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên cấp cơ sở, Ban Tuyên giáo và Dân vận các cấp là lực lượng quan trọng trong tuyên truyền trực tiếp với tầng lớp Nhân dân.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, tuyên truyền trực tiếp cần được kết hợp hài hòa với các phương thức hiện đại nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới, góp phần xây dựng niềm tin, tăng cường hiểu biết và củng cố vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Hai là, tuyên truyền gián tiếp qua sản phẩm truyền thông đa phương tiện

Tuyên truyền gián tiếp qua sản phẩm truyền thông đa phương tiện là việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật số, hình ảnh, âm thanh, đồ họa, phim tài liệu, mạng xã hội, website, podcast, nền tảng số… để lan tỏa thông tin, chủ trương, chính sách và hình ảnh đất nước Việt Nam ra thế giới.

Các hình thức cụ thể của tuyên truyền gián tiếp như qua phim tài liệu, phóng sự, video clip đối ngoại*:* Giới thiệu về lịch sử, văn hóa, con người, tiềm năng du lịch, kinh tế Việt Nam, phim "Việt Nam - Điểm đến an toàn và hấp dẫn" được phát trên CNN, BBC, Discovery Channel. Qua các trang thông tin điện tử, cổng đối ngoại*:* Các website như Vietnam.vn, baoquocte.vn đăng tải tin tức, hình ảnh, dữ liệu về đối ngoại và hội nhập.

Tuyên truyền thông qua hoạt động văn hóa, nghệ thuật và giao lưu quốc tế là hình thức thông tin đối ngoại sử dụng "sức mạnh mềm" của văn hóa dân tộc để truyền tải hình ảnh đất nước, con người, lịch sử và giá trị Việt Nam ra thế giới. Đây là một kênh thông tin hiệu quả, sinh động và mang tính lan tỏa cao, góp phần nâng cao vị thế, uy tín quốc gia, đồng thời tăng cường hiểu biết, hữu nghị, hợp tác quốc tế. Hình thức này cụ thể hóa chủ trương của

Đảng nêu trong Nghị quyết số 22-NQ/TW (2013) về hội nhập quốc tế, Chỉ thị số 25-CT/TW (2018) về đẩy mạnh đối ngoại đa phương và Chiến lược phát triển văn hóa đối ngoại Việt Nam đến năm 2030 (ban hành theo Quyết định số 2018/QĐ-TTg ngày 2/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

Tuyên truyền gián tiếp thông quan các hình thức chủ yếu như tổ chức sự kiện văn hóa, nghệ thuật ở nước ngoài bằng việc thông qua các chương trình như "Những ngày Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài", Tuần lễ phim Việt Nam, Triển lãm tranh, ảnh, thủ công mỹ nghệ, Liên hoan âm nhạc và ẩm thực Việt Nam. Các hình thức này giúp mở rộng phạm vi ảnh hưởng của TTĐN, tiếp cận được đông đảo công chúng quốc tế; Tăng cường sức lan tỏa mềm (soft power) của Việt Nam; Góp phần đấu tranh phản bác thông tin sai lệch, củng cố hình ảnh Việt Nam hoà bình, thân thiện, phát triển và hội nhập.

2.1.1.4. Vai trò của thông tin đối ngoại ở Việt Nam

Một là, thông tin đối ngoại là công cụ quan trọng để tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam ra thế giới

Thông tin đối ngoại là công cụ quan trọng để tuyên truyền, quảng bá, tạo dựng hình ảnh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. TTĐN có vai trò chiến lược trong việc quảng bá chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với cộng đồng quốc tế. Việc truyền tải một cách chủ động, chính xác và có hệ thống các nội dung về định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, cải cách thể chế, cũng như những thành tựu đổi mới mà Việt Nam đã đạt được không chỉ giúp nâng cao tính minh bạch trong điều hành đất nước mà còn góp phần xây dựng hình ảnh một quốc gia yêu chuộng hòa bình, ổn định và phát triển bền vững trong con mắt bạn bè quốc tế. TTĐN là cầu nối giữa ý Đảng và lòng dân với thế giới bên ngoài, giúp thế giới hiểu đúng, hiểu đủ, và từ đó hình thành nhận thức, thái độ tích cực về Việt Nam.

Hai là, thông tin đối ngoại góp phần củng cố niềm tin, tạo đồng thuận và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc

Vai trò quan trọng của TTĐN là cung cấp cho người nước ngoài bao

gồm cả người dân, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp, giới học giả và truyền thông nước ngoài những thông tin kịp thời, khách quan và chính xác về tình hình mọi mặt của Việt Nam. Trong bối cảnh cạnh tranh thông tin và sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông xuyên quốc gia, việc chủ động cung cấp thông tin không chỉ giúp phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc, mà còn là cách để Việt Nam định vị lại hình ảnh quốc gia một cách có kiểm soát, tránh bị chi phối bởi các nguồn tin không chính thống. Bên cạnh đó, TTĐN còn có chức năng dự báo, định hướng dư luận quốc tế đối với các vấn đề có ảnh hưởng tới lợi ích và chủ quyền quốc gia, góp phần tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước.

Ba là, thông tin đối ngoại là phương tiện bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác thông tin sai lệch, thù địch

Thông tin đối ngoại giữ vai trò kết nối kiều bào với quê hương thông qua việc cung cấp thông tin chính thống, cập nhật về tình hình đất nước, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài, cũng như cơ hội hợp tác, đầu tư... Bên cạnh đó, việc truyền thông nhằm giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hóa, phong tục truyền thống trong cộng đồng kiều bào không chỉ giúp duy trì mối liên kết tinh thần mà còn biến họ thành "đại sứ nhân dân" tích cực, quảng bá hình ảnh Việt Nam tại nước sở tại. TTĐN còn giúp định hướng dư luận trong cộng đồng người Việt, bảo vệ kiều bào trước các thông tin sai lệch và khơi dậy tinh thần đoàn kết dân tộc, từ đó củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, thông tin đối ngoại góp phần phục vụ hiệu quả đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước ta

Thông tin đối ngoại góp phần thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác, tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ từ phía bạn bè quốc tế, phục vụ hiệu quả đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước ta. Qua đó, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong kỷ nguyên của ngoại giao công chúng và truyền thông toàn cầu, sức mạnh một quốc gia không chỉ được nhìn nhận qua các chỉ số kinh tế hay năng lực quân sự, mà còn qua hình ảnh, thông

điệp mà quốc gia đó tạo dựng trong lòng bạn bè quốc tế. Khi TTĐN được triển khai hiệu quả, đồng bộ giữa các kênh báo chí, mạng xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao và các tổ chức chính trị - xã hội, Việt Nam sẽ chủ động hơn trong việc tạo dựng môi trường chính trị - ngoại giao thuận lợi, thu hút sự quan tâm, hợp tác và đầu tư từ các đối tác chiến lược và truyền thống. Đây chính là tiền đề quan trọng để khẳng định vai trò và vị thế của Việt Nam như một thành viên có trách nhiệm, tích cực và chủ động trong cộng đồng quốc tế.

Năm là, thông tin đối ngoại là kênh thúc đẩy hợp tác quốc tế, tăng cường sức mạnh mềm, uy tín và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế

Thông tin đối ngoại là một bộ phận trọng yếu của công tác đối ngoại toàn diện của Đảng và Nhà nước, có vai trò truyền tải thông tin chính xác, khách quan, tích cực về Việt Nam ra thế giới, đồng thời tăng cường hiểu biết, củng cố niềm tin và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế. TTĐN là phương tiện chủ lực trong việc lan tỏa "sức mạnh mềm" của Việt Nam - bao gồm các giá trị văn hóa, lịch sử, con người, tư tưởng và bản sắc dân tộc. Qua đó, giới thiệu hình ảnh Việt Nam hòa bình, hiếu khách, năng động, sáng tạo, tôn trọng luật pháp quốc tế và tích cực đóng góp cho cộng đồng toàn cầu.

Thông tin đối ngoại không chỉ là công cụ truyền thông, mà còn là cầu nối chiến lược giúp Việt Nam hội nhập sâu rộng, nâng cao vị thế, sức mạnh mềm và ảnh hưởng quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, việc đổi mới nội dung, phương thức TTĐN, kết hợp giữa ngoại giao truyền thống và truyền thông hiện đại, sẽ tiếp tục là nhân tố quan trọng để Việt Nam khẳng định vai trò chủ động, tích cực trong cộng đồng quốc tế.

2.1.2. Công tác thông tin đối ngoại ở Việt Nam - khái niệm, nội dung, vai trò và đặc điểm

2.1.2.1. Khái niệm công tác thông tin đối ngoại

Theo Từ điển Tiếng Việt của Nguyễn Như Ý, *công tác* là "công việc của Nhà nước, của đoàn thể", là "Thực hiện công việc của Nhà nước, của đoàn thể" [174, tr.458].

Từ những luận giải trên đây, có thể khái quát: *Công tác thông tin đối ngoại là một bộ phận trong công tác tư tưởng của Đảng, bao gồm tổng thể các hoạt động của Đảng, Nhà nước, các tổ chức, lực lượng liên quan trong truyền tải thông tin chính thức về Việt Nam ra nước ngoài và thông tin nước ngoài vào Việt Nam; quảng bá hình ảnh, đất nước và con người Việt Nam, làm cho các nước, người Việt Nam đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài có nhận thức đúng đắn và có thái độ, hành vi tích cực về Việt Nam.*

Theo đó, công tác TTĐN là một bộ phận trong công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện nhiệm vụ truyền tải thông tin chính thức về Việt Nam ra nước ngoài và thông tin nước ngoài vào Việt Nam; nhằm tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Đồng thời, công tác TTĐN là một bộ phận hữu cơ trong công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi, nâng cao vị thế quốc gia, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, đồng thời góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong và ngoài nước. Công tác TTĐN là hoạt động truyền thông có định hướng chính trị, nhằm cung cấp thông tin chính xác, có chọn lọc đến cộng đồng quốc tế cũng như người Việt Nam ở nước ngoài.

Mục tiêu của công tác TTĐN là: Nâng cao nhận thức và sự đồng thuận trong xã hội về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Quảng bá mạnh mẽ hình ảnh Việt Nam hòa bình, phát triển, thân thiện, trách nhiệm với cộng đồng quốc tế. Tạo môi trường thông tin lành mạnh, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đồng thời nâng cao vị thế của Việt Nam trong các thể chế đa phương. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 (theo Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại 2023-2030) gồm: "Xây dựng hệ thống truyền thông đối ngoại hiện đại, chuyên nghiệp, số hóa toàn diện; Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác thông tin đối ngoại; Đưa Việt Nam trở thành "trung tâm truyền thông đối ngoại có uy tín của khu vực Đông Nam Á".

Nhiệm vụ cơ bản của công tác TTĐN là: Tuyên truyền, quảng bá hình ảnh quốc gia - giới thiệu lịch sử, văn hóa, con người, tiềm năng phát triển của Việt Nam ra thế giới. Đấu tranh phản bác các thông tin sai lệch, thù địch liên quan đến chủ quyền, chế độ chính trị, đường lối đối ngoại của Việt Nam. Thông tin cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong nước về tình hình quốc tế, góp phần định hướng nhận thức và củng cố niềm tin. Qua đó, thúc đẩy hợp tác quốc tế, hội nhập toàn diện, nâng cao vị thế, uy tín và "sức mạnh mềm" của Việt Nam trên trường quốc tế.

Phương châm cơ bản của công tác TTĐN là: Bám sát nhiệm vụ chính trị của đất nước và đường lối đối ngoại của Đảng, bảo đảm thông tin đúng, đủ, kịp thời. Đa dạng hóa nội dung, phương thức tuyên truyền, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa kênh chính thống và nền tảng số. Đổi mới tư duy, tăng cường ứng dụng công nghệ truyền thông đa phương tiện, trí tuệ nhân tạo, mạng xã hội và dữ liệu lớn trong lan tỏa TTĐN. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Trung ương và địa phương, giữa cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan báo chí, văn hóa, ngoại giao trong công tác TTĐN.

2.1.2.2. Nội dung công tác thông tin đối ngoại ở Việt Nam

Thứ nhất, xác định nhiệm vụ, xây dựng mục tiêu, phương hướng, chương trình, kế hoạch hoạt động công tác thông tin đối ngoại.

Công tác TTĐN là một bộ phận quan trọng trong hoạt động đối ngoại toàn diện của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, được triển khai theo chủ trương định hướng của Đảng, trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ là những cơ quan chủ quản. Nội dung cốt lõi là trên cơ sở nhiệm vụ chính trị, xác định mục tiêu, phương hướng, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thống nhất chỉ đạo, bảo đảm tính chủ động, kịp thời và hiệu quả trong công tác TTĐN. Việc xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng, xây dựng chương trình và kế hoạch bảo đảm cho công tác TTĐN của Việt Nam được triển khai đồng bộ, hiệu quả, có chiến lược và tầm nhìn dài hạn. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao sức mạnh mềm quốc gia,

củng cố niềm tin quốc tế và khẳng định vị thế Việt Nam trên trường quốc tế trong giai đoạn mới.

Việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng, xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động định hướng toàn diện, quyết định đến hiệu quả triển khai công tác TTĐN. Việc xác định rõ mục tiêu và nhiệm vụ phải căn cứ vào đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong từng giai đoạn, phù hợp với bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước. Phương hướng và chương trình TTĐN cần bảo đảm tính chiến lược, vừa có tầm nhìn dài hạn, vừa thích ứng linh hoạt với các vấn đề thời sự, các sự kiện ngoại giao quan trọng và các mục tiêu phát triển quốc gia. Kế hoạch TTĐN không chỉ bao gồm nội dung tuyên truyền mà còn cần tính đến đối tượng truyền thông, địa bàn ưu tiên, kênh truyền thông sử dụng và các nguồn lực bảo đảm.

Công tác lập kế hoạch và xây dựng chương trình TTĐN được thực hiện thường niên và định kỳ, gồm: Kế hoạch tổng thể quốc gia do Bộ Ngoại giao và Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì; Kế hoạch chuyên đề cho từng lĩnh vực (chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, biên giới, biển đảo…) do các cơ quan chủ quản chủ trì. Mỗi kế hoạch đều xác định rõ đối tượng, thông điệp, thời gian, phương tiện và kênh truyền thông phù hợp, hướng đến cả đối tượng trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài và công chúng quốc tế.

Thứ hai, tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin đối ngoại theo nội dung, hình thức, chương trình, kế hoạch công tác thông tin đối ngoại đã đề ra.

Tổ chức thực hiện là nội dung trọng tâm và có ý nghĩa quyết định trong toàn bộ quá trình công tác TTĐN. Sau khi đã xác định rõ mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, chương trình và kế hoạch, việc triển khai thực hiện chính là bước chuyển hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về TTĐN thành hành động cụ thể, thực tiễn và hiệu quả.

Việc tổ chức thực hiện được tiến hành theo kế hoạch hằng năm và từng giai đoạn cụ thể, phù hợp với định hướng đối ngoại của đất nước. Ở cấp Trung ương, các cơ quan như Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ

Ngoại giao, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam… xây dựng kế hoạch thực hiện, phân công rõ nhiệm vụ cho từng đơn vị. Ở các địa phương, các Ban Chỉ đạo công tác TTĐN cấp tỉnh xây dựng và triển khai kế hoạch cụ thể của địa phương phù hợp với địa bàn trong từng giai đoạn.

Việc triển khai công tác TTĐN phải được tiến hành một cách đồng bộ, bài bản, có sự phân công rõ ràng giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Nội dung tuyên truyền phải sát với yêu cầu thực tiễn và có sức lan tỏa trong cộng đồng quốc tế, đặc biệt là trong các sự kiện lớn như hội nghị quốc tế, diễn đàn đa phương, lễ kỷ niệm quốc gia hoặc các dịp kỷ niệm quan trọng trong quan hệ song phương. Các phương thức truyền thông hiện đại như báo chí đa phương tiện, mạng xã hội, nền tảng số xuyên biên giới cần được tận dụng tối đa bên cạnh các kênh truyền thống như báo in, truyền hình, phát thanh, hội thảo - tọa đàm ngoại giao. Bên cạnh đó, hình thức truyền thông cần phù hợp với đặc điểm văn hóa và thị hiếu của từng nhóm đối tượng nước ngoài.

Kế hoạch triển khai bao gồm: Xác định đối tượng tuyên truyền (trong nước, kiều bào, quốc tế); Chọn chủ đề, nội dung trọng tâm (văn hóa, kinh tế, chính trị, biển đảo, hội nhập…); Phân bổ nguồn lực và thời gian thực hiện; Đánh giá hiệu quả định kỳ theo tiêu chí lượng hóa; Thông tin qua kênh ngoại giao chính thức, Bảo đảm điều kiện tổ chức thực hiện. Công tác TTĐN được thực hiện qua nhiều phương thức truyền thông đa dạng, phù hợp với từng nhóm công chúng. Chẳng hạn, thông tin qua báo chí, xuất bản và phương tiện truyền thông đại chúng, thông tin qua hoạt động văn hóa, nghệ thuật, du lịch và đối ngoại nhân dân, thông tin trên nền tảng số và mạng xã hội …

Thứ ba, xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại.

Tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN đóng vai trò then chốt, quyết định chất lượng, hiệu quả công tác TTĐN. Do vậy, xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN vững mạnh, nhất là đội ngũ cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách có trình độ chuyên môn cao, hiểu biết sâu

sắc về chính trị - đối ngoại, có khả năng sử dụng ngoại ngữ, am hiểu truyền thông quốc tế là hết sức cần thiết. Cùng với đó, cần thiết lập và củng cố các tổ chức làm nhiệm vụ TTĐN trong hệ thống chính trị, các cơ quan truyền thông, cơ quan đại diện ngoại giao, các trung tâm xúc tiến thương mại - du lịch - đầu tư, tổ chức phi chính phủ và các lực lượng vũ trang. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng truyền thông quốc tế và tư duy phản biện phải được thực hiện thường xuyên, bài bản, gắn với yêu cầu thực tiễn.

Thứ tư, phối hợp hoạt động của các tổ chức, lực lượng làm công tác thông tin đối ngoại.

Công tác TTĐN là hoạt động liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều tổ chức, lực lượng, do đó, để tạo sức mạnh tổng hợp, cần có sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức, lực lượng làm công tác TTĐN. Trước hết, là phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, giữa các cơ quan thông tấn - báo chí - xuất bản với các tổ chức nghiên cứu, cơ quan đối ngoại, liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp. Cơ chế phối hợp cần được thể chế hóa rõ ràng, từ Trung ương đến địa phương, tạo ra mạng lưới thông tin thống nhất, tránh chồng chéo, manh mún. Đặc biệt, vai trò đầu mối của Ban Chỉ đạo công tác TTĐN các cấp cần được phát huy mạnh mẽ để điều phối nội dung, định hướng thông tin và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong môi trường truyền thông đa chiều.

Thứ năm, tiến hành kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thông tin đối ngoại.

Đây là nội dung không thể thiếu nhằm đánh giá hiệu quả triển khai, rút kinh nghiệm và điều chỉnh chiến lược truyền thông phù hợp với tình hình mới. Việc kiểm tra, giám sát phải được tiến hành định kỳ và đột xuất, kết hợp giữa kiểm tra hành chính - nghiệp vụ và đánh giá tác động xã hội. Hoạt động KT, GS, sơ kết, tổng kết giúp xác định những mô hình hiệu quả, cách làm sáng tạo để nhân rộng, đồng thời chỉ ra những hạn chế, bất cập để khắc phục

kịp thời. Công tác đánh giá cũng cần áp dụng các phương pháp hiện đại như phân tích truyền thông, đo lường hiệu ứng dư luận, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu truyền thông quốc tế.

2.1.2.3. Vai trò của công tác thông tin đối ngoại

Một là, công tác thông tin đối ngoại trực tiếp đưa quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước đến với bạn bè quốc tế và kiều bào Việt Nam ở ngoài nước.

Công tác TTĐN có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc truyền tải quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước bạn bè quốc tế và kiều bào Việt Nam ở ngoài nước. Đây không chỉ là hoạt động thông tin một chiều mà còn là quá trình giao tiếp chính trị - truyền thông có định hướng, giúp cộng đồng quốc tế hiểu rõ hơn về hệ thống chính trị, định hướng phát triển, cũng như lập trường của Việt Nam trong các vấn đề khu vực và toàn cầu. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, việc đưa tiếng nói của Việt Nam ra thế giới một cách kịp thời, minh bạch và chính xác sẽ góp phần làm rõ lập trường chính nghĩa của Việt Nam, chống lại các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, từ đó củng cố lòng tin quốc tế và bảo vệ hình ảnh quốc gia.

Hai là, công tác thông tin đối ngoại góp phần tăng cường niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, con đường đi lên CNXH; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác TTĐN có vai trò quan trọng trong việc tăng cường niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên CNXH mà dân tộc Việt Nam đã lựa chọn. Khơi dậy mạnh mẽ và nêu cao tinh thần yêu nước, phát huy ý chí độc lập, tự cường, lòng tự tôn dân tộc, tạo động lực thúc đẩy sức mạnh nội sinh, kết hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc với sức mạnh thời đại thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Thực hiện tốt công tác TTĐN là cách để khẳng định vị thế của Việt Nam là một quốc gia độc lập, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bảo vệ lợi ích dân tộc và vì hòa bình, hợp tác, phát triển.

Ba là, công tác thông tin đối ngoại làm cho các tầng lớp Nhân dân trong và ngoài nước, bạn bè quốc tế hiểu rõ, hiểu đúng những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta và về tình hình đất nước; quan điểm và lập trường của Việt Nam trong các vấn đề quốc tế và khu vực.

Công tác TTĐN góp phần quan trọng vào việc định hướng nhận thức và dư luận xã hội cả trong và ngoài nước. Đây là phương tiện để các tầng lớp Nhân dân, nhất là kiều bào và bạn bè quốc tế, hiểu đúng, hiểu đủ và hiểu sâu về các chính sách, đường lối của Đảng, Nhà nước cũng như tình hình đất nước. Đặc biệt, trong các vấn đề quốc tế và khu vực như biến động địa chính trị, Biển Đông, biến đổi khí hậu, an ninh phi truyền thống hay hợp tác ASEAN và các FTA thế hệ mới, việc truyền tải chính xác quan điểm, lập trường của Việt Nam sẽ giúp tạo dựng hình ảnh một quốc gia trách nhiệm, kiên định nguyên tắc nhưng mềm dẻo về đối sách, từ đó gia tăng sự đồng tình và ủng hộ từ cộng đồng quốc tế. Ngoài ra, TTĐN còn giúp người dân Việt Nam ở trong nước có cái nhìn đầy đủ, khách quan và tích cực hơn về tình hình quốc tế, tránh bị lôi kéo bởi các luồng thông tin sai lệch, gây hoang mang, mất niềm tin.

Bốn là, công tác thông tin đối ngoại góp phần củng cố sự đồng thuận xã hội, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế; đồng thời, duy trì môi trường hòa bình, ổn định phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác TTĐN góp phần củng cố sự đồng thuận xã hội và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè quốc tế, từ đó tạo điều kiện thuận lợi để duy trì môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong điều kiện Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, xây dựng được hình ảnh một quốc gia ổn định về chính trị, năng động trong phát triển và có trách nhiệm trong quan hệ quốc tế là điều kiện để thu hút đầu tư, mở rộng hợp tác và phát triển. Mặt khác, sự đồng thuận xã hội trong nước sẽ tạo nền tảng cho sự vững chắc về chính trị và ổn định về quốc phòng, an ninh, làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hòa bình", "tự diễn biến, tự chuyển hóa".

2.1.2.4. Đặc điểm công tác thông tin đối ngoại ở Việt Nam

Một là, công tác thông tin đối ngoại Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam quản lý, điều hành.

Đặc điểm nổi bật nhất của công tác TTĐN ở Việt Nam là đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều này bắt nguồn từ bản chất của chế độ chính trị Việt Nam - chế độ dân chủ XHCN, trong đó Đảng Cộng sản Việt Nam là "lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội" (Điều 4, Hiến pháp năm 2025).

Công tác TTĐN là một bộ phận hữu cơ của công tác tư tưởng của Đảng, nhằm phục vụ đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Đảng đã nhiều lần khẳng định tầm quan trọng của công tác này qua các văn kiện: Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 9/11/2018 của Ban Bí thư về "tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới"; Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (2021) nhấn mạnh: "Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, góp phần củng cố niềm tin, tạo đồng thuận xã hội và sự ủng hộ quốc tế đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc". Như vậy, mọi chủ trương, chiến lược, định hướng nội dung và phương thức TTĐN đều do Đảng trực tiếp chỉ đạo, bảo đảm thống nhất về chính trị, tư tưởng và định hướng giá trị XHCN.

Công tác TTĐN Việt Nam đặt dưới sự quản lý và điều hành thống nhất của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, trên cơ sở pháp luật, chiến lược quốc gia và chương trình hành động cụ thể. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về TTĐN (theo Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 7/9/2015 về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại). Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước; phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, và các cơ quan báo chí, truyền thông. Bộ Ngoại giao thực hiện công tác TTĐN ở nước ngoài thông qua hệ thống đại sứ quán, tổng lãnh sự quán,

trung tâm văn hóa Việt Nam tại các nước. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì hoạt động quảng bá văn hóa, du lịch, nghệ thuật gắn với thông tin đối ngoại. Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài tổ chức tuyên truyền, gắn kết và vận động kiều bào hướng về Tổ quốc. Sự điều hành mang tính hệ thống, đồng bộ, có sự phân công - phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm mọi hoạt động công tác TTĐN đều dựa trên pháp luật, phục vụ lợi ích quốc gia - dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Công tác TTĐN là một chỉnh thể thống nhất giữa sự lãnh đạo chính trị của Đảng và sự quản lý hành chính - pháp lý của Nhà nước. Đảng định hướng về chủ trương, mục tiêu, nguyên tắc, phương hướng chiến lược. Nhà nước cụ thể hóa bằng chính sách, pháp luật, cơ chế quản lý, chương trình, dự án, ngân sách và tổ chức thực hiện. Sự thống nhất này giúp công tác TTĐN vừa đảm bảo tính chính trị - tư tưởng vững vàng, vừa đáp ứng tính chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả thực tiễn. Đây là đặc trưng vận hành trong mô hình Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, thể hiện rõ bản chất dân chủ XHCN trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại.

Hai là, công tác thông tin đối ngoại Việt Nam được tiến hành trong bối cảnh đổi mới, mở cửa, hội nhập sâu rộng, vị thế quốc tế Việt Nam đang lên cao; nội dung và phương thức không ngừng được đổi mới và phát triển

Từ sau Đại hội VI của Đảng (1986), Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước, trong đó đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng trở thành một định hướng chiến lược nhất quán. Đại hội XIII của Đảng (2021) tiếp tục khẳng định: "Phát triển toàn diện, hiện đại các lĩnh vực đối ngoại; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả; nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước".

Trong bối cảnh đó, công tác TTĐN có vị trí đặc biệt quan trọng: là công cụ để tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam, đồng thời là phương tiện để phản bác các luận điệu sai trái, bảo vệ nền

tảng tư tưởng của Đảng và lợi ích quốc gia - dân tộc. Toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, truyền thông số và sự gia tăng cạnh tranh thông tin trên không gian mạng đang đặt ra những cơ hội mới và thách thức to lớn cho công tác TTĐN Việt Nam.

Trong giai đoạn đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát triển tư duy đối ngoại và tư duy TTĐN một cách linh hoạt, sáng tạo và hội nhập. Nếu trước đây, TTĐN chủ yếu mang tính "giới thiệu, tuyên truyền", thì nay đã chuyển mạnh sang hướng "truyền thông chiến lược", "ngoại giao công chúng" và "tăng cường sức mạnh mềm". Đảng đã ban hành nhiều văn kiện chỉ đạo trọng yếu: Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 9/11/2018 của Ban Bí thư về "tăng cường và đổi mới công tác TTĐN trong tình hình mới"; Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn 2045 (Quyết định số 368/QĐ-TTg, ngày 21/3/2023). Những văn bản này đã giúp đổi mới cơ chế phối hợp liên ngành, tăng cường tính chuyên nghiệp, hiện đại hóa hạ tầng truyền thông và đa dạng hóa phương thức TTĐN.

Nội dung công tác TTĐN hiện nay được đa dạng hóa và chủ đề thông tin luôn được mở rộng. Công tác TTĐN không chỉ tập trung vào lĩnh vực chính trị - đối ngoại mà được mở rộng sang các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, giáo dục - đào tạo, môi trường, du lịch, đổi mới sáng tạo… Các nội dung TTĐN trọng tâm bao gồm: thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, công cuộc đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; Chính sách thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế, phát triển bền vững; Bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là vấn đề biển, đảo; Hình ảnh Việt Nam năng động, hội nhập, đáng tin cậy, là bạn - đối tác - thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Trong kỷ nguyên số, phương thức công tác TTĐN Việt Nam cũng không ngừng đổi mới và phát triển. Phương thức truyền thông, chuyển mạnh từ truyền thông một chiều sang đa chiều, tương tác, đa ngữ và toàn cầu. Các cơ quan báo chí đối ngoại như VTV4, VOV5, Vietnam News, VietnamPlus, Báo Nhân Dân điện tử, Thông tấn xã Việt Nam (VNA) đã triển khai song ngữ và đa ngữ (Anh, Pháp, Trung, Nga, Nhật, Hàn…). Mạng xã hội và nền tảng số

trở thành công cụ quan trọng: Fanpage "Vietnam.vn", "Thông tin Chính phủ", "Báo Thế giới & Việt Nam", các kênh YouTube quảng bá du lịch, văn hóa… Ứng dụng truyền thông đa phương tiện (infographic, video clip, phim tài liệu, podcast, thực tế ảo, metaverse…) làm tăng sức lan tỏa và hấp dẫn.

Trong bối cảnh đổi mới, mở cửa và hội nhập sâu rộng, công tác TTĐN đã có bước phát triển mạnh mẽ cả về tư duy, nội dung và phương thức thực hiện. Đây là một kênh quan trọng trong việc củng cố môi trường đối ngoại hòa bình, nâng cao vị thế quốc gia, tạo dựng hình ảnh Việt Nam thân thiện, năng động, đáng tin cậy và có trách nhiệm. Tiếp tục đổi mới sáng tạo, tận dụng công nghệ truyền thông số, tăng cường hợp tác quốc tế và phát huy sức mạnh toàn dân trong đối ngoại là hướng đi chiến lược để công tác TTĐN Việt Nam thích ứng với thời đại và khẳng định tầm vóc quốc gia trong thế kỷ XXI.

Ba là, lực lượng tham gia công tác thông tin đối ngoại Việt Nam đông đảo, được tổ chức chặt chẽ, rộng rãi và thống nhất

Theo Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 7/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động TTĐN, lực lượng làm công tác TTĐN bao gồm: Các cơ quan Đảng, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan báo chí, truyền thông, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, nhân dân và kiều bào Việt Nam ở nước ngoài.

Ở cấp Trung ương: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương là cơ quan chủ trì trong định hướng tư tưởng, nội dung, chủ đề thông tin đối ngoại; tham mưu chiến lược tuyên truyền quốc tế. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động TTĐN trên phạm vi cả nước; điều phối các phương tiện truyền thông, báo chí, xuất bản. Bộ Ngoại giao là cơ quan chủ trì hoạt động TTĐN ở nước ngoài thông qua hệ thống cơ quan đại diện ngoại giao, trung tâm văn hóa Việt Nam tại các quốc gia, các sự kiện quốc tế và hoạt động ngoại giao công chúng. Bộ Công thương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, cùng các bộ, ngành liên quan đều có chương trình TTĐN chuyên biệt, gắn với nhiệm vụ chính trị, quốc phòng,

an ninh, kinh tế, văn hóa của ngành. Các cơ quan báo chí lớn như Thông tấn xã Việt Nam (VNA), Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), Báo Nhân Dân, Vietnam News, VietnamPlus, Báo Quân đội Nhân dân, Báo Thế giới & Việt Nam… là lực lượng nòng cốt thực hiện tuyên truyền đối ngoại qua các kênh truyền thông đa ngữ, đa phương tiện.

Ở các địa phương: Ban Chỉ đạo công tác TTĐN cấp tỉnh, thành phố do thường trực cấp ủy lãnh đạo, trực tiếp chỉ đạo thực hiện TTĐN tại địa phương, đặc biệt ở các tỉnh biên giới, hải đảo, vùng có đông đồng bào dân tộc hoặc có quan hệ quốc tế rộng. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, các cơ quan báo chí phối hợp triển khai công tác TTĐN phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Cùng với các lực lượng trong hệ thống chính trị, công tác TTĐN còn có sự tham gia của: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội đóng vai trò quan trọng trong thực hiện ngoại giao nhân dân và giao lưu quốc tế. Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài - hiện có trên 6 triệu kiều bào tại hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ, là "đại sứ nhân dân" tham gia tích cực quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Giới trí thức, doanh nhân, nghệ sĩ, nhà báo, sinh viên, tổ chức phi chính phủ, các nhà sáng tạo nội dung trên nền tảng số - là lực lượng ngày càng năng động, sáng tạo, góp phần lan tỏa thông điệp Việt Nam hiện đại, hội nhập và thân thiện. Nhờ vậy, công tác TTĐN Việt Nam mang tính toàn dân, toàn diện, huy động được trí tuệ, sức sáng tạo và lòng yêu nước của các tầng lớp xã hội, làm nên mạng lưới TTĐN rộng khắp và bền vững.

Dù đông đảo và đa dạng, lực lượng tham gia TTĐN được tổ chức và vận hành thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, và cơ chế phối hợp liên ngành. Cụ thể: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Ngoại giao phối hợp định kỳ trong chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra. Các bộ, ngành và địa phương thực hiện

theo chương trình, kế hoạch TTĐN quốc gia. Nhờ sự phối hợp chặt chẽ này, công tác TTĐN Việt Nam tránh được sự chồng chéo, bảo đảm tính đồng thuận về nội dung, thông điệp và hình ảnh quốc gia, qua đó nâng cao hiệu quả truyền thông và sức lan tỏa quốc tế.

Hệ thống TTĐN được tổ chức từ Trung ương đến địa phương, mang tính chuyên nghiệp và có sự phối hợp chặt chẽ. Trong đó, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương định hướng tư tưởng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch điều phối, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát; Bộ Ngoại giao thực hiện đối ngoại Nhà nước và truyền thông quốc tế; Các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch TTĐN địa phương. Sự phối hợp thống nhất hoạt động của các bộ, ngành, cơ quan báo chí, tổ chức chính trị - xã hội giúp nâng cao hiệu quả thực hiện công tác TTĐN, tránh chồng chéo, dàn trải.

2.2. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC VÀ VAI TRÒ

2.2.1. Khái niệm Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại giai đoạn hiện nay

Lãnh đạo là khái niệm được dùng rất phổ biến trong các văn bản chính trị, pháp luật và đời sống xã hội. Hiện nay, có rất nhiều định nghĩa về lãnh đạo theo nhiều cách tiếp cận và góc độ khác nhau.

Trong cuốn "Lãnh đạo trong tổ chức", Gary Yuki đã định nghĩa: "Lãnh đạo là một quá trình ảnh hưởng mang tính xã hội, trong đó lãnh đạo tìm kiếm sự tham gia tự nguyện của cấp dưới nhằm đạt mục tiêu của tổ chức" [67].

Trong cuốn "Phát triển kỹ năng lãnh đạo", John C. Maxwell đã xác định: "Lãnh đạo là quá trình sử dụng và phối hợp hoạt động của các cá nhân trong tổ chức bằng cách gây ảnh hưởng và dẫn đắt hành vi của cá nhân hay nhóm người nhằm hướng tới mục tiêu của tổ chức. Lãnh đạo là một trong những khái niệm quan trọng nhất trong khoa học về tổ chức - nhân sự" [92].

Theo Từ điển Tiếng Việt, *lãnh đạo* là "dẫn dắt và tổ chức phong trào theo đường lối cụ thể" [112, tr.979].

Trong cuốn "Sách tra cứu các mục từ về tổ chức", *lãnh đạo* là "công việc mà tất cả các chủ thể là tổ chức và cá nhân có thẩm quyền tác động đến các tổ chức và cá nhân dưới quyền và các thành viên khác trong xã hội khi thi hành nhiệm vụ do các chủ thể đó vạch ra" [109, tr.471].

Lãnh đạo là chức năng cơ bản của Đảng. Lãnh đạo là dẫn dắt, là vạch đường, chỉ lối. Do đó, nói đến Đảng lãnh đạo thì trước hết là nói đến hoạt động của Đảng xây dựng, ban hành các quyết định về đường lối, chủ trương, chính sách. Các quyết định này được thể hiện trong Cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị, kết luận hoặc các văn bản khác của Đảng. Cùng với việc xây dựng, ban hành các quyết định là hoạt động tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện để các quyết định của Đảng được thực hiện thắng lợi.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Viêt Nam là người lãnh đạo và là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Song, để lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành thắng lợi, theo Người, có ba vấn đề quan trọng phải đạt được là: 1) quyết định mọi vấn đề cho đúng; 2) tổ chức thực hiện cho đúng; 3) thường xuyên tổ chức sự kiểm soát.

Giáo trình Xây dựng Đảng, chương trình cao cấp lý luận chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xác định: "Sự lãnh đạo của Đảng là toàn bộ hoạt động đề ra các quyết định; tổ chức các lực lượng thực hiện và tiến hành kiểm tra, giám sát, nhằm thực hiện thắng lợi các quyết định của Đảng" [82, tr.216]. Đảng lãnh đạo là sự tác động, ảnh hưởng của Đảng (qua các tổ chức đảng và đảng viên) đối với quần chúng nhân dân. Đảng lãnh đạo quần chúng nhân dân có nghĩa là Đảng phải vạch hướng, xác định được mục tiêu đúng đắn đáp ứng được lợi ích và nguyện vọng cơ bản của đông đảo quần chúng nhân dân, đồng thời phải có được uy tín cao để thuyết phục, vận động được quần chúng nhân dân ủng hộ, đi theo Đảng.

Như vậy, Đảng lãnh đạo là tổng thể các hoạt động của Đảng trong xây dựng, ban hành các quyết định về đường lối, chủ trương, chính sách; trong quán triệt và tổ chức thực hiện; trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện để các quyết định của Đảng được thực hiện thắng lợi.

Cùng với những luận giải về công tác TTĐN trên đây, có thể đưa ra khái niệm: *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại là tổng thể các hoạt động của Đảng trong việc đề ra các chủ trương, đường lối, chiến lược, chính sách lớn; tổ chức thực hiện và tiến hành kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm định hướng chính trị, tư tưởng và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của công tác thông tin đối ngoại.*

Chủ thể lãnh đạo công tác TTĐN là Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy các cấp. Ban Chỉ đạo Trung ương về công tác Thông tin đối ngoại, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương là cơ quan trực tiếp tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác TTĐN.

Đối tượng lãnh đạo công tác TTĐN của Đảng: là toàn bộ các tổ chức và lực lượng tham gia công tác TTĐN, bao gồm: các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí - truyền thông, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và nhân dân.

Lực lượng tham gia hoạt động lãnh đạo công tác TTĐN của Đảng: là toàn bộ các tổ chức và lực lượng có liên quan đến công tác TTĐN. Bao gồm: các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, nhất là cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên ở các cơ quan, đơn vị làm công tác TTĐN; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan báo chí - truyền thông; các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; các doanh nghiệp; các tổ chức xã hội, nghề nghiệp; các tầng lớp Nhân dân, trong đó có cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ, tính chất, đặc điểm hoạt động, mỗi

tổ chức, lực lượng có vị trí, vai trò cụ thể, xác định trong thực hiện công tác TTĐN và tham gia vào quá trình lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN.

Đối tượng lãnh đạo công tác TTĐN của Đảng: là toàn bộ các tổ chức và lực lượng tham gia công tác TTĐN, bao gồm: các cơ quan Đảng, nhà nước, MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí - truyền thông, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và toàn thể Nhân dân.

Mục đích Đảng lãnh đạo công tác TTĐN: Bảo đảm định hướng chính trị, tư tưởng đúng đắn, thống nhất trong toàn hệ thống đối với công tác TTĐN, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với CNXH, xử lý hài hòa giữa "xây" và "chống". Nâng cao hiệu quả truyền thông chiến lược về hình ảnh quốc gia: củng cố niềm tin, xây dựng "thương hiệu quốc gia" hiện đại, thân thiện, đáng tin cậy. Chủ động tạo lập và dẫn dắt dư luận quốc tế về các vấn đề liên quan lợi ích cốt lõi của Việt Nam; kịp thời định hướng dư luận trong nước để tạo đồng thuận xã hội. Phát huy sức mạnh tổng hợp của đối ngoại Đảng - ngoại giao Nhà nước - đối ngoại Nhân dân. Thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng, tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài cho phát triển, chuyển đổi xanh - số, đổi mới sáng tạo; góp phần nâng cao vị thế, uy tín quốc gia.

2.2.2. Nội dung Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại

Một là, Đảng xác định quan điểm chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ của công tác thông tin đối ngoại.

Để lãnh đạo công tác TTĐN, Đảng xác định quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ công tác TTĐN trong từng giai đoạn. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của công tác TTĐN của Đảng là nội dung trọng tâm, quan trọng hàng đầu, là cơ sở bảo đảm sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị trong tiến hành công tác TTĐN. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN của Đảng không chỉ định hình những trọng tâm, trọng điểm của công tác TTĐN trong từng giai đoạn mà còn thể hiện vai trò định hướng chính trị và tầm nhìn chiến lược của Đảng trong dẫn dắt cả hệ thống chính trị thực hiện công tác TTĐN một cách chủ động, nhạy bén và

hiệu quả. Qua đó, phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tổ chức, lực lượng trong tiến hành công tác TTĐN, bảo đảm chất lượng, hiệu quả của công tác TTĐN. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của công tác TTĐN bảo đảm cho công tác TTĐN linh hoạt, thích ứng với những biến động nhanh chóng của môi trường truyền thông toàn cầu và yêu cầu phát triển đất nước.

Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN của Đảng trong từng giai đoạn, Nhà nước, các cấp ủy, tổ chức đảng; các tổ chức, lực lượng tham gia công tác TTĐN, từ Trung ương đến địa phương quán triệt, thống nhất nhận thức và hành động; thể chế hóa và cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện; đảm bảo cho công tác TTĐN luôn nhất quán, chính xác, kịp thời, đồng bộ và hiệu quả.

Hai là, lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp quán triệt và thực hiện công tác thông tin đối ngoại

Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN, Đảng Cộng sản Việt Nam mà thường xuyên và trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác TTĐN. Đây là nội dung then chốt nhằm biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về công tác TTĐN thành hiện thực.

Thông qua việc quán triệt, làm cho từng cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp, từng cán bộ, đảng viên thấm nhuần sâu sắc quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN, nhận thức đúng về vai trò, nội dung và phương pháp công tác TTĐN trong điều kiện mới. Các cơ quan tham mưu có trách nhiệm hướng dẫn, ban hành văn bản chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ về nghiệp vụ, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ nhằm nâng cao năng lực triển khai thực hiện công tác TTĐN.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, các cấp ủy, tổ chức đảng phải tăng cường trách nhiệm chính trị và tính chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác TTĐN. Luôn tích cực và chủ động nắm bắt tình hình dư luận quốc tế, phản ứng nhanh với các vấn đề phát sinh liên quan đến hình ảnh,

uy tín quốc gia, hoặc kịp thời tuyên truyền các thành tựu đối ngoại của đất nước. Qua đó, phát huy được vai trò chiến lược của công tác TTĐN, đóng góp thiết thực vào nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, bằng sức mạnh mềm và ảnh hưởng chính trị - truyền thông.

Ba là, lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại

Đảng lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác TTĐN là nội dung rất quan trọng, nhằm bảo đảm tính thống nhất, chuyên nghiệp, hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện công tác TTĐN. Nội dung này phản ánh rõ nét mối quan hệ giữa năng lực lãnh đạo và năng lực tổ chức thực hiện của Đảng với hiệu quả thực thi của bộ máy nhà nước, thể hiện vai trò "xây nền - dựng móng" trong lãnh đạo công tác TTĐN trong bối cảnh hội nhập toàn diện và cạnh tranh thông tin ngày càng phức tạp.

Đảng lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy là xây dựng, phát triển hệ thống tổ chức bộ máy chuyên trách thực hiện công tác TTĐN từ Trung ương đến cơ sở. Sự hình thành mạng lưới tổ chức này giúp bảo đảm tính thống nhất về hoạt động, linh hoạt về triển khai và đồng bộ trong phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng trong hệ thống chính trị khi tiến hành công tác TTĐN.

Đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN là những người trực tiếp thực hiện công tác TTĐN; có vai trò hết sức quan trọng, là nhân tố quyết định đến chất lượng và hiệu quả của công tác TTĐN. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN có số lượng và cơ cấu hợp lý, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ phẩm chất, năng lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

Bốn là, lãnh đạo phối hợp hoạt động của các tổ chức, lực lượng tiến hành công tác thông tin đối ngoại

Đảng lãnh đạo phối hợp chặt chẽ hoạt động các tổ chức, lực lượng trong hệ thống chính trị và toàn xã hội nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong tiến hành công tác TTĐN. Trong bối cảnh truyền thông quốc tế phát triển đa chiều, thông tin xuyên biên giới lan tỏa nhanh chóng và nhiều chủ thể

cùng tham gia định hình hình ảnh quốc gia, công tác TTĐN không thể là nhiệm vụ đơn lẻ của một cơ quan, tổ chức, mà đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các lực lượng dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng.

Đảng lãnh đạo phối hợp chặt chẽ hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân, cơ quan báo chí - truyền thông, lực lượng ngoại giao và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Sự phối hợp này không chỉ ở cấp Trung ương mà cần được triển khai đồng bộ đến cấp tỉnh, thành phố, từng cơ sở, đảm bảo mọi thông tin đưa ra đều thống nhất về định hướng, chuẩn mực về nội dung và linh hoạt về hình thức. Đồng thời, phát huy vai trò của các tổ chức trong việc phản hồi thông tin, nắm bắt dư luận xã hội trong nước và quốc tế, từ đó kịp thời tham mưu cho Đảng và Nhà nước về định hướng dư luận, xử lý khủng hoảng truyền thông và đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch.

Đảng lãnh đạo phối hợp chặt chẽ hoạt động của các cơ quan báo chí và các phương tiện truyền thông hiện đại. Đảng coi trọng việc khai thác và phát huy vai trò của các tổ chức quốc tế có thiện chí với Việt Nam và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài - những "đại sứ nhân dân" có khả năng lan tỏa tiếng nói và hình ảnh tích cực của đất nước đến nhân dân thế giới.

Năm là, lãnh đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện công tác thông tin đối ngoại

Lãnh đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác TTĐN là một nội dung không thể thiếu trong quá trình lãnh đạo của Đảng. Thông qua sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm đánh giá kết quả thực hiện, phát hiện hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất phương hướng phù hợp với thực tiễn và yêu cầu mới. Qua đó, Đảng có thêm cơ sở để hoàn thiện lý luận về công tác TTĐN trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn cầu hóa thông tin, chuyển đổi số và cạnh tranh truyền thông ngày càng quyết liệt. Sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm không chỉ là một quy trình trong lãnh đạo, mà chính

là công cụ để Đảng đổi mới tư duy, làm giàu kinh nghiệm và nâng cao hiệu lực lãnh đạo lĩnh vực TTĐN - một mặt trận chiến lược trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa bằng sức mạnh mềm của chính trị, văn hóa và truyền thông.

Hàng năm hoặc cuối nhiệm kỳ, Đảng lãnh đạo các ban, bộ, ngành và các địa phương tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết về công tác TTĐN. Qua đó, kịp thời đánh giá toàn diện việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị và kế hoạch đã đề ra. Việc đánh giá không chỉ dừng ở số lượng sản phẩm truyền thông hay mức độ triển khai về mặt hành chính, mà quan trọng hơn là kiểm định tính đúng đắn của định hướng chính trị, hiệu ứng truyền thông trong xã hội, mức độ lan tỏa và uy tín của hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế. Tổng kết là dịp để hệ thống chính trị xác định rõ hơn những điểm mạnh cần phát huy và điểm yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các giải pháp phù hợp, kịp thời.

Để bảm bảo chất lượng và hiệu quả của công tác TTĐN, sơ kết, tổng kết phải rút ra được những bài học kinh nghiệm có giá trị. Trên cơ sở các bài học đã đúc kết, Đảng chỉ đạo điều chỉnh chiến lược TTĐN, đổi mới phương thức tuyên truyền, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, đề xuất hoàn thiện thể chế, chính sách để phù hợp hơn với môi trường truyền thông quốc tế.

2.2.3. Phương thức Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại

Thứ nhất, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng chủ trương, nghị quyết và các định hướng lớn

Để lãnh đạo công tác TTĐN, trước hết, Đảng ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận và định hướng lớn. Đây là phương thức rất quan trọng, đặt nền móng chính trị, tư tưởng và tổ chức việc thực hiện công tác TTĐN cho toàn bộ hệ thống chính trị từ Trung ương tới cơ sở trong tiến hành công tác TTĐN; bảo đảm cho việc triển khai thực hiện công tác TTĐN một cách đúng hướng, thống nhất, chủ động, bài bản và có hiệu quả thiết thực.

Thông qua việc ban hành các nghị quyết và chủ trương, định hướng lớn, Đảng không chỉ xác lập nền tảng chính trị - tư tưởng cho công tác TTĐN mà còn hướng dẫn, thể chế hóa, cụ thể hóa công tác TTĐN trong hoạt động của các cấp,

ngành, địa phương, tổ chức truyền thông và cả đội ngũ cán bộ, đảng viên. Các nghị quyết và chủ trương, định hướng lớn của Đảng là cơ sở để gắn kết chặt chẽ công tác TTĐN với công tác chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, tạo thành một mặt trận thống nhất nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đồng thời, nghị quyết và chủ trương, định hướng lớn là cơ sở để phối hợp hoạt động của các tổ chức, lực lượng, của các ban, bộ, ngành ở Trung ương và địa phương để tạo thành sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác TTĐN.

Thứ hai, Đảng lãnh đạo thông qua phát huy vai trò của Nhà nước trong thể chế hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về công tác thông tin đối ngoại

Trong thể chế chính trị ở Việt Nam, mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước là mối quan hệ cốt lõi, là cơ sở nền tảng bảo đảm tính chính trị, pháp lý cho mọi hoạt động. Trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo, xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ; trên cơ sở đó, Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chương trình, kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện.

Để thực hiện công tác TTĐN, Đảng lãnh đạo phát huy vai trò của Nhà nước trong thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng thành hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách cụ thể nhằm tạo lập môi trường pháp lý vững chắc, minh bạch và nhất quán cho hoạt động TTĐN. Qua đó, nâng cao tính chuyên nghiệp, hiện đại và chủ động của các tổ chức, lực lượng tiến hành công tác TTĐN. Đồng thời, đây cũng là điều kiện để bảo vệ quyền lợi chính đáng của các lực lượng thực thi nhiệm vụ TTĐN trước những áp lực, rủi ro phát sinh trong môi trường cạnh tranh quốc tế phức tạp. Hơn nữa, một khuôn khổ pháp lý rõ ràng, được định hướng bởi Đảng và vận hành bởi Nhà nước còn là cơ sở để nâng cao tính trách nhiệm, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực TTĐN, đồng thời tăng cường vị thế pháp lý cho tiếng nói của Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế. Thông qua đó, bảo đảm cho các nghị quyết, chỉ thị, kết

luận của Đảng không còn dừng lại ở việc định hướng chính trị, mà được "cụ thể hóa" thành công cụ pháp lý có tính ràng buộc và khả thi cao.

Thứ ba, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng công tác tuyên truyền, vận động và thuyết phục

Đảng lãnh đạo công tác TTĐN thông qua công tác tuyên truyền, vận động và thuyết phục là phương thức lãnh đạo mềm dẻo, linh hoạt nhưng có sức lan tỏa sâu rộng trong đời sống chính trị - xã hội. Thông qua tuyên truyền, vận động và thuyết phục nhằm nâng cao nhận thức chính trị - tư tưởng, củng cố niềm tin, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự nghiệp đối ngoại nói chung và công tác TTĐN nói riêng. Qua đó, tạo sự thống nhất chính trị, tư tưởng, ý chí và hành động, phát huy tính tích cực, tự giác của cán bộ, đảng viên và toàn dân, bảo đảm việc thực hiện hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của công tác TTĐN.

Đảng không chỉ giới hạn công tác tuyên truyền, vận động và thuyết phục trong hệ thống tổ chức đảng mà còn lan tỏa ra toàn xã hội. Việc tuyên truyền, vận động, thuyết phục phải dựa trên các giá trị thực tiễn, kết quả phát triển của đất nước, uy tín và vai trò ngày càng tăng của Việt Nam trên trường quốc tế. Qua đó, tạo ra động lực tinh thần to lớn, thúc đẩy phong trào thi đua, sáng tạo trong thực hiện công tác TTĐN.

Thứ tư, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng công tác tổ chức và cán bộ

Trong công tác TTĐN, tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ giữ vai trò then chốt, trực tiếp quyết định chất lượng, hiệu quả của công tác TTĐN. Vì vậy, lãnh đạo công tác TTĐN thông qua tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ là phương thức giữ vai trò nền tảng, thể hiện tầm nhìn chiến lược và quyết tâm chính trị nhất quán của Đảng; đồng thời, phương thức này bảo đảm tính thiết chế bền vững, linh hoạt trong hoạt động TTĐN.

Để thực hiện phương thức này, Đảng coi trọng việc củng cố tổ chức bộ

máy làm công tác TTĐN từ Trung ương đến địa phương. Đồng thời, xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị với các tổ chức truyền thông và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Qua đó, tạo lập một hệ thống tổ chức vững mạnh, có đủ năng lực đảm đương trọng trách nâng cao vị thế quốc gia, bảo vệ lợi ích dân tộc bằng công cụ thông tin và truyền thông hiện đại. Đồng thời, Đảng lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN vừa "hồng" vừa "chuyên", có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với lý tưởng của Đảng, đồng thời có kiến thức chuyên môn sâu, trình độ ngoại ngữ thành thạo và kỹ năng tác nghiệp hiện đại; bảo đảm hoàn thành công tác TTĐN trong tình hình mới.

Thứ năm, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại thông qua các tổ chức đảng và tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên

Đảng lãnh đạo công tác TTĐN thông qua phát huy vai trò của các tổ chức đảng và tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên là phương thức quan trọng trong điều kiện Đảng cầm quyền. Bởi vì, các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên giữ vai trò then chốt trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác TTĐN. Các tổ chức đảng ở các cấp, ngành, địa phương, đặc biệt là tại các cơ quan truyền thông, cơ quan đại diện ngoại giao, các hội đoàn ở nước ngoài, có vai trò trực tiếp lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát hoạt động TTĐN. Phát huy vai trò của các tổ chức đảng và tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên đảm bảo cho công tác TTĐN luôn bám sát định hướng tư tưởng, chính trị trong môi trường truyền thông hiện đại.

Để thực hiện phương thức này, các tổ chức đảng phải giáo dục cho cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của TTĐN trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chủ động xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả TTĐN gắn với điều kiện và đặc điểm của từng đơn vị. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò nêu gương, tính tiên phong, tự giác của đội ngũ đảng viên - đặc biệt là những người đang công tác trong lĩnh vực

truyền thông, báo chí, ngoại giao, nghiên cứu quốc tế, văn hóa, giáo dục - để họ thực sự là những nhân tố trung tâm trong việc lan tỏa thông tin tích cực, đấu tranh phản bác luận điệu sai trái, bảo vệ lợi ích và hình ảnh quốc gia.

Thứ sáu, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng công tác kiểm tra, giám sát

Đảng lãnh đạo công tác TTĐN thông qua công tác KT, GS là phương thức lãnh đạo không thể thiếu nhằm bảo đảm cho các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng về TTĐN được triển khai đúng định hướng, thực chất và đạt hiệu quả. Thông qua công tác KT, GS nhằm kịp thời phát hiện những biểu hiện lệch lạc, sai trái hoặc những cách làm hình thức, đối phó trong triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác TTĐN.

Các cấp ủy đảng tiến hành KT, GS định kỳ hoặc chuyên đề, để đánh giá toàn diện việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động về TTĐN ở từng cơ quan, tổ chức, địa phương. Nội dung kiểm tra cần tập trung vào việc cụ thể hóa nghị quyết của Đảng thành chương trình, kế hoạch phù hợp; việc bố trí nhân sự, phân công nhiệm vụ; việc xây dựng các sản phẩm TTĐN có chất lượng; mức độ chủ động trong ứng phó với thông tin xuyên tạc, sai lệch trên không gian mạng. Đồng thời, các cấp ủy cũng cần chú trọng kiểm tra hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng tham gia TTĐN để phát hiện và khắc phục kịp thời các điểm nghẽn trong thực hiện nhiệm vụ.

Một trong những vấn đề quan trọng nhất của công tác KT, GS là phát hiện sớm những thiếu sót, sai phạm và nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong hoạt động TTĐN, từ đó đề ra biện pháp khắc phục kịp thời, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ uy tín quốc gia và nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng. Bên cạnh đó, việc kiểm tra cũng cần đi đôi với công tác sơ kết, tổng kết thực tiễn, nhằm rút ra bài học kinh nghiệm, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hiệu quả trong TTĐN. Qua đó, công tác KT, GS không chỉ là "thanh gươm thép" trong kiểm soát quyền lực chính trị, mà còn là "công cụ mềm" nâng cao chất lượng

lãnh đạo của Đảng trong một lĩnh vực đặc thù, mang tính giao thoa giữa chính trị, truyền thông và ngoại giao.

2.2.4. Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại

Một là, sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm định hướng chính trị đúng đắn của công tác thông tin đối ngoại

Sự lãnh đạo của Đảng giữ vai trò định hướng chính trị, tư tưởng, bảo đảm tính đúng đắn về chính trị và đường lối trong toàn bộ hoạt động TTĐN. Đây là nguyên tắc xuyên suốt, bảo đảm cho công tác TTĐN không bị chệch hướng trước các làn sóng truyền thông đa chiều và tác động từ bên ngoài. Sự lãnh đạo toàn diện của Đảng thể hiện trước hết ở việc xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp và chủ thể thực hiện TTĐN gắn với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển. Trong bối cảnh cạnh tranh thông tin ngày càng gay gắt và các thế lực thù địch tăng cường các hoạt động xuyên tạc, kích động, chia rẽ, vai trò chỉ đạo của Đảng càng mang ý nghĩa then chốt nhằm thống nhất tư tưởng, chính trị và bảo vệ nền tảng lý luận. Đảng lãnh đạo công tác phản bác kịp thời các luận điệu sai trái, thù địch, bảo vệ lợi ích và hình ảnh quốc gia - dân tộc, đồng thời nâng cao bản lĩnh chính trị, tính cảnh giác và năng lực phản biện truyền thông của các cơ quan, tổ chức và cán bộ trực tiếp làm công tác TTĐN.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và truyền thông số phát triển mạnh mẽ, sự lãnh đạo của Đảng càng có ý nghĩa then chốt, giúp công tác TTĐN phát huy vai trò cầu nối hiểu biết, nâng cao uy tín quốc tế của Việt Nam, đồng thời bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích và hình ảnh quốc gia.

Hai là, sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm phối hợp chặt chẽ và phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng tham gia công tác thông tin đối ngoại

Sự lãnh đạo của Đảng giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ và phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng

tham gia công tác TTĐN. Đây là yêu cầu khách quan xuất phát từ tính chất đa ngành, đa lĩnh vực và liên quan trực tiếp đến lợi ích quốc gia - dân tộc của hoạt động TTĐN trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Sự lãnh đạo của Đảng tạo ra định hướng chính trị thống nhất cho các lực lượng tham gia công tác TTĐN. Trong thực tiễn, TTĐN liên quan đến nhiều chủ thể khác nhau như các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí, các tổ chức đối ngoại nhân dân, lực lượng vũ trang và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Nếu thiếu một trung tâm lãnh đạo thống nhất sẽ dễ dẫn đến tình trạng phân tán, chồng chéo hoặc thiếu nhất quán trong nội dung và phương thức truyền tải thông tin. Thông qua các nghị quyết, chỉ thị và định hướng chiến lược, Đảng xác lập mục tiêu, quan điểm và nhiệm vụ chung của công tác thông tin đối ngoại, từ đó tạo cơ sở để các cơ quan, tổ chức phối hợp đồng bộ trong triển khai thực hiện.

Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các chủ thể tham gia công tác TTĐN. Dưới sự chỉ đạo của Đảng, hệ thống các cơ quan như Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, Đài Truyền hình Việt Nam, các cơ quan báo chí, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức đối ngoại nhân dân được định hướng rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp. Sự phân công và phối hợp này giúp hình thành mạng lưới TTĐN rộng khắp, từ Trung ương đến địa phương, từ trong nước đến ngoài nước, bảo đảm việc cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và thống nhất về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như về tình hình phát triển của đất nước.

Bên cạnh đó, sự lãnh đạo của Đảng góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị và toàn xã hội trong công tác TTĐN. Đảng chủ trương kết hợp chặt chẽ giữa TTĐN của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa hoạt động của các cơ quan chuyên trách với vai trò của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, trí thức và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Nhờ đó, công tác TTĐN không chỉ giới hạn trong phạm vi của một số cơ quan chuyên môn mà trở thành nhiệm vụ chung của nhiều lực

lượng, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong quảng bá hình ảnh đất nước, con người và thành tựu phát triển của Việt Nam ra thế giới. Bảo đảm sự chủ động, linh hoạt trong việc xử lý các vấn đề TTĐN trong bối cảnh môi trường truyền thông toàn cầu biến đổi nhanh chóng. Thông qua việc định hướng chiến lược, kiểm tra, giám sát và kịp thời điều chỉnh chủ trương, Đảng giúp các lực lượng tham gia công tác thông tin đối ngoại phối hợp chặt chẽ hơn, nâng cao hiệu quả đấu tranh phản bác các thông tin sai trái, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Ba là, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả của công tác thông tin đối ngoại

Đảng giữ vai trò trung tâm trong việc bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong huy động và tổ chức các lực lượng thực hiện công tác TTĐN, bởi vậy, sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm chất lượng, hiệu quả của công tác TTĐN. Sự lãnh đạo của Đảng đảm bảo đồng bộ về chủ trương, nội dung và phương thức triển khai. Các cấp, các ngành, các lực lượng tham gia bám sát định hướng chính trị - tư tưởng của Đảng, tránh tình trạng thông tin rời rạc, thiếu nhất quán, hoặc không phù hợp với chiến lược chung. Sự lãnh đạo của Đảng đảm bảo thống nhất giữa các kênh TTĐN, đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đảm bảo thống nhất trong phân công và phối hợp lực lượng giữa các bộ, ngành Trung ương và giữa Trung ương với địa phương. Bảo đảm huy động mọi lực lượng, mọi khả năng để mở rộng và đa dạng hóa các phương thức TTĐN, tăng cường phối hợp giữa các lực lượng tham gia công tác TTĐN là các cơ quan Đảng, cơ quan quản lý Nhà nước, lực lượng báo chí, truyền thông, xuất bản, cơ quan ngoại giao ở nước ngoài và các tầng lớp nhân dân, trong đó có người Việt Nam ở nước ngoài.

Tiểu kết chương 2

Công tác TTĐN giữ vị trí quan trọng trong tổng thể hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, truyền tải kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ra thế giới, đồng thời đấu tranh phản bác các thông tin sai trái, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông số, yêu cầu đặt ra đối với công tác TTĐN ngày càng cao, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN là tổng thể các hoạt động của Đảng trong việc đề ra các chủ trương, đường lối, chiến lược, chính sách lớn; tổ chức thực hiện và tiến hành kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm định hướng chính trị, tư tưởng và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác TTĐN. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm định hướng chính trị đúng đắn; phối hợp chặt chẽ và phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng tham gia và là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả của công tác TTĐN.

Nội dung Đảng lãnh đạo công tác TTĐN bao gồm: Đảng xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN; lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp quán triệt và tổ chức thực hiện công tác TTĐN; lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN; lãnh đạo phối hợp hoạt động của các tổ chức, lực lượng làm công tác TTĐN; lãnh đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện công tác TTĐN.

Đảng lãnh đạo công tác TTĐN thông qua các phương thức: bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận và định hướng lớn; lãnh đạo phát huy vai trò của Nhà nước trong thể chế hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về công tác TTĐN; lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, vận động và thuyết phục; lãnh đạo bằng công tác tổ chức và cán bộ; lãnh đạo thông qua phát huy vai trò của các tổ chức đảng và tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên; lãnh đạo bằng công tác KT, GS.

Chương 3
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.1. THỰC TRẠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1.1. Những ưu điểm

3.1.1.1. Về thực hiện nội dung lãnh đạo

Một là, Đảng lãnh đạo xác định phương hướng, chiến lược, nhiệm vụ công tác thông tin đối ngoại luôn bám sát thực tiễn, thường xuyên và kịp thời

Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của công tác TTĐN, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo công tác TTĐN. Trong đó, Đảng luôn bám sát thực tiễn để xác định phương hướng, xây dựng chiến lược và nhiệm vụ của công tác TTĐN trong từng giai đoạn, đặt nền móng chính trị, tư tưởng cho công tác TTĐN. Đồng thời, triển khai công tác này một cách chủ động, bài bản, toàn diện và linh hoạt.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (năm 2011) đã xác định: “Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển văn hoá, văn nghệ, bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá với phát triển du lịch và hoạt động thông tin đối ngoại nhằm truyền bá sâu rộng các giá trị văn hoá trong công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ và người nước ngoài” [62, tr.225]

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (năm 2016) đặt ra yêu cầu: "đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác tuyền truyền đối ngoại" [63, tr.156] nhằm phục vụ mục tiêu nâng cao vị thế, uy tín của đất nước, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (năm 2021), đề ra chủ trương: "Tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ truyền thông

mới, mạng xã hội trong thông tin đối ngoại và đấu tranh dư luận" [64, tr.284]; và "tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước" [64, tr.162].

Cùng với nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII, XIII và XIV, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận chuyên đề về công tác TTĐN hoặc có liên quan đến công tác TTĐN. Tiêu biểu như: Kết luận số 16-KL/TW ngày 14/02/2012 của Bộ Chính trị về *Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020;* Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 05/01/2022 của Ban Bí thư về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân trong hình hình mới*; Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về *Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới;* Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về *Hội nhập quốc tế trong tình hình mới*.

Trong giai đoạn 2012 - 2025, các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược mà Đảng đề ra đối với công tác TTĐN bao gồm: 1) Phục vụ đắc lực cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; 2) Tăng cường quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa, lịch sử Việt Nam, đặc biệt là các giá trị mới trong giai đoạn hiện đại hóa; 3) Chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về các chính sách lớn của Đảng, Nhà nước, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm như dân chủ, nhân quyền, tôn giáo; 4) Thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực bên ngoài để phục vụ phát triển đất nước; 5) Lan tỏa các mô hình phát triển đặc sắc, thành tựu kinh tế - xã hội, tăng trưởng xanh, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; 6) Phát huy vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong công tác TTĐN.

Trên cơ sở xác định mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược, Đảng đã xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của công tác TTĐN trên các lĩnh vực cụ thể.

Trên lĩnh vực chính trị, tập trung thông tin về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, về đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác, phát triển, đa dạng hoá, đa phương hoá; giới thiệu lập trường, quan điểm nhất quán

của Việt Nam về các vấn đề quốc tế và khu vực. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã đánh giá:

> Việt Nam đã đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế như Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hai nhiệm kỳ (2008-2009; 2020-2021), Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 77, thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023-2025, đồng thời tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương như ASEAN, APEC, AIPA, IPU và UNESCO. Những hoạt động này góp phần nâng cao uy tín quốc tế của Việt Nam và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thông tin đối ngoại quảng bá hình ảnh đất nước [66, tr.144-145].

Trên lĩnh vực kinh tế, tập trung quảng bá về mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN của Việt Nam với môi trường đầu tư, tiềm năng hợp tác, thương hiệu quốc gia, giới thiệu cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do… Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đánh giá: "Việt Nam đã mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư với 224 thị trường trên thế giới, tham gia hơn 500 hiệp định song phương và đa phương trên nhiều lĩnh vực". Nhờ đó, "Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong 32 nền kinh tế lớn nhất thế giới và thuộc nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài". Những kết quả này góp phần quan trọng vào việc quảng bá hình ảnh một Việt Nam năng động, hội nhập và phát triển [66, tr.147].

Trên lĩnh vực văn hoá, ngày 07/01/2026, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hoá Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 570/QĐ-BVHTTDL Về quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của bộ văn hóa, thể thao và du lịch. Theo đó xác định: "Việc xây dựng kế hoạch hoạt động đối ngoại hàng năm của Bộ căn cứ vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đối ngoại"., cùng với đó là Chỉ thị 25-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/9/2021 về việc đẩy mạnh triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam, điều đó thể hiện sự thống nhất trong lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa trong hoạt

động đối ngoại. Thông qua ngoại giao văn hoá và sự kiện quốc tế, hình ảnh đất nước và con người Việt Nam được lan toả.

Trên lĩnh vực khoa học, giáo dục và đổi mới sáng tạo, TTĐN tập trung giới thiệu những thành tựu khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo của Việt Nam. Đẩy mạnh truyền thông về hợp tác giáo dục quốc tế, trao đổi học bổng, chương trình du học, các hoạt động của cộng đồng trí thức và du học sinh Việt Nam ở nước ngoài.

Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tập trung giới thiệu chính sách quốc phòng Việt Nam theo Sách trắng Quốc phòng năm 2019. Trong đó khẳng định, chính sách Quốc phòng của Việt Nam mang tính chất hòa bình và tự vệ; kiên quyết, kiên trì đấu tranh giải quyết mọi tranh chấp, bất đồng bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế; tích cực, chủ động ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, thực hiện phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, sẵn sàng chống chiến tranh xâm lược.

Đối ngoại nhân dân được xác định là một trong 3 trụ cột của nền đối ngoại toàn diện. Ban Đối ngoại ban hành Hướng dẫn số 07-HD/BĐNTW ngày 8/10/2020 về thực hiện các quy định về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức nhân dân ở Trung ương. Tiếp đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 11/2/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đánh giá: "Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân ngày càng được củng cố và phát triển" [66, tr.149].

Đối với người Việt Nam ở nước ngoài được Đảng ta đặc biệt quan tâm. Từ khi Bộ Chính trị khoá IX ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 26/3/2004 về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 19/5/2015 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới, với quan điểm: Đảng

và Nhà nước ta luôn luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đánh giá: "Người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng nâng cao ý thức tự hào dân tộc, lòng yêu nước, gắn bó với quê hương, đất nước, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, vươn lên trong cuộc sống, hội nhập vào nước sở tại" [66, tr.148].

Hai là, Đảng đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp quán triệt và tổ chức thực hiện tốt công tác thông tin đối ngoại.

Những năm qua, trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN, Đảng đã lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức Đảng và chính quyền các cấp đã quán triệt sâu sắc, đưa nội dung TTĐN vào nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch công tác nhằm thống nhất nhận thức và tổ chức thực hiện trong cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp.

Trên cơ sở Kết luận số 16-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020, Chính phủ ban hành Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 06/8/2012 về Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020. Tiếp đó, Chính phủ đã ban hành các quyết định như: Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 28/02/2013 phê duyệt Chương trình hành động của Chính phủ về thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020; Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 về Kế hoạch thông tin đối ngoại của Chính phủ giai đoạn 2015-2017; Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 của Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ giai đoạn 2018-2020; Chỉ thị số 25/CT-TTg, ngày 10/9/2021, Về việc đẩy mạnh triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam.

Cùng với việc ban hành chiến lược, chương trình, kế hoạch thực hiện công tác TTĐN, Chính phủ còn ban hành quy chế quản lý và hoạt động công tác TTĐN. Ngày 07/9/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2015/NĐ-CP về Quản lý hoạt động thông tin đối ngoại, trong đó, có 01 điều quy định

về trách nhiệm quản lý hoạt động TTĐN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ngày 19/10/2016, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư 22/2016/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về Hướng dẫn quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên hướng dẫn UBND các tỉnh thành phố quản lý và triển khai hoạt động TTĐN. Chính phủ đã ban hành Quyết định số 252/QĐ-TTg, ngày 17/02/2016 phê duyệt Đề án tăng cường thông tin đối ngoại với Lào trong tình hình mới và Quyết định số 30/QĐ-TTg, ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án tăng cường công tác thông tin đối ngoại với Campuchia đến năm 2020.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, các ban, bộ, ngành ở Trung ương đã xây dựng và triển khai chiến lược, kế hoạch tổ chức thực hiện. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương đã chủ trì tham mưu xây dựng các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác TTĐN. Ban Đối ngoại Trung ương đã thường xuyên chỉ đạo, định hướng hoạt động TTĐN trong kênh Đảng - Đảng; kịp thời cung cấp thông tin, góp phần nâng cao vị thế và bảo vệ quan điểm của Việt Nam trên trường quốc tế. Bộ Ngoại giao, với tư cách là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo công tác TTĐN, đã tích cực triển khai ngoại giao văn hóa, ngoại giao kinh tế, ngoại giao số gắn với quảng bá hình ảnh Việt Nam. Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) đã xây dựng Chiến lược phát triển báo chí đối ngoại đến năm 2030; Bộ Ngoại giao ban hành kế hoạch truyền thông quốc gia về hình ảnh Việt Nam trong giai đoạn mới.

Bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao, các địa phương đã chủ động tham mưu, hướng dẫn và tổ chức, triển khai thực hiện quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của công tác TTĐN của Đảng. Từ Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07/9/2015 về Quản lý hoạt động thông tin đối ngoại ra đời, thực hiện Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19/10/2016 Hướng dẫn quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm

tháo gỡ những khó khăn, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về TTĐN nói riêng và hoạt động TTĐN của các tỉnh, thành phố nói chung. Đến nay, 100% tỉnh, thành phố đã triển khai xây dựng kế hoạch công tác TTĐN.

Nhiều tỉnh ủy, thành uỷ cũng đã ban hành kế hoạch cụ thể về công tác TTĐN, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, như Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Hồ Chí Minh, Thành ủy Đà Nẵng, Tỉnh ủy Quảng Ninh … Trong quá trình xây dựng và triển khai các chương trình này, Ban Chỉ đạo công tác TTĐN Trung ương đã yêu cầu các địa phương, bộ, ngành báo cáo kế hoạch công tác TTĐN định kỳ, 6 tháng và hằng năm, từ đó theo dõi tiến độ và kịp thời điều chỉnh khi cần thiết.

Ba là, Đảng đặc biệt quan tâm lãnh đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại.

Nhận thức sâu sắc vai trò của tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN, trong thời gian qua, Đảng ta đã đặc biệt quan tâm lãnh đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN, cả ở Trung ương và địa phương. Đây là yếu tố nền tảng, là động lực để nâng cao hiệu quả TTĐN trong thời gian qua.

Thực hiện chủ trương kiện toàn, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII và Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, từ tháng 2 năm 2025, Chính phủ đã ban hành quyết định điều chỉnh, sắp xếp lại hệ thống các cơ quan làm công tác TTĐN theo hướng thống nhất đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ và khắc phục tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

Theo đó, tại Trung ương, cơ cấu tổ chức của các cơ quan lãnh đạo công tác TTĐN được tái thiết lập theo hướng chuyên môn hóa cao và phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ. Ngày 29/7/2025 Ban Bí thư đã ban hành Quy định số 345-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về công tác TTĐN. Đây là

cơ quan "Có quyền yêu cầu, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thực hiện nhiệm vụ về TTĐN; báo cáo công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ TTĐN".

Bộ Ngoại giao: Theo Nghị định số 28/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ, Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao, theo đó, Bộ tổ chức lại thành các đơn vị chuyên môn theo khu vực và lĩnh vực.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương: Theo Quy định số 246-QĐ/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban có chức năng tham mưu chiến lược, xây dựng cẩm nang, chỉ đạo tuyên truyền và phối hợp tổ chức các lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ tuyên giáo, báo chí.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Theo Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ được giao đảm nhiệm vai trò chủ lực trong phát triển chiến lược văn hóa đối ngoại.

Bộ Khoa học và Công nghệ: Theo Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02/03/2025 của Chính phủ về Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ có chức năng xây dựng chiến lược truyền thông số quốc gia, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hỗ trợ truyền thông kỹ thuật số trong TTĐN.

Thực hiện Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ); đồng thời nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thông tin đối ngoại theo Kết luận số 57-KL/TW của Bộ Chính trị, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đã được tổ chức, củng cố theo hướng chuyên sâu, tinh gọn, đa phương tiện và đa ngữ, bảo đảm đáp ứng yêu cầu truyền thông quốc gia trong kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế toàn diện.

Tại các địa phương, thực hiện Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07/9/2015 về Quản lý hoạt động thông tin đối ngoại; Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19/10/2016 Hướng dẫn quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các văn bản hướng dẫn xây dựng Kế hoạch hằng năm của Bộ Thông tin và Truyền thông, đến nay, trên cả nước100% tỉnh, thành phố đã triển khai xây dựng kế hoạch công tác thông tin đối ngoại.

Thực hiện Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025. Theo đó, ngày 22/10/2025, Ban Tuyên giáo và Dân vận đã ban hành Hướng dẫn số 32-HD/BTGDCTW, Hướng dẫn thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về công tác thông tin đối ngoại. Thực hiện chủ trương của Trung ương, hiện nay các tỉnh thành đã thành lập các ban chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại của tỉnh ủy sau sắp xếp. Ví dụ như: Quyết định số 65-QĐ/TU ngày 10/11/2025 của Tỉnh ủy Tuyên Quang, Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại Tỉnh ủy Tuyên Quang; Ngày 21/8/2025, Ban Chỉ đạo Công tác thông tin đối ngoại Thành phố Cần Thơ ban hành Chương trình số 01-CTr/BCĐ về công tác TTĐN từ nay đến cuối năm 2025 trong đó kiện toàn Ban Chỉ đạo Công tác TTĐN sau hợp nhất 03 địa phương (thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang thành Thành phố Cần Thơ) và ban hành Quy chế làm việc; Chương trình công tác TTĐN năm 2026 và nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến cuối năm 2025.

Đảng đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN, coi đây là "điểm tựa", là "then chốt" để nâng cao hiệu quả tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, phản bác luận điệu sai trái và khơi dậy lòng tự hào dân tộc. Công tác quy hoạch và đào tạo đội ngũ cán bộ TTĐN đã được thực hiện theo hướng chuyên sâu, có chiến lược dài hạn. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, đến năm 2023, đã có hơn 1.000 lượt cán bộ từ Trung ương đến địa phương được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề về kỹ năng truyền thông đối ngoại, kỹ thuật sử dụng nền tảng số, xử lý khủng

hoảng truyền thông và kỹ năng giao tiếp quốc tế. Đội ngũ cán bộ TTĐN ngày càng có trình độ ngoại ngữ tốt hơn, sử dụng thành thạo các công cụ truyền thông kỹ thuật số và có bản lĩnh chính trị vững vàng. Hiện nay, 100% các cơ quan chủ lực như Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân Dân, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam… đều có đội ngũ biên tập viên, phóng viên thường trú ở nước ngoài, có trình độ ngoại ngữ tốt, có khả năng sản xuất nội dung bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Tính đến tháng 6-2023, Việt Nam 253 cơ quan báo chí tham gia hoạt động thông tin đối ngoại, 59 văn phòng báo chí Việt Nam thường trú tại nước ngoài, 137 phóng viên Việt Nam thường trú tại nước ngoài trong năm 2022, số nhân lực kiêm nhiệm công tác thông tin đối ngoại tại các sở thông tin và truyền thông, phòng văn hóa thông tin truyền thông các xã là 591 người [103].

Thực tiễn cho thấy, việc quan tâm xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN không chỉ là điều kiện đảm bảo hiệu quả của công tác TTĐN, mà còn là cơ sở để nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc và thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược về chính trị - đối ngoại trong tình hình mới.

Bốn là, Đảng lãnh đạo phối hợp hoạt động của các tổ chức, lực lượng thực hiện công tác thông tin đối ngoại đạt được những kết quả thiết thực.

Trong những năm qua, sự phối hợp hoạt động của các tổ chức, lực lượng trong công tác TTĐN không còn mang tính hình thức mà đã được thể chế hóa bằng nhiều chủ trương, chương trình hành động cụ thể, được triển khai thực hiện theo cả chiều ngang (giữa các ban, bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội) và chiều dọc (từ Trung ương đến địa phương), qua đó nâng cao tính đồng bộ và hiệu quả công tác TTĐN. Đây là một trong những kết quả nổi bật trong lãnh đạo công tác TTĐN của Đảng.

Thực hiện Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác TTĐN trong tình hình mới; Chỉ thị số 12-CT/TW của Ban Bí thư về đối ngoại nhân dân; Hướng dẫn số

127- HD/BTGTW ngày 19/12/2023 của Ban Tuyên giáo Trung ương tuyên truyền kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024; văn bản số 132-HD/BTGTW ngày 29/12/2023 của Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn công tác TTĐN năm 2024. Bộ Thông tin và truyền thông đã ban hành công văn số 947/BTTTT-TTĐN ngày 18/03/2024 về việc hướng dẫn hoạt động TTĐN năm 2024. Trong văn bản quy định rõ: Chủ động trong ký kết các chương trình phối hợp về TTĐN hoặc chuyên đề/ theo đề án, nhiệm vụ giữa các cơ quan và giữa các cơ quan với các báo, đài trong truyền thông chính sách và truyền thông đối ngoại thuộc lĩnh vực quản lý. Việc phối hợp theo chiều ngang ngày càng bài bản, phát huy hiệu quả. Các cơ quan thuộc ba trụ cột đối ngoại là ngoại giao Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân đã phối hợp ngày càng đồng bộ. Trong đó, các ban, bộ, ngành đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, nhất là vai trò trung tâm điều phối của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương. Bộ Ngoại giao đóng vai trò nòng cốt trong việc tổ chức các hoạt động đối ngoại cấp cao, định hướng chiến lược, cung cấp thông tin chính thống cho báo chí trong và ngoài nước.

Điển hình, năm 2022, nhân dịp tổ chức SEA Games 31 tại Việt Nam, các bộ, ngành như Bộ Văn hóa và Thể thao, Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp tổ chức chiến dịch truyền thông bằng 7 ngôn ngữ (Anh, Trung, Nhật, Hàn, Thái, Khmer, Lào) với trên 500 tin bài, video, được phát hành trên mạng xã hội, YouTube, truyền hình quốc tế… góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam thân thiện, hiện đại, năng động tới bạn bè khu vực và thế giới.

Năm 2025, Việt Nam có nhiều sự kiện nổi bật liên quan đến chính trị, trong đó nổi bật nhất là hai buổi lễ kỷ niệm trọng điểm của đất nước, đó là lễ kỷ niệm 50 năm thống nhất Việt Nam vào ngày 30 tháng 4 và 80 năm Quốc khánh Việt Nam vào ngày 2 tháng 9. Đây là sự kiện chính trị - xã hội có ý nghĩa đặc biệt, được chuẩn bị từ năm 2023 theo chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Chỉ đạo Trung ương, chương trình có sự góp mặt của lực lượng vũ trang Trung Quốc, Nga, Lào và Campuchia.

Cùng với phối hợp theo chiều ngang, việc phối hợp theo chiều dọc giữa Trung ương và các địa phương được thiết lập vững chắc. Ngày 30/6/2025, Bộ Ngoại giao đã ban hành Thông tư số 09/2025/TT-BNG, Thông tư Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan chức năng của Trung ương, tại nhiều tỉnh, thành phố, Ban Chỉ đạo công tác TTĐN cấp tỉnh đã xây dựng kế hoạch hành động TTĐN hằng năm, gắn với đặc thù địa phương, trong đó, xác định rõ trách nhiệm và sự phối hợp của các tổ chức, lực lượng tham gia.

Để phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức. lực lượng, UBND tỉnh Bình Thuận đã ban hành kế hoạch số 4371/KH-UBND ngày 19/11/2024, Kế hoạch công tác TTĐN tỉnh Bình Thuận năm 2025. Trong đó, yêu cầu: "bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy; sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các địa phương trong hoạt động TTĐN".

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng làm công tác TTĐN không chỉ dừng lại ở các cơ quan nhà nước mà còn được mở rộng sang các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng kiều bào. Nhận thức về sự tham gia của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, ngày 12/8/2021, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Kết luận số 12-KL/TW về Công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới. Đảng ta xác định: "Đổi mới nội dung, phương thức và tư duy về công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại. Kịp thời thông tin về tình hình đất nước và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta. Phát huy hiệu quả các phương tiện truyền thông đa dạng của cộng đồng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp, phản ứng nhanh, kịp thời phản bác những luận điệu sai trái, không đúng sự thật về tình hình đất nước". Một số tổ chức như Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Truyền thông số Việt Nam, Hiệp hội Xuất bản… đã

tích cực phối hợp trong các chiến dịch truyền thông quốc tế. Đáng chú ý, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (trên 5 triệu người tại hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ) được xác định là "cầu nối thông tin đối ngoại quan trọng". Thông qua Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (thuộc Bộ Ngoại giao) để phối hợp tổ chức các chương trình: Xuân quê hương, Diễn đàn kiều bào với chuyển đổi số quốc gia, Tuần lễ văn hóa Việt Nam ở nước ngoài … Các hoạt động này là cơ hội để kiều bào đóng góp thông tin, tham gia phản bác luận điệu sai trái trên mạng xã hội, diễn đàn quốc tế, trở thành "người phát ngôn phi chính phủ" đáng tin cậy của quốc gia.

Năm là, Đảng lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện công tác thông tin đối ngoại một cách thường xuyên và kịp thời.

Trong những năm qua, Đảng đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện công tác TTĐN. Việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm công tác TTĐN đã có chuyển biến mạnh mẽ, thể hiện ở tính đồng bộ, chủ động và kịp thời. Thông qua sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp đánh giá đúng kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập, rút ra những bài học kinh nghiệm, góp phần phát triển nhận thức mới về công tác TTĐN trong tình hình mới.

Thường kỳ, 6 tháng, 1 năm, hoặc giữa nhiệm kỳ, Đảng lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp tiến hành sơ kết về công tác TTĐN. Nội dung sơ kết tập trung vào kiểm điểm kết quả bước đầu; phân tích ưu điểm, hạn chế; xác định nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn tiếp theo. Năm 2021, Ban Bí thư đã tổ chức Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 26-CT/TW (2018) về công tác TTĐN trong tình hình mới. Trong hội nghị, Ban Bí thư khẳng định những kết quả tích cực trong quảng bá hình ảnh đất nước, đồng thời nhấn mạnh hạn chế, bất cập, nhất là năng lực cán bộ làm công tác TTĐN chưa đồng đều, đấu tranh phản bác thông tin xấu độc còn bị động.

Định kỳ 5 năm, 10 năm hoặc cuối nhiệm kỳ các Đại hội, Đảng lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp tiến hành tổng

kết về công tác TTĐN. Trong đó, đánh giá toàn diện hiệu quả công tác TTĐN, rút ra bài học kinh nghiệm và định hướng nhiệm vụ, giải pháp công tác TTĐN thời gian tới. Đây là một trong những nội dung quan trọng góp phần nâng cao chất lượng công tác TTĐN, phát hiện bất cập, từ đó kiến nghị các giải pháp điều chỉnh phù hợp, sát thực tiễn.

Trên cơ sở các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông cùng các địa phương đã tổ chức các đợt sơ kết giữa kỳ, tổng kết cuối kỳ để đánh giá toàn diện hiệu quả thực hiện công tác TTDN, nhất là trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, truyền thông quốc tế thay đổi nhanh chóng.

Chẳng hạn, ngày 02/8/2017, tại Hà Nội, Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Chỉ đạo Công tác TTĐN Trung ương tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 16 - KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về công tác TTĐN. Gần 500 đại biểu là đại diện lãnh đạo các ban, bộ, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội; đại diện lãnh đạo 63 tỉnh, thành phố và các cơ quan thông tấn, báo chí tham dự Hội nghị. Hội nghị đánh giá, sau 5 năm triển khai 16 - KL/TW của Bộ Chính trị *về Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011 - 2020*, các lực lượng làm công tác TTĐN đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt được kết quả đáng ghi nhận. Tiếp đó, ngày 15/6/2023, Bộ Chính trị ban hành Kết luận 57-KL/TW về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới khẳng định: "công tác thông tin đối ngoại đã đạt được kết quả quan trọng, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù dịch, luận điệu xuyên tạc, làm thất bại âm mưu chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ, sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tô quốc" [35]. Nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân về công tác TTĐN trong tình hình mới ngày càng được nâng cao; hệ thống các cơ quan chuyên trách được củng cố, kiện toàn; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

ngày càng được hoàn thiện. Các hoạt động TTĐN ở các ban, bộ, ngành, địa phương, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được tổ chức bài bản, đồng bộ hơn. Nội dung, phương thức các hoạt động TTĐN được đổi mới; phạm vi, đối tượng, địa bàn ngày càng được mở rộng. Nhiều chủ trương, chính sách, các sự kiện trọng đại của đất nước; quan điểm của Việt Nam đối với những vấn đề khu vực và quốc tế; hình ảnh đất nước, con người, lịch sử, văn hóa của dân tộc… được thông tin kịp thời, đã góp phần quan trọng vào việc mở rộng quan hệ quốc tế, tạo dựng hình ảnh một đất nước Việt Nam hòa bình, hữu nghị, năng động, giàu tiềm năng và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Trong những năm qua, nhiều hội nghị toàn quốc chuyên sâu đã được tổ chức nhằm sơ kết, tổng kết và thúc đẩy chất lượng TTĐN. Trong đó, đáng chú ý là Hội nghị Tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng (2016 - 2021) về công tác đối ngoại. Tại Hội nghị, đồng chí Bùi Thanh Sơn - Thứ trưởng thường trực Bộ Ngoại giao nhận định: "Dưới sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự phối hợp giữa các trụ cột đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân ngày càng chặt chẽ, kiện toàn và triển khai hiệu quả cơ chế phối hợp quốc phòng-an ninh-đối ngoại, góp phần nâng cao hiệu quả và sức mạnh tổng thể trên mặt trận đối ngoại" [88]. Cùng với việc nhấn mạnh vai trò của TTĐN, hội nghị đã đề xuất nhiều nhiệm vụ, giải pháp thiết thực tiến hành công tác TTĐN nhằm nâng cao uy tín, vị thế đất nước trên trường quốc tế, góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia và ổn định chính trị - xã hội. Năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 16-KL/TW về *Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011 - 2020*. Hội nghị này đã rà soát các mô hình TTĐN hiệu quả tại cấp tỉnh, nhấn mạnh sự thay đổi mạnh về hình thức tiếp cận công chúng, mở rộng từ báo in, báo mạng điện tử và truyền hình sang các nền tảng mạng xã hội như YouTube, Facebook, TikTok… Năm 2023, Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác TTĐN và tuyên truyền biển, đảo, phân giới, cắm mốc và quản lý

biên giới đất liền. Hội nghị đã thu hút hơn 500 đại biểu tham dự. Hội nghị còn tổ chức triển lãm các sản phẩm TTĐN tiêu biểu, tôn vinh sáng kiến hay.

Cùng với việc tổ chức các hội nghị sơ, tổng kết, các bộ, ban, ngành còn tổ chức các hội thảo quốc tế, hội nghị chuyên đề về công tác TTĐN. Điển hình như năm 2022, Hội thảo quốc tế "Công tác thông tin đối ngoại thời chuyển đổi số" do Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức. Đây là dịp chia sẻ kinh nghiệm trong công tác TTĐN, đồng thời giới thiệu các ứng dụng công nghệ truyền thông mới như AI, dữ liệu lớn, nền tảng video ngắn … Năm 2024, Bộ Ngoại giao đã tổ chức Hội nghị chuyên đề về phát huy vai trò của kiều bào trong công tác TTĐN, tại TP. HCM. Hội nghị đề xuất thành lập các "nhóm truyền thông cộng đồng người Việt ở nước ngoài" nhằm kết nối mạng lưới thông tin và hỗ trợ định hướng dư luận quốc tế. Thông qua các hoạt động này, công tác sơ kết, tổng kết không chỉ dừng lại ở thu thập số liệu, mà đã phát triển thành hệ sinh thái, đồng thời, chia sẻ kinh nghiệm tổ chức thực hiện, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, đề xuất chính sách và khuyến nghị giải pháp cụ thể.

Có thể khẳng định, việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, bài bản công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm công tác TTĐN của Đảng đã góp phần quan trọng vào việc không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động TTĐN cả về nội dung, hình thức và phương thức lãnh đạo. Điều đó không chỉ giúp khắc phục kịp thời các hạn chế, bất cập mà còn lan tỏa những giá trị tích cực, củng cố niềm tin vào vai trò lãnh đạo chiến lược của Đảng trong bối cảnh quốc tế ngày càng biến động, phức tạp.

3.1.1.2. Về thực hiện phương thức lãnh đạo

Một là, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận và định hướng lớn đạt được nhiều thành tựu nổi bật.

Thời gian qua, để lãnh đạo công tác TTĐN, Đảng ta đã luôn bám sát tình hình thế giới và thực tiễn đất nước, đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác TTĐN. Cùng với các Nghị quyết Đại hội lần thứ X, XI, XII, XIII và XIV, Đảng đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận chuyền đề để

định hướng chiến lược cho công tác TTĐN. Các nghị quyết, chỉ thị, kết luận đã xác lập quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng lớn công tác TTĐN trong từng giai đoạn, thể hiện rõ nét ở tầm nhìn chiến lược của Đảng. Cụ thể như sau:

Trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, Đại hội lần thứ XI (năm 2011) của Đảng xác định đường lối đối ngoại: "đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế". Để thực hiện chủ trương của Đại hội XI về công tác đối ngoại, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, ngày 14/2/2012, Bộ Chính trị (khóa XI) ban hành Kết luận số 16-KL/TW về *Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011 - 2020*. Trong đó, xác định TTĐN là "một nhiệm vụ rất quan trọng trong công tác đối ngoại và công tác tư tưởng của Đảng".

Trước bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh chóng, rất phức tạp, khó lường; đất nước đứng trước nhiều vấn đề mới, có cả những thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức gay gắt, Đại hội lần thứ XII (năm 2016), Đảng ta chỉ rõ: "Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, hội nhập quốc tế, tạo đồng thuận trong nước và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Trước tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới, với yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, để tăng cường công tác đối ngoại, Đại hội XIII của Đảng (1/2021) nhấn mạnh: "Đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại".

Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 05/01/2022 của Ban Bí thư về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân trong hình hình mới*. Trong đó, nhấn mạnh vai trò quan trọng của TTĐN trong hoạt động đối ngoại nhân dân; đồng thời, yêu cầu phải đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông hiện đại để nâng cao hiệu quả công tác TTĐN, góp phần xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột chính là đối ngoại Đảng, đối ngoại Nhà nước và đối ngoại Nhân dân.

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các nội dung trọng tâm của Kết luận 16-KL/TW (2012), Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về *Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới* đã cập nhật những yêu cầu mới của thời đại số, của hội nhập sâu rộng và khẳng định: "Công tác TTĐN là bộ phận quan trọng của công tác chính trị, tư tưởng và công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân; là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị". Kết luận số 57-KL/TW không chỉ xác định tầm nhìn chiến lược đến năm 2030 mà còn định hướng cụ thể về mục tiêu, nội dung, lực lượng, phương thức tiến hành công tác TTĐN; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan đảng, nhà nước, quốc hội, các đoàn thể chính trị - xã hội và địa phương trong thực hiện công tác TTĐN.

Các nghị quyết, chỉ thị, kết luận nêu trên đã xác lập những định hướng chiến lược trong công tác TTĐN, đóng vai trò như kim chỉ nam, là căn cứ chính trị để các cơ quan nhà nước xây dựng văn bản pháp lý, thể chế hóa thành hành động cụ thể. Đồng thời, đây cũng là nền tảng tư tưởng, giúp thống nhất nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị. Việc ban hành đồng bộ, kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, kết luận là biểu hiện rõ nét nhất của phương thức lãnh đạo chính trị, tư tưởng của Đảng trong lĩnh vực TTĐN.

Hai là, việc phát huy vai trò của Nhà nước trong thể chế hóa và tổ chức thực hiện công tác thông tin đối ngoại của Đảng đạt được nhiều kết quả to lớn, thiết thực.

Những năm qua, cùng với việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, Đảng đã phát huy tốt vai trò của Nhà nước trong thể chế hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của công tác TTĐN thành pháp luật và tổ chức thực hiện. Các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN đã được thể chế hóa, cụ thể hóa bằng các chỉ thị, nghị định, quy định, kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương. Cụ thể như sau:

Thực hiện Kết luận số 16-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XI), ngày 06/8/2012, Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 21/CT-TTg *Về việc triển khai*

thực hiện Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011 - 2020. Tiếp đó, ngày 04/9/2012, Chính phủ ban hành Quyết định 1209/QĐ-TTg *Phê duyệt Quy hoạch phát thanh, truyền hình đối ngoại đến năm 2020*, trong đó chỉ rõ: "Phát thanh, truyền hình đối ngoại là lực lượng chủ lực để thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại". Ngày 23/10/2012, Chính phủ ban hành Nghị định 88/2012/NĐ-CP, quy định *về Hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam* (thay thế Nghị định 67/CP ngày 31/10/1996 của Chính phủ). Ngày 28/2/2013, Chính phủ ban hành Quyết định số 368/QĐ-Ttg về việc *Phê duyệt chương trình hành động của Chính phủ về thông tin đối ngoại giai đoạn 2013 - 2020*. Ngày 08/2/2014, Chính phủ phê duyệt *Đề án nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tới năm 2020*. Ngày 07/9/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2015/NĐ-CP *về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại*. Ngày 09/02/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2017/NĐ-CP *Quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước*. Ngày 11/02/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 18/2020/NĐ-CP, *Quy định chi tiết một số điều của Luật Báo chí liên quan đến hoạt động thông tin đối ngoại*. Nghị định này là căn cứ pháp lý để các cơ quan báo chí xây dựng chương trình, kế hoạch thông tin phục vụ công tác đối ngoại, đặc biệt là đối với những vấn đề nhạy cảm như biển, đảo, dân tộc, tôn giáo. Ngày 04/8/2020, Chính phủ ban hành Quyết định số 1178/QĐ-Ttg về *Danh mục bí mật Nhà nước trong lĩnh vực đối ngoại và hợp tác quốc tế*. Ngày 5/8/2020, Chính phủ ban hành Quyết định số 1191/QĐ-TTg về việc *Phê duyệt Chương trình thông tin đối ngoại giai đoạn 2021 - 2025*. Trong đó, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác TTĐN, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, với mục tiêu quảng bá hình ảnh Việt Nam tới các nước có chung đường biên giới, góp phần xây dựng biên giới quốc gia hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Trên cơ sở các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng; các nghị định,

quy định, kế hoạch của Chính phủ, các ban, bộ, ngành đã ban hành những quy định, hướng dẫn nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác TTĐN. Ngày 10/12/2012, Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư 06/2012/TT-BNG *Về biểu mẫu triển khai thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam*. Ngày 19/3/2014, Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) đã ban hành Thông tư 04/2014/TT-BTTTT, *Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 88/2012/NĐCP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam*. Tiếp đó, ngày 19/10/2016, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT, *Hướng dẫn quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*. Ngày 08/3/2019, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 02/2019/TTBTTTT về *Hướng dẫn về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ*. Năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai chương trình "Thông tin đối ngoại quốc gia", xây dựng mạng lưới báo chí TTĐN tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Năm 2024, Bộ đã xây dựng Báo cáo số 345/BC-BTTTT đánh giá hiệu quả tuyên truyền về biển, đảo trên các nền tảng số, bước đầu hình thành cơ sở dữ liệu về chủ quyền quốc gia bằng đa phương tiện. Hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật để các địa phương vận hành các cổng thông tin điện tử bằng song ngữ (Việt - Anh), đẩy mạnh tin tức tích cực ra quốc tế.

Có thể thấy, việc lãnh đạo phát huy vai trò của Nhà nước trong thể chế hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng về công tác TTĐN vừa đảm bảo giữ vững định hướng tư tưởng, chính trị. Mặt khác, vừa thể chế hóa, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với công tác TTĐN. Sự chuyển hóa từ nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng thành pháp luật, chương trình, kế hoạch của Nhà nước giúp

công tác TTĐN có hành lang pháp lý rõ ràng, có cơ chế tài chính cụ thể và nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có chất lượng.

Ba là, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại thông qua công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục đạt được nhiều kết quả tích cực

Trong những năm qua, Đảng lãnh đạo công tác TTĐN thông qua công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục đạt được nhiều kết quả tích cực. Trước hết, đã lãnh đạo tổ chức các chiến dịch truyền thông quy mô lớn như: Chiến dịch "Việt Nam - Đối tác tin cậy và thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế", "Việt Nam - điểm đến an toàn", "Việt Nam - đất nước của đổi mới sáng tạo"... Các chiến dịch này được triển khai bài bản, xuyên suốt trên nhiều nền tảng, từ báo chí chính thống đến mạng xã hội, hội thảo chuyên đề, diễn đàn đối thoại chính sách quốc tế. Thông điệp xuyên suốt trong các chiến dịch là nhấn mạnh hình ảnh Việt Nam hòa bình, ổn định, phát triển, có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế, qua đó đã tạo dựng được niềm tin và sức hấp dẫn của Việt Nam đối với đối tác, bạn bè quốc tế.

Kết quả công tác tuyên truyền biển, đảo là minh chứng sinh động. Trong năm 2023, cả nước tổ chức hơn 8.000 hội nghị, buổi tuyên truyền, phổ biến thông tin về biển, đảo và biên giới lãnh thổ quốc gia; hàng trăm tài liệu chuyên đề, infographic, bản tin truyền hình được xuất bản bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Pháp … phục vụ công tác đối ngoại và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Việc tuyên truyền này không chỉ giúp nâng cao nhận thức của nhân dân trong nước về chủ quyền lãnh thổ mà còn góp phần làm rõ lập trường chính nghĩa của Việt Nam trên trường quốc tế. Báo chí và truyền thông là lực lượng xung kích trong tuyên truyền biển, đảo. Với hơn 800 cơ quan báo chí hoạt động ở Việt Nam, Đảng đã chỉ đạo các cơ quan báo chí chủ lực như Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân Dân, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam… xây dựng chuyên mục, chuyên trang TTĐN bằng nhiều thứ tiếng. Qua đó, truyền tải chính sách, định hướng dư luận, phản bác thông tin sai lệch, xuyên tạc của các thế lực thù địch về tình hình đất nước, về biển, đảo Việt Nam.

Sự lan tỏa của phương thức lãnh đạo bằng tuyên truyền, vận động,

thuyết phục không chỉ dừng lại ở việc "nói cho dân hiểu, dân tin" mà còn góp phần "quốc tế hóa" lập trường chính trị, giá trị phát triển và hình ảnh đất nước và con người Việt Nam. Theo Báo cáo năm 2020 của Ban Tuyên giáo Trung ương, chỉ riêng trong năm 2020 đã có trên 6.000 bài viết, ấn phẩm báo chí và truyền thông về TTĐN được thực hiện; trong đó, có khoảng 1.500 bài viết bằng ngôn ngữ nước ngoài được phát hành toàn cầu, hơn 700 bài phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch. Năm 2023, qua khảo sát nhận thức của người dân tại 21 tỉnh, thành phố về TTĐN, kết quả là: hơn 83% người dân nhận diện rõ nội dung TTĐN chính thống; có 76% cho rằng thông tin này giúp họ "hiểu đúng" về tình hình và đường lối đối ngoại của đất nước; có 68% người được hỏi từng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp các hoạt động tuyên truyền về chủ quyền biển đảo quốc gia (các số liệu trên là do nghiên cứu sinh tổng hợp qua các nguồn tài liệu). Đây là minh chứng sinh động về hiệu quả tác động xã hội to lớn của công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục trong hoạt động lãnh đạo của Đảng về công tác TTĐN.

Nhìn một cách tổng thể, sự lãnh đạo công tác TTĐN bằng tuyên truyền, vận động, thuyết phục là biểu hiện sinh động của sự kết hợp giữa tính lý luận - tính thực tiễn - tính nhân văn trong hoạt động lãnh đạo của Đảng. Nó không chỉ làm rõ chính nghĩa của Việt Nam, mà còn lan tỏa các giá trị hòa bình, hợp tác, phát triển và hội nhập. Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh, thông tin đa chiều, truyền thông thao túng nhận thức, sự lãnh đạo bằng tuyên truyền, vận động, thuyết phục của Đảng càng có ý nghĩa chiến lược trong giữ vững độc lập, chủ quyền, ổn định tư tưởng xã hội và tạo thế - lực trong quan hệ quốc tế.

Bốn là, Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng công tác tổ chức, cán bộ có chuyển biến mạnh mẽ, tích cực và rõ nét.

Trong những năm qua, Đảng luôn chú trọng xây dựng, kiện toàn và phát huy vai trò nòng cốt của tổ chức bộ máy làm công tác TTĐN từ Trung ương đến địa phương vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Cụ thể, Đảng đã lãnh đạo thành lập Ban Chỉ đạo công tác TTĐN Trung ương, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, do Trưởng ban

Tuyên giáo Trung ương làm Trưởng ban, với sự tham gia của lãnh đạo các ban, bộ, ngành chủ chốt như Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Đối ngoại Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam … Trong khối cơ quan hành chính nhà nước, Bộ Ngoại giao thành lập Cục Thông tin đối ngoại, Bộ Thông tin và Truyền thông duy trì Trung tâm Thông tin và Truyền thông quốc tế; Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức Vụ Thông tin đối ngoại. Tại các tỉnh ủy, thành ủy, các Ban Chỉ đạo công tác TTĐN cấp tỉnh được thành lập, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của tỉnh ủy, thành ủy, do Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy làm trưởng ban. Theo báo cáo của Ban Chỉ đạo công tác TTĐN Trung ương tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác TTĐN năm 2023, đến hết năm 2022, 100% tỉnh ủy, thành ủy trong cả nước đã thành lập Ban Chỉ đạo công tác TTĐN, trong đó có hơn 65% địa phương đã ban hành quy chế hoạt động riêng và xây dựng kế hoạch hàng năm.

Cùng với xây dựng, kiện toàn và phát huy vai trò của tổ chức bộ máy làm công tác TTĐN, Đảng chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN một cách bài bản, khoa học. Trước hết, Đảng đặc biệt quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác TTĐN. Bởi đây là nhóm cán bộ đòi hỏi cao về cả bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và kỹ năng truyền thông quốc tế. Đảng kết hợp giữa đào tạo chính trị, nghiệp vụ báo chí, công nghệ truyền thông và kỹ năng ngoại giao nhân dân. Đồng thời, xây dựng cơ chế bố trí, sử dụng hợp lý - đúng người, đúng việc, đúng yêu cầu - nhằm phát huy tối đa năng lực và sở trường cá nhân trong từng vị trí công tác. Những cán bộ làm nhiệm vụ TTĐN được sàng lọc kỹ lưỡng về tư duy chính trị, trình độ học vấn, năng lực tiếp cận và xử lý thông tin đa chiều, cũng như tinh thần cầu thị và bản lĩnh khi đối mặt với các tình huống nhạy cảm, phức tạp trên trường quốc tế.

Nhằm hiện thực hóa xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN, các cơ quan Trung ương và địa phương đã tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu về kỹ năng giao tiếp ngoại giao, xử lý truyền thông xuyên quốc gia, cập nhật xu hướng thông tin số toàn cầu. Theo số liệu trong báo cáo tổng kết Đề án "Bồi

dưỡng kiến thức và kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hội nhập quốc tế giai đoạn 2021-2025", trong 5 năm qua, Đề án đã triển khai thành công 02 hội thảo và 90 khóa bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng đối ngoại và ngoại ngữ chuyên ngành dành cho gần 9.000 lượt học viên của các Bộ, ngành và địa phương [85].

Trong hoạt động thực tiễn, các cơ quan như Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ TT&TT, các cơ quan báo chí chủ lực đã trở thành trung tâm đào tạo và thực hành công tác TTĐN. Cán bộ Ban Đối ngoại Trung ương thường xuyên được cử tham gia các hội nghị quốc tế của các đảng chính trị, tổ chức phi chính phủ. Đội ngũ cán bộ của Bộ Ngoại giao được tuyển chọn từ những sinh viên xuất sắc các trường quan hệ quốc tế, được luân chuyển giữa các cục, vụ và cơ quan đại diện ngoại giao để trau dồi kinh nghiệm.

Có thể khẳng định, Đảng lãnh đạo công tác TTĐN bằng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ đã có chuyển biến mạnh mẽ. Đây không chỉ đơn thuần là bài toán về sắp xếp bộ máy và con người, mà còn là cơ chế bảo đảm sự hiện diện liên tục, có trách nhiệm của các chủ thể thực thi chiến lược TTĐN của Đảng trên thực địa. Nhờ đó, các chủ trương lớn về đối ngoại, về quốc phòng, về chủ quyền lãnh thổ được chuyển hóa kịp thời thành thông điệp truyền thông thuyết phục và lan tỏa. Đây cũng là điều kiện để công tác TTĐN không chỉ là nhiệm vụ ngắn hạn mà từng bước phát triển thành một "chiến lược quyền lực mềm" dài hạn của quốc gia, do Đảng làm trung tâm hoạch định và tổ chức thực hiện.

Năm là, Đảng lãnh đạo phát huy tốt vai trò của các tổ chức đảng và tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên hoạt động trong lĩnh vực thông tin đối ngoại.

Trong những năm qua, tổ chức đảng trong các cơ quan làm công tác TTĐN như Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Đối ngoại Trung ương, Báo Nhân Dân, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội (Liên hiệp các

tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam…) luôn phát huy vai trò là hạt nhân lãnh đạo chính trị, định hướng và giám sát thực thi các hoạt động TTĐN. Hầu hết tổ chức đảng đã xây dựng và ban hành các nghị quyết chuyên đề về công tác TTĐN, phân công đảng viên phụ trách lĩnh vực cụ thể, tổ chức sinh hoạt chuyên đề gắn với nhiệm vụ TTĐN. Chẳng hạn, Chi bộ Cục Thông tin đối ngoại (Bộ Thông tin và Truyền thông) đã ban hành nhiều nghị quyết về tăng cường hiệu quả thông tin trên báo chí nước ngoài và báo chí đối ngoại. Chi bộ Ban Truyền hình Đối ngoại (VTV4 - Đài Đài Truyền hình Việt Nam) định kỳ sinh hoạt chuyên đề về tuyên truyền chính sách đối ngoại, quảng bá văn hóa Việt Nam tới kiều bào và bạn bè quốc tế. Chi bộ tại VietnamPlus (thuộc Thông tấn xã Việt Nam) tổ chức quán triệt và triển khai chuyên đề về nâng cao hiệu quả truyền thông kỹ thuật số trong TTĐN. Đây là những minh chứng điển hình cho thấy các tổ chức đảng trong các cơ quan làm công tác TTĐN thực sự là chủ thể định hướng, kiểm tra và giám sát việc triển khai công tác TTĐN theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng.

Dưới sự lãnh đạo của các đảng ủy, chi bộ cơ sở, nhiều đơn vị báo chí đã xây dựng các chuyên mục, tuyến bài dài hơi, có chiến lược, chuyên nghiệp hóa hoạt động TTĐN. Chẳng hạn, Đảng ủy Thông tấn xã Việt Nam chỉ đạo xây dựng chuyên mục "Việt Nam hội nhập" với các bản tin đa ngữ, phát hành qua hệ thống báo chí quốc tế. Đảng ủy Đài Truyền hình Việt Nam chỉ đạo triển khai loạt chương trình truyền hình "Việt Nam hôm nay", "Việt Nam nhìn từ bên ngoài", mời các chuyên gia, học giả nước ngoài tham gia. Trong các hoạt động đó, các tổ chức đảng đã giữ vai trò định hướng chính trị, trực tiếp lãnh đạo quá trình tác nghiệp và quản trị nội dung TTĐN, bảo đảm công tác TTĐN chuẩn xác về thông tin và sắc bén về hình thức, phù hợp với công chúng quốc tế, từ đó nâng cao rõ rệt hiệu quả công tác TTĐN.

Các tổ chức đảng trong các tổ chức chính trị - xã hội như Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam … đã phát huy tốt vai trò là cầu nối

giữa Đảng với các tổ chức quần chúng và Nhân dân, qua đó, góp phần mở rộng lực lượng, thành phần làm công tác TTĐN. Các tổ chức đảng lãnh đạo, định hướng hoạt động các tổ chức quần chúng, từ đó xây dựng lực lượng truyền thông xã hội tích cực, các cộng tác viên đối ngoại quần chúng, đội ngũ tuyên truyền viên trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Nhiều mô hình như "Tổ tuyên truyền biển đảo trong đoàn viên công đoàn", "CLB Nhà báo làm TTĐN", "Đội ngũ phát ngôn viên trẻ" do tổ chức đảng trong các hội đoàn quần chúng sáng tạo tổ chức và dẫn dắt đã phát huy hiệu quả trong bối cảnh mới. Chẳng hạn, tại Hội Liên hiệp Phụ nữ TP. Hồ Chí Minh, chi bộ đảng đã chỉ đạo thành lập tổ chuyên trách thông tin về vai trò của phụ nữ Việt Nam trong đối ngoại nhân dân, qua đó thu hút hơn 10.000 lượt tương tác trên các nền tảng mạng xã hội chỉ sau 3 tháng triển khai chiến dịch.

Trong những năm qua, vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên trong các cơ quan làm công tác TTĐN đã được phát huy cao độ. Đội ngũ đảng viên thực sự là những tấm gương sáng trong truyền cảm hứng, dẫn dắt tư tưởng, lan tỏa tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm công dân. Đội ngũ đảng viên trong các cơ quan làm công tác TTĐN không chỉ là những người làm truyền thông, mà còn là những "chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng", có khả năng phân tích, phản biện, đối thoại và truyền cảm hứng với cộng đồng quốc tế một cách thuyết phục. Đặc biệt, vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được thể hiện rõ nét. Trong thời đại truyền thông số, khi mỗi cá nhân đều có thể trở thành một "điểm phát sóng", đội ngũ đảng viên trong các cơ quan làm công tác TTĐN luôn giữ vững lập trường, phát ngôn chuẩn mực, hành xử có trách nhiệm trên không gian mạng. Đội ngũ đảng viên trong các cơ quan làm công tác TTĐN luôn là lực lượng đi đầu trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, những luận điệu xuyên tạc trên báo chí, mạng xã hội, diễn đàn quốc tế. Qua đó, củng cố niềm tin xã hội và định hướng dư luận, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ lợi ích, uy tín và hình ảnh quốc gia - dân tộc.

Thực tiễn cho thấy, nhờ phát huy tốt vai trò của các tổ chức đảng và tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên, đã bảo đảm cho công tác TTĐN không chỉ bám sát mục tiêu, nhiệm vụ chính trị mà còn nâng cao chất lượng hiệu quả thiết thực của công tác TTĐN, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Sáu là, Đảng đã tiến hành công tác kiểm tra, giám sát một cách thường xuyên và kịp thời đối với cấp uỷ, tổ chức đảng trong các cơ quan thông tin đối ngoại.

Trong hệ thống các phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN, KT, GS là một mắt xích đặc biệt quan trọng. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát, Đảng Cộng sản Việt Nam bảo đảm cho toàn bộ hoạt động TTĐN của các cấp ủy, tổ chức đảng trong cơ quan nhà nước và cơ quan chuyên trách đi đúng đường lối, giữ vững nguyên tắc; giúp phát hiện sớm, khắc phục kịp thời những lệch lạc, sơ hở, thiếu sót trong tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình và nhiệm vụ TTĐN.

Trong những năm qua, Đảng đã thường xuyên lãnh đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng trong các cơ quan làm công tác TTĐN tiến hành công tác KT, GS. Công tác KT, GS được triển khai thông qua nhiều hình thức, kênh và cấp độ. Ở Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cấp ủy các cấp chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo, Ban Đối ngoại, Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông tiến hành KT, GS việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về TTĐN. Các đoàn kiểm tra thường được thành lập theo chuyên đề, có kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất. Điển hình, năm 2023, Ban Tuyên giáo Trung ương đã tổ chức các đoàn kiểm tra công tác TTĐN tại nhiều địa phương trọng điểm như Bình Thuận, Lâm Đồng, Hà Giang. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương như Kết luận 57-KL/TW về Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới, hiệu quả phối hợp liên ngành, công

tác phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, các chương trình truyền thông biển đảo, phân giới cắm mốc và quản lý biên giới.

Trong một số trường hợp, công tác KT, GS còn kết hợp với sơ kết, tổng kết chuyên đề như Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác TTĐN - tuyên truyền biển, đảo, phân giới cắm mốc và quản lý biên giới do Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì (tháng 12/2023 tại Lâm Đồng). Qua đó, phát hiện những mô hình hay có thể nhân rộng trong toàn quốc, như mô hình "Tổ tuyên truyền biên giới" ở Lào Cai, Quảng Ninh…. Đồng thời, chỉ ra một số hạn chế như nội dung tuyên truyền chưa sâu, có chồng chéo giữa các lực lượng tham gia, thiếu tính gắn kết nội dung giữa Trung ương - địa phương.

Ở các bộ như Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Ngoại giao đều quan tâm tổ chức KT, GS, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch, chương trình TTĐN của đơn vị mình, đồng thời tổ chức các đoàn công tác liên ngành tới địa phương để kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện. Các tỉnh ủy, thành ủy, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, các sở, ngành ở địa phương thường xuyên tổ chức đoàn kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ TTĐN theo phân công, chỉ đạo của Trung ương hoặc theo kế hoạch công tác hàng năm. Việc kiểm tra, thanh tra gắn với đánh giá chất lượng hoạt động của các chi bộ cơ sở, các đơn vị báo chí, văn hóa, truyền thông trực thuộc.

Qua kiểm tra ở nhiều địa phương, các cơ quan Trung ương đã ghi nhận những kết quả đáng khích lệ trong việc triển khai TTĐN. Đó là: công tác TTĐN luôn bám sát chủ trương, chính sách lớn của Đảng, phản ánh đúng lập trường, quan điểm về các vấn đề trọng yếu như chủ quyền biển đảo, hội nhập quốc tế, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng. Tuy nhiên, tình trạng thiếu liên thông giữa các lực lượng làm công tác TTĐN và thúc đẩy việc ban hành quy chế phối hợp liên ngành. Thông qua kiểm tra, Ban Tuyên giáo Trung ương đã chỉ đạo khắc phục kịp thời hiện tượng thông tin chưa thống nhất giữa các bộ ngành, tình trạng chồng chéo trong nội dung truyền thông, các biểu hiện thiếu cập nhật thông tin, sử dụng nguồn tin không chính thống trong một số chương trình báo chí, truyền thông đối ngoại.

3.1.2. Hạn chế, khuyết điểm

3.1.2.1. Về thực hiện nội dung lãnh đạo

Một là, việc xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác thông tin đối ngoại có mặt chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn.

Mặc dù, những năm qua, Đảng đã thường xuyên bám sát diễn biến của tình hình thế giới và tình hình trong nước để xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN trong từng giai đoạn, Tuy nhiên, việc xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN còn bộc lộ những hạn chế, bất cập, có mặt chưa theo kịp sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của truyền thông quốc tế, làm ảnh hưởng đến khả năng thích ứng và chất lượng, hiệu quả của TTĐN trước bối cảnh mới. Một số nội dung trong văn bản chỉ đạo của Đảng về TTĐN chậm cập nhật trước biến động nhanh chóng của môi trường truyền thông quốc tế và sự trỗi dậy mạnh mẽ của chiến tranh thông tin, truyền thông số xuyên biên giới. Một số quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN trong từng giai đoạn xác định còn chung chung, thông điệp trọng tâm của công tác TTĐN chưa thật rõ ràng.

Thực tế cho thấy, cấp địa phương chưa xây dựng được kế hoạch công tác TTĐN dài hạn; chưa xác định rõ ràng mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN. Ở một số tỉnh, thành, mặc dù đã xây dựng được kế hoạch công tác TTĐN, nhưng mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN còn thiếu tầm nhìn chiến lược, chưa gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương và định hướng công tác đối ngoại của quốc gia. Nội dung kế hoạch công tác TTĐN chủ yếu thiên về các hoạt động lễ hội, quảng bá văn hóa, chưa đề cập đến các yếu tố then chốt như: lựa chọn mục tiêu chiến lược, xác định thông điệp cốt lõi, xây dựng hình ảnh địa phương phù hợp với thị trường quốc tế. Việc thiếu tư duy chiến lược và chưa phân tích sâu sắc dư luận quốc tế, chưa đánh giá đúng xu hướng phát triển của truyền thông toàn cầu và dự báo những khó khăn, rủi ro của truyền thông xuyên biên giới khiến cho các hoạt động TTĐN ở các tỉnh, thành, nhất là ở cơ sở dễ rơi vào tình trạng bị động, lúng túng trước các vụ việc phức tạp.

Có thể thấy, hạn chế trong hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN không chỉ nằm ở tiến độ ban hành văn bản mà sâu xa hơn là tư duy chiến lược chưa đồng bộ, thiếu tính dự báo và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu hiện đại hóa công tác truyền thông trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa. Những hạn chế, bất cập này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả của công tác TTĐN trong bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao sức mạnh mềm của Việt Nam trên trường quốc tế.

Hai là, việc quán triệt và tổ chức thực hiện công tác thông tin đối ngoại của một số cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền chưa thật nghiêm túc, hiệu quả chưa cao.

Công tác TTĐN không chỉ là nhiệm vụ của ngành Tuyên giáo, Ngoại giao hay của các cơ quan báo chí - truyền thông, mà là nhiệm vụ chính trị của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong đó, việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng ở cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp đóng vai trò quyết định đối với chất lượng công tác TTĐN. Tuy nhiên, thời gian qua, một số cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền, nhất là cấp cơ sở, việc quán triệt và tổ chức thực hiện công tác TTĐN chưa thật nghiêm túc, hiệu quả chưa cao.

Qua khảo sát, việc quán triệt, phổ biến các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác TTĐN có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, đối phó. Tổng kết công tác năm 2023, Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ rõ: trong giai đoạn 2020 - 2022, có 27% địa phương chưa tổ chức hội nghị chuyên đề về công tác TTĐN; 35% chưa ban hành chương trình hành động thực hiện Kết luận số 16-KL/TW của Bộ Chính trị về *Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011 - 2020*. Sự thiếu nghiêm túc trong quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác TTĐN ở một số bộ, ban, ngành, địa phương làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ, đảng viên làm công tác TTĐN chưa nhận thức đúng đắn, sâu sắc tầm quan trọng của công tác TTĐN trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược, an ninh phi truyền thống và thông tin xuyên biên

giới diễn biến phức tạp. Dẫn đến có biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ TTĐN, nhất là trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trong tổ chức thực hiện công tác TTĐN hiện nay, hiện tượng khá phổ biến là tình trạng "trên nóng, dưới lạnh". Ban đối ngoại ở địa phương chưa coi trọng TTĐN, coi đó là nhiệm vụ của "Trung ương", của các cơ quan báo chí hoặc truyền thông. Từ đó, thiếu tích cực, chủ động trong tổ chức thực hiện hoặc triển khai mang tính hình thức, đối phó. Trong một số trường hợp, các chủ trương, chỉ đạo từ Trung ương được truyền đạt tới cấp tỉnh, thành nhưng không đi kèm nguồn lực, không có hệ thống giám sát - đánh giá cụ thể, dẫn đến việc các tỉnh, thành không chủ động xây dựng kế hoạch riêng cho công tác TTĐN.

Ba là, tổ chức bộ máy có mặt còn chưa hợp lý, thiếu tính chuyên nghiệp; phẩm chất, năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Mặc dù, những năm qua, sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN bằng công tác tổ chức, cán bộ đã có chuyển biến mạnh mẽ và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, tổ chức bộ máy có mặt vẫn còn chưa hợp lý, thiếu tính chuyên nghiệp; phẩm chất, năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác TTĐN chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trước hết, tổ chức bộ máy làm công tác TTĐN ở nhiều cơ quan, địa phương còn chưa thực sự tinh gọn và chuyên nghiệp, thậm chí ở một số nơi còn mang tính hình thức, đối phó. Chẳng hạn, trong cơ cấu tổ chức bộ máy làm công tác TTĐN tại cấp tỉnh, thành, Ban Chỉ đạo công tác TTĐN thường do Phó Chủ tịch UBND tỉnh, thành hoặc lãnh đạo Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy kiêm nhiệm, trong khi bộ phận tham mưu, giúp việc trực tiếp lại là một phòng, ban nhỏ nằm trong cơ cấu thuộc Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy hoặc Sở Thông tin và Truyền thông. Bởi vậy, việc tham mưu, đề xuất của các cơ quan chuyên trách chưa chủ động, kịp thời, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ TTĐN trong bối cảnh mới.

Hiện nay, các phòng, ban chuyên trách về công tác TTĐN ở địa phương phần lớn thiếu tính chuyên sâu và không ổn định. Đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN được phân công theo hướng "kiêm nhiệm", làm cho cán bộ không thể chuyên tâm thực hiện nhiệm vụ, thiếu thời gian và nguồn lực để xây dựng kế hoạch TTĐN chiến lược, tổ chức triển khai bài bản và theo dõi kết quả cụ thể. Ngay cả ở một số cơ quan trung ương, tình trạng "một người làm nhiều việc" vẫn diễn ra, khiến cho công tác chuyên môn về TTĐN bị pha loãng và không hiệu quả. Trong nhiều trường hợp, cán bộ làm công tác TTĐN chỉ được bố trí tạm thời, thiếu tiêu chuẩn chức danh cụ thể, dẫn đến tình trạng "vừa làm, vừa học", không đáp ứng đầy đủ yêu cầu sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của truyền thông trong môi trường quốc tế hóa cao.

Trong xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN, vấn đề nổi cộm là chưa có cơ chế đồng bộ, hợp lý trong việc phát hiện, thu hút, trọng dụng và sử dụng đội ngũ cán bộ có trình độ cao, am hiểu sâu về truyền thông quốc tế. Số lượng cán bộ làm công tác TTĐN có trình độ ngoại ngữ tốt, hiểu biết sâu sắc về truyền thông quốc tế, có kinh nghiệm làm việc trong môi trường đa văn hóa còn ít; phẩm chất, năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác TTĐN chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế còn hạn chế cả về quy mô lẫn nội dung. Các chuyên đề cập nhật những vấn đề mới, mang tính hiện đại như: ngoại giao số (digital diplomacy), xây dựng thương hiệu quốc gia (nation branding), quản trị nội dung số, phân tích truyền thông (media analysis)... hầu như chưa xuất hiện trong chương trình đào tạo chính thức. Theo Báo cáo của Ban Tuyên giáo Trung ương năm 2023, trong tổng số hơn 1.000 cán bộ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong ngành Tuyên giáo tại các địa phương, chỉ có khoảng 3% là chuyên sâu về lĩnh vực TTĐN và chưa tới 1% được cử đi tập huấn tại nước ngoài. Trong khi đó, theo khuyến cáo của UNESCO và các tổ chức quốc tế, cán bộ làm công tác truyền thông quốc gia cần được cập nhật kiến thức ít nhất

2 lần/năm về các kỹ năng truyền thông mới, sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) để theo dõi dư luận quốc tế, xác định xu hướng truyền thông và điều chỉnh chiến lược kịp thời.

Mặt khác, chính sách đãi ngộ và môi trường làm việc đối với đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN còn chưa tương xứng với yêu cầu và tính chất đặc thù của công việc. Tình trạng này dẫn đến hệ quả là nhiều cán bộ có năng lực, có trình độ ngoại ngữ tốt lựa chọn chuyển sang làm việc cho các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp truyền thông tư nhân, hoặc ra nước ngoài học tập và làm việc lâu dài, làm cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác TTĐN của Việt Nam bị thiếu hụt về số lượng và chất lượng trong thời gian dài mà không có sự bổ sung, thay thế kịp thời.

Bốn là, sự phối hợp hoạt động của các lực lượng trong thực hiện công tác thông tin đối ngoại có lúc còn thiếu chặt chẽ, chưa thực sự nhịp nhàng.

Mặc dù, trong những năm qua, sự phối hợp hoạt động của các lực lượng trong thực hiện công tác TTĐN đã đạt được kết quả tích cực, đáng ghi nhận. Tuy nhiên, sự phối hợp đó có lúc còn thiếu chặt chẽ, chưa thực sự nhịp nhàng. Một trong những hạn chế nổi bật là tình trạng chồng chéo, phân tán chức năng trong tổ chức và triển khai TTĐN. Nhiều bộ, ngành cùng tham gia làm công tác TTĐN nhưng thiếu sự phân định rõ ràng về thẩm quyền, nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách. Ở địa phương, sự lúng túng càng rõ nét. Các Sở Ngoại vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Sở Du lịch … đều được giao triển khai nhiệm vụ công tác TTĐN, nhưng không có quy chế phối hợp liên ngành rõ ràng, dẫn đến tình trạng "mạnh ai nấy làm", thiếu sự liên kết giữa chương trình hành động, thiếu kế hoạch thống nhất và đặc biệt là không có đầu mối chịu trách nhiệm chính trong tổng hợp, đánh giá hiệu quả.

Một số cơ quan chủ trì chưa phát huy tốt vai trò điều phối trung tâm, dẫn đến thiếu gắn kết giữa các kênh đối ngoại, gồm đối ngoại Đảng, đối ngoại Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Bởi vậy, các kênh này vẫn vận hành tương

đối tách rời, thiếu nhịp nhàng và chưa có cơ chế phối hợp thực sự hiệu quả. Đơn cử, trong các chiến dịch tuyên truyền về chủ quyền biển đảo, bảo vệ biên giới quốc gia, hình ảnh đất nước hậu COVID-19 hay quảng bá sản phẩm văn hóa - du lịch Việt Nam ra thế giới, nhiều khi đối ngoại Nhà nước (do Bộ Ngoại giao chủ trì) tổ chức sự kiện riêng, trong khi Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức chương trình khác, và báo chí truyền thông quốc tế lại đi theo hướng tiếp cận khác. Thiếu sự hội tụ trong thực hiện nội dung, thiếu cơ chế phản hồi - góp ý - trao đổi thường xuyên làm cho công tác TTĐN mất đi tính tập trung, tính chủ động và khả năng tạo dư luận đồng thuận rộng lớn.

Một số cơ quan chủ trì ở Trung ương, dù được giao vai trò nòng cốt như Ban Chỉ đạo công tác TTĐN, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông… nhưng chưa phát huy hết vai trò điều phối, hoặc cơ chế điều phối chưa rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn, thiếu các công cụ pháp lý đủ mạnh để huy động và bắt buộc sự phối hợp chặt chẽ từ các lực lượng liên quan. Hiện mới chỉ có một số văn bản định hướng chung ở tầm vĩ mô (chỉ thị, nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Bí thư), thiếu các quy chế, hướng dẫn phối hợp tác nghiệp truyền thông trong từng tình huống. Chẳng hạn, thiếu quy chế phối hợp khi phản ứng truyền thông với sự kiện quốc tế "nóng", chiến dịch thông tin trong chuyến thăm cấp cao của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, hoặc sự kiện văn hóa - thể thao lớn... Thiếu thiếu cơ chế khen thưởng - kỷ luật cũng là lý do khiến nhiều đơn vị không mặn mà tham gia phối hợp, chỉ dừng lại ở các cuộc họp giao ban định kỳ mà không có hành động thực chất.

Có thể thấy, sự phối hợp giữa các lực lượng làm công tác TTĐN hiện nay vẫn còn những hạn chế mang tính hệ thống, cả về tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành lẫn năng lực phối hợp tác nghiệp. Tình trạng chồng chéo chức năng, thiếu người điều phối trung tâm, không có hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông, cũng như vắng bóng các quy chế phối hợp cụ thể đã làm giảm tính hiệu quả, tính tập trung và sức lan tỏa của công tác TTĐN quốc gia.

Năm là, việc sơ kết, tổng kết sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại ở một số nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

Thời gian qua, hầu hết các cấp ủy, tổ chức đảng ở các cơ quan làm nhiệm vụ TTĐN đã thường xuyên quan tâm tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm. Qua đó, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác TTĐN. Tuy nhiên, ở một số nơi, việc sơ kết, tổng kết sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao. Điều này được thể hiện cả ở nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành sơ kết, tổng kết cũng như khả năng ứng dụng kết quả sơ kết, tổng kết vào đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Thực tế cho thấy, việc tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN ở một số nơi còn mang tính hình thức, nặng về đối phó. Một số địa phương không chủ động tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết theo định kỳ mà chỉ làm khi có chỉ đạo từ các cơ quan Trung ương. Ở một số nơi, hội nghị sơ kết, tổng kết chỉ dừng lại ở báo cáo hành chính, chủ yếu thiên về mô tả thành tích, số lượng các hoạt động như "đã tổ chức bao nhiêu hội nghị, phát hành bao nhiêu ấn phẩm, đưa tin bao nhiêu lượt …", mà chưa có phân tích sâu sắc về tác động thực sự đến nhận thức của công chúng quốc tế, mức độ lan tỏa thông điệp chiến lược, hay sự thay đổi về thái độ, hành vi chính trị - xã hội của các đối tượng mục tiêu. Nội dung các Báo cáo tổng kết ở một số nơi thiếu số liệu cụ thể, không có chỉ số để đo lường hiệu quả, chưa chỉ ra được kết quả cụ thể, nhất là hạn chế và nguyên nhân.

Trong khi, công tác TTĐN là lĩnh vực đặc thù, gắn với truyền thông quốc tế, ảnh hưởng đến dư luận khu vực và toàn cầu. Do đó, việc đánh giá hiệu quả không thể chỉ dựa vào lượng tin bài đăng tải hay số cuộc hội nghị tổ chức, mà cần phải có chỉ số đo lường uy tín quốc tế, nhận thức của công chúng nước ngoài, sự thay đổi trong cách nhìn nhận về Việt Nam, mức độ chia sẻ, tương tác, phản hồi trên các nền tảng số, và thậm chí là đánh giá từ các tổ chức quốc tế, học giả nước ngoài, đối tác song phương, đa phương. Mặt

khác, hiện nay chưa có cơ chế kiểm tra, giám sát độc lập đối với các báo cáo tổng kết về công tác TTĐN tại các địa phương. Việc này làm cho một số báo cáo có xu hướng nêu thành tích một chiều và không tạo động lực cải tiến chính sách, nội dung, công nghệ trong hoạt động TTĐN.

Ở một số nơi, kết quả của sơ kết, tổng kết chưa được sử dụng như một công cụ để kịp thời điều chỉnh hoạt động và nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN. Trong nhiều trường hợp, sau mỗi đợt tổng kết, chưa có cơ chế giám sát thực thi các kiến nghị, không có kế hoạch hành động cụ thể để cải thiện các mặt yếu kém, dẫn đến lặp lại sai sót cũ, thiếu đột phá mới. Điều này dẫn đến không bắt kịp sự thay đổi của môi trường truyền thông quốc tế, xu hướng công nghệ, hay những thách thức chiến lược mới như chiến tranh thông tin, tin giả xuyên quốc gia, cạnh tranh ảnh hưởng trong không gian số… Điều đó thể hiện thiếu nhận thức sâu sắc về vai trò "kiến tạo tri thức quản lý" từ thực tiễn, một năng lực rất cần thiết trong thời đại thông tin đa chiều và khủng hoảng truyền thông có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

3.1.2.2. Về thực hiện phương thức lãnh đạo

Một là, lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận và định hướng lớn có lúc chưa theo kịp sự phát triển của tình hình.

Trong những năm gần đây, phương thức Đảng lãnh đạo công tác TTĐN bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận và định hướng lớn còn bộc lộ những hạn chế. Tình trạng chậm cập nhật, thiếu tính chiến lược và chưa thực sự bám sát với thực tiễn biến động của truyền thông hiện đại và môi trường quốc tế phức tạp. Một số nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác TTĐN chưa được điều chỉnh kịp thời trước những biến động nhanh chóng và sâu sắc của tình hình thế giới. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng gay gắt, đặc biệt là giữa Trung Quốc - Hoa Kỳ, xung đột Nga - Ukraine kéo dài, xu thế phân cực và chia tách các trật tự toàn cầu về công nghệ, an ninh, thông tin... thì các định hướng lớn về công tác TTĐN lại chưa được bổ sung linh hoạt. Chẳng hạn, trong các chiến dịch truyền thông xuyên

quốc gia về Biển Đông hay các vấn đề dân chủ, nhân quyền do các thế lực thù địch xuyên tạc, nhiều cơ quan báo chí vẫn phải "tự xoay sở" vì thiếu định hướng cụ thể từ Trung ương hoặc chưa có văn bản chỉ đạo kịp thời.

Hệ thống các văn kiện chỉ đạo về công tác TTĐN vẫn thiếu vắng một khung chiến lược quốc gia tổng thể mang tầm dài hạn, đủ sức tích hợp và điều tiết các yếu tố chính trị - kinh tế - quốc phòng - an ninh - văn hóa - xã hội trong một hệ thống thông tin thống nhất. Một chiến lược TTĐN đúng nghĩa không chỉ dừng lại ở việc "truyền thông cho đúng" mà còn phải định vị hình ảnh quốc gia, chủ động kiến tạo các giá trị, câu chuyện và thông điệp có sức lan tỏa lâu dài. Trong khi đó, hiện nay các nghị quyết, chỉ thị lớn về công tác TTĐN vẫn chủ yếu là định hướng chung, chưa thể hiện rõ mối liên kết giữa các trục truyền thông như đối ngoại Đảng, đối ngoại Nhà nước và đối ngoại Nhân dân, cũng như thiếu các kế hoạch truyền thông chủ động cho từng lĩnh vực hoặc nhóm công chúng chiến lược (chẳng hạn truyền thông văn hóa tại châu Âu, truyền thông chính trị tại khu vực ASEAN...).

Việc điều chỉnh, sửa đổi các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác TTĐN còn khá chậm và chưa có quy trình phản ứng linh hoạt với tình huống khẩn cấp. Trong các tình huống, như khủng hoảng thông tin về biển đảo, xung đột chính trị - ngoại giao, hoặc lan truyền các tin giả trên không gian mạng liên quan đến Việt Nam, nhiều cơ quan truyền thông tỏ ra lúng túng do thiếu văn bản chỉ đạo mang tính cập nhật. Mặt khác, trong thời đại truyền thông số, nơi mà "thông tin vận hành nhanh hơn chỉ thị hành chính", việc ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận nếu không kèm theo công cụ thích ứng nhanh, sẽ có độ trễ trong chỉ đạo và làm suy giảm hiệu quả chính trị - truyền thông.

Hai là, vai trò của Nhà nước trong thể chế hóa và tổ chức thực hiện công tác thông tin đối ngoại có lúc chưa được phát huy đầy đủ và kịp thời.

Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật Nhà nước là quá trình tất yếu nhằm bảo đảm hiệu quả việc tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Trong lĩnh vực TTĐN, vai trò này càng trở nên cấp

thiết khi các vấn đề chính trị - an ninh - truyền thông ngày càng đan xen phức tạp, các hoạt động xuyên biên giới trên nền tảng số ngày càng gia tăng. Vấn đề đó đòi hỏi khung pháp lý không chỉ "đúng định hướng" mà còn phải "đáp ứng thực tiễn". Tuy nhiên, quá trình thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về công tác TTĐN hiện nay vẫn bộc lộ một số hạn chế, cần sớm khắc phục.

Trước hết, sau khi Đảng ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về TTĐN, quá trình thể chế hóa thành các quy định pháp luật cụ thể của Nhà nước thường có độ "trễ" hoặc thiếu đồng bộ. Cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa ban hành Luật về TTĐN. Những nội dung liên quan đến công tác TTĐN chủ yếu mới chỉ dừng ở cấp nghị định, quyết định và các văn bản hướng dẫn hành chính. Điều này làm cho nhiều nội dung quan trọng như quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương; phân quyền quản lý nội dung; việc phát ngôn và tiêu chuẩn phát ngôn viên; quy trình phối hợp xử lý thông tin xuyên biên giới … vẫn còn bị phân tán hoặc bỏ ngỏ. Việc ban hành pháp luật còn chậm so với sự phát triển của thực tiễn, làm cho công tác TTĐN chưa bắt kịp những biến động trong môi trường truyền thông toàn cầu. Trong khi các kênh phát tán thông tin đa chiều - cả chính thống và phi chính thống - đang ngày càng mở rộng trên nền tảng số, thì khung pháp lý điều chỉnh các hoạt động TTĐN vẫn thiên về nguyên tắc định tính, chậm cập nhật.

Cùng với việc chưa ban hành Luật về TTĐN, hiện nay các văn bản dưới luật để hướng dẫn cụ thể việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác TTĐN chưa được đầy đủ và kịp thời. Việc chưa có Luật Thông tin đối ngoại đồng nghĩa với việc lĩnh vực này chưa có một đạo luật chuyên ngành do Quốc hội ban hành để xác lập khuôn khổ pháp lý ở cấp luật. Trong khi đó, Nghị định số 72/2015/NĐ-CP và Nghị định số 148/2026/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026) mới điều chỉnh hoạt động quản lý thông tin đối ngoại ở cấp nghị định. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện những vấn đề có tính nguyên tắc, lâu dài như quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của các

chủ thể, cơ chế phối hợp và trách nhiệm giải trình. Khi mà chưa có đầy đủ hệ thống văn bản pháp luật và hướng dẫn thi hành từ các bộ ngành chủ quản, nhiều địa phương, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo lúng túng trong xác định nhiệm vụ công tác TTĐN, xây dựng kế hoạch truyền thông và phân bổ ngân sách vì thiếu khuôn khổ thực thi pháp lý rõ ràng. Nhiều địa phương như Lạng Sơn, Nghệ An, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh … phản ánh, việc triển khai các nội dung TTĐN vẫn còn mang tính tự phát, thiếu khung pháp lý thống nhất để điều phối hoạt động giữa các ngành tuyên giáo, ngoại giao, văn hóa, thông tin - truyền thông, báo chí...

Ngay cả khi những văn bản quản lý nhà nước đã được ban hành cũng bộc lộ nhiều điểm không phù hợp với xu thế hội nhập mới. Chẳng hạn, Nghị định số 72/2015/NĐ-CP về *Quản lý hoạt động thông tin đối ngoại*; Quyết định số 930/QĐ-TTg phê duyệt *Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Các văn bản đó chưa phản ánh đầy đủ tinh thần đổi mới, chủ động và toàn diện trong lĩnh vực TTĐN mà Đảng đề ra, đặc biệt là trong các lĩnh vực mới như truyền thông số, ngoại giao số, bảo vệ chủ quyền trên không gian mạng, hay đấu tranh phản bác luận điệu sai trái trên nền tảng xuyên biên giới. Các văn bản pháp luật hiện hành chưa theo kịp xu hướng chuyển dịch từ "ngoại giao truyền thống" sang "ngoại giao số hóa"; từ "tuyên truyền một chiều" sang "truyền thông tương tác đa chiều".

Thông tin đối ngoại là lĩnh vực mang tính chất liên ngành cao, bao gồm ngoại giao, tuyên truyền, báo chí, văn hóa, công nghệ thông tin, an ninh mạng... Do vậy, nếu thiếu một cơ chế phối hợp thống nhất, đồng bộ thì rất dễ dẫn tới tình trạng chồng chéo chức năng, lãng phí nguồn lực hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Trong khi đó, các quy định liên ngành trong lĩnh vực TTĐN còn phân tán, thiếu sự đồng bộ và liên thông. Chẳng hạn: Ban Tuyên giáo Trung ương thực hiện nhiệm vụ định hướng tư tưởng - nội dung; Bộ Ngoại giao phụ trách đối ngoại chính trị - kinh tế - văn hóa; Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý các cơ quan báo chí, nền tảng truyền thông. Tuy nhiên, sự phân mảnh giữa các hệ

thống văn bản chuyên ngành dẫn đến việc các đơn vị có thể ban hành văn bản chỉ đạo riêng, thậm chí khác biệt về phương thức tiếp cận và tiêu chí đánh giá. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới hiệu quả quản lý mà còn làm suy giảm tính nhất quán trong thông điệp đối ngoại quốc gia. Một số địa phương cũng phản ánh rằng: việc xin ý kiến chỉ đạo trong xây dựng và thẩm định kế hoạch công tác TTĐN từ nhiều cơ quan khác nhau thường mất nhiều thời gian. Do thiếu khung pháp lý nhất quán, nên dễ dẫn đến tình trạng "đơn vị mạnh làm trước", "nơi yếu chờ chỉ đạo", làm cho công tác TTĐN bị phân tán, làm hạn chế sức mạnh tổng hợp.

Thực tiễn cho thấy, phương thức Đảng lãnh đạo phát huy vai trò quản lý của Nhà nước trong thể chế hóa và tổ chức thực hiện công tác TTĐN đang gặp phải những điểm nghẽn nhất định. Thể hiện ở tình trạng thiếu đồng bộ giữa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng với các văn bản quản lý Nhà nước; sự thiếu nhất quán trong thể chế hóa các chủ trương của Đảng và sự chậm trễ trong tổ chức thực thi ở nhiều cấp, ngành, địa phương.

Ba là, việc lãnh đạo bằng tuyên truyền, vận động, thuyết phục trong thực hiện công tác thông tin đối ngoại có lúc còn bị động, lúng túng.

Bên cạnh những kết quả nổi bật đã đạt được, việc thực hiện phương thức tuyên truyền, vận động, thuyết phục trong thời gian qua vẫn còn thiếu chủ động, lúng túng, chưa tương ứng với sự phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ của truyền thông quốc tế, chưa bắt kịp yêu cầu của truyền thông hiện đại toàn cầu trong chuyển tải những thông điệp về TTĐN. Trước hết, một trong những bất cập nổi bật là thông điệp TTĐN còn thiếu tính hấp dẫn, chưa phù hợp với văn hóa, ngôn ngữ và tâm lý tiếp nhận của công chúng quốc tế. Các sản phẩm TTĐN vẫn thiên về trình bày thông tin một chiều, theo lối "diễn ngôn nhà nước" mà không tính đến đặc điểm tâm lý - văn hóa của từng nhóm đối tượng. Điều này khiến nhiều thông điệp rơi vào trạng thái "nói mà không ai nghe", hoặc khó tạo dấu ấn sâu sắc trong nhận thức quốc tế.

Một số nội dung TTĐN còn thiếu chiều sâu, nghèo nàn về bằng chứng và thiếu khả năng cạnh tranh với các luồng thông tin đa dạng, phức tạp trên thế giới. Những bài viết đối ngoại chưa phân tích sâu các vấn đề quốc tế dưới góc nhìn Việt Nam, mà chủ yếu chỉ "nêu quan điểm", thiếu lớp lang trong lập luận và dẫn dắt hợp lý để chinh phục độc giả nước ngoài, nhất là giới trí thức, nhà báo, học giả quốc tế. Các kênh truyền thông đối ngoại hiện nay vẫn chưa được đầu tư theo hướng chuyên nghiệp và chưa được vận hành như một hệ sinh thái chiến lược. Các phương tiện, công cụ tuyên truyền như: báo chí đối ngoại, trang web của các cơ quan ngoại giao, nền tảng mạng xã hội của Đại sứ quán, các diễn đàn quốc tế mà Việt Nam tham dự... vẫn hoạt động rời rạc, thiếu sự kết nối nội dung và đồng bộ về thông điệp.

Có thể thấy rằng**,** trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số đòi hỏi TTĐN không chỉ là truyền tải thông tin, mà còn là xây dựng hình ảnh và thương hiệu quốc gia trên nền tảng công nghệ và truyền thông hiện đại**.** Tuy nhiên, trong công tác TTĐN hiện nay, chúng ta vẫn chưa hình thành được nội dung chiến lược dài hạn cho từng đối tượng, khu vực hay lĩnh vực cụ thể. Trong khi nhiều quốc gia khác như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc đã khai thác rất hiệu quả sức mạnh mềm này thông qua các sản phẩm văn hóa, phim ảnh, học giả uy tín quốc tế, thì Việt Nam vẫn đang trong quá trình "tìm cách kể chuyện" về mình một cách hiệu quả.

Bốn là, việc lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng công tác tổ chức, cán bộ còn những bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tình hình mới.

Công tác TTĐN là một lĩnh vực đặc thù, có sự giao thoa, phối hợp giữa công tác chính trị, tư tưởng, truyền thông và quan hệ quốc tế. Tính đặc thù đó đòi hỏi tổ chức bộ máy phải hợp lý, khoa học và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác TTĐN không chỉ nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng mà còn phải có kiến thức chuyên sâu về truyền thông quốc tế, có kỹ năng sử dụng đa ngôn ngữ và sự am hiểu sâu sắc về văn hóa, tâm lý công chúng toàn cầu. Tuy nhiên, trên thực tế, sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN bằng

công tác tổ chức, cán bộ vẫn còn những hạn chế, bất cập cả về thể chế, cơ cấu tổ chức bộ máy và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN.

Trong thời gian qua, bộ máy tổ chức làm công tác TTĐN ở nhiều địa phương, cơ quan vẫn chưa được quan tâm xây dựng đúng mức, chưa thực sự hợp lý, tinh gọn và chuyên nghiệp. Mặc dù, việc thành lập Ban Chỉ đạo công tác TTĐN đã được thực hiện thống nhất, đồng bộ từ Trung ương xuống địa phương nhưng cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ các cơ quan giúp việc của Ban chỉ đạo chưa hợp lý và thống nhất. Ở một số tỉnh, thành, bộ phận tham mưu, giúp việc trực thuộc Ban Tuyên giáo; nhưng ở một số tỉnh, thành khác, bộ phận tham mưu, giúp việc lại trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông. Đội ngũ cán bộ tham mưu, giúp việc cho Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo hướng "kiêm nhiệm", làm cho cán bộ thiếu chuyên tâm và nguồn lực để xây dựng kế hoạch truyền thông chiến lược, tổ chức triển khai bài bản và theo dõi kết quả cụ thể. Ngay cả ở một số cơ quan trung ương, tình trạng "một người làm nhiều việc" vẫn diễn ra, khiến cho công tác chuyên môn bị phân tán và thiếu hiệu quả. Trong nhiều trường hợp, cán bộ làm công tác TTĐN chỉ được bố trí tạm thời, thiếu tiêu chuẩn chức danh cụ thể, dẫn đến tình trạng "vừa làm, vừa học", không yên tâm công tác; chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông trong môi trường quốc tế hóa cao.

Công tác cán bộ ở các cơ quan làm công tác TTĐN có nội dung chưa được quan tâm đúng mức và thực hiện có hiệu quả. Một số nơi chưa thực hiện tốt việc phát hiện, thu hút, trọng dụng và sử dụng đội ngũ cán bộ có trình độ cao, am hiểu sâu về truyền thông quốc tế trong công tác TTĐN. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế còn hạn chế cả về quy mô lẫn nội dung. Trong đào tạo, bồi dưỡng, việc cập nhật những vấn đề mới, mang tính hiện đại về công tác TTĐN chưa được coi trọng đúng mức và tiến hành thường xuyên. Chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN còn nhiều bất cập, chưa tương xứng với yêu cầu và tính chất đặc thù của công việc. Dẫn đến tình trạng nhiều cán

bộ có năng lực, nhất là những cán bộ có trình độ ngoại ngữ tốt thường lựa chọn chuyển sang làm việc cho các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp truyền thông tư nhân, hoặc ra nước ngoài học tập và làm việc lâu dài.

Những hạn chế trong công tác cán bộ làm cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác TTĐN của Việt Nam bị thiếu hụt về số lượng và chất lượng trong thời gian dài mà không có sự bổ sung, thay thế kịp thời. Số lượng cán bộ làm công tác TTĐN có trình độ ngoại ngữ tốt, hiểu biết sâu sắc về truyền thông quốc tế, có kinh nghiệm làm việc trong môi trường đa văn hóa không nhiều; phẩm chất, năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác TTĐN chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Năm là, vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên công tác trong lĩnh vực thông tin đối ngoại chưa được phát huy đầy đủ, có lúc, có nơi hiệu quả chưa cao.

Bên cạnh những kết quả nổi bật đã đạt được, việc phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên công tác trong lĩnh vực TTĐN chưa được đầy đủ, có lúc, có nơi hiệu quả chưa cao. Một số tổ chức đảng tại các cơ quan báo chí, truyền hình, cơ quan đại diện ngoại giao, doanh nghiệp xuất khẩu, trung tâm văn hóa... vẫn chưa gắn kết công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ TTĐN. Sự tách biệt giữa công tác xây dựng đảng và nhiệm vụ chính trị chuyên môn dẫn đến tình trạng nghị quyết tổ chức đảng thiếu nội dung lãnh đạo để định hướng chính trị và thúc đẩy nhiệm vụ TTĐN.

Ở một số chi bộ của các cơ quan làm nhiệm vụ TTĐN, nội dung sinh hoạt chi bộ chủ yếu tập trung vào kiểm điểm nội bộ, tự phê bình và phê bình, chưa thường xuyên gắn với nội dung lãnh đạo thực hiện công tác TTĐN. Ở một số nơi, các tổ chức đảng, nhất là chi bộ thiếu các chương trình hành động cụ thể về thực hiện công tác TTĐN, đồng nghĩa với việc thiếu cơ sở để triển khai, giám sát hoặc đánh giá kết quả thực hiện trong tổ chức đảng.

Tính tiên phong, gương mẫu của một số đảng viên, đặc biệt là đảng viên công tác trong lĩnh vực truyền thông quốc tế chưa được phát huy đúng

mức. Một số đảng viên coi công tác TTĐN là nhiệm vụ của cấp Trung ương hoặc các cơ quan ngoại giao, truyền thông lớn. Bởi vậy, không chủ động tham gia thảo luận, bàn bạc, trao đổi về TTĐN. Trong khi đó, với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số, công nghệ số, mạng xã hội, các nền tảng học thuật, du lịch... xuyên biên giới là cơ hội lớn để đảng viên ở mọi lĩnh vực tham gia "tuyên truyền mềm" ra bên ngoài. Nếu không có định hướng chính trị đúng đắn, không được khuyến khích, động viên và tạo điều kiện thì các hoạt động này khó phát huy hiệu quả trong khuôn khổ công tác TTĐN chính thống.

Mặt khác, sự hiểu biết về công tác TTĐN và kỹ năng truyền thông quốc tế của một số đảng viên ở cơ sở còn hạn chế. Phần lớn đảng viên chưa được đào tạo bài bản về công tác TTĐN, dẫn đến kỹ năng nhận diện thông tin sai lệch, xử lý khủng hoảng truyền thông, giao tiếp đa văn hóa hoặc xây dựng nội dung tuyên truyền cho công chúng quốc tế còn nhiều hạn chế. Sự thiếu hụt này không chỉ làm giảm vai trò gương mẫu, dẫn dắt, định hướng của đảng viên mà còn làm cho công tác TTĐN bị động, thiếu chiều sâu và không đủ sức cạnh tranh trong bối cảnh truyền thông toàn cầu đa chiều, đa kênh.

Sáu là, việc lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại bằng kiểm tra, giám sát có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

Trong lĩnh vực TTĐN, công KT, GS không chỉ giữ vai trò "cảnh báo sớm" những lệch lạc về tư tưởng, sự thiếu nhất quán trong nội dung mà còn là cơ sở để điều chỉnh chính sách, nâng cao chất lượng công tác TTĐN. Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Đảng thông qua công tác KT, GS đối với TTĐN còn có những hạn chế cả về nội dung, phương pháp và chất lượng triển khai, có nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

Nội dung KT, GS chủ yếu về công tác hành chính và sự vụ, chưa phát hiện được các biểu hiện lệch hướng, thiếu nhạy cảm chính trị trong TTĐN. Nhiều cuộc kiểm tra mang tính chiếu lệ, với các tiêu chí chung chung như "có triển khai kế hoạch không?", "có ban hành văn bản chỉ đạo không?", "đã tổ chức được mấy hội nghị?" mà chưa đi sâu đánh giá chất lượng nội dung

truyền thông, mức độ lan tỏa, độ tương thích với từng nhóm đối tượng quốc tế, hay hiệu quả trong việc đấu tranh phản bác thông tin sai lệch. Các đợt KT, GS thường không gắn chặt với xử lý trách nhiệm hay rút kinh nghiệm có hệ thống, dẫn đến hiệu lực răn đe và chấn chỉnh thấp. Cũng không có cơ chế báo cáo để tổng hợp, phân tích các sai phạm mang tính xu hướng, từ đó cảnh báo, định hướng chính trị kịp thời cho toàn hệ thống.

Một trong những hạn chế nổi bật là thiếu cơ chế giám sát chuyên biệt và thường xuyên cho TTĐN. Việc giao thoa của hoạt động TTĐN giữa các ban, bộ, ngành như Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Ngoại giao, các cơ quan báo chí đối ngoại dẫn đến tình trạng "nhiều nơi có trách nhiệm nhưng không nơi nào chịu trách nhiệm chính", làm giảm hiệu lực kiểm tra và thiếu cơ chế giám sát liên ngành hiệu quả.

Mối liên hệ giữa các cấp ủy đảng và cơ quan chuyên môn trong công tác KT, GS còn lỏng lẻo, thiếu cơ chế phối hợp thống nhất, dẫn đến nguy cơ bỏ sót những lệch lạc truyền thông nghiêm trọng, đặc biệt trong môi trường số. Thiếu liên kết dọc - ngang trong KT, GS khiến vai trò lãnh đạo của Đảng bị suy giảm về hiệu lực khi thực thi nhiệm vụ.

3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.2.1. Nguyên nhân của thực trạng

3.2.1.1. Nguyên nhân của những ưu điểm

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã nhận thức sâu sắc và thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo một cách quyết liệt, sâu sát công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới.

Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò chiến lược của công tác đối ngoại nói chung và công tác TTĐN nói riêng; đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, công tác TTĐN không chỉ là một nội dung quan trọng của công tác tư tưởng mà còn là thành tố chiến lược trong thực hiện đường lối đối ngoại và bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam mà trực tiếp là Bộ Chính trị,

Ban Bí thư đã thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo một cách quyết liệt, sâu sát công tác TTĐN. Sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt của Đảng mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với công tác đối ngoại nói chung và công tác TTĐN nói riêng là nguyên nhân chủ yếu, quyết định những kết quả to lớn, thiết thực trong lãnh đạo công tác TTĐN của Đảng trong những năm qua.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp đã không ngừng nâng cao trách nhiệm trong lãnh đạo công tác TTĐN. Ngay sau khi các văn bản quan trọng của Đảng về công tác TTĐN được ban hành, cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp đã tổ chức hội nghị quán triệt cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ làm công tác tuyên giáo, ngoại giao, báo chí, truyền thông và các ban ngành có liên quan một cách nghiêm túc. Bảo đảm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ làm công tác TTĐN nhận thức đúng về vai trò quan trọng của công tác TTĐN; hiểu biết sâu sắc về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN của Đảng trong từng giai đoạn.

Hai là, những thành tựu to lớn của đất nước sau 40 năm đổi mới tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thông tin đối ngoại.

Sau 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên nhiều lĩnh vực, tạo nền tảng thực tiễn quan trọng cho việc triển khai công tác TTĐN. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, ổn định chính trị - xã hội và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, hoạt động đối ngoại của Việt Nam ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trên trường quốc tế. Trên cơ sở đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao rộng rãi với hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, đồng thời xây dựng và phát triển mạng lưới quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế quan trọng. Đối ngoại đã góp phần tích cực vào việc duy trì môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ vững

chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực.

Bên cạnh đó, quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng đã giúp Việt Nam mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư với thế giới, tham gia các hiệp định song phương và đa phương, thu hút ngày càng nhiều nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển đất nước. Các hoạt động ngoại giao đa phương ngày càng được đẩy mạnh, Việt Nam tích cực tham gia và đảm nhiệm nhiều trọng trách tại các tổ chức và diễn đàn quốc tế quan trọng, qua đó khẳng định vai trò, vị thế và trách nhiệm của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Những thành tựu nổi bật của công tác đối ngoại đã tạo ra nguồn thông tin phong phú, sinh động, có giá trị thuyết phục cao để phục vụ TTĐN, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam hòa bình, ổn định và phát triển

Cùng với đó, công tác TTĐN và ngoại giao văn hóa ngày càng được đổi mới cả về nội dung, phương thức và hình thức triển khai, góp phần quảng bá rộng rãi các thành tựu phát triển của đất nước, những giá trị đặc sắc của văn hóa dân tộc, cũng như hình ảnh con người Việt Nam thân thiện, nghĩa tình, yêu chuộng hòa bình. Đồng thời, công tác TTĐN đã chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ hiện nay.

Những thành tựu trên đã củng cố vị thế quốc tế của Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để công tác TTĐN phát huy vai trò là một bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng và công tác đối ngoại của Đảng, góp phần tăng cường sự hiểu biết của quốc tế về Việt Nam, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè quốc tế đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, sự tham gia tích cực, tự giác của các tổ chức, lực lượng trong hệ thống chính trị và Nhân dân đối với công tác thông tin đối ngoại.

Những năm qua, thông qua công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục, Đảng đã huy động được một lực lượng đông đảo từ các tổ chức, lực

lượng trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia một cách tích cực, tự giác vào công tác TTĐN. Đội ngũ những người làm công tác TTĐN ngày nay hết sức hùng hậu, từ lực lượng báo chí đến các tổ chức, địa phương, doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân đều tích cực tham gia công tác TTĐN. Nhiều nhà ngoại giao, nhà văn hóa, bạn bè quốc tế của Việt Nam cũng đang góp phần quảng bá hình ảnh đất nước. Bên cạnh đó, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài không chỉ là "đối tượng" mà còn là "lực lượng" quan trọng của công tác TTĐN. Thời gian qua, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài được đông đảo bà con hoan nghênh, tạo nên bước chuyển biến quan trọng trong nhận thức và tình cảm của bà con về công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Bởi vậy, họ tích cực, tự giác tham gia vào công tác TTĐN, góp phần quảng bá hình ảnh tốt đẹp của đất nước, con người và lan tỏa những giá trị về văn hóa Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

3.2.1.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Một là, sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của truyền thông quốc tế, của Internet và mạng xã hội đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đối với thông tin đối ngoại.

Những năm qua, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tạo ra đột phá trên nhiều lĩnh vực, tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhiều thành tựu khoa học - công nghệ được ứng dụng vào lĩnh vực truyền thông, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của của internet và mạng xã hội. Sự bùng nổ của internet và các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới như Facebook, YouTube, TikTok, Twitter, Instagram … đã làm thay đổi căn bản cách thức truyền tải và tiếp nhận thông tin trên quy mô toàn cầu.

Sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của truyền thông quốc tế, của internet và mạng xã hội đặt ra nhiều thách thức đối với công tác TTĐN của

nước ta. Thông tin xấu, độc, xuyên tạc, bóp méo tình hình Việt Nam dễ dàng được lan truyền rộng rài và với tốc độ rất nhanh. Trong khi đó, khả năng phản ứng nhanh của nhiều cơ quan chức năng còn hạn chế; việc chưa có bộ máy chuyên trách xử lý thông tin sai lệch trong thời gian thực; khả năng khai thác hiệu quả các công cụ phân tích dữ liệu số và tận dụng các thuật toán để tiếp cận theo đối tượng vẫn là những điểm yếu. Mặt khác, công tác TTĐN chưa được "số hóa toàn diện", dẫn đến sự lúng túng trong quản lý và kiểm soát không gian truyền thông, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác TTĐN và sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN.

Hai là, nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền về vai trò của công tác thông tin đối ngoại chưa thật sự sâu sắc và đầy đủ.

Một số ngành, địa phương chưa nhận thức đúng, đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác TTĐN trong bối cảnh thế và lực của đất nước có những bước phát triển to lớn; việc chuyển hóa từ nhận thức sang hành động trong thực tiễn hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện còn gặp nhiều khó khăn. Cơ chế phối hợp trao đổi thông tin giữa các ban, bộ ngành, trung ương và địa phương có lúc còn chưa đồng bộ, nhất là đối với những vấn đề quan trọng, mới nảy sinh, được dư luận quan tâm. Khi một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác thông tin đối ngoại thì việc xác định nhiệm vụ này trong chương trình công tác, nghị quyết lãnh đạo và kế hoạch thực hiện thường chưa được quan tâm đúng mức. Hệ quả là công tác thông tin đối ngoại có thể bị xem là nhiệm vụ chuyên môn riêng của một số cơ quan, chưa trở thành nhiệm vụ chính trị thường xuyên có sự tham gia và trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị.

Cơ chế tác động ở đây là: nhận thức chưa đầy đủ dẫn đến mức độ ưu tiên trong lãnh đạo thấp; mức độ ưu tiên thấp dẫn đến thiếu sự quan tâm về nhân lực, kinh phí, cơ chế phối hợp và kiểm tra, giám sát; từ đó làm giảm khả năng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thông tin đối ngoại.

Đầu tư cho cơ sở vật chất và nhân lực làm công tác TTĐN chưa ngang tầm nhiệm vụ; không có nguồn kinh phí riêng, chưa có cơ chế đặc thù dành cho công tác thông tin đối ngoại. Ngoài một số ban, bộ, ngành Trung ương có chức năng, nhiệm vụ gắn liền với công tác TTĐN, một số cơ quan báo chí chủ lực sở hữu đội ngũ những người làm TTĐN chuyên nghiệp, vững vàng về nghiệp vụ báo chí, phần còn lại, nhất là tại địa phương, lực lượng tương đối mỏng, không được đào tạo chuyên nghiệp, thực hiện nhiệm vụ theo cơ chế kiêm nhiệm. Đây cũng là nguyên nhân làm cho sự lãnh đạo của Đảng chưa đạt hiệu quả trong thời gian qua.

Ba là, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng ở các cơ quan làm công tác thông tin đối ngoại còn có những hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại.

Mặc dù, trong những năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam rất coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đạt được những thành tựu to lớn. Nhìn chung, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, trong đó có cấp ủy, tổ chức đảng ở các cơ quan làm công tác TTĐN đã được nâng lên. Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng ở các cơ quan làm công tác TTĐN còn có những hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu lãnh đạo công tác TTĐN.

Một số cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền cho rằng, công tác TTĐN là nhiệm vụ của ngành Tuyên giáo, Ngoại giao hay của các cơ quan báo chí - truyền thông. Từ đó, việc quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác TTĐN thiếu nghiêm túc, thậm chí có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, đối phó. Sự thiếu nghiêm túc trong quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác TTĐN ở một số bộ, ban, ngành, địa phương làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ, đảng viên làm công tác TTĐN chưa nhận thức đúng đắn, sâu sắc tầm quan trọng của công tác TTĐN trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược, an ninh phi truyền thống và thông tin xuyên biên giới diễn biến phức tạp. Một số

cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền có biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ TTĐN, nhất là trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Bốn là, trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan làm công tác thông tin đối ngoại có mặt còn hạn chế, bất cập so với sự phát triển nhanh chóng của truyền thông quốc tế.

Trong bối cảnh truyền thông quốc tế phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ, đa dạng, phức tạp và chịu ảnh hưởng sâu sắc từ công nghệ số, thì trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan làm công tác TTĐN còn có hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu lãnh đạo, tổ chức thực hiện công tác TTĐN. Năng lực phân tích, tổng hợp, dự báo chiến lược, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp về công tác TTĐN còn hạn chế. Một số cán bộ thiếu chủ động, nhạy bén trong phát hiện các vấn đề nảy sinh; chưa kịp thời phản ứng trước những tình huống nhạy cảm, phức tạp về truyền thông; chưa làm tốt việc định hướng thông tin và tham mưu, đề xuất xử lý các tình huống phức tạp liên quan đến công tác TTĐN. Ở một số địa phương, một bộ phận cán bộ cán bộ Tuyên giáo, báo chí chỉ xem lãnh đạo công tác TTĐN là nhiệm vụ "phụ trợ", không gắn lãnh đạo công tác TTĐN với lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của địa phương. Do đó, việc tham mưu cho các tỉnh ủy, thành ủy về công tác TTĐN còn thiếu chiều sâu chiến lược, chưa nắm bắt được xu thế truyền thông quốc tế mới để đề xuất những cơ chế phù hợp, những giải pháp khả thi trong lãnh đạo, nâng cao hiệu quả công tác TTĐN.

Cũng bởi những hạn chế về trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan làm công tác TTĐN làm cho sự phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng tham gia vào công tác TTĐN thiếu chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả. Trong một số trường hợp, một số cơ quan báo chí, truyền thông khi thực hiện nhiệm vụ TTĐN còn chạy theo thị hiếu, xu hướng

giật gân, thiếu kiểm chứng thông tin. Điều đó, cũng làm giảm hiệu quả của công tác TTĐN và sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN.

Năm là, nguồn lực bảo đảm cho công tác thông tin đối ngoại còn có hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ công tác thông tin đối ngoại trong thời kỳ mới.

Về nguồn nhân lực, mặc dù trong những năm qua, đội ngũ cán bộ làm TTĐN đã được quan tâm xây dựng nhưng vẫn còn thiếu về số lượng, chưa đồng đều về chất lượng, đặc biệt là ở các địa phương. Tình trạng thiếu cán bộ giỏi ngoại ngữ, am hiểu luật pháp và văn hóa quốc tế, có khả năng ứng dụng công nghệ truyền thông hiện đại là phổ biến. Hơn nữa, chính sách đãi ngộ, khuyến khích đối với lực lượng này còn bất cập, chưa đủ sức thu hút và giữ chân nhân tài, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh nguồn nhân lực, chất xám toàn cầu ngày càng gay gắt, quyết liệt.

Về nguồn lực tài chính, ngân sách nhà nước dành riêng cho hoạt động TTĐN còn rất khiêm tốn, chủ yếu vẫn lồng ghép trong các chương trình truyền thông hoặc đối ngoại lớn. Nhiều cơ quan báo chí, đơn vị truyền thông phải tự xoay xở nguồn lực hoặc gắn công tác TTĐN vào các chương trình khác, làm hạn chế tính chủ động và chuyên nghiệp của hoạt động.

3.2.2. Một số kinh nghiệm

Một là, thường xuyên bám sát thực tiễn, nhất là sự phát triển của truyền thông quốc tế để xác định đúng đắn quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác thông tin đối ngoại

Thường xuyên bám sát thực tiễn, nhất là sự phát triển của truyền thông quốc tế để xác định đúng đắn quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN là bài học kinh nghiệm quý báu, xuyên suốt quá trình lãnh đạo của Đảng. Bài học kinh nghiệm này càng có ý nghĩa thiết thực trong giai đoạn hiện nay.

Để lãnh đạo công tác TTĐN, Đảng xác định quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ công tác TTĐN trong từng giai đoạn. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ

công tác TTĐN của Đảng là nội dung quan trọng hàng đầu, là cơ sở bảo đảm sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị trong tiến hành công tác TTĐN. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN của Đảng thể hiện định hướng chính trị và tầm nhìn chiến lược của Đảng trong dẫn dắt cả hệ thống chính trị thực hiện công tác TTĐN một cách chủ động, nhạy bén và hiệu quả. Qua đó, phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tổ chức, lực lượng trong tiến hành công tác TTĐN, bảo đảm chất lượng, hiệu quả của công tác TTĐN. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của công tác TTĐN bảo đảm cho công tác TTĐN luôn linh hoạt, thích ứng với những biến động nhanh chóng của môi trường truyền thông toàn cầu và yêu cầu phát triển đất nước.

Thực tiễn cho thấy, trong giai đoạn 2012 - 2025, nhờ thường xuyên bám sát thực tiễn bối cảnh quốc tế, tình hình trong nước, nhất là sự phát triển của truyền thông quốc tế, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận, xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN cơ bản phù hợp và đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn. Tuy nhiên, việc xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm công tác TTĐN còn bộc lộ những hạn chế, bất cập, có mặt chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của truyền thông quốc tế, làm ảnh hưởng đến khả năng thích ứng và chất lượng, hiệu quả của TTĐN trước bối cảnh mới.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, tạo ra đột phá trên nhiều lĩnh vực, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhiều thành tựu khoa học - công nghệ được ứng dụng vào lĩnh vực truyền thông, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của của internet và mạng xã hội. Trong bối cảnh đó, nếu không thường xuyên bám sát thực tiễn tình hình quốc tế, trong nước, nhất là sự phát triển của truyền thông quốc tế để xác định đúng đắn quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN sẽ dẫn đến bị động, lúng túng trong lãnh đạo, quản lý, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác TTĐN và sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN.

Hai là, chú trọng lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại vững mạnh, ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ

Xây dựng tổ chức bộ máy vững mạnh và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác TTĐN có đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ là yếu tố "then chốt", có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm hiện thực hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN của Đảng; bảo đảm hiệu quả thiết thực của công tác TTĐN. Nội dung này phản ánh sinh động mối quan hệ giữa năng lực lãnh đạo và năng lực tổ chức thực hiện của Đảng trong lãnh đạo công tác TTĐN; bảo đảm tính sáng tạo, linh hoạt trong hoạt động thực tiễn, sự thống nhất và đồng bộ trong phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng trong hệ thống chính trị khi tiến hành công tác TTĐN.

Thực tiễn cho thấy, trong giai đoạn 2012 - 2025, Đảng luôn đặc biệt chú trọng lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy vững mạnh và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác TTĐN có đủ phẩm chất, năng lực; coi đây là "điểm tựa" vững chắc, là "then chốt" để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu quả công tác TTĐN. Tuy nhiên, tổ chức bộ máy có mặt vẫn còn chưa thật hợp lý, thiếu tính chuyên nghiệp; phẩm chất, năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác TTĐN chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; làm ảnh hưởng đến sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN.

Lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ vững mạnh, ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ là bài học có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc trong lãnh đạo công tác TTĐN của Đảng, đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Xây dựng tổ chức bộ máy vững mạnh, có tính chuyên nghiệp cao và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác TTĐN có đủ phẩm chất, năng lực mới bảo đảm cho công tác TTĐN có khả năng thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của truyền thông quốc tế, có khả năng phản ứng nhanh trước tình huống phức tạp của công tác TTĐN. Từ đó, có khả năng quản lý và kiểm soát không gian truyền thông, nâng cao chất lượng của công tác TTĐN và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

đối với công tác TTĐN. Qua đó, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc và thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược về đối ngoại trong tình hình mới.

Ba là, lãnh đạo phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức, lực lượng, tạo sức mạnh tổng hợp trong tiến hành công tác thông tin đối ngoại

Công tác TTĐN có sự tham gia của đông đảo các tổ chức và lực lượng. Bao gồm: các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, cơ quan báo chí, truyền thông, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, Nhân dân và kiều bào Việt Nam ở nước ngoài. Phối hợp chặt chẽ hoạt động các tổ chức, lực lượng tham gia công tác TTĐN là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong tiến hành công tác TTĐN; bảo đảm hiệu quả thiết thực của công tác TTĐN. Trong bối cảnh truyền thông quốc tế phát triển đa chiều, thông tin xuyên biên giới lan tỏa nhanh chóng và phức tạp, sự lãnh đạo của Đảng trong phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, nhịp nhàng giữa các tổ chức, lực lượng tham gia công tác TTĐN không chỉ bảo đảm sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và hành động, mà còn phát huy sức mạnh tổng hợp, tạo đồng thuận xã hội trong tiến hành công tác TTĐN.

Thực tiễn cho thấy, trong những năm qua, nhờ lãnh đạo phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức, lực lượng trong tiến hành công tác TTĐN, Đảng đã phát huy được sức mạnh tổng hợp các tổ chức, lực lượng tham gia; nâng cao tính đồng bộ và hiệu quả của công tác TTĐN. Thực tiễn cũng cho thấy, ở đâu và lúc nào, sự phối hợp hoạt động của các tổ chức, lực lượng trong tiến hành công tác TTĐN thiếu chặt chẽ, chưa nhịp nhàng, sẽ làm hạn chế chất lượng, hiệu quả của công tác TTĐN và năng lực lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN. Bởi vậy, lãnh đạo phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức, lực lượng trong tiến hành công tác TTĐN là bài học có giá trị to lớn, thiết thực trong tiến hành công tác TTĐN dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bốn là, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức tốt việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong tiến hành công tác thông tin đối ngoại

Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức tốt việc sơ kết, tổng kết là bài học kinh nghiệm quý báu trong quá trình thực hiện sự lãnh đạo của Đảng nói chung và lãnh đạo công tác TTĐN nói riêng. Thông qua sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm đánh giá kết quả được thực hiện, phát hiện hạn chế, bất cập, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp khả thi, phù hợp với thực tiễn. Sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm không chỉ là một quy trình kỹ thuật trong lãnh đạo, mà là công cụ để Đảng đổi mới tư duy và nâng cao năng lực lãnh đạo lĩnh vực TTĐN. Qua đó, hoàn thiện lý luận và thực tiễn về lãnh đạo công tác TTĐN trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn cầu hóa thông tin, chuyển đổi số và cạnh tranh truyền thông ngày càng quyết liệt.

Trong giai đoạn 2012 - 2025, dưới sự lãnh đạo của Đảng, hầu hết các cấp ủy, tổ chức Đảng làm công tác TTĐN đã lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm. Nhờ đó, đã góp phần quan trọng vào việc đổi mới và không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo hoạt động TTĐN. Thông qua sơ kết, tổng kết, không chỉ giúp khắc phục kịp thời các hạn chế, bất cập mà còn lan tỏa những giá trị tích cực, củng cố niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, ở một số nơi, việc sơ kết, tổng kết sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao. Bởi vậy, không đánh giá đúng những ưu điểm để phát huy, không kịp thời chỉ ra yếu kém để khắc phục. Dẫn đến làm hạn chế tầm nhìn chiến lược trong tư duy lãnh đạo, không bắt kịp sự thay đổi của môi trường truyền thông quốc tế, xu hướng công nghệ, hay những thách thức chiến lược mới trong thời đại không gian số.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý các sai phạm trong tiến hành công tác thông tin đối ngoại

Công tác KT, GS là một trong những chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, bảo đảm cho các chủ trương, đường lối của Đảng về được triển khai

đúng định hướng, nghiêm túc và đạt hiệu quả cao. Thông qua công tác KT, GS nhằm kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc, sai trái hoặc những cách làm hình thức, đối phó trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác TTĐN.

Thực tế cho thấy, nhờ thường xuyên tiến hành công tác KT, GS cho nên đã làm cho năng lực lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN không ngừng được nâng cao. Đã kịp thời phát hiện và khắc phục nhiều biểu hiện lệch lạc như thông tin chưa thống nhất giữa các bộ ngành, tình trạng chồng chéo trong nội dung truyền thông, các biểu hiện thiếu cập nhật thông tin, thậm chí sử dụng nguồn tin không chính thống trong một số chương trình báo chí, truyền thông đối ngoại. Qua đó, làm cho công tác KT, GS không chỉ là "thanh gươm thép" trong kiểm soát quyền lực chính trị, mà còn là "công cụ mềm" nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng trong một lĩnh vực đặc thù, mang tính giao thoa giữa chính trị, truyền thông và ngoại giao. Tăng cường công tác KT, GS, kịp thời xử lý các sai phạm trong tiến hành công tác TTĐN là bài học kinh nghiệm quý báu, xuyên suốt và có ý nghĩa thiết thực hiện nay.

Tiểu kết chương 3

Những năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành công tác TTĐN và đạt được những kết quả to lớn, thiết thực cả về nội dung và phương thức lãnh đạo; góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước; thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Tuy nhiên, sự lãnh đạo Đảng đối với công tác TTĐN cũng còn có những hạn chế, khuyết điểm, làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác TTĐN trong thời kỳ mới. Thực trạng đó do nhiều nguyên nhân, có cả những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong đó, nguyên nhân chủ quan là quyết định.

Từ thực trạng và nguyên nhân, bước đầu rút ra một số kinh nghiệm: Một là, thường xuyên bám sát thực tiễn, nhất là sự phát triển của truyền thông quốc tế để xác định đúng đắn quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN; Hai là, chú trọng lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN vững mạnh, ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ; Ba là, lãnh đạo phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức, lực lượng trong tiến hành công tác TTĐN; Bốn là, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức tốt việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong tiến hành công tác TTĐN; Năm là, tăng cường công tác KT, GS, kịp thời xử lý các sai phạm trong tiến hành công tác TTĐN. Những kinh nghiệm trên là cơ sở khoa học quan trọng để xác định phương hướng và đề xuất giải pháp khả thi nhằm tăng cường sự lãnh đạo Đảng đối với công tác TTĐN trong thời gian tới.

Chương 4
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI ĐẾN NĂM 2035, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI ĐẾN NĂM 2035

4.1.1. Dự báo những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại đến năm 2035

4.1.1.1. Những yếu tố thuận lợi

Một là, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; hoà bình, hợp tác và phát triển tạo ra những điều kiện thuận lợi cho thực hiện công tác thông tin đối ngoại.

Những năm tới, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thế giới, hợp lý hoá phân công lao động trên phạm vi toàn cầu và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công nghiệp hoá ở nhiều nước đang phát triển. Xu thế này tiếp tục phát triển mạnh mẽ, làm gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, thúc đẩy nhu cầu trao đổi thông tin, quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế quốc gia. Trong bối cảnh đó, Việt Nam có đủ điều kiện để chủ động truyền tải thông tin về đường lối, chính sách phát triển đất nước, quảng bá hình ảnh quốc gia đổi mới, năng động, hội nhập nhằm tăng cường sự hiểu biết và tin cậy của cộng đồng quốc tế. Trong bối cảnh đó, nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về vai trò của TTĐN ngày càng rõ ràng. Các địa phương, doanh nghiệp, tổ chức xã hội chủ động tham gia quảng bá hình ảnh quốc gia. Ngay cả người dân ngày càng ý thức hơn về vai trò "đại sứ thông tin" trong môi trường số, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong triển khai công tác TTĐN. Điều này tạo

"không gian thuận lợi" để Đảng nâng cao hiệu quả lãnh đạo công tác TTĐN theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn và là nguyện vọng chung của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới. Trong điều kiện đó, các nước trên thế giới cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá nền quản trị quốc gia, thúc đẩy sự phát triển chung của khu vực, thế giới và Việt Nam. Xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển đã tạo điều kiện để Việt Nam mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hợp tác song phương và đa phương với các nước trên thế giới, đồng thời giúp TTĐN tập trung vào các giá trị tích cực như hòa bình, phát triển bền vững, hợp tác cùng có lợi, tạo dư địa thuận lợi để Đảng lãnh đạo công tác TTĐN theo hướng chủ động, tích cực, xây dựng hình ảnh quốc gia trách nhiệm.

Hai là, sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ thông tin, truyền thông số, Internet và mạng xã hội tạo ra những thuận lợi mới cho công tác thông tin đối ngoại.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, đã, đang và sẽ tác động sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của công nghệ truyền thông toàn cầu, của Internet và mạng xã hội. Điều này, cho phép các quốc gia, trong đó có Việt Nam tiếp cận trực tiếp công chúng quốc tế mà không phụ thuộc vào trung gian. Việc ứng dụng các nền tảng truyền thông mới như Facebook, YouTube, X (Twitter), TikTok, cùng với các phương tiện truyền thông số khác, đã mở ra những kênh tiếp cận thông tin nhanh chóng, rộng rãi, có sức lan tỏa lớn đến công chúng trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, công nghệ thông tin làm tăng khả năng tương tác, phản hồi và định hướng dư luận quốc tế, tạo ra điều kiện cho việc tích cực, chủ động tham gia đấu tranh phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững trận địa tư tưởng trong không gian mạng. Đây là điều kiện thuận lợi để Đảng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao tính hiệu quả của TTĐN trong môi trường số.

Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc ứng dụng công nghệ số và mạng xã hội đã làm cho TTĐN không còn giới hạn trong khuôn khổ truyền thống, mà trở thành nhiệm vụ chung của toàn dân, đặc biệt là lực lượng trí thức, văn nghệ sĩ, nhà báo, kiều bào và giới trẻ. Đông đảo người dân Việt Nam trong và ngoài nước có điều kiện thuận lợi để tham gia lan tỏa thông tin tích cực về đất nước, phản bác thông tin sai lệch trên các nền tảng số, qua đó sẽ thúc đẩy hiệu quả công tác này. Mặt khác, sự phát triển của ngoại giao công chúng và truyền thông quốc tế đã trở thành xu thế phổ biến, trong đó TTĐN giữ vai trò trung tâm. Các nước chú trọng xây dựng thương hiệu quốc gia, làm gia tăng "sức mạnh mềm" thông qua truyền thông và văn hóa. Trong bối cảnh đó, Việt Nam có thêm cơ hội học hỏi kinh nghiệm quốc tế, tiếp cận các mô hình tiên tiến, giúp Đảng đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo đối với công tác TTĐN có hiệu quả.

Ba là, những thành tựu to lớn của cách mạng Việt Nam sau hơn 40 năm đổi mới tiếp tục tạo ra những thuận lợi căn bản cho công tác thông tin đối ngoại.

Sau hơn 40 năm đổi mới, cách mạng Việt Nam đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước không ngừng được nâng cao, là nền tảng quan trọng để đất nước vươn mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới. Vai trò lãnh đạo, uy tín của Đảng tiếp tục được nâng cao. Môi trường chính trị ổn định, trật tự xã hội được bảo đảm, niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước tiếp tục được củng cố và tăng cường. Đây là điều kiện căn bản để tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong cả hệ thống chính trị, nhằm bảo đảm tính nhất quán trong nội dung, thông điệp TTĐN và nâng cao tính thuyết phục của TTĐN về mô hình phát triển và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

Nền kinh tế đất nước có sự chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp; các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm; nợ công giảm, nợ xấu được kiểm soát. Quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người không ngừng

gia tăng. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng được hoàn thiện đầy đủ hơn. Hội nhập kinh tế quốc tế phát triển sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo xu hướng tích cực hơn, giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản, tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống Nhân dân được cải thiện một cách căn bản và toàn diện. Những kết quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng và hội nhập sâu rộng đã cung cấp "chất liệu thực tiễn" sinh động cho công tác TTĐN, tạo cơ sở để quảng bá hình ảnh một Việt Nam năng động, phát triển, có trách nhiệm, nâng cao vị thế và uy tín quốc gia, qua đó tăng độ tin cậy của thông tin đối ngoại. Đây là nền tảng quan trọng để Đảng định hướng nội dung TTĐN gắn với thành tựu thực tiễn.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam chủ động, tích cực đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và toàn diện; tích cực tham gia vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong giải quyết các vấn đề toàn cầu, là thành viên có uy tín, trách nhiệm, phát huy vai trò tích cực tại các thể chế khu vực và quốc tế. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá, đưa quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế. Công tác TTĐN càng khẳng định vai trò quan trọng, là một bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng và đối ngoại; được tiến hành chủ động, kịp thời, chính xác, linh hoạt, gắn kết chặt chẽ giữa TTĐN với đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Hệ thống quan điểm này tạo cơ sở chính trị - lý luận vững chắc cho việc nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN trong thời gian tới.

Bốn là, tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại tiếp tục được quan tâm xây dựng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong thực hiện nhiệm vụ.

Trong những tới, việc lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai công tác TTĐN được tiếp tục được quan tâm, phối hợp chặt chẽ và hiệu quả. Các cơ quan như

Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao … đảm nhiệm vai trò trung tâm trong định hướng, chỉ đạo hướng dẫn và thực thi nhiệm vụ công tác TTĐN. Đặc biệt, trên cơ sở thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng chính quyền 3 cấp, tổ chức lại không gian phát triển; triển khai thực hiện các quyết sách chiến lược để đột phá phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy, phân công rõ vai trò giữa các cơ quan chủ trì và phối hợp như Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các cơ quan báo chí, các tổ chức chính trị - xã hội... là cơ sở để các tổ chức, lực lượng phát huy vai trò, trách nhiệm, tạo nên sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng trong quá trình triển khai các nhiệm vụ và kế hoạch về công tác TTĐN trên cả ba trụ cột: đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân.

Cơ chế phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng trong tiến hành công tác TTĐN sẽ được quan tâm xây dựng và hoàn thiện. Sự phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng trong tiến hành công tác TTĐN ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả, cho phép phản ứng nhanh, kịp thời trước các vấn đề quốc tế nhạy cảm, các chiến dịch xuyên tạc, vu cáo về dân chủ, nhân quyền, chủ quyền biển đảo... Thông qua đó, tiếng nói chính thống của Việt Nam ngày càng có sức nặng, tạo được ảnh hưởng tích cực trong dư luận khu vực và thế giới.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN từng bước được kiện toàn cả về số lượng và chất lượng. Trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ năng truyền thông quốc tế được cải thiện, tư duy hội nhập, năng lực thích ứng với môi trường số được nâng cao, có ý thức chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp được củng cố. Đây là lực lượng trực tiếp triển khai, góp phần hiện thực hóa sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực này. Nhiều địa phương, bộ, ngành đã xây dựng kế hoạch TTĐN riêng, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ phụ trách. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động truyền thông quốc tế thông

qua các sự kiện văn hóa, triển lãm, hội chợ, diễn đàn hợp tác, các chương trình truyền hình, mạng xã hội và nền tảng số bằng nhiều ngôn ngữ. Cùng với đó là sự phát triển của hệ thống truyền thông và hạ tầng, hệ thống báo chí, truyền thông và nền tảng số phát triển nhanh chóng. Các cơ quan báo chí, truyền thông đối ngoại ngày càng chuyên nghiệp. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, internet, mạng xã hội được mở rộng, khả năng sản xuất, phân phối nội dung đa phương tiện được nâng cao. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để Đảng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với công tác TTĐN.

4.1.1.2. Những khó khăn, thách thức

Thứ nhất, tình hình an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo.

Trong những năm tới, tình hình an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Các vấn đề như tranh chấp thương mại, xung đột lãnh thổ và khác biệt ý thức hệ đã góp phần tạo nên bối cảnh địa chính trị toàn cầu phức tạp và thường không ổn định. Tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng và các thách thức an ninh phi truyền thống diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực với nhiều đặc điểm mới. Tình hình tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh lợi ích chiến lược giữa các nước, nhất là các nước lớn diễn ra phức tạp, vừa mang lại cơ hội, vừa đặt các nước khác, nhất là các nước vừa và nhỏ trước nhiều khó khăn, thách thức. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân tuý ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... có nhiều diễn biến phức tạp. Cộng đồng quốc tế phải đối mặt ngày càng phức tạp hơn với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, đặc biệt là khủng bố quốc tế, an ninh mạng và các hình thái chiến tranh mới.

Cạnh tranh giữa các nước lớn về địa chiến lược, địa chính trị, địa kinh tế, tranh giành các nguồn tài nguyên chiến lược, công nghệ cao và truyền thông, dẫn đến gia tăng "chiến tranh thông tin", định hướng dư luận theo lợi ích riêng của từng quốc gia. Đặc biệt, gây nên sự áp đặt, xuyên tạc hoặc "chính trị hóa" thông tin liên quan đến các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, nhằm gây khó khăn cho việc giữ vững tính khách quan, trung thực trong truyền tải TTĐN. Điều này đòi hỏi Đảng phải nâng cao năng lực lãnh đạo để bảo đảm định hướng thông tin đúng đắn trong môi trường cạnh tranh phức tạp.

Thứ hai, sự bùng nổ thông tin và nguy cơ "nhiễu loạn thông tin" gây ra những khó khăn cho công tác thông tin đối ngoại.

Sự phát triển của Internet và mạng xã hội, bên cạnh tạo cơ hội phát triển cho truyền thông, nhưng cũng kéo theo tình trạng gây "nhiễu loạn thông tin", lan truyền thông tin sai lệch, tin giả, thông tin xấu độc với tốc độ nhanh, gây khó kiểm soát nguồn tin và khó định hướng dư luận quốc tế một cách kịp thời, làm gia tăng nguy cơ các thế lực thù địch lợi dụng không gian mạng để chống phá Việt Nam. Đồng thời, sự khác biệt về hệ tư tưởng, thể chế chính trị giữa Việt Nam và một số quốc gia phương Tây dẫn đến các cách tiếp cận và đánh giá khác nhau về dân chủ, nhân quyền, tự do báo chí, gây ra nguy cơ bị xuyên tạc, bóp méo thông tin liên quan đến tình hình trong nước, gây khó khăn trong việc tạo sự đồng thuận và hiểu biết đầy đủ từ cộng đồng quốc tế.

Việc bùng nổ thông tin và nguy cơ "nhiễu loạn thông tin" của truyền thông quốc tế càng gây nên những khó khăn, thách thức trong lãnh đạo công tác TTĐN của Đảng khi mà trình độ, năng lực của tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN có mặt chưa ngang tầm với nhiệm vụ. Năng lực phân tích, tổng hợp, dự báo chiến lược, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp về công tác TTĐN của một bộ phận cán bộ trong các cơ quan làm công tác TTĐN còn có hạn chế, bất cập. Thiếu chủ động, nhạy bén trong phát hiện các vấn đề nảy sinh; chưa kịp thời phản ứng trước những tình huống nhạy cảm, phức tạp về truyền thông. Chưa làm tốt việc định hướng thông tin

và tham mưu, đề xuất xử lý các tình huống phức tạp liên quan đến công tác TTĐN. Mặt khác, khi mà truyền thông toàn cầu đang chuyển mạnh sang nền tảng số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và đa phương tiện, việc đầu tư hạ tầng công nghệ truyền thông, cơ sở vật chất để phục vụ công tác TTĐN ở nước ta vẫn chưa đồng bộ. Nhiều cơ quan vẫn sử dụng công nghệ lạc hậu, thiếu khả năng tích hợp đa nền tảng. Đặc biệt, việc ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data), hay tự động hóa trong sản xuất nội dung TTĐN còn hạn chế. Năng lực sản xuất nội dung số chưa cao, chưa đủ sức cạnh tranh với các hãng truyền thông lớn trên thế giới.

Thứ ba, các thế lực thù địch tiếp tục gia tăng các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, chống phá cách mạng Việt Nam.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và không gian truyền thông mở, các thế lực thù địch, phản động gia tăng các hoạt động xuyên tạc, chống phá cách mạng Việt Nam. Hoạt động của các đối tượng này ngày càng tinh vi, có tổ chức và sử dụng nhiều thủ đoạn mới nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bóp méo lịch sử, kích động tư tưởng ly khai, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm suy giảm lòng tin của nhân dân vào chế độ. Thông qua Internet, mạng xã hội, blog cá nhân, các trang tin giả và các kênh truyền thông nước ngoài thiếu thiện chí, chúng khai thác những vấn đề nhạy cảm về dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, hay các vụ việc tiêu cực trong nước để thổi phồng, suy diễn, gây nhiễu loạn thông tin, tác động tiêu cực đến nhận thức xã hội, đặc biệt là giới trẻ. Điều đáng lo ngại là phần lớn hoạt động này được thực hiện dưới hình thức "mềm", khó phát hiện và kiểm soát. Trong khi đó, công tác đấu tranh phản bác các thông tin sai trái, thù địch ở một số nơi còn thiếu chủ động, thiếu tính sắc bén, chưa kịp thời, và thiếu đội ngũ chuyên sâu về truyền thông, công nghệ, ngoại ngữ để triển khai hiệu quả trên không gian mạng. Việc đấu tranh phản bác các thông tin sai trái, thù địch nhằm bảo vệ hình ảnh quốc gia đặt ra những khó khăn mới. Nhiệm vụ đó đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành và sự chủ động

trong nâng cao khả năng "miễn dịch" thông tin cho công chúng, góp phần giữ vững ổn định chính trị, củng cố vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam.

Thứ tư, việc sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cũng đặt ra những khó khăn, thách thức trong thực hiện công tác thông tin đối ngoại những năm tiếp theo.

Thực hiện chủ trương của Đảng về sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong năm 2025, một số ban, bộ, ngành của Trung ương và một số tỉnh, thành phố đã tiến hành sát nhập. Ở các tỉnh, thành phố, chính quyền địa phương 2 cấp đã được tổ chức và đi vào vận hành. Việc sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị là hết sức cần thiết nhằm tạo ra tổ chức bộ máy tinh gọn, mạnh; hoạt động hiệu lực, hiệu quả; hướng tới một nền hành chính hiện đại và chuyên nghiệp; phục vụ tốt hơn cho sự phát triển kinh tế - xã hội, tập trung nguồn lực cho phát triển đất nước. Tuy nhiên, việc sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị đặt ra không ít khó khăn, thách thức đến thực hiện nhiệm vụ công tác TTĐN và hiệu quả hoạt động lãnh đạo công tác TTĐN của Đảng.

Những năm tiếp theo, việc sắp xếp, tinh giảm tổ chức bộ máy, có thể xảy ra tình trạng chưa phân định rõ ràng, thậm chí chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ công tác TTĐN. Đặc biệt, công tác TTĐN là lĩnh vực có sự tham gia và phối hợp của nhiều tổ chức, lực lượng. Việc sắp xếp, tinh giảm tổ chức bộ máy, cũng có thể xảy ra tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực, nhất là những cán bộ lãnh đạo, quản lý có năng lực và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực TTĐN. Trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, các thủ tục hành chính có liên quan đến tập thể và cá nhân có thể chậm trễ. Sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, nhân sự có thể dẫn đến sự gián đoạn trong việc xác định đầu mối, trong thực hiện quy trình phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị làm công tác TTĐN từ Trung ương đến địa phương và các cơ quan đại diện ở nước ngoài. Điều này có thể gây ra tình trạng thông tin không đáp ứng kịp thời, thiếu đồng bộ.

Khi tổ chức bộ máy thay đổi, khi tập thể lãnh đạo hoặc cá nhân phụ trách thay đổi, việc thống nhất quan điểm, nội dung và thông điệp TTĐN có thể gặp khó khăn, dẫn đến thông tin không nhất quán khi truyền tải ra bên ngoài. Cán bộ mới được phụ trách thường có tâm lý e dè, chưa sẵn sàng thích ứng với mô hình mới, dẫn đến thiếu chủ động, linh hoạt trong định hướng và phát triển các hoạt động TTĐN. Việc sắp xếp lại tổ chức có thể ảnh hưởng đến đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác TTĐN. Một số cán bộ chuyên trách làm công tác TTĐN nằm trong đối tượng tinh giản biên chế, chuyển đổi vị trí công tác... Điều này đặt ra những khó khăn trong bổ sung nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại đến năm 2035

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định: "Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại''và "Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại''[66, tr.118, tr.119].

Để phát huy những thành quả đã đạt được, khắc phục khó khăn, hạn chế, tranh thủ tối đa cơ hội, vượt qua thách thức, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN theo phương hướng sau đây:

Một là, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với công tác thông tin đối ngoại.

Chú trọng đổi mới tư duy, thường xuyên bám sát thực tiễn, nhất là sự phát triển của truyền thông quốc tế để xác định đúng đắn quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN. Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định đường lối, chủ trương phát triển công tác TTĐN của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và

toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Quán triệt nghiêm túc, sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng; cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN thành chương trình kế hoạch cụ thể, thiết thực. Tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, linh hoạt, thích ứng với những biến động nhanh chóng của môi trường truyền thông toàn cầu và yêu cầu phát triển đất nước.

Hai là, tăng cường lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức thông tin đối ngoại phù hợp với sự phát triển của truyền thông quốc tế trong tình hình mới.

Bám sát tình hình thực tiễn thế giới và trong nước, nhất là sự phát triển của truyền thông quốc tế để đổi mới nội dung, phương thức công tác TTĐN theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả. Đổi mới nội dung, phương thức công tác TTĐN có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn; gắn với tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; xây dựng và quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam hòa bình, ổn định, thu hút sự ủng hộ, chia sẻ của cộng đồng quốc tế. Chú trọng công tác dự báo, nắm bắt tình hình, xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội kịp thời. Nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, giáo dục lý luận, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác TTĐN.

Ba là, tập trung lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại vững mạnh, ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ.

Xây dựng tổ chức bộ máy vững mạnh và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác TTĐN có đủ phẩm chất, năng lực, tạo "điểm tựa" vững chắc để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu quả công tác TTĐN, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới. Xây dựng tổ chức bộ máy vững mạnh, có tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác TTĐN có phẩm chất tốt, có năng lực cao, có khả năng phản ứng nhanh trước tình huống phức tạp, có khả năng quản lý và kiểm soát không gian truyền thông hiện đại, bảo đảm công tác TTĐN thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của truyền thông quốc tế trong tình hình mới.

Bốn là, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức, lực lượng trong tiến hành công tác thông tin đối ngoại.

Xây dựng và vận hành cơ chế phối hợp hoạt động của các tổ chức, lực lượng trong hệ thống chính trị khi tiến hành công tác TTĐN một cách đồng bộ, thống nhất, hiệu quả. Xác định rõ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức, lực lượng trong tiến hành công tác TTĐN. Phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng, tạo sức mạnh tổng hợp trong tiến hành công tác TTĐN; bảo đảm hiệu quả thiết thực của công tác TTĐN.

Năm là, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong tiến hành công tác thông tin đối ngoại.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện tốt công tác KT, GS; kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc, sai trái hoặc những cách làm hình thức, đối phó trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác TTĐN. Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức nghiêm túc sơ kết, tổng kết; đánh giá kết quả được thực hiện, chỉ ra những hạn chế, bất cập, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp khả thi, phù hợp với thực tiễn. Tiếp tục phát triển, hoàn thiện lý luận và thực tiễn về lãnh đạo công tác TTĐN trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn cầu hóa thông tin, chuyển đổi số và cạnh tranh truyền thông ngày càng quyết liệt.

4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI ĐẾN NĂM 2035

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trước hết là cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu trong tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN. Bởi vì: nhận thức là cơ sở của hành động. Nhận thức đúng bảo đảm cho các chủ thể và lực lượng có thái độ, động cơ hành động đúng đắn; có ý chí, quyết tâm và trách nhiệm cao trong hoạt động. Muốn tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN, trước hết, các tổ chức, lực

lượng, nhất là cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp phải có nhận thức đúng đắn, có tinh thần trách nhiệm cao trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện; bảo đảm hiệu quả của công tác TTĐN. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Tư tưởng đúng thì hành động mới khỏi bị sai lạc và mới làm tròn nhiệm vụ cách mạng được"[104, tr.50]. Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị nhấn mạnh: "Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là những cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ làm công tác thông tin đối ngoại; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, phù hợp với quan hệ giữa Việt Nam và các nước, Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp quốc tế" [35].

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trước hết là cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN, tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau đây:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng về vị trí, vai trò của công tác TTĐN.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của công tác TTĐN, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu, rộng hiện nay. Công tác TTĐN truyền tải quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đến bạn bè quốc tế và nhân dân trong nước; góp phần làm rõ lập trường chính nghĩa của Đảng và Nhà nước, chống lại các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, từ đó củng cố lòng tin quốc tế và bảo vệ hình ảnh quốc gia. Công tác TTĐN đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên CNXH mà dân tộc Việt Nam đã lựa chọn. Qua đó, góp phần khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và niềm tự hào dân tộc. Đồng thời, công tác TTĐN còn là công cụ để tạo nên sức mạnh nội sinh - yếu tố then chốt trong việc kết hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc với sức mạnh thời đại. Công tác TTĐN góp phần quan trọng vào việc định hướng nhận thức và dư luận xã hội cả trong và ngoài nước; giúp cho các tầng

lớp Nhân dân, nhất là kiều bào và bạn bè quốc tế, hiểu đúng, hiểu đủ và hiểu sâu về các chính sách, đường lối của Đảng, Nhà nước cũng như tình hình đất nước. Ngoài ra, công tác TTĐN giúp người dân Việt Nam ở trong nước có cái nhìn đầy đủ, khách quan và tích cực hơn về tình hình quốc tế, tránh bị lôi kéo bởi các luồng thông tin sai lệch, gây hoang mang, mất niềm tin. Công tác TTĐN góp phần củng cố sự đồng thuận xã hội và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè quốc tế, từ đó tạo điều kiện thuận lợi để duy trì môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, công tác TTĐN là một bộ phận quan trọng trong tổng thể công tác tư tưởng của Đảng, là nhiệm vụ chính trị trọng yếu, thường xuyên của cả hệ thống chính trị.

Hai là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng về sự cần thiết phải tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định: công tác TTĐN là một bộ phận quan trọng trong tổng thể công tác tư tưởng của Đảng, là nhiệm vụ chính trị trọng yếu, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Thông tin đối ngoại, với tư cách là hoạt động kết hợp giữa thông tin, tuyên truyền, đối ngoại và văn hóa, vừa mang tính chất chính trị - tư tưởng sâu sắc, vừa là cầu nối để xây dựng hình ảnh quốc gia, do đó cần phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng. Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/01/2022 của Ban Bí thư nêu rõ: *"*Cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền các cấp phải xác định rõ trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thông tin đối ngoại như là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên; đưa công tác thông tin đối ngoại vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm" [9]. Việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng và toàn bộ hệ thống chính trị về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN không chỉ là yêu cầu lý luận mang tính nguyên tắc, mà còn là đòi hỏi cấp bách từ thực tiễn phát triển và hội nhập đất nước.

Ba là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng về nội dung, phương thức và vai trò Đảng lãnh đạo công tác TTĐN.

Đảng lãnh đạo công tác TTĐN là tổng thể các hoạt động của Đảng thông qua việc đề ra các chủ trương, đường lối, chiến lược, chính sách lớn; tổ chức thực hiện và tiến hành kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm định hướng chính trị, tư tưởng và thực hiện thắng lợi công tác TTĐN.

Nội dung Đảng lãnh đạo công tác TTĐN bao gồm: Đảng xác định đường lối, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ công tác TTĐN; Đảng lãnh đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng quán triệt và tổ chức thực hiện công tác TTĐN; Đảng lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN; Đảng lãnh đạo phối hợp hoạt động của các tổ chức, lực lượng tiến hành công tác TTĐN; Đảng lãnh đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiêm việc thực hiện công tác TTĐN.

Đảng lãnh đạo công tác TTĐN bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận và định hướng lớn; Đảng lãnh đạo phát huy vai trò của Nhà nước trong cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng về công tác TTĐN; Đảng lãnh đạo bằng tuyên truyền, vận động, thuyết phục; Đảng lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ; Đảng lãnh đạo phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên; Đảng lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát.

Sự lãnh đạo của Đảng có vai trò to lớn: bảo đảm định hướng chính trị, tư tưởng đúng đắn, thống nhất trong cả hệ thống chính trị đối với công tác TTĐN, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với CNXH, xử lý hài hòa giữa "xây" và "chống"; phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác TTĐN.

Bốn là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về chức trách, nhiệm vụ của các tổ chức, lực lượng trong thực hiện công tác TTĐN.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về chức trách, nhiệm vụ của các tổ chức, lực lượng trong thực hiện công tác TTĐN. Trong đó, chủ thể lãnh đạo

công tác TTĐN là Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ cấp ủy các cấp thông qua các cơ quan chuyên trách như Ban Chỉ đạo Trung ương về công tác TTĐN, Ban Tuyên giáo và Dân vận... Các cơ quan này giữ vai trò trung tâm trong tham mưu việc hoạch định chủ trương, định hướng tư tưởng, chỉ đạo tổ chức thực hiện và điều phối hoạt động giữa các cấp, các ngành trong lĩnh vực TTĐN.

Tất cả các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, nhất là cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên ở các cơ quan, đơn vị làm công tác TTĐN; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan báo chí - truyền thông; các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; các doanh nghiệp; các tổ chức xã hội, nghề nghiệp; các tầng lớp Nhân dân, trong đó có cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là lực lượng tiến hành công tác TTĐN của Đảng. Tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ, tính chất, đặc điểm hoạt động, mỗi tổ chức, mỗi lực lượng có vị trí, vai trò cụ thể, xác định trong thực hiện công tác TTĐN và tham gia vào quá trình lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN.

Để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng, trước hết là cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN, cần thực hiện tốt các biện pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, tổ chức học tập, quán triệt nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn về công tác TTĐN.

Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị phải tổ chức nghiêm túc học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn về công tác TTĐN. Nhằm quán triệt một cách có hệ thống, sâu sắc đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác TTĐN. Đặc biệt, quán triệt sâu sắc vị trí, vai trò quan trọng, mang tính chiiến lược của công tác TTĐN, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu, rộng hiện nay trong thời kỳ mới. Nhận thức sâu sắc quan điểm Đảng lãnh đạo thống nhất, toàn diện đối với công tác TTĐN; nâng cao nhận thức về chủ thể, lực lượng, nội dung và phương thức lãnh đạo

của Đảng đối với công tác TTĐN. Phương pháp tổ chức quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn về công tác TTĐN phải được đổi mới, tránh hình thức, không chỉ dừng lại ở việc đọc văn bản mà phải phân tích rõ bối cảnh, ý nghĩa chính trị và tính cấp thiết của TTĐN trong tình hình mới, đặc biệt là các thách thức từ chiến tranh thông tin, sự chống phá của các thế lực thù địch và nguy cơ từ công nghệ giả mạo tinh vi. Các cấp ủy phải sử dụng các tài liệu, tư liệu thực tế về các tình huống khủng hoảng truyền thông quốc tế và việc xử lý thông tin nhạy cảm để minh họa rõ trách nhiệm chính trị của từng đảng viên, từng cơ quan trong việc bảo vệ uy tín quốc gia và sự lãnh đạo của Đảng. Phân công các cán bộ chủ trì, những người có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn trực tiếp đứng lớp truyền đạt, định hướng. Trong quá trình tổ chức học tập, quán triệt, gắn nội dung quán triệt với chức trách, nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, lực lượng thực hiện TTĐN. Từ đó, bảo đảm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên có "ý chí tiến công" trên mặt trận tư tưởng, không mơ hồ, dao động và không để xảy ra tình trạng thiếu trách nhiệm, lơ là trong công tác TTĐN. Việc giáo dục, quán triệt phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, đưa nội dung TTĐN vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng định kỳ cho đội ngũ cán bộ, đặc biệt là các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cấp ủy viên và cán bộ làm công tác tham mưu tổng hợp.

Thứ hai, duy trì có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng.

Duy trì có nền nếp, không ngừng nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, nhất là chế độ tự phê bình và phê bình trong tập thể cấp ủy, tổ chức đảng sẽ góp phần bồi dưỡng, nâng cao hiểu biết và kiến thức toàn diện cho cán bộ, đảng viên. Đồng thời, trực tiếp nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng, trước hết là cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN. Thông qua sinh hoạt, các cấp ủy, tổ chức đảng phải đánh giá đúng kết quả lãnh đạo về mọi mặt, trong đó, có lãnh đạo thực hiện công tác TTĐN. Thông qua sinh hoạt, làm cho từng cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ trì nhận thức rõ hơn vai trò, trách nhiệm của

mình trong tiến hành công tác TTĐN. Trên cơ sở đó, nâng cao trách nhiệm trong khắc phục những khâu yếu, mặt yếu, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác TTĐN. Các cấp ủy, tổ chức đảng phải thực hiện nghiêm túc và duy trì có nền nếp chế độ sinh hoạt, nhất là tự phê bình và phê bình, trong đó, có tự phê bình và phê bình về lãnh đạo, chỉ đạo, tiến hành công tác TTĐN. Tự phê bình và phê bình trong cấp ủy và tập thể lãnh đạo phải trên tinh thần xây dựng và tình thương yêu đồng chí để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ và củng cố mối đoàn kết thống nhất nội bộ.

Thứ ba, tổ chức tốt các đợt tập huấn, lớp bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ về công tác TTĐN.

Thông qua việc tổ chức tốt các đợt tập huấn, lớp bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ về công tác TTĐN không những nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn, mà còn nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng, trước hết là cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN.

Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải tổ chức các chương trình tập huấn, lớp bồi dưỡng chuyên sâu, thực hành tình huống về nghiệp vụ TTĐN. Tập trung vào việc áp dụng công nghệ số và truyền thông đa phương tiện, kỹ năng xây dựng thông điệp phù hợp với từng đối tượng và khu vực địa lý khác nhau. Nội dung tập huấn phải được cập nhật thường xuyên, bao gồm: Kỹ năng nhận diện và xử lý khủng hoảng truyền thông trong nước và quốc tế, kỹ thuật phản bác thông tin xấu độc, kỹ năng xây dựng câu chuyện tích cực về Đảng và đất nước. Đồng thời, cần xây dựng đội ngũ "chuyên gia nòng cốt" về TTĐN ngay trong nội bộ Đảng ủy và cơ quan chuyên môn để làm hạt nhân định hướng. Cán bộ chủ trì các cấp phải được yêu cầu tự học tập, tự bồi dưỡng để nâng cao kiến thức về TTĐN, gương mẫu đi đầu trong việc sử dụng mạng xã hội có trách nhiệm, chấp hành kỷ luật phát ngôn và thường xuyên tự kiểm điểm về trách nhiệm lãnh đạo công tác này. Cấp ủy cần định kỳ tổ chức kiểm tra nhận thức và đánh giá năng lực thực tế của các tổ chức, cá nhân làm công tác TTĐN. Coi kết quả này là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức

độ hoàn thành nhiệm vụ và xem xét đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, từ đó tạo động lực và áp lực cần thiết để nâng cao ý thức, trách nhiệm của toàn bộ hệ thống.

Thực hiện việc chuẩn hóa chương trình bồi dưỡng bắt buộc về TTĐN cho các đối tượng, nhất là cấp ủy và cán bộ chủ chốt. Ban hành khung năng lực tối thiểu gồm bốn hợp phần: đường lối, pháp luật và chuẩn mực đối ngoại; kỹ năng truyền thông quốc tế và số; quy trình phối hợp - người phát ngôn; xử lý khủng hoảng/dư luận xuyên biên giới. Tổ chức bồi dưỡng kết hợp trực tiếp với học liệu số ngắn, thi đánh giá cuối khóa và cấp chứng chỉ có thời hạn 2 năm. Gắn chứng chỉ với tiêu chuẩn bổ nhiệm, quy hoạch, xếp loại thi đua; ai không hoàn thành phải học bù trong 90 ngày. Ban Tuyên giáo - Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp ban, bộ, ngành, địa phương để xây dựng giáo trình thống nhất, cập nhật hằng năm; địa phương có thể bổ sung "tình huống bản địa". Bảo đảm 100% cán bộ diện quy định được chuẩn hóa, với bài kiểm tra chuẩn hóa và bộ tình huống áp dụng tại chỗ; tiêu chí đánh giá gồm tỷ lệ đạt chuẩn, điểm trung bình sau tập huấn và mức độ áp dụng vào thực tiễn qua kiểm tra đột xuất.

Thứ tư, xây dựng và hoàn thiện quy chế làm việc, quy định trách nhiệm cụ thể của các tổ chức, lực lượng.

Để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng, trước hết là cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN, cấp ủy các cấp cần rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy chế làm việc, quy định trách nhiệm cụ thể của từng cấp ủy, cán bộ chủ trì đối với công tác TTĐN, đảm bảo tính chặt chẽ và khả thi.

Đặc biệt, cần áp dụng và cụ thể hóa nguyên tắc "6 rõ" (rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền) trong xác định trách nhiệm của từng chủ thể: 1) Phân định rõ trách nhiệm của Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư trong việc trực tiếp chỉ đạo định hướng công tác TTĐN; 2) Xác định rõ cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong tiến hành công tác TTĐN; 3) Xác định rõ điều kiện đảm bảo (nguồn lực, tài chính, công

nghệ); 4) Xác định rõ biện pháp, cách làm cụ thể để triển khai các chủ trương. Trong đó, cần cụ thể hóa quy trình kiểm duyệt và phát ngôn đối ngoại, đặc biệt là các vấn đề nhạy cảm, giao trách nhiệm cá nhân cho cán bộ chủ trì, người phát ngôn chính thức trong việc đảm bảo thông tin chính xác, kịp thời và đúng định hướng. Đồng thời, thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất của Ủy ban Kiểm tra các cấp về việc thực hiện Quy chế, đi đôi với việc khen thưởng, biểu dương kịp thời các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt, và kiên quyết xử lý kỷ luật nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm nguyên tắc, lộ lọt thông tin hoặc thiếu trách nhiệm gây hậu quả xấu về mặt đối ngoại, đảm bảo tính răn đe và nâng cao ý thức chấp hành.

4.2.2. Đổi mới việc ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác thông tin đối ngoại

Đổi mới việc ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác TTĐN là giải pháp rất quan trọng, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc trong tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN hiện nay. Bởi vì: Để lãnh đạo công tác TTĐN, Đảng ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác TTĐN. Nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác TTĐN xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và những định hướng lớn về công tác TTĐN trong từng giai đoạn. Nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng không chỉ xác lập nền tảng chính trị - tư tưởng mà còn là cơ sở để hướng dẫn, thể chế hóa, cụ thể hóa công tác TTĐN trong hoạt động của các cấp, ngành, địa phương và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng bảo đảm cho sự phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức, lực lượng, tạo thành sức mạnh tổng hợp nhằm thực hiện có hiệu quả công tác TTĐN. Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị xác định: "Tiếp tục quán triệt, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng về công tác thông tin đối ngoại"[35].

Để thực hiện tốt giải pháp này, cần tập trung vào những nội dung, biện pháp cụ thể sau đây:

Một là, bám sát thực tiễn để xây dựng các nghị quyết, ban hành chiến lược công tác TTĐN trong kỷ nguyên mới.

Xây dựng, ban hành chiến lược công tác TTĐN là vấn đề có tính cấp thiết trong kỷ nguyên mới. Trong những năm tới, thế giới sẽ tiếp tục chứng kiến những biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường về chính trị, kinh tế, an ninh, văn hóa, truyền thông và công nghệ. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, trong đó truyền thông trở thành công cụ "mềm" nhưng có tác động "cứng", ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh quốc gia, dân tộc. Đặc biệt, sự phát triển bùng nổ của truyền thông số, mạng xã hội xuyên biên giới, cùng với cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa các quốc gia, hoạt động TTĐN càng trở nên quan trọng và phức tạp. Việt Nam, trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, không tránh khỏi việc trở thành đối tượng bị xuyên tạc, vu cáo trên truyền thông nước ngoài và mạng xã hội. Trong khi đó, công tác TTĐN của ta còn phân tán, thiếu định hướng thống nhất, do chưa có một chiến lược tổng thể dài hạn tương xứng với yêu cầu mới. Bởi vậy, Đảng phải xây dựng và ban hành chiến lược công tác TTĐN để định hình, điều phối, dẫn dắt và bảo đảm sự thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính trị nhằm thực hiện công tác TTĐN một cách chủ động, hiệu quả, bài bản hơn.

Mặt khác, TTĐN không chỉ là "truyền thông ra thế giới", mà còn là một mặt trận chính trị - tư tưởng - ngoại giao đặc biệt, nơi Đảng ta phải chủ động thể hiện bản lĩnh, lập trường và tiếng nói trước dư luận quốc tế. Các thế lực thù địch đang tăng cường hoạt động "diễn biến hòa bình", "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng bằng các hình thức truyền thông tinh vi, xuyên tạc lịch sử, bịa đặt thông tin, chống phá trên mạng xã hội. Nếu không có một chiến lược mạnh mẽ để tổ chức đấu tranh phản bác và nâng cao hiệu quả TTĐN, chúng ta sẽ bị động về tư tưởng và truyền thông, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân và uy tín quốc tế của đất nước.

Công tác TTĐN liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, từ Trung ương đến địa phương, từ ngoại giao, tuyên giáo, quốc phòng, văn hoá đến báo chí, truyền thông, khoa học - công nghệ. Nếu không có chiến lược của Đảng với vai

trò định hướng tối cao**,** các lực lượng dễ rơi vào tình trạng "mạnh ai nấy làm", thiếu kết nối, thiếu chia sẻ thông tin, thậm chí xung đột trong thông điệp truyền thông. Chiến lược phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045 xác định rõ: Việt Nam phải trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, có uy tín và vị thế quốc tế vững chắc. Muốn vậy, không chỉ cần sức mạnh kinh tế, quốc phòng, mà còn phải xây dựng được một hình ảnh quốc gia tích cực, nhân văn, đáng tin cậy trong mắt cộng đồng quốc tế. Điều này không thể làm hiệu quả nếu thiếu một chiến lược truyền thông đối ngoại bài bản, gắn chặt với đường lối đối ngoại, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa và công nghệ truyền thông hiện đại. Việc ban hành chiến lược TTĐN sẽ là chìa khóa để phát huy đồng bộ sức mạnh mềm và giá trị quốc gia của Việt Nam trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và truyền thông số.

Trong chiến lược công tác TTĐN, nội dung quan trọng hàng đầu là phải xác định rõ vai trò lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng; vai trò quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với công tác TTĐN. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất giữ vai trò lãnh đạo thống nhất, toàn diện đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực TTĐN - một mặt trận tư tưởng đặc biệt nhạy cảm và có ý nghĩa chiến lược trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh truyền thông toàn cầu. Do đó, trong chiến lược, cần khẳng định rõ: các cấp ủy, tổ chức đảng, đặc biệt là người đứng đầu cấp ủy các cấp, phải nhận thức đầy đủ và thực hiện nghiêm túc vai trò lãnh đạo, chỉ đạo công tác TTĐN tại địa phương, đơn vị mình. Trách nhiệm này không chỉ dừng lại ở việc quán triệt chủ trương, nghị quyết của Trung ương, mà còn phải được cụ thể hóa thành nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện, bảo đảm sự thống nhất trong tổ chức thực hiện.

Chiến lược của Đảng về công tác TTĐN trong kỷ nguyên mới là phải xác định rõ hệ thống quan điểm chỉ đạo, mục tiêu tổng quát và định hướng chiến lược mang tính lâu dài, xuyên suốt. Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định TTĐN là bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng - lý luận, là phương tiện để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ XHCN, đồng thời là

công cụ chiến lược trong việc quảng bá hình ảnh quốc gia, thúc đẩy hội nhập, nâng cao uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Mục tiêu tổng thể là xây dựng một nền TTĐN chuyên nghiệp, hiện đại, chủ động, hiệu quả, có khả năng định hướng dư luận quốc tế, phản bác kịp thời các luận điệu sai trái, xuyên tạc, đồng thời truyền tải sinh động, hấp dẫn những giá trị tích cực của đất nước, con người và chính sách đối ngoại của Việt Nam. Định hướng chiến lược trong lĩnh vực này cần tập trung vào việc tăng cường vai trò lãnh đạo thống nhất, toàn diên của Đảng từ Trung ương đến cơ sở; nâng cao tính phối hợp liên ngành; phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp giữa truyền thông nhà nước, mạng xã hội, ngoại giao văn hóa, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và các nguồn lực xã hội. Đồng thời, chú trọng ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ truyền thông hiện đại và các phương pháp truyền tải thông tin phù hợp với xu hướng toàn cầu, qua đó tạo nên một thế trận TTĐN vững chắc, chủ động bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc từ sớm, từ xa.

Chiến lược công tác TTĐN phải xác định rõ mối quan hệ điều phối giữa các cơ quan như Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch… với các tỉnh ủy, thành ủy. Bảo đảm vừa có sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, vừa có tính linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa bàn. Việc làm rõ trách nhiệm này là cơ sở để phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp trong hệ thống chính trị, đồng thời khắc phục tình trạng buông lỏng chỉ đạo, khoán trắng nhiệm vụ cho một số cơ quan chuyên trách như thời gian qua.

Hai là, Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa chiến lược, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng thành chính sách, kế hoạch triển khai cụ thể.

Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công tác TTĐN được xác định trong chiến lược, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước quán triệt và nhanh chóng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình hành động, nhằm bảo đảm cho các chủ trương, đường lối của Đảng thực sự đi vào đời sống, trở thành hiện thực sinh động. Điều này càng đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực thông tin đối ngoại - một lĩnh vực liên ngành, liên quan

đến an ninh quốc gia, truyền thông chiến lược, hình ảnh quốc gia và quan hệ quốc tế. Trong đó, Đảng giữ vai trò định hướng tư tưởng, quan điểm chỉ đạo và quyết định phương hướng chiến lược, còn Nhà nước giữ vai trò thể chế hóa bằng pháp luật, chính sách và tổ chức thực thi. Việc thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng thành chính sách và kế hoạch cụ thể không chỉ là yêu cầu kỹ thuật hành chính, đồng thời là biểu hiện cụ thể, sinh động của vai trò lãnh đạo của Đảng được thực hiện thông qua bộ máy nhà nước.

Các ban, bộ, ngành có liên quan xây dựng các đề án, kế hoạch, các văn bản hướng dẫn triển khai để cụ thể hóa nội dung chỉ đạo của Đảng thành chương trình hành động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan. Quá trình này bao gồm cả việc xây dựng các đề án cấp quốc gia**,** chẳng hạn, như Đề án tăng cường công tác TTĐN với Lào, Campuchia; các chương trình truyền thông quốc gia**,** như "Thông tin về biển, đảo"; hay ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, như Luật Báo chí, Luật An ninh mạng, Nghị định về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, ….

Trong các đề án, kế hoạch, các văn bản hướng dẫn triển khai, cần thiết lập cơ chế điều hành, phân bổ nguồn lực, phân công trách nhiệm và kiểm tra giám sát việc thực thi**.** Thực tiễn cho thấy, nếu không có thể chế đủ mạnh, đồng bộ và cụ thể, thì các chủ trương đúng đắn của Đảng rất dễ bị chậm trễ, thậm chí không được triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt trong lĩnh vực thông tin đối ngoại - nơi chịu tác động mạnh từ truyền thông toàn cầu và công nghệ số - việc triển khai nhanh chóng, chính xác, có cơ sở pháp lý rõ ràng là điều kiện quyết định để nâng cao năng lực phản ứng chính sách, xử lý khủng hoảng thông tin, và bảo vệ uy tín quốc gia.

Ba là, ban hành quy chế, hướng dẫn phân công, phân cấp, phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, thống nhất.

Trung ương ban hành những quy định, hướng dẫn việc phân công, phối hợp thực hiện các chức năng, nhiệm vụ công tác TTĐN trong tình hình mới, đồng thời gắn với mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Văn kiện xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, phạm vi điều chỉnh và phân công trách nhiệm; quán triệt

nguyên tắc Đảng lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác thông tin đối ngoại; một nguồn - nhiều kênh - một thông điệp; quản trị theo chuỗi dự báo, sản xuất, phân phối, đo lường, phản hồi để bảo đảm chính xác, kịp thời, hiệu quả. Trong bối cảnh sắp xếp lại đầu mối, Ban Tuyên giáo - Dân vận Trung ương làm thường trực định hướng; Bộ Ngoại giao điều phối đối ngoại nhà nước và mạng lưới cơ quan đại diện; các bộ, ngành liên quan bảo đảm hạ tầng số, chuẩn dữ liệu, quảng bá văn hóa, an ninh, an toàn; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể lan tỏa tới xã hội và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Về phối hợp, ban hành quy chế liên thông, lịch truyền thông dùng chung, bảng thông điệp chuẩn; vận hành trung tâm điều hành 24/7; áp dụng quy trình 2-4-24 cho tiếp nhận, phản hồi và hoàn thiện hồ sơ truyền thông. Ở địa phương theo mô hình hai cấp tỉnh - xã, thiết kế tuyến chỉ huy rút ngắn, ủy quyền phát ngôn phù hợp; vận hành cổng thông tin đối ngoại cấp tỉnh, cơ chế phản hồi nhanh kết nối thời gian thực với trung ương. Chiến lược ưu tiên "Sách thông điệp quốc gia" đa ngữ, kho dữ liệu dùng chung và bộ chỉ số gọn về độ chính xác, tính kịp thời, mức lan tỏa; đồng thời triển khai chương trình giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc, kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên, Nhân dân, đặc biệt thế hệ trẻ và kiều bào. Về bảo đảm, quy định nguồn lực ổn định, cơ chế đặt hàng nhiệm vụ, tiêu chuẩn hóa đào tạo, kiểm tra, giám sát, khen thưởng và chế tài trách nhiệm người đứng đầu; sơ kết, tổng kết, điều chỉnh định kỳ dựa trên dữ liệu.

Trên cơ sở thành lập Ban Chỉ đạo cấp Trung ương do Ban Tuyên giáo - Dân vận Trung ương làm thường trực, Bộ Ngoại giao làm đầu mối phối hợp; hình thành Tổ công tác liên ngành gồm đại diện bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc, cơ quan báo chí và chuyên gia. Tiếp tục nghiên cứu, soạn thảo chỉ thị, chiến lược theo phương pháp lập kế hoạch dựa trên kết quả, xây dựng bảng kế hoạch, mục tiêu, chỉ số, sản phẩm, nguồn lực, thời hạn; quy tắc phát ngôn, phối hợp, chia sẻ dữ liệu. Tổ chức thí điểm 06 tháng trên một số chủ đề, địa bàn ưu tiên; áp dụng quy trình 2-4-24; vận hành bảng điều phối thời gian thực, nhật ký quyết định và hệ chỉ số tối thiểu; lấy ý kiến phản biện của

chuyên gia, kiều bào, cơ quan đại diện. Sau thí điểm, hoàn thiện văn kiện và ban hành bộ tiêu chuẩn kỹ thuật về mô hình dữ liệu, giao thức tích hợp, danh mục thuật ngữ, mẫu thông cáo, mẫu hỏi đáp, thang đo cảm xúc; kèm quy chế bảo mật, an toàn thông tin. Triển khai toàn quốc, gắn trách nhiệm người đứng đầu với chỉ tiêu kết quả; áp dụng cơ chế đặt hàng nhiệm vụ và tài chính linh hoạt cho truyền thông chiến lược, khủng hoảng và đối ngoại số. Đối với địa phương hai cấp tỉnh - xã, thành lập trung tâm điều phối cấp tỉnh hoạt động theo ca; chỉ định đầu mối cấp xã; liên thông trực tuyến với trung ương; chuẩn hóa sổ tay tình huống; tập huấn định kỳ người phát ngôn và cộng tác viên. Cuối cùng, kiểm tra, giám sát nhiều tầng; đánh giá hằng quý, công bố báo cáo; khen thưởng kịp thời, xử lý nghiêm vi phạm để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả.

Bốn là, tổ chức nghiên cứu, tổng kết chuyên sâu và xây dựng Chiến lược thông tin đối ngoại trên nền tảng số.

Việc ban hành một chiến lược TTĐN mang tầm vóc mới đòi hỏi quá trình chuẩn bị kỹ lưỡng, khoa học và có tầm nhìn dài hạn. Về cách thức thực hiện: Trung ương cần chỉ đạo thành lập các nhóm nghiên cứu liên ngành (gồm các chuyên gia lý luận chính trị, ngoại giao, truyền thông, công nghệ thông tin và an ninh quốc phòng) để tiến hành tổng kết, đánh giá toàn diện 10-15 năm thực hiện các văn bản chỉ đạo về TTĐN. Quá trình tổng kết phải làm rõ những ưu điểm, hạn chế, đặc biệt là các vấn đề phát sinh do sự bùng nổ của truyền thông số và các thách thức từ công nghệ mới. Nội dung chiến lược phải được xây dựng dựa trên nền tảng số, xác định rõ mục tiêu chiến lược của TTĐN đến năm 2030, tầm nhìn 2045, bao gồm: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nâng cao vị thế, uy tín quốc gia, thu hút nguồn lực và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chiến lược phải xác định rõ các khu vực ưu tiên (các cường quốc, các nước láng giềng, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài), các nhóm đối tượng trọng điểm (chính giới, học giả, doanh nghiệp, thanh niên) và các kênh truyền thông chủ lực (truyền thông chính thống, mạng xã hội, ngoại giao nhân dân, ngoại giao văn hóa). Chiến lược cần đặc biệt nhấn mạnh vai trò tiên

phong của công nghệ trong việc phát tán thông điệp, khả năng phản ứng nhanh và linh hoạt trước khủng hoảng thông tin.

Năm là, ban hành chỉ thị cụ thể hóa trách nhiệm tổ chức thực hiện theo nguyên tắc "thống nhất - chuyên nghiệp - đồng bộ".

Để đảm bảo các chủ trương chiến lược được triển khai thành hành động cụ thể và có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan, cần ban hành một Chỉ thị cấp Trung ương mang tính hành động cao. Nội dung Chỉ thị phải cụ thể hóa nguyên tắc "thống nhất - chuyên nghiệp - đồng bộ". Thống nhất trong chỉ đạo: giao rõ trách nhiệm tham mưu và tổ chức thực hiện cho các cơ quan đầu mối (Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan đại diện ở nước ngoài). Chuyên nghiệp trong triển khai: yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN chuyên nghiệp, có khả năng ngoại ngữ tốt, am hiểu văn hóa quốc tế và sử dụng thành thạo các công cụ truyền thông hiện đại; đồng thời, thúc đẩy việc sử dụng các công ty, chuyên gia truyền thông chuyên nghiệp trong các chiến dịch lớn. Đồng bộ trong phối hợp: thiết lập cơ chế phối hợp dọc (từ Trung ương đến cơ sở) và phối hợp ngang (giữa các bộ, ngành, địa phương) thông qua các Quy chế phối hợp liên ngành, xác định rõ quy trình xử lý khủng hoảng thông tin, quy trình cung cấp thông tin cho báo chí nước ngoài.

Sáu là, thiết lập cơ chế kiểm tra, đánh giá thường xuyên và cơ chế phản ứng nhanh theo chỉ thị, chiến lược đã ban hành.

Một chiến lược hay chỉ thị chỉ phát huy tác dụng khi được tổ chức thực hiện nghiêm túc và có cơ chế kiểm tra, đánh giá hiệu quả. Biện pháp này tập trung vào khâu hậu kiểm và điều chỉnh chiến lược. Cấp ủy cần giao Ủy ban Kiểm tra các cấp hoặc cơ quan chuyên môn (Ban Tuyên giáo - Dân vận) chủ trì, định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị và Chiến lược TTĐN. Hoạt động kiểm tra không chỉ tập trung vào việc chấp hành quy định mà phải đánh giá hiệu quả đầu ra, tức là mức độ thay đổi nhận thức của công chúng quốc tế, sự tăng trưởng của lượng tin tức tích cực và mức độ giảm thiểu các thông tin sai lệch về Việt Nam. Trên cơ sở kết quả đánh giá, cần thiết lập

cơ chế khen thưởng, kỷ luật rõ ràng và kịp thời, coi kết quả TTĐN là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá năng lực lãnh đạo và chất lượng đảng viên của các cấp ủy. Đồng thời, Chiến lược phải đi kèm với việc thiết lập "Bộ phận phản ứng nhanh" trực thuộc cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng, có khả năng hoạt động 24/7. Cách thức vận hành là bộ phận này sẽ thường xuyên theo dõi dư luận quốc tế, cảnh báo sớm các nguy cơ khủng hoảng truyền thông và đề xuất ngay các giải pháp đối phó khẩn cấp, đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời của thông tin đối ngoại trong kỷ nguyên tốc độ cao của mạng xã hội. Việc này giúp đảm bảo các văn bản lãnh đạo của Đảng luôn được cụ thể hóa và thích ứng với tình hình quốc tế biến đổi liên tục.

4.2.3. Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức thông tin đối ngoại cho phù hợp với thực tiễn trong tình hình hình mới

Công tác TTĐN là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Trong điều kiện toàn cầu hóa, bùng nổ công nghệ thông tin và cạnh tranh truyền thông ngày càng khốc liệt, việc đổi mới nội dung và phương thức TTĐN không chỉ là yêu cầu mang tính kỹ thuật - nghiệp vụ, mà còn là vấn đề chiến lược, liên quan đến hiệu quả của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác thông tin sai trái và quảng bá hình ảnh quốc gia**.** Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác tuyên truyền đối ngoại phải ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, đúng đối tượng và linh hoạt theo từng hoàn cảnh cụ thể. Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng nhấn mạnh vai trò của tuyên truyền như một công cụ để giác ngộ và tranh thủ lực lượng bên ngoài. Thực tiễn cho thấy, tuy đã có nhiều nỗ lực, song công tác TTĐN hiện nay vẫn còn một số hạn chế: nội dung tuyên truyền còn dàn trải, thiếu tính thời sự, chưa sâu về chuyên môn; phương thức còn nặng về hành chính, chưa linh hoạt trên môi trường số; một số kênh thông tin chưa phát huy hết tiềm năng, đặc biệt là các nền tảng trực tuyến và mạng xã hội quốc tế. Vì vậy, cần tiếp tục đổi mới căn bản nội dung và phương thức, để công tác TTĐN thực sự thích ứng và phát huy hiệu quả trong bối cảnh mới. Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị xác định:

> Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức thông tin đối ngoại, tập trung giới thiệu, lan tỏa mạnh mẽ đến cộng đồng quốc tế lịch sử, truyền thống, hình ảnh đất nước, con người, văn hóa, thành tựu của công cuộc đổi mới, các giá trị, tư tưởng cao đẹp của dân tộc Việt Nam, lý luận, thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, vai trò lãnh đạo của Đảng, tính ưu việt của chế độ, đóng góp của Việt Nam vào kho tàng văn hóa, tri thức nhân loại... [35].

Việc đổi mới nội dung và phương thức TTĐN cần được thực hiện đồng bộ trên nhiều phương diện: *Về nội dung:* Tăng cường thông tin chuyên sâu, chính xác, có giá trị chiến lược về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong xây dựng, phát triển và hội nhập quốc tế; thành tựu nổi bật về kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, quyền con người, đổi mới sáng tạo, quốc phòng - an ninh. Tập trung tuyên truyền những điểm mạnh, khác biệt và giá trị nhân văn của Việt Nam, khẳng định vai trò, vị thế của Việt Nam trong các cơ chế khu vực và toàn cầu. Đồng thời, phải chủ động phản bác có hiệu quả các thông tin sai lệch, xuyên tạc, thù địch, nhất là về các vấn đề nhạy cảm như dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, biển đảo. *Về phương thức:* Đổi mới từ cách thức truyền tải đến lựa chọn kênh truyền thông. Tăng cường sử dụng các nền tảng số, mạng xã hội quốc tế (Facebook, YouTube, X/Twitter, TikTok...) với nội dung đa ngữ, sinh động, dễ chia sẻ. Kết hợp linh hoạt các hình thức truyền thông truyền thống (báo in, truyền hình, xuất bản phẩm) với truyền thông số (infographic, clip ngắn, podcast, báo nói, mạng xã hội). Đẩy mạnh hợp tác truyền thông quốc tế, mở rộng các kênh đối ngoại của báo chí chủ lực, tăng cường sự hiện diện của tiếng nói Việt Nam trên các nền tảng toàn cầu. *Về tổ chức và nhân lực:* Tổ chức lại các bộ phận chuyên trách TTĐN ở các cấp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, có năng lực sử dụng công nghệ và am hiểu thông tin quốc tế. Xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, giỏi nghiệp vụ, vững ngoại ngữ, có khả năng xử lý khủng hoảng truyền thông và phát ngôn đối ngoại hiệu quả.

4.2.3.1. Đổi mới nội dung thông tin đối ngoại

Một là, chú trọng xây dựng nội dung thông tin phong phú, hấp dẫn, phù hợp với từng nhóm đối tượng quốc tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và truyền thông số phát triển nhanh chóng, thông tin không còn truyền đi một chiều, mà là tương tác hai chiều, đa chiều, xuyên quốc gia, xuyên văn hóa. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết là nội dung TTĐN của Việt Nam không chỉ đúng về bản chất chính trị, pháp lý mà còn phải phong phú, hấp dẫn và phù hợp với nhu cầu, đặc điểm, tâm lý tiếp nhận của từng nhóm công chúng quốc tế**.** Đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật truyền thông, mà còn là biểu hiện rõ nét của tư duy làm chủ "mặt trận thông tin đối ngoại" của Đảng trong thời kỳ hội nhập. Tư tưởng Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: "Tuyên truyền phải đúng người, đúng lúc, đúng việc". Trong bối cảnh mới, nguyên lý đó càng trở nên cấp thiết khi công chúng quốc tế ngày càng đa dạng, nhạy cảm và có nhiều kênh tiếp cận thông tin. Nếu không chú trọng cá thể hóa nội dung, thông điệp của ta có thể đúng mà không "đến" được, không gây được hiệu quả truyền thông. Vì vậy, xây dựng nội dung TTĐN phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng nhóm đối tượng quốc tế là giải pháp có tính chiến lược lâu dài.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và truyền thông số phát triển mạnh mẽ, việc xây dựng nội dung TTĐN phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng nhóm đối tượng quốc tế trở thành một yêu cầu tất yếu, có ý nghĩa chiến lược trong việc nâng cao hiệu quả truyền thông, củng cố hình ảnh và vị thế quốc gia. Thực tiễn cho thấy, công chúng quốc tế ngày càng đa dạng về quốc tịch, ngôn ngữ, văn hóa, nghề nghiệp và nhu cầu tiếp nhận thông tin, do đó nội dung TTĐN không thể rập khuôn, một chiều mà phải được thiết kế linh hoạt, có chọn lọc và mang tính cá thể hóa cao. Đối với các nhóm nhà báo, học giả, tổ chức quốc tế, cần cung cấp thông tin chuyên sâu, có cơ sở chính trị, pháp lý rõ ràng, nhiều số liệu và lập luận vững chắc; trong khi đó, đối với công chúng phổ thông, nhất là thanh niên quốc tế, cần ưu tiên các nội dung gần gũi, truyền cảm hứng, giàu hình ảnh và cảm xúc như văn hóa, con người, ẩm thực, di sản, nghệ thuật. Bên cạnh việc xác định đúng nhóm công chúng, cần đa

dạng hóa chủ đề thông tin, kết hợp hài hòa giữa nội dung chính trị - pháp lý với các giá trị văn hóa - xã hội - nhân văn của Việt Nam; chuyển cách truyền thông từ mô tả khô cứng sang kể chuyện sinh động, có chiều sâu, có câu chuyện cụ thể, có biểu tượng văn hóa dễ nhớ, dễ lan tỏa. Ngoài ra, để phù hợp với đặc thù từng nhóm công chúng quốc tế, việc sử dụng ngôn ngữ truyền thông cũng phải được chú trọng: thông tin cần được biên dịch ra nhiều ngôn ngữ, sử dụng từ ngữ rõ ràng, dễ hiểu, văn phong phù hợp với thói quen tiếp nhận của từng nền văn hóa. Các hình thức thể hiện cũng cần đa dạng như video clip ngắn, đồ họa trực quan, podcast, mạng xã hội, báo điện tử đa ngữ… thay vì chỉ dựa vào báo in hoặc các bản tin truyền thống. Thực hiện tốt giải pháp này sẽ giúp TTĐN của Việt Nam trở nên thuyết phục, giàu tính lan tỏa, tạo được đồng thuận quốc tế, đồng thời góp phần củng cố "thế trận truyền thông" vững chắc trên mặt trận đối ngoại tư tưởng, bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao uy tín, hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế.

Hai là, tăng cường sử dụng các nền tảng công nghệ hiện đại như mạng xã hội, truyền thông số để lan tỏa thông điệp hiệu quả hơn.

Trong thời đại chuyển đổi số và bùng nổ thông tin toàn cầu hiện nay, mạng xã hội và các nền tảng truyền thông số không chỉ là kênh giao tiếp phổ biến, mà còn là công cụ chiến lược trong công tác TTĐN. Việc tăng cường sử dụng các nền tảng công nghệ hiện đại như mạng xã hội (Facebook, YouTube, X/Twitter, TikTok…), báo chí điện tử, podcast, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data)… giúp mở rộng phạm vi tiếp cận, đa dạng hóa đối tượng công chúng và lan tỏa thông điệp nhanh chóng, hiệu quả hơn gấp nhiều lần so với phương thức truyền thông truyền thống. Thực tiễn cho thấy, phần lớn công chúng quốc tế - đặc biệt là giới trẻ, học giả, doanh nhân, người làm truyền thông và người Việt ở nước ngoài - đều tiếp cận thông tin qua các nền tảng số. Vì vậy, nếu không chủ động chiếm lĩnh "không gian số", chúng ta sẽ bị động trước làn sóng thông tin xuyên tạc, sai lệch, thù địch vốn đang tận dụng rất mạnh các nền tảng này để chống phá Việt Nam. Việc sử dụng mạng xã hội và truyền thông số một cách bài bản, chuyên nghiệp sẽ giúp truyền tải các nội dung chính thống về đường lối,

chính sách của Đảng, thành tựu phát triển đất nước, hình ảnh con người - văn hóa Việt Nam một cách sinh động, dễ tiếp cận và có khả năng tương tác cao. Đồng thời, đây cũng là công cụ hiệu quả để phản bác nhanh chóng, kịp thời các luận điệu sai trái, tăng cường năng lực phản ứng chính sách trong các tình huống khủng hoảng thông tin. Tuy nhiên, để giải pháp này phát huy hiệu quả, cần có sự đầu tư bài bản về hạ tầng công nghệ, nguồn nhân lực truyền thông số, cơ chế phối hợp đa ngành và quy trình xử lý thông tin chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, cần phát triển nội dung đa ngữ, phù hợp với từng nền tảng và từng nhóm đối tượng cụ thể, kết hợp truyền tải thông điệp bằng các hình thức sáng tạo như video clip ngắn, infographic, câu chuyện kể bằng hình ảnh, podcast… Một mặt trận TTĐN hiện đại, chủ động, sáng tạo trên nền tảng số không chỉ giúp Việt Nam bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc, mà còn khẳng định vị thế một quốc gia hội nhập, năng động và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Ba là, xây dựng hệ thống nội dung TTĐN cốt lõi, chuyên sâu, mang tính lan tỏa cao.

Đây là biện pháp then chốt, đòi hỏi cấp ủy phải lãnh đạo cơ quan chuyên môn xác định và chuẩn hóa hệ thống thông điệp, nội dung TTĐN một cách khoa học, có tính chiến lược và được kiểm chứng. Về nội dung, cần tập trung vào các chủ đề cốt lõi, ưu tiên: giới thiệu, lan tỏa mạnh mẽ đến cộng đồng quốc tế lịch sử, truyền thống, hình ảnh đất nước, con người, văn hóa, và các thành tựu của công cuộc đổi mới. Đặc biệt, cần làm rõ lý luận, thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, cùng với vai trò lãnh đạo của Đảng và tính ưu việt của chế độ. Các nội dung này cần được thể hiện dưới góc độ mới mẻ, hấp dẫn, dễ tiếp cận, tránh lối trình bày khô khan, giáo điều, thay vào đó là kể chuyện bằng dữ liệu và những câu chuyện người thật việc thật, có cảm xúc mạnh mẽ. Về cách thức xây dựng, cấp ủy cần chỉ đạo thành lập các nhóm chuyên trách gồm các nhà nghiên cứu, nhà báo, chuyên gia truyền thông và đội ngũ sáng tạo nội dung để xây dựng ngân hàng thông điệp đa ngôn ngữ, đa nền tảng, đảm bảo tính thống nhất về định hướng nhưng đa dạng về hình thức thể hiện. Việc này bao gồm cả việc chuẩn bị sẵn các bộ thông tin phản bác đối với

các luận điệu sai trái, thông tin xuyên tạc về Đảng và Nhà nước. Hệ thống nội dung này phải được định kỳ rà soát, cập nhật theo từng giai đoạn phát triển và biến động của tình hình quốc tế để đảm bảo tính thời sự và hiệu quả.

4.2.3.2. Đổi mới phương thức thông tin đối ngoại

Một là, lãnh đạo chuyển đổi mạnh mẽ phương thức truyền thông, ưu tiên ứng dụng công nghệ số và truyền thông đa nền tảng.

Cấp ủy phải nắm bắt xu thế chuyển đổi số trong truyền thông toàn cầu để lãnh đạo cơ quan TTĐN đổi mới căn bản phương thức hoạt động. Trọng tâm là chuyển đổi từ truyền thông một chiều sang truyền thông tương tác, từ truyền thông dựa trên kênh truyền thống sang truyền thông đa nền tảng. Cần ưu tiên đầu tư nguồn lực và chỉ đạo xây dựng các nền tảng số hiện đại, thân thiện với người dùng quốc tế. Cách thức triển khai bao gồm việc đẩy mạnh việc sản xuất các sản phẩm truyền thông số chất lượng cao, có tính lan tỏa mạnh mẽ trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến toàn cầu (như TikTok, YouTube, X, Facebook), sử dụng các định dạng video ngắn, infographics, podcast, và các ứng dụng tương tác để giới thiệu hình ảnh Việt Nam. Cấp ủy phải lãnh đạo việc xây dựng chiến lược phân phối nội dung hiệu quả, sử dụng thuật toán, phân tích dữ liệu lớn để xác định đúng đối tượng mục tiêu và thời điểm phát hành nội dung tối ưu. Đồng thời, cần khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị TTĐN phối hợp chặt chẽ với các nhân vật có ảnh hưởng (KOLs) quốc tế và các kênh truyền thông uy tín nước ngoài để tăng cường độ phủ và tính xác thực của thông tin. Việc này không chỉ giúp Việt Nam chủ động "kể câu chuyện của mình" mà còn tạo ra một môi trường truyền thông mở để tiếp nhận phản hồi, đối thoại với công chúng quốc tế, từ đó điều chỉnh nội dung và phương thức cho phù hợp hơn.

Hai là, thiết lập cơ chế kiểm soát chất lượng và cơ chế đối thoại, tăng cường hiệu quả TTĐN.

Đổi mới phương thức phải đi đôi với việc thiết lập các cơ chế quản lý chất lượng và đánh giá hiệu quả nghiêm ngặt. Về kiểm soát chất lượng, cấp

ủy cần chỉ đạo xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng sản phẩm TTĐN (ví dụ: tính chính xác, tính hấp dẫn, tính lan tỏa, mức độ tuân thủ định hướng chính trị), đồng thời thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Ban Biên tập cấp cao để kiểm duyệt các nội dung nhạy cảm, phức tạp trước khi phát hành. Về cơ chế đối thoại và phản biện, cần lãnh đạo việc chủ động tổ chức các diễn đàn, tọa đàm quốc tế (online và offline) với các học giả, chính khách, chuyên gia nước ngoài về các vấn đề mà Việt Nam quan tâm hoặc các vấn đề mà công luận quốc tế đang hiểu sai. Việc này giúp nắm bắt được tâm lý, định kiến của công chúng mục tiêu và tạo cơ hội để trao đổi thẳng thắn, làm rõ các vấn đề về lý luận, thực tiễn của Việt Nam. Về đánh giá hiệu quả, cấp ủy cần yêu cầu cơ quan TTĐN áp dụng các chỉ số đo lường (KPIs) rõ ràng, khoa học thay vì chỉ dựa vào số lượng tin bài. Kết quả đánh giá này phải được báo cáo định kỳ cho cấp ủy để làm cơ sở cho việc điều chỉnh chiến lược, phân bổ lại nguồn lực và nhân sự. Thông qua việc kiểm soát và đối thoại chặt chẽ, sự lãnh đạo của Đảng đối với TTĐN sẽ được thực hiện một cách cụ thể, minh bạch và có khả năng thích ứng cao, góp phần lan tỏa mạnh mẽ hình ảnh, giá trị và những đóng góp của Việt Nam ra thế giới.

4.2.4. Xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự cạnh tranh khốc liệt trên mặt trận thông tin, việc xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành và tổ chức triển khai công tác TTĐN một cách bài bản, thống nhất và hiệu quả trong toàn hệ thống chính trị. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy ở nhiều địa phương và cơ quan, bộ máy tổ chức công tác TTĐN còn thiếu ổn định, thiếu đầu mối điều phối hiệu quả; trong khi đội ngũ cán bộ làm công tác này còn mỏng, năng lực chưa đồng đều, thiếu tính chuyên nghiệp. Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị nhấn mạnh:

> Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác thông tin đối ngoại có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ phẩm chất, năng lực, trình độ theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành thông tin đối ngoại tại các cơ sở đào tạo. Mở rộng hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong các lĩnh vực liên quan đến thông tin đối ngoại [35].

Xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác TTĐN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới cần tập trung vào một số nội dung, biện pháp cụ thể sau:

Một là, thành lập, kiện toàn các Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại từ Trung ương đến địa phương.

Việc thành lập và kiện toàn các Ban Chỉ đạo công tác TTĐN từ Trung ương đến địa phương là một yêu cầu có tính chiến lược, thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng đối với lĩnh vực TTĐN trong bối cảnh tình hình quốc tế diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường và mặt trận truyền thông toàn cầu ngày càng cạnh tranh gay gắt. Thực tiễn cho thấy, công tác TTĐN là lĩnh vực mang tính liên ngành, đa lĩnh vực và đòi hỏi sự điều phối thống nhất giữa các cơ quan chức năng trong hệ thống chính trị. Vì vậy, việc thành lập Ban Chỉ đạo ở các cấp sẽ tạo cơ sở để tổ chức triển khai hoạt động thông tin đối ngoại một cách chủ động, tập trung và đồng bộ hơn.

Ban Chỉ đạo công tác TTĐN là thiết chế tổ chức có nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy trong việc định hướng tư tưởng, chỉ đạo xây dựng chiến lược, kế hoạch truyền thông đối ngoại phù hợp với đường lối, chủ trương đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đối với cấp Trung ương, Ban Chỉ đạo giữ vai trò hoạch định chính sách, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và điều phối chung giữa các bộ, ngành liên quan như Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, cơ quan báo chí - truyền thông… Ở cấp địa phương, Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại do thường trực cấp ủy lãnh đạo, thường do Trưởng ban Tuyên giáo - Dân vận Tỉnh ủy làm Trưởng ban, có trách

nhiệm tham mưu cho cấp ủy trong việc xây dựng kế hoạch tuyên truyền đối ngoại phù hợp với đặc điểm địa phương, đồng thời tổ chức phối hợp giữa các sở, ban, ngành để triển khai nhiệm vụ thống nhất, hiệu quả.

Việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cũng đồng nghĩa với việc rà soát lại cơ cấu tổ chức, bổ sung nhân lực đủ năng lực, phẩm chất; xây dựng quy chế hoạt động, phân công rõ trách nhiệm giữa các thành viên; thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan và bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động. Đây là yếu tố then chốt nhằm phát huy vai trò trung tâm điều phối, chỉ đạo, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động TTĐN trong từng giai đoạn.

Hai là, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại theo hướng hiệu lực, hiệu quả

Cấp ủy phải nắm vai trò hạt nhân lãnh đạo trong việc xây dựng và kiện toàn BCĐ TTĐN thành một cơ quan tham mưu, điều hành chiến lược, đủ năng lực để phối hợp các hoạt động TTĐN liên ngành. Về mô hình tổ chức, cần rà soát lại Quyết định thành lập BCĐ để đảm bảo cơ cấu thành viên tinh gọn, hợp lý, đại diện cho các cơ quan chủ chốt, đặc biệt là các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến TTĐN như ngoại giao, thông tin và truyền thông, an ninh, và cơ quan nghiên cứu chiến lược. Trưởng Ban Chỉ đạo nên là lãnh đạo cấp cao của cấp ủy hoặc chính quyền, thể hiện sự ưu tiên về mặt chính trị và tạo thuận lợi cho việc chỉ đạo xuyên suốt. Về nâng cao chất lượng hoạt động, cấp ủy cần ban hành Quy chế Làm việc mới cho BCĐ, trong đó xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BCĐ, đảm bảo BCĐ không chỉ dừng lại ở vai trò tổng hợp mà phải có thẩm quyền quyết định, điều phối, phân bổ nguồn lực và kiểm tra, giám sát. BCĐ cần tổ chức các buổi họp định kỳ, đột xuất, tập trung thảo luận và ra nghị quyết hoặc kết luận về các chủ đề TTĐN mang tính chiến lược hoặc xử lý các vấn đề nhạy cảm, khủng hoảng truyền thông. Việc này phải gắn với cơ chế báo cáo và chịu trách nhiệm trực tiếp trước cấp ủy về hiệu quả hoạt động. Bằng việc kiện toàn mô hình và nâng cao hiệu lực hoạt động, BCĐ sẽ trở thành trung tâm điều hành thống nhất, đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng đối với công tác TTĐN.

Ba là, xây dựng và thực hiện chiến lược cán bộ TTĐN, chú trọng tuyển chọn và bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn, ngoại ngữ và kỹ năng số.

Cấp ủy phải có tầm nhìn chiến lược trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ TTĐN chất lượng cao, coi đây là nhân tố quyết định hiệu quả công tác. Về tuyển chọn, cần đa dạng hóa nguồn tuyển, không chỉ giới hạn trong đội ngũ cán bộ truyền thống mà mở rộng ra các chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn từ lĩnh vực báo chí, truyền thông số, quan hệ quốc tế và ngoại ngữ. Cần ưu tiên cán bộ trẻ, có khả năng thích ứng cao với công nghệ và am hiểu văn hóa quốc tế. Về bồi dưỡng, cấp ủy cần chỉ đạo xây dựng các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu, thực chiến cho cán bộ TTĐN. Nội dung đào tạo phải tập trung vào ba trụ cột năng lực cốt lõi: (1) Năng lực chính trị và phẩm chất đạo đức: Kiên định lập trường, tinh thần trách nhiệm, và kỷ luật phát ngôn; (2) Năng lực chuyên môn sâu: Kỹ năng phân tích thông tin quốc tế, tổng hợp, viết báo cáo chiến lược, và xây dựng thông điệp phù hợp; (3) Kỹ năng hiện đại: Thành thạo ngoại ngữ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), xử lý dữ liệu lớn (Big Data), và quản lý khủng hoảng truyền thông trên nền tảng số. Cần tổ chức các buổi hội thảo quốc tế hoặc cử cán bộ đi đào tạo ngắn hạn tại các cơ quan, tổ chức nước ngoài uy tín để tiếp thu kinh nghiệm và nâng cao tầm nhìn. Việc đầu tư vào công tác cán bộ TTĐN phải được xem là một khoản đầu tư chính trị, được cấp ủy ưu tiên bố trí nguồn lực tương xứng.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN có trình độ ngoại ngữ tốt, hiểu biết sâu rộng về chính trị, văn hóa và kỹ năng truyền thông.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và cạnh tranh thông tin ngày càng khốc liệt, đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN đóng vai trò then chốt trong việc truyền tải hình ảnh, lập trường, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam ra thế giới. Vì vậy, việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, hiểu biết chính trị - văn hóa và kỹ năng truyền thông là nhiệm vụ cấp thiết, thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong xây dựng nguồn nhân lực chiến lược phục vụ mặt trận TTĐN. Trước hết, cán bộ làm công tác TTĐN phải có năng lực ngoại ngữ vững vàng, đặc biệt là tiếng Anh và các ngôn ngữ

phổ biến khác, để trực tiếp tiếp cận, xử lý thông tin từ các nguồn nước ngoài, truyền tải thông điệp của Việt Nam ra thế giới một cách chính xác, thuyết phục và hiệu quả. Đây là yêu cầu tối thiểu để cán bộ có thể hoạt động trong môi trường quốc tế hóa, nhất là trong các tình huống cần phản bác thông tin sai lệch hoặc chủ động truyền thông quốc tế. Thứ hai, đội ngũ này cần có nền tảng vững chắc về chính trị, hiểu biết sâu rộng về lịch sử, đường lối đối ngoại của Đảng, chính sách của Nhà nước, cũng như am hiểu về văn hóa, xã hội Việt Nam và quốc tế. Đây là điều kiện quan trọng giúp cán bộ truyền tải thông tin đúng định hướng, mang tính thuyết phục cao, đồng thời bảo đảm tính chính danh, chính nghĩa của Việt Nam trên các diễn đàn đối ngoại và truyền thông quốc tế. Thứ ba, kỹ năng truyền thông hiện đại là yếu tố không thể thiếu. Cán bộ công tác TTĐN cần được trang bị kiến thức và kỹ năng về báo chí, truyền thông số, quản trị nội dung trên các nền tảng mạng xã hội, phân tích dư luận quốc tế, xử lý khủng hoảng truyền thông… nhằm thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của môi trường truyền thông toàn cầu. Đây là năng lực giúp cán bộ chủ động trong việc định hướng dư luận, dẫn dắt thông tin và tạo dựng hình ảnh quốc gia.

Để thực hiện nội dung này, Đảng cần lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, có tính chuyên ngành, liên ngành; xây dựng quy hoạch và chiến lược phát triển nguồn nhân lực thông tin đối ngoại gắn với thực tiễn hội nhập quốc tế; đồng thời có cơ chế tuyển chọn, sử dụng, đãi ngộ, khuyến khích cán bộ trẻ, giỏi ngoại ngữ và có năng lực sáng tạo.

Năm là, thực hiện tốt luân chuyển, đãi ngộ hợp lý và tăng cường đánh giá, kiểm tra chất lượng đội ngũ cán bộ TTĐN.

Để đội ngũ cán bộ TTĐN phát triển bền vững và gắn bó lâu dài với công việc, cấp ủy cần thiết lập một cơ chế quản lý, đãi ngộ và đánh giá hiệu quả. Về cơ chế quản lý, cần thực hiện luân chuyển, biệt phái cán bộ giữa cơ quan TTĐN chuyên trách (ví dụ: Ban Tuyên giáo-Dân vận, Bộ Ngoại giao) với các cơ quan đại diện ở nước ngoài, các cơ quan thông tin đại chúng và các

tổ chức chính trị - xã hội. Việc luân chuyển giúp cán bộ tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, ngoại giao và nâng cao khả năng phối hợp liên ngành. Về đãi ngộ, cần có chính sách đãi ngộ đặc thù về tiền lương, phụ cấp, và điều kiện làm việc (ví dụ: cung cấp trang thiết bị hiện đại, hỗ trợ học tập ngoại ngữ) cho cán bộ TTĐN, đặc biệt là những người làm việc trong môi trường căng thẳng, nhạy cảm hoặc ở nước ngoài, nhằm khuyến khích, giữ chân và thu hút nhân tài. Về đánh giá, cấp ủy cần lãnh đạo xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác của từng cán bộ TTĐN theo kết quả đầu ra (KPIs) rõ ràng, khoa học (ví dụ: mức độ lan tỏa của thông điệp, khả năng xử lý khủng hoảng, mức độ cải thiện hình ảnh quốc gia) thay vì chỉ dựa vào số lượng tin bài. Kết quả đánh giá phải được sử dụng làm căn cứ quan trọng để xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, khen thưởng và xử lý kỷ luật, từ đó tạo động lực mạnh mẽ để cán bộ TTĐN không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao phẩm chất và năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong thời kỳ mới.

4.2.5. Phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức, lực lượng trong thực hiện công tác thông tin đối ngoại

Đây là giải pháp có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác TTĐN.

Trong hệ thống chính trị nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo toàn diện. Tuy nhiên, việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể lại do nhiều cơ quan, tổ chức đảm nhiệm như chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các cơ quan chuyên môn. Nếu không có sự lãnh đạo thống nhất và phối hợp đồng bộ, các hoạt động dễ bị phân tán, cục bộ, thiếu hiệu quả, làm suy giảm vai trò lãnh đạo của Đảng trên thực tế. Trong thực tiễn, nhiều nhiệm vụ chính trị hiện nay liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lực lượng. Nếu thiếu sự phối hợp thì sẽ xảy ra tình trạng mạnh ai nấy làm, thông tin thiếu đồng bộ, nguồn lực bị phân tán, không tạo được sức mạnh tổng hợp. Việc phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, lực lượng nhằm đảm bảo sự thống nhất, không chồng chéo giữa các lĩnh vực, phát huy tốt sức mạnh tổng hợp trong

thực hiện nhiệm vụ chính trị. Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị đã xác định:

> Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; nâng cao trách nhiệm của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan báo chí trong thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại [35].

Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, cần triển khai một số nội dung, biện pháp cụ thể như:

Một là, thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương, cơ quan báo chí và tổ chức quốc tế.

Đây là một yêu cầu cốt lõi nhằm thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng về tăng cường và đổi mới công tác TTĐN trong tình hình mới. Trên thực tế, thông tin đối ngoại là lĩnh vực liên ngành, liên lĩnh vực, chịu sự tác động bởi nhiều yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa và truyền thông quốc tế; do đó, sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị và các tổ chức quốc tế là điều kiện tiên quyết để bảo đảm tính thống nhất về nhận thức và hành động.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhất là Ban Chỉ đạo công tác TTĐN Trung ương và các cấp ủy địa phương, việc thiết lập cơ chế phối hợp phải được đặt trong khuôn khổ định hướng chính trị - tư tưởng rõ ràng, thống nhất, nhằm bảo đảm thông tin ra bên ngoài vừa đúng đường lối đối ngoại của Đảng, vừa phù hợp với thông lệ quốc tế. Cơ chế phối hợp cần quy định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng chủ thể: các bộ, ngành trung ương cung cấp định hướng chiến lược, dữ liệu và chủ trương chính sách; các địa phương triển khai thông tin gắn với thực tiễn phát triển, lợi thế địa phương; các cơ quan báo chí là lực lượng trực tiếp truyền tải thông tin với kỹ năng

chuyên nghiệp; trong khi đó, các tổ chức quốc tế đóng vai trò cầu nối, tiếp nhận, phản hồi và hỗ trợ lan tỏa thông điệp của Việt Nam ra thế giới.

Việc Đảng lãnh đạo thiết lập cơ chế phối hợp cũng đồng nghĩa với việc chủ động ban hành quy chế, quy định phối hợp; thành lập các ban chỉ đạo liên ngành; xây dựng hệ thống báo cáo, chia sẻ thông tin và đánh giá kết quả phối hợp. Đặc biệt, cơ chế phối hợp không chỉ dừng ở cấp trung ương mà phải được cụ thể hóa đến từng cấp ủy, từng địa phương, gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Qua đó, tạo nên một mạng lưới thông tin đối ngoại thống nhất, đa chiều, chủ động, góp phần nâng cao hiệu quả quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác thông tin sai lệch, và thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng.

Hai là, xây dựng các chương trình hợp tác liên ngành nhằm nâng cao hiệu quả TTĐN.

Xây dựng các chương trình hợp tác liên ngành là một bước đi thiết thực nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng về đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác TTĐN trong tình hình mới. Thông tin đối ngoại là một lĩnh vực đặc thù, vừa mang tính chính trị - tư tưởng sâu sắc, vừa đòi hỏi sự phối hợp đa ngành, đa lĩnh vực như ngoại giao, quốc phòng, an ninh, văn hóa, truyền thông, khoa học - công nghệ, và cả doanh nghiệp, tổ chức xã hội. Do đó, việc xây dựng các chương trình hợp tác liên ngành không chỉ thể hiện tinh thần chỉ đạo thống nhất từ Trung ương đến địa phương mà còn là minh chứng cụ thể cho vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong tổ chức thực hiện.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các chương trình hợp tác liên ngành cần được xây dựng dựa trên cơ sở xác định rõ mục tiêu chiến lược của công tác TTĐN - đó là quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam; bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng; chủ động phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc; đồng thời tạo đồng thuận quốc tế đối với đường lối, chính sách của Việt Nam. Nội dung của các chương trình này phải cụ thể, thực tiễn và mang tính khả thi, bao gồm: phối hợp sản xuất và phát hành ấn phẩm truyền thông đa phương tiện; tổ chức các diễn đàn, hội nghị quốc tế; xây dựng cơ sở dữ

liệu dùng chung; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực công tác TTĐN liên ngành; tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, phái đoàn ngoại giao, cơ quan báo chí nước ngoài để mở rộng phạm vi tiếp cận thông tin.

Vai trò của Đảng thể hiện rõ trong việc chỉ đạo thống nhất về tư tưởng, nội dung và phương thức triển khai các chương trình hợp tác liên ngành. Đồng thời, Đảng yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước, các bộ, ngành, địa phương phải phối hợp chặt chẽ, gắn kết chặt nội dung công tác TTĐN với nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh. Từ đó, hình thành nên một hệ sinh thái TTĐN có sự tham gia của toàn hệ thống chính trị, tạo sức mạnh tổng hợp trong việc lan tỏa giá trị Việt Nam ra thế giới một cách hiệu quả, bài bản và có chiều sâu.

Ba là, hoàn thiện, chuẩn hóa cơ chế phối hợp liên ngành và quy định rõ ràng về trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện công tác TTĐN.

Sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thường bị cản trở bởi sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ hoặc thiếu quy chế ràng buộc. Do đó, cấp ủy cần lãnh đạo rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định phối hợp liên ngành theo hướng cụ thể hóa trách nhiệm, mục tiêu và phạm vi của từng bên. Cách thức thực hiện là ban hành các văn bản lãnh đạo chuyên đề (như nghị quyết, chỉ thị) yêu cầu các tổ chức, cơ quan ký kết các Chương trình/Kế hoạch phối hợp hành động hằng năm hoặc theo từng lĩnh vực cụ thể (ví dụ: phòng chống tham nhũng, TTĐN, bảo vệ an ninh quốc gia). Các văn bản này phải xác định rõ "điểm giao" và "điểm độc lập" trong nhiệm vụ của từng tổ chức (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, Quân đội/Công an). Đặc biệt, cần quy định rõ ràng về trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu (Bí thư, Thủ trưởng) các cơ quan, tổ chức trong việc chủ trì, tạo điều kiện và chịu trách nhiệm về kết quả phối hợp. Người đứng đầu phải có cam kết bằng văn bản và chịu trách nhiệm giải trình nếu công tác phối hợp không đạt hiệu quả hoặc gây ra sự tắc nghẽn, xung đột lợi ích. Việc này phải được gắn với công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật, đưa hiệu quả phối hợp vào một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, phân loại cán bộ, tổ chức cuối năm.

Bốn là, tăng cường giao ban, sơ kết định kỳ và thành lập Ban Chỉ đạo chuyên trách liên ngành

Lãnh đạo công tác phối hợp không chỉ là ban hành văn bản mà quan trọng hơn là duy trì sự điều hành, điều phối thường xuyên. Cấp ủy cần tăng cường sự lãnh đạo thông qua việc thiết lập các cơ chế giao ban, sơ kết, tổng kết định kỳ và linh hoạt. Cách thức thực hiện là cấp ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy trực tiếp chủ trì các buổi giao ban liên ngành (hàng tháng hoặc hàng quý) để nắm bắt tình hình, thống nhất chủ trương chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp. Nội dung giao ban phải tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, liên quan đến nhiều cơ quan và phải có sự tham gia của người đứng đầu hoặc đại diện có thẩm quyền của các tổ chức liên quan. Đối với các nhiệm vụ chính trị phức tạp, cần thành lập Ban Chỉ đạo hoặc Tổ công tác chuyên trách liên ngành (do đại diện cấp ủy hoặc người đứng đầu Chính quyền/cơ quan chuyên môn uy tín làm Trưởng ban) để trực tiếp chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ từ đầu đến cuối. Ban Chỉ đạo này có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công cụ thể, giám sát tiến độ và báo cáo kết quả trực tiếp với cấp ủy. Việc thành lập các Ban Chỉ đạo chuyên trách giúp tập trung nguồn lực, thẩm quyền và thống nhất ý chí của các cơ quan, đồng thời loại bỏ tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc làm việc riêng lẻ, đảm bảo nguyên tắc tập trung thống nhất dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, tạo ra sức mạnh tổng hợp cao nhất để giải quyết các vấn đề liên ngành, liên vùng.

Năm là, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực phối hợp và ứng dụng nền tảng công nghệ dùng chung để chia sẻ thông tin

Yếu tố con người và công nghệ đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao hiệu quả phối hợp. Cấp ủy cần lãnh đạo tập trung vào việc bồi dưỡng năng lực phối hợp cho đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN và ứng dụng các công cụ hiện đại. Về con người, cần đưa nội dung về kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm, xử lý xung đột liên ngành vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng định kỳ cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, đặc biệt là cán bộ tham mưu tổng hợp. Cần khuyến khích luân chuyển, biệt phái cán bộ giữa các cơ quan, tổ chức để họ có cái nhìn toàn

diện hơn về chức năng, nhiệm vụ và khó khăn của các bên, từ đó nâng cao tinh thần đồng đội và trách nhiệm chung. Về công nghệ, cấp ủy cần chỉ đạo cơ quan chuyên môn (như Văn phòng Cấp ủy, Văn phòng Ủy ban) nghiên cứu và ứng dụng các nền tảng công nghệ thông tin dùng chung (ví dụ: các hệ thống quản lý văn bản điện tử, hệ thống thông tin điều hành) để tạo kênh chia sẻ thông tin, dữ liệu, tiến độ công việc giữa các tổ chức một cách minh bạch, nhanh chóng và an toàn. Việc này không chỉ cắt giảm thời gian, chi phí hành chính mà còn đảm bảo các cơ quan đều có thông tin đồng bộ và kịp thời để ra quyết định. Việc ứng dụng công nghệ trong lãnh đạo phối hợp giúp cấp ủy dễ dàng theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ chung của toàn hệ thống và kịp thời phát hiện các điểm nghẽn về thông tin hoặc tiến độ, từ đó đưa ra chỉ đạo điều chỉnh kịp thời, nâng cao tính liên tục và hiệu quả của công tác phối hợp.

4.2.6. Tăng cường nguồn lực thực hiện công tác thông tin đối ngoại, nhất là nguồn lực dành cho việc chuyển đổi số của các cơ quan làm công tác thông tin đối ngoại, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

Trong bối cảnh cạnh tranh thông tin toàn cầu ngày càng khốc liệt, đặc biệt trên các nền tảng số và truyền thông quốc tế, việc tăng cường nguồn lực cho công tác TTĐN là yêu cầu mang tính chiến lược. Đây là lĩnh vực có tính chuyên sâu, đòi hỏi đầu tư bài bản về con người, tài chính, công nghệ và hạ tầng kỹ thuật. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy nhiều cơ quan trực tiếp làm công tác thông tin đối ngoại như ban tuyên giáo - dân vận, bộ ngành liên quan, các cơ quan báo chí, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài,… vẫn còn gặp khó khăn về kinh phí, nhân lực chất lượng cao và công cụ hỗ trợ kỹ thuật hiện đại. Do đó, Đảng cần tăng cường lãnh đạo bảo đảm nguồn lực để công tác TTĐN được triển khai một cách chủ động, chuyên nghiệp, hiệu quả và bền vững. Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị đã nhấn mạnh: "Tăng cường nguồn lực Nhà nước, khuyến khích, động viên các nguồn lực xã hội cho công tác thông tin đối ngoại, nhất là nguồn lực dành cho hoạt động của các cơ quan trực tiếp làm công tác thông tin đối ngoại, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài" [35].

Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, cần có sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy đảng trong việc chỉ đạo rà soát, điều chỉnh cơ chế phân bổ nguồn lực phù hợp với vai trò, vị trí của công tác TTĐN trong thời kỳ mới. Các ban chỉ đạo công tác TTĐN từ Trung ương đến địa phương phải chủ động tham mưu với cấp ủy về nhu cầu đầu tư, bố trí kinh phí, nhân sự và cơ sở vật chất. Cần lồng ghép nội dung này trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính trung hạn và dài hạn; đồng thời, phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc đảm bảo nguồn lực được sử dụng đúng mục đích, đúng trọng tâm, có hiệu quả. Đặc biệt, cần tăng cường hỗ trợ cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, vốn là "tuyến đầu" của công tác TTĐN, giúp họ chủ động tổ chức các hoạt động truyền thông, quảng bá hình ảnh đất nước, xử lý khủng hoảng truyền thông và phản bác thông tin sai lệch một cách kịp thời, hiệu quả. Trong đó, cần tập trung vào một số nội dung cụ thể sau:

Một là, đầu tư tài chính, trang thiết bị hiện đại và cơ sở hạ tầng phục vụ công tác TTĐN.

Trong thời đại truyền thông số và cạnh tranh thông tin toàn cầu diễn biến ngày càng phức tạp, việc đầu tư tài chính, trang thiết bị hiện đại và cơ sở hạ tầng phục vụ công tác TTĐN là yêu cầu có tính nền tảng và lâu dài. Đây là một nội dung quan trọng trong việc thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác TTĐN, bảo đảm tính chuyên nghiệp, chủ động, hiệu quả và có sức lan tỏa cao trong tuyên truyền hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra thế giới. Trước hết, đầu tư tài chính ổn định và có định hướng là điều kiện tiên quyết để tổ chức các hoạt động TTĐN một cách thường xuyên và bài bản. Các hoạt động như sản xuất sản phẩm truyền thông, tổ chức hội nghị quốc tế, giao lưu văn hóa đối ngoại, xây dựng nội dung số đa ngôn ngữ… đều đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy việc bố trí ngân sách cho công tác này ở nhiều địa phương còn manh mún, chưa được ưu tiên đúng mức. Vì vậy, cần đưa nội dung đầu tư tài chính cho thông tin đối ngoại vào kế hoạch ngân sách hàng năm, gắn với kế hoạch

phát triển kinh tế - xã hội và chương trình hành động của cấp ủy, chính quyền các cấp. Thứ hai, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại là công cụ trực tiếp hỗ trợ triển khai hiệu quả công tác TTĐN. Trong bối cảnh truyền thông thế giới đang chuyển mạnh sang các nền tảng số, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo, công nghệ đồ họa - dựng phim 3D, thực tế ảo…, việc đầu tư thiết bị ghi hình, dựng phim, thiết bị livestream, phần mềm phân tích dữ liệu mạng, hệ thống lưu trữ nội dung số… là rất cần thiết. Những phương tiện này không chỉ giúp nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền, mà còn tăng tính tương tác và khả năng tiếp cận khán giả quốc tế. Thứ ba**,** cơ sở hạ tầng phục vụ công tác TTĐN cần được đầu tư đồng bộ, bao gồm không gian làm việc, trung tâm điều phối thông tin, hệ thống mạng truyền dẫn, phòng thu - phát truyền thông hiện đại và hệ thống kết nối dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Bên cạnh đó, cần xây dựng các nền tảng trực tuyến dùng chung, kho dữ liệu hình ảnh, video, tài liệu tuyên truyền phục vụ cho các cơ quan thông tin đối ngoại khai thác thống nhất, bảo đảm tính đồng bộ về nội dung, hình ảnh và thông điệp.

Hai là, bổ sung kinh phí cho các hoạt động tuyên truyền đối ngoại của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Việc bổ sung kinh phí cho các hoạt động tuyên truyền đối ngoại của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài là một yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả công tác TTĐN trên tuyến đầu hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh môi trường truyền thông toàn cầu ngày càng phức tạp, nhạy cảm, sự hiện diện và tiếng nói của Việt Nam tại các quốc gia và tổ chức quốc tế phụ thuộc rất lớn vào vai trò của các cơ quan đại diện như đại sứ quán, tổng lãnh sự quán, phái đoàn thường trực… Do đó, việc tăng cường đầu tư nguồn lực tài chính cho các cơ quan này không chỉ giúp họ thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền chính sách, hình ảnh quốc gia, mà còn góp phần phản bác thông tin sai lệch, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trên mặt trận thông tin. Thực tế cho thấy, nhiều cơ quan đại diện ở nước ngoài hiện gặp khó khăn về kinh phí triển khai các hoạt động thông tin đối ngoại như tổ chức tọa đàm, hội thảo, triển

lãm, giao lưu văn hóa, sản xuất ấn phẩm giới thiệu về Việt Nam, duy trì trang thông tin điện tử đa ngôn ngữ, hợp tác với báo chí sở tại… Những hoạt động này đòi hỏi chi phí cao, liên quan đến thuê địa điểm, dịch vụ truyền thông quốc tế, in ấn - phát hành, chi trả bản quyền… Vì vậy, nếu không được bổ sung ngân sách kịp thời và hợp lý, công tác tuyên truyền của các cơ quan đại diện sẽ mang tính hình thức, nhỏ lẻ, thiếu chiều sâu và không tạo được ấn tượng mạnh với công chúng quốc tế. Việc bổ sung kinh phí cần gắn với chiến lược tổng thể và định hướng chỉ đạo của Đảng, được lồng ghép trong kế hoạch tài chính hằng năm của Nhà nước, đồng thời có cơ chế phân bổ linh hoạt theo tính chất, đặc thù của từng khu vực, quốc gia, địa bàn chiến lược. Ngoài ra, cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành trong nước (như Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông…) với các cơ quan đại diện để bảo đảm dòng kinh phí được sử dụng đúng mục tiêu, hiệu quả, công khai và sát với thực tế hoạt động.

Đổi mới tư duy đầu tư, ưu tiên phân bổ ngân sách theo hướng chiến lược và hiệu quả đầu ra. Cấp ủy cần lãnh đạo thay đổi nhận thức về chi tiêu cho TTĐN, từ việc xem đây là khoản chi hành chính sang xem là đầu tư chiến lược cho an ninh quốc gia, phát triển kinh tế và nâng cao vị thế đất nước. Cách thức thực hiện là cấp ủy chỉ đạo cơ quan chức năng (như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính) rà soát lại cơ cấu chi ngân sách nhà nước, đảm bảo ưu tiên phân bổ nguồn vốn thỏa đáng cho các hoạt động TTĐN, đặc biệt là các chương trình, dự án có tính dài hạn, tác động sâu rộng. Nguồn lực phải được phân bổ dựa trên nguyên tắc "Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm": ưu tiên các cơ quan trực tiếp làm TTĐN (như Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông, VNA, VOV, VTV), các cơ quan đại diện Việt Nam ở các địa bàn chiến lược, và các dự án ứng dụng công nghệ số. Việc phân bổ phải gắn chặt với hiệu quả đầu ra (KPIs) đã được Ban Chỉ đạo TTĐN xác định; ngân sách không chỉ dựa trên nhu cầu chi mà dựa trên kết quả đã đạt được và cam kết về chất lượng, mức độ lan tỏa của thông tin. Đồng thời, cấp ủy cần lãnh đạo xây dựng cơ chế quản lý tài chính linh hoạt, đặc thù cho các hoạt động TTĐN ở

nước ngoài, đảm bảo kịp thời, đơn giản hóa thủ tục hành chính để đáp ứng tốc độ xử lý thông tin quốc tế.

Ba là, đa dạng hóa nguồn vốn, huy động mạnh mẽ nguồn lực ngoài ngân sách và xã hội hóa công tác TTĐN.

Để đảm bảo tính bền vững và quy mô cho TTĐN, cấp ủy cần lãnh đạo thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước. Về huy động nguồn lực trong nước, cần xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp có hoạt động đầu tư, kinh doanh ở nước ngoài, tham gia tài trợ hoặc đồng hành trong các chiến dịch quảng bá hình ảnh quốc gia, thương hiệu Việt Nam ra thế giới. Việc này phải được luật hóa hoặc quy định rõ ràng về trách nhiệm xã hội, gắn lợi ích doanh nghiệp với lợi ích quốc gia. Về huy động nguồn lực quốc tế, cần chỉ đạo cơ quan ngoại giao và các tổ chức quốc tế khai thác các quỹ hỗ trợ kỹ thuật, các chương trình hợp tác quốc tế liên quan đến văn hóa, truyền thông và phát triển. Đặc biệt, cấp ủy cần lãnh đạo việc xây dựng các dự án huy động trí thức, nguồn lực chất xám của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (Việt kiều) thông qua việc tạo điều kiện về cơ chế, kinh phí để họ tham gia tích cực vào các hoạt động TTDN tại địa bàn sở tại. Cần có chính sách đãi ngộ, tôn vinh hợp lý đối với các tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực vào công tác này. Việc đa dạng hóa nguồn lực không chỉ tăng cường về mặt tài chính mà còn mở rộng mạng lưới, kênh truyền thông và tăng cường tính khách quan, đa chiều cho các thông điệp đối ngoại của Việt Nam.

Bốn là, tăng cường đầu tư trang thiết bị công nghệ, hạ tầng số và tạo môi trường làm việc hiện đại cho các cơ quan TTĐN.

Trong thời đại số, công nghệ và hạ tầng là nguồn lực vật chất quyết định hiệu quả của TTĐN. Cấp ủy cần lãnh đạo tập trung đầu tư để trang bị cho các cơ quan TTĐN và cơ quan đại diện ở nước ngoài các công cụ làm việc hiện đại nhất. Về công nghệ, cần ưu tiên đầu tư để xây dựng và duy trì hạ tầng công nghệ thông tin an toàn, bảo mật và tốc độ cao, đảm bảo khả năng truyền tải dữ liệu, thông tin đa phương tiện xuyên quốc gia một cách nhanh chóng. Trang bị cho cán bộ các phần mềm chuyên dụng (ví dụ: công cụ phân

tích dữ liệu mạng xã hội, công cụ giám sát dư luận quốc tế, công cụ sản xuất nội dung số. Về cơ sở vật chất, cần cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, phòng làm việc theo tiêu chuẩn hiện đại, đặc biệt là tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, để tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho đội ngũ cán bộ, thể hiện sự chuyên nghiệp và uy tín quốc gia. Về con người, cần lãnh đạo việc bố trí kinh phí để thuê chuyên gia, tư vấn kỹ thuật từ các công ty công nghệ lớn trong và ngoài nước để hỗ trợ vận hành, bảo trì và chuyển giao công nghệ. Việc đầu tư này phải được thực hiện theo Chương trình Mục tiêu cụ thể về hiện đại hóa công nghệ TTĐN, có sự kiểm tra, giám sát nghiêm ngặt về chất lượng và tiến độ, đảm bảo các cơ quan TTĐN có đủ "vũ khí" và "hậu cần" vật chất để thực hiện nhiệm vụ một cách chủ động, chuyên nghiệp và hiệu quả trong môi trường truyền thông số toàn cầu.

4.2.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong thực hiện nhiệm vụ công tác thông tin đối ngoại

Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng; là phương thức lãnh đạo thiết thực nhằm bảo đảm cho các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng về TTĐN được triển khai đúng định hướng, thực chất và đạt hiệu quả. Thông qua công tác KT, GS nhằm kịp thời phát hiện những biểu hiện lệch lạc, sai trái hoặc những cách làm hình thức, đối phó trong triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác TTĐN.

Trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, thông tin đa chiều, khó kiểm soát và không gian mạng ngày càng trở thành mặt trận nóng về tư tưởng - truyền thông, công tác TTĐN của Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng. Các thế lực thù địch, phản động không ngừng lợi dụng mạng xã hội, báo chí quốc tế, các tổ chức phi chính phủ để tung tin xuyên tạc, bịa đặt về tình hình chính trị, nhân quyền, dân chủ, tôn giáo và chủ quyền của Việt Nam. Trong khi đó, ở một số nơi, công tác TTĐN vẫn còn lúng túng, thiếu nhịp nhàng giữa các ngành, nội dung tuyên truyền còn dàn trải, chưa đúng trọng tâm, thậm chí có lúc, có nơi để xảy ra tình trạng thông tin không thống nhất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh quốc gia. Mặt

khác, đây là lĩnh vực đòi hỏi cao về kỷ luật thông tin, tính chính xác, kịp thời và định hướng rõ ràng. Nếu không có cơ chế KT, GS thường xuyên, liên tục, rất dễ dẫn đến tình trạng buông lỏng lãnh đạo, thiếu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; các cơ quan, đơn vị có thể triển khai sai định hướng, tùy tiện trong nội dung và phương pháp thể hiện. Bên cạnh đó, việc KT, GS còn giúp phát hiện những hạn chế, yếu kém trong quá trình thực hiện; từ đó kịp thời điều chỉnh chủ trương, giải pháp và tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan liên quan. Ngoài ra, xuất phát từ yêu cầu nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả và trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị đối với công tác TTĐN. Kiểm tra, giám sát không chỉ là biện pháp "kiểm soát quyền lực" trong nội bộ mà còn là công cụ để thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng nội dung truyền thông, bảo đảm TTĐN đúng định hướng của Đảng, phù hợp với lợi ích quốc gia, đồng thời tạo được uy tín, thiện cảm trong dư luận quốc tế.

Bởi vậy, tăng cường công tác KT, GS là giải pháp có ý nghĩa thiết thực trong tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN. Để thực hiện tốt giải pháp này, cần tập trung vào một số nội dung, biện pháp cụ thể sau:

Một là, đẩy mạnh công tác KT, GS việc thực hiện các nghị quyết, chương trình về TTĐN.

Trong bối cảnh thế giới đang bước vào thời kỳ chuyển động nhanh, sâu và rộng của truyền thông toàn cầu, Đảng ta xác định công tác TTĐN là một bộ phận quan trọng trong công tác tư tưởng của Đảng, là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, lâu dài, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển công tác TTĐN trong tình hình mới, cùng với Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 8/8/2018 về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030, đã đặt ra những yêu cầu cấp bách về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả và kỷ luật trong tổ chức thực hiện. Trong đó, một nhiệm vụ then chốt mang tính bảo đảm là đẩy mạnh công tác KT, GS việc thực hiện các nghị quyết, chương trình về công tác TTĐN - nhằm bảo đảm sự thống nhất về nhận

thức, sự nghiêm túc trong hành động, và sự vững chắc của trận địa thông tin tư tưởng trong tình hình mới, cần tổ chức KT, GS một cách bài bản, có hệ thống và gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng ngành.

Nội dung KT, GS không chỉ dừng lại ở việc "có làm hay không", mà phải đi vào chất lượng nội dung truyền thông, năng lực phối hợp, mức độ sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, nhân lực và công nghệ. Việc KT, GS phải được thực hiện định kỳ và đột xuất, gắn với các tiêu chí đánh giá cụ thể: mức độ nhận diện hình ảnh Việt Nam ở nước ngoài, khả năng phản bác thông tin sai lệch, sự lan tỏa của các sản phẩm truyền thông số, tiếng nói của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế… Kết quả KT, GS cần được công khai, làm cơ sở để xếp loại thi đua, khen thưởng, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp buông lỏng quản lý, làm sai định hướng, gây tổn hại đến uy tín quốc gia. Trong bối cảnh truyền thông số phát triển mạnh mẽ, không thể kiểm tra theo phương thức thủ công, hành chính cũ. Cần ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, các công cụ phân tích mạng xã hội, theo dõi xu hướng dư luận toàn cầu để giám sát chất lượng truyền thông một cách khách quan, chính xác và kịp thời. Đồng thời, cần xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có chuyên môn sâu, hiểu biết về đối ngoại, truyền thông quốc tế, có bản lĩnh chính trị vững vàng và có khả năng xử lý tình huống truyền thông nhạy bén. Vệc đẩy mạnh KT, GS không chỉ nhằm chấn chỉnh hoạt động TTĐN, mà còn là động lực thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và học hỏi kinh nghiệm trong toàn hệ thống. Qua KT, GS, phát hiện những mô hình hay, cách làm hiệu quả, từ đó nhân rộng, tạo chuyển biến tích cực và lan tỏa tinh thần chủ động, chuyên nghiệp trong toàn hệ thống chính trị. Đây chính là biểu hiện cụ thể của việc đưa nghị quyết vào cuộc sống, làm sâu sắc thêm vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời đại truyền thông toàn cầu.

Hai là, kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề bất cập, đưa ra các điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

Việc kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề bất cập, đưa ra các điều chỉnh phù hợp với thực tiễn là một nội dung trọng tâm và thiết yếu trong công

tác kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, chương trình về thông tin đối ngoại. Trong quá trình triển khai, thực tiễn luôn đặt ra những tình huống mới, những biến động không lường trước về chính trị, ngoại giao, truyền thông quốc tế và công nghệ, đòi hỏi sự linh hoạt và chủ động điều chỉnh chính sách, phương thức tuyên truyền cho phù hợp. Thông qua KT, GS, các cấp ủy và cơ quan chức năng phát hiện kịp thời nhiều bất cập điển hình như: sự phối hợp thiếu hiệu quả giữa các cơ quan liên quan, nội dung tuyên truyền đơn điệu, thiếu chiều sâu; sự lúng túng trong xử lý thông tin nhạy cảm; năng lực đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, hay tình trạng thiếu nguồn lực tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Thông qua công tác KT, GS, cần nhanh chóng đưa ra các điều chỉnh cụ thể như: bổ sung cơ chế phối hợp liên ngành; tăng cường ngân sách và nhân lực cho các đơn vị làm TTĐN; cập nhật phương pháp tuyên truyền phù hợp với truyền thông số; tổ chức tập huấn kỹ năng truyền thông quốc tế cho cán bộ. Việc điều chỉnh không chỉ mang tính kỹ thuật mà còn thể hiện bản lĩnh và năng lực lãnh đạo của Đảng trong chủ động thích ứng, đổi mới phương thức triển khai nghị quyết sát với thực tế. Đây chính là yếu tố quyết định để công tác TTĐN thực sự trở thành một kênh sức mạnh mềm chiến lược, góp phần bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc trong giai đoạn hội nhập sâu rộng và cạnh tranh truyền thông toàn cầu.

Ba là, lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện quy chế, quy trình kiểm tra, giám sát chuyên biệt đối với công tác TTĐN.

Hiệu quả của công tác KT, GS bắt nguồn từ hệ thống quy định chặt chẽ, đặc thù. Cấp ủy phải lãnh đạo việc xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định KT, GS chuyên biệt đối với TTĐN, khác với các công tác chuyên môn khác do tính nhạy cảm, phức tạp và tính chính trị cao của TTĐN. Về nội dung, quy chế phải xác định rõ phạm vi KT, GS (bao gồm việc chấp hành chủ trương, đường lối, quy trình phát ngôn, nội dung thông tin, và việc xử lý thông tin sai trái); đối tượng KT, GS (từ cấp ủy, Ban Chỉ đạo công tác TTĐN, cơ quan chuyên trách đến từng cán bộ, đảng viên có liên quan); và

thời điểm KT, GS (định kỳ hằng quý/năm và đột xuất đối với các vấn đề nhạy cảm). Về phương thức, cần quy định rõ quy trình tiến hành kiểm tra, giám sát, bao gồm việc thu thập thông tin, thẩm tra, xác minh, kết luận và xử lý. Đặc biệt, cần thiết lập cơ chế KT, GS chéo giữa Ủy ban Kiểm tra với các cơ quan TTĐN và cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ, đảm bảo tính khách quan, toàn diện. Cấp ủy cần chỉ đạo việc thành lập các Đoàn/Tổ KT, GS chuyên đề do cán bộ có trình độ chuyên môn sâu về truyền thông, ngoại ngữ và pháp lý đứng đầu để đảm bảo chất lượng, tính chuyên nghiệp. Việc xây dựng và chuẩn hóa quy chế KT, GS là cơ sở pháp lý và tổ chức quan trọng để tăng cường trách nhiệm giải trình của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu các cơ quan TTĐN, đồng thời đảm bảo mọi hoạt động TTĐN đều tuân thủ nguyên tắc lãnh đạo của Đảng và pháp luật.

Bốn là, chú trọng KT, GS trọng tâm, trọng điểm, kết hợp công tác kiểm tra thường xuyên với giám sát đột xuất.

Để công tác KT, GS có chiều sâu và hiệu quả, cấp ủy cần lãnh đạo thực hiện KT, GS có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ xảy ra sai sót. Về trọng tâm, cần tập trung vào: (1) KT, GS việc chấp hành kỷ luật phát ngôn và quy trình cung cấp TTĐN; (2) KT, GS việc xử lý, phản bác các thông tin xấu độc, xuyên tạc liên quan đến Đảng, Nhà nước và hình ảnh quốc gia; (3) KT, GS hiệu quả sử dụng nguồn lực (tài chính, công nghệ) được cấp cho các hoạt động TTĐN. Về phương thức, cấp ủy cần chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa KT, GS thường xuyên (qua báo cáo, sinh hoạt chi bộ, họp định kỳ) với giám sát đột xuất (khi có sự kiện lớn, khủng hoảng truyền thông hoặc thông tin nhạy cảm). Đặc biệt, cần ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác KT, GS: sử dụng các phần mềm chuyên dụng để tự động theo dõi, thu thập và phân tích các luồng thông tin liên quan đến Việt Nam trên các nền tảng số quốc tế, từ đó kịp thời phát hiện các dấu hiệu vi phạm, sai sót hoặc sự thiếu nhất quán trong thông điệp đối ngoại. Ủy ban Kiểm tra cần được đầu tư trang thiết bị, nguồn lực để có thể tiến hành kiểm tra độc lập về nội dung, kỹ thuật và tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các cơ

quan TTĐN. Việc KT, GS phải gắn liền với đánh giá chất lượng cán bộ, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các thiếu sót và xử lý nghiêm các vi phạm, tránh tình trạng "nhờn luật" hay ngại va chạm trong lĩnh vực nhạy cảm này.

Năm là, nâng cao chất lượng kết luận KT, GS và tăng cường công khai, minh bạch trong xử lý vi phạm.

Mục đích cuối cùng của KT, GS là nhằm thúc đẩy hiệu quả công việc và ngăn ngừa sai phạm. Do đó, cấp ủy cần lãnh đạo nâng cao chất lượng của các kết luận KT, GS và quy trình xử lý. Về kết luận KT, GS, cần đảm bảo tính khách quan, chính xác, đầy đủ chứng cứ và phải chỉ rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến những hạn chế, khuyết điểm trong công tác TTĐN. Kết luận phải đưa ra kiến nghị, yêu cầu cụ thể, khả thi về biện pháp khắc phục, thời gian hoàn thành và chế tài áp dụng. Về xử lý vi phạm, cần đảm bảo tính nghiêm minh, kịp thời và thống nhất trong toàn hệ thống. Cấp ủy cần chỉ đạo công khai, minh bạch (trong phạm vi cho phép) về các kết luận kiểm tra và việc xử lý các vi phạm nghiêm trọng (như lộ lọt thông tin, vi phạm kỷ luật phát ngôn) để tạo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đặc biệt, cần chú trọng công tác hậu kiểm sau khi có kết luận, tức là kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị khắc phục, sửa chữa sai phạm của các tổ chức, cá nhân. Thông qua việc nâng cao chất lượng kết luận và xử lý vi phạm, công tác KT, GS sẽ không chỉ là công cụ kiểm soát mà còn là biện pháp mạnh để củng cố kỷ luật, kỷ cương trong công tác TTĐN, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực và trách nhiệm cao, đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng trong lĩnh vực này.

Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở dự báo bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước đến năm 2035, Chương 4 đã xác định những yêu cầu mới đặt ra đối với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác TTĐN trong điều kiện chuyển đổi số, cạnh tranh thông tin toàn cầu và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Những biến đổi nhanh chóng của môi trường truyền thông và sự phát triển của các công nghệ mới đòi hỏi Đảng phải tiếp tục đổi mới tư duy, nội dung và phương thức lãnh đạo nhằm bảo đảm công tác thông tin đối ngoại đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trong tình hình mới.

Chương 4 của luận án đã đề xuất hệ thống quan điểm và các giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại đến năm 2035. Các giải pháp được xây dựng theo hướng đồng bộ, có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau, tập trung vào đổi mới nhận thức và tư duy lãnh đạo; hoàn thiện chủ trương, cơ chế, chính sách; đổi mới phương thức lãnh đạo; kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các lực lượng tham gia công tác thông tin đối ngoại.

Việc triển khai hiệu quả các quan điểm và giải pháp nêu trên sẽ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong lĩnh vực TTĐN, bảo đảm công tác thông tin đối ngoại thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa Việt Nam với thế giới, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, nâng cao vị thế, uy tín và sức mạnh mềm của Việt Nam trên trường quốc tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên phát triển mới.

KẾT LUẬN

1. Công tác TTĐN là một bộ phận quan trọng trong công tác tư tưởng và công tác đối ngoại Đảng; trực tiếp tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước Việt Nam; quảng bá hình ảnh đất nước, lịch sử, văn hóa, truyền thống, đất nước, con người và những thành tựu của cách mạng Việt Nam; đấu tranh phản bác những luận điệu xuyên tạc, chống phá cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, trong kỷ nguyên số, thông tin trở thành nguồn lực phát triển và là "sức mạnh mềm" của quốc gia; TTĐN góp phần định hình hình ảnh quốc gia, thu hút đầu tư, du lịch, thúc đẩy xuất khẩu, lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới. Đây là một trong những công cụ quan trọng để nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN là tổng thể các hoạt động của Đảng từ việc đề ra các chủ trương, đường lối, chiến lược, chính sách lớn đến việc tổ chức thực hiện và tiến hành kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác TTĐN. Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN là một tất yếu khách quan, nhằm bảo đảm sự định hướng chính trị đúng đắn; phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng tham gia và là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả của công tác TTĐN.

3. Trong những năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo công tác TTĐN và đạt được những kết quả to lớn; góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước; thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN vẫn còn những hạn chế, khuyết điểm; làm hạn chế chất lượng, hiệu quả công tác TTĐN trong thời kỳ mới. Thực trạng đó do nhiều nguyên nhân, có cả những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan; trong đó, nguyên nhân chủ quan là quyết định. Từ thực trạng và nguyên nhân, bước đầu rút ra một số kinh nghiệm; đây là cơ sở để xác định phương hướng và đề xuất những giải pháp khả thi nhằm tăng cường sự lãnh đạo Đảng đối với công tác TTĐN trong thời gian tới.

4. Trong thời gian tới, có nhiều yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN. Trong đó, có cả những yếu tố khách quan và chủ quan, có cả những thuận lợi và những khó khăn, thách thức. Các chủ thể và lực lượng cần nhận thức sâu sắc những yếu tố tác động, phát huy những yếu tố tích cực, thuận lợi; hạn chế, khắc phục những khó khăn, thách thức để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN thời gian tới.

5. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN trong thời gian tới cần quán triệt và thực hiện tốt phương hướng; đồng thời phải tiến hành đồng bộ các giải pháp: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trước hết là cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN; Đổi mới việc ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác TTĐN; Đổi mới nội dung, phương thức TTĐN; Xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới; Phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức, lực lượng; Tăng cường nguồn lực cho công tác TTĐN, nhất là nguồn lực dành cho việc chuyển đổi số của các cơ quan làm công tác TTĐN, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; Tăng cường công tác KT, GS, sơ kết, tổng kết trong thực hiện nhiệm vụ công tác TTĐN. Mỗi giải pháp có vị trí, vai trò, nội dung và những biện pháp cụ thể khác nhau nhưng có mối quan hệ biện chứng, gắn bó mật thiết với nhau. Vì vậy, phải phối hợp chặt chẽ và thực hiện đồng bộ, thống nhất; không được tuyệt đối hóa hoặc xem nhẹ giải pháp nào.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác TTĐN là một vấn đề rộng lớn và có ý nghĩa chiến lược. Mặc dù, đã rất cố gắng, nhưng những nội dung nghiên cứu của luận án cũng chỉ là những khám phá bước đầu. Trên cơ sở kết quả đã đạt được, tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện, phát triển, làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn, góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả công tác TTĐN, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Mai Anh (2025), "Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại đáp ứng yêu cầu của tình hình mới", *Tạp chí Cộng sản điện tử,* ngày 3/9/2025.

2. Nguyễn Thị Mai Anh (2025), "Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại", *Tạp chí Lý luận chính trị,* số đặc biệt, tháng 10, tr.65.

3. Nguyễn Thị Mai Anh (2025), "Đảng lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại - những nhân tố tác động và một số kinh nghiệm", *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, tr.38.

4. Nguyễn Thị Mai Anh (2026), "Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị phục vụ hiệu quả cho công tác thông tin đối ngoại giai đoạn hiện nay", *Tạp chí Giáo chức Việt Nam*, tr.14.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

*** Tài liệu tiếng Việt**

1. Hoàng Huệ Anh (2022), *Chiến lược an ninh đối ngoại mới của Trung Quốc sự lực chọn cho vị trí siêu cường*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Hoàng Tuấn Anh, "Xây dựng và quảng bá hình ảnh Việt Nam trong tình hình mới", *Tạp chí Thông tin Đối ngoại*, số 12.
3. Lê Hồng Anh (2013), "Nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục của các sản phẩm thông tin đối ngoại", *Tạp chí Thông tin đối ngoại,* số (96).
4. Phạm Minh Anh (2025), "Trường phái ngoại giao Cây tre Việt Nam và sự phản ánh trong hệ thống thông tin đối ngoại đương đại", *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế,* số 2 (131).
5. Ban Bí thư Trung ương Đảng (1966), *Chỉ thị số 128-CT/TW, về tăng cường công tác tuyên truyền đối ngoại, ngày 06/6/1966*, Hà Nội.
6. Ban Bí thư (1992), *Chỉ thị số 11/CT-TW ngày 13/6/1992 về đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại*, Hà Nội.
7. Ban Bí thư (2008), *Chỉ thị 26-CT/TW ngày 10/9/2008 về tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới*, Hà Nội.
8. Ban Bí thư (2018), *Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030*, Hà Nội.
9. Ban Bí thư (2022), *Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 05/01/2022 về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân trong hình hình mới,* Hà Nội.
10. Ban Chấp hành (2001), *Quyết định số 16-QĐ/TW ngày 27/12/2001 về việc thành lập Ban chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại*, Hà Nội.
11. Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (2018), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
12. Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại, Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), *Báo cáo tổng kết công tác thông tin đối ngoại năm 2016*, Hà Nội.

13. Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại Trung ương (2018), *Công tác thông tin đối ngoại - những điều cần biết*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
14. Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thông tin - tuyên truyền trong lĩnh vực đối ngoại nhân dân trong tình hình mới*, Hà Nội.
15. Ban Tuyên giáo Trung ương (2002), *Nguyên lý tuyên truyền*, Hà Nội.
16. Ban Tuyên giáo Trung ương (2004), *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam trong giai đoạn 2000 - 2010*, Hà Nội.
17. Ban Tuyên giáo Trung ương (2004), *Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng trong quá trình chủ động hội nhập nền kinh tế thế giới*, Hà Nội.
18. Ban Tuyên giáo Trung ương (2004), *Những vấn đề lớn của thế giới và quá trình hội nhập, phát triển của nước ta*, Hà Nội.
19. Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), *Tiếp tục đổi mới, nâng cao tính chiến đấu, sự sắc bén, chất lượng và hiệu quả công tác tuyên giáo*, Hà Nội.
20. Ban Tuyên giáo Trung ương, Trung tâm Thông tin công tác tuyên giáo, *Báo cáo công tác tuyên truyền miệng năm 2012, phương hướng nhiệm vụ năm 2013*, Hà Nội.
21. Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Cục Cán bộ, *Công tác tuyên truyền tư tưởng trong thời kỳ mới (Giáo trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuyên truyền)*, Nxb Chính trị quốc gia.
22. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2005), *Đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ đổi mới,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI,* https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi/nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-vi-cua-dang-1493.
24. Nguyễn Quốc Bảo (2012), *Vận dụng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh vào việc đổi mới đường lối đối ngoại của Đảng ta hiện nay*, Nxb Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

25. Lê Hải Bình (2023), *Công tác thông tin đối ngoại hướng tới các mục tiêu chiến lược năm 2030, tầm nhìn 2045*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
26. Lê Thanh Bình (2012), *Giáo trình đại cương Truyền thông quốc tế,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Lê Thanh Bình (2012), *Tổng quan truyền thông quốc tế - Dành cho người làm công tác thông tin đối ngoại*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
28. Lê Thanh Bình (chủ biên) (2012), *Báo chí và thông tin đối ngoại,* Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
29. Lê Thanh Bình (2021), *Giáo trình truyền thông đối ngoại*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
30. Bộ Chính trị - Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại, *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 16 của Bộ Chính trị (khóa XI) về "Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020"*, Hà Nội.
31. Bộ Chính trị (2004), *Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 26 tháng 3 năm 2004 Về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài,* Hà Nội.
32. Bộ Chính trị (2012), *Kết luận số 16-KL/TW ngày 24/2/2012 về chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011- 2020*, Hà Nội.
33. Bộ Chính trị (2013), *Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10 tháng 4 năm 2013 Về hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
34. Bộ Chính trị (2019), *Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 18/02/2019 về tăng cường và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại Đảng trong tình hình mới,* Hà Nội.
35. Bộ Chính trị (2023), *Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới,* Hà Nội.
36. Bộ Chính trị, Ban chỉ đạo thông tin đối ngoại, *Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011- 2020,* Hà Nội.
37. Bộ Chính trị, *Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020,* Hà Nội.

38. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo tác động hội nhập đối với nền kinh tế Việt Nam sau 2 năm gia nhập WTO(2007-2009)*, Hà Nội.
39. Bộ Ngoại giao, *Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Bộ Thông tin và Truyền thông (2009), *Báo chí với công tác tuyên truyền, đấu tranh chống các luận điệu sai trái*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
41. Bộ Thông tin và Truyền thông (2015), *Báo cáo đánh giá công tác báo chí năm 2015*, Hà Nội.
42. Bộ Thông tin và Truyền thông (2016), *Thông tư số 22/2016/TT- BTTTT, Hướng dẫn quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngày 19 tháng 10 năm 2016,* Hà Nội.
43. Bộ Thông tin và Truyền thông (2019), *Thông tư số 02/2019/TT-BTTTT, Hướng dẫn về quản lý hoạt động TTĐN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ngày 08 tháng 3 năm 2019*, Hà Nội.
44. Bộ Thông tin và Truyền thông, *Báo cáo đánh giá công tác báo chí năm 2016 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
45. Nguyễn Hữu Cát (chủ biên) (2015), *Đổi mới Thông tin đối ngoại trong thời kỳ hội nhập quốc tế ở Việt Nam*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
46. Nguyễn Mạnh Cầm (2009), *Đổi mới về đối ngoại và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
47. Bùi Thu Chang (2025), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kinh tế đối ngoại lý luận và thực tiễn,* Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
48. Chính phủ (2012), *Nghị định số: 88/2012/NĐ-CP, Quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam,* Hà Nội.
49. Chính phủ (2015), *Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07/9/2015 về quản lý hoạt động Thông tin Đối ngoại*, Hà Nội.

50. Chính phủ (2024), *Nghị quyết số 47/NQ-CP ban hành ngày 15/4/2024 về Chương trình hành động của Chính phủ đến năm 2030 thực hiện Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới,* Hà Nội.
51. Chính phủ (2026), *Nghị định số 148/2026/NĐ-CP ngày 12-5-2026 Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại có hiệu lực từ 1/7/2026,* Hà Nội.
52. Nguyễn Trọng Chuẩn (2005), "Hội nhập quốc tế: Cơ hội và thách thức đối với giá trị truyền thống trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*.
53. Cục đối ngoại Bộ Quốc Phòng (2015), *Lịch sử công tác đối ngoại của Quân đội nhân dân Lào giai đoạn 1945-2015,* Nxb Quân đội, Viêng Chăn.
54. Nguyễn Mạnh Cường (2021), "Mối quan hệ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân trong nền ngoại giao toàn diện Việt Nam", *Tạp chí Cộng sản,* số 8 (971), tr.33-40.
55. Nguyễn Văn Du, Ngô Chí Nguyện (2018), "Đối ngoại nhân dân trong quan hệ Việt Nam - Nhật Bản hiện nay", *Tạp chí Khoa học chính trị*, số 8, tr.89-93.
56. Bùi Phương Dung (2005), *Công tác tuyên truyền tư tưởng trong thời kỳ mới,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Đinh Ngọc Dũng (2024), "Đổi mới công tác thông tin đối ngoại đáp ứng yêu cầu đặt ra trong tình hình mới", *Tạp chí TT&TT* số 10.
58. Nguyễn Văn Dũng (2011), *Giáo trình Lý thuyết truyền thông*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
59. Nguyễn Văn Dũng (2013), *Truyền thông Lý thuyết và kỹ năng cơ bản,* Nxb Thông tin Truyền thông, Hà Nội.
60. Đài Truyền hình Việt Nam (2017), *Sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận 16-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XI)* và *Chỉ thị 26-CT/TW của Ban Bí thư (khóa X) về công tác thông tin đối ngoại của Đài Truyền hình Việt Nam*, Hà Nội.

61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập,* tập 52, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
64. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
65. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV,* Hà Nội.
66. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV,* tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
67. Gary Yuki (2002), *Lãnh đạo trong tổ chức,* 5th editions, Prentice Hall.
68. Nguyễn Thị Trường Giang (2024), *Đổi mới công tác tuyên truyền chính trị trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
69. Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quế (2013), *Chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
70. Nguyễn Thanh Hà (2018), "Công tác đối ngoại nhân dân góp phần quan trọng xây dựng đường biên giới Việt - Lào hòa bình hữu nghị, phát triển bền vững", *Tạp chí Dân vận*, số 9, tr.23-25.
71. Nguyễn Thị Thu Hà (2014), *Đổi mới công tác tuyên truyền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí Tuyên truyền, Hà Nội.
72. Trần Thị Thúy Hà (2014), "Hoạt động đối ngoại nhân dân trong đời sống chính trị Việt Nam và thế giới những năm đầu thế kỉ XXI", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*: Khoa học Xã hội và Nhân văn, tập 30, số 4, tr.54-64.
73. Lê Hải (2024), "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác thông tin đối ngoại trong kỷ nguyên số", *Tạp chí Cộng sản*, số 1032
74. Đình Thị Thúy Hằng (2015), "Vài suy nghĩ về quảng bá hình ảnh việt Nam hiện nay", *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông,* số 1.

75. Lương Khắc Hiếu (Chủ biên) (2006), *Nguyên lý công tác tư tưởng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Lương Khắc Hiếu (2013), *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam,* Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
77. Trần Thị Vân Hoa (2018), *Cách mạng công nghiệp 4.0 vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế- xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
78. Hà Thị Bình Hòa (2012), *Tâm lý học tuyên truyền*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
79. Vũ Hoàng (2025), "Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) và AI trong quản lý, định hướng thông tin đối ngoại", *Tạp chí Tuyên giáo*, số 11.
80. Vũ Thái Hoàng (chủ biên) (2020), *Ngoại giao chuyên biệt hướng đi, ưu tiên mới của ngoại giao Việt Nam đến năm 2030*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
81. Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2008), *Giáo trình nguyên lý công tác tư tưởng*, Hà Nội.
82. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Mịnh (2016), *Giáo trình cao cấp lý luận, Xây dựng Đảng*, tập 6, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
83. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2020), *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
84. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Mịnh (2021), *Giáo trình cao cấp lý luận, Xây dựng Đảng*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
85. Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao (2025), *Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hội nhập quốc tế giai đoạn 2021-2025*, Hội thảo tổng kết Đề án, Hà Nội.
86. Vũ Xuân Hồng (2013), "Để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển mặt trận đối ngoại nhân dân", *Tạp chí Cộng sản*, số 1 (843).

87. Hà Học Hợi (2002), *Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. https://baochinhphu.vn/tong-ket-cong-tac-doi-ngoai-nhiem-ky-dai-hoi-dang-xii-va-nhung-dinh-huong-giai-doan-moi-102287954.htm(91)
89. Vũ Dương Huân (2015), *Ngoại giao và công tác ngoại giao*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Vũ Dương Huân (2018), *Về chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
91. Nguyễn Thị Thương Huyền (2019), *Quy trình sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Báo chí học. Học viện Báo chí Tuyên truyền, Hà Nội.
92. John C. Maxwell (2014), *Phát triển kỹ năng lãnh đạo* (Developing the Leader within You), Bản dịch của Đinh Việt Hòa, Nguyễn Thị Kim Oanh, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
93. Phan Văn Kiền, Phan Quốc Hải, Phạm Chiến Thắng và Nguyễn Đình Hậu (2016), *Một số xu hướng mới của báo chí truyền thông hiện đại*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
94. Phạm Huy Kỳ (2009), "Các loại hình tuyên truyền và tiêu chuẩn dánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của các loại hình tuyên truyền", *Tạp chí Lý luận chinh trị và truyền thông*.
95. Phạm Gia Khiêm (2015), *Nền ngoại giao toàn diện Việt Nam trong thời kỳ hội nhập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
96. Phạm Gia Khiêm, *Công tác thông tin đối ngoại góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng.*
97. Khoa Tuyên truyền Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2006), *Tuyên truyền đối ngoại,* Hà Nội.
98. Khoa Tuyên truyền, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2006), *Nguyên lý Tuyên truyền*, Tập bài giảng, Hà Nội.

99. Tô Lâm (2026), **"**Triển khai đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn mới tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước, góp phần hiện thực hoá các mục tiêu chiến lược của đất nước", *Tạp chí Cộng sản điện tử.*
100. Nguyễn Lân (1989), *Từ điển Hán - Việt*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
101. Phạm Văn Linh (2016), *Một số vấn đề đổi mới nội dung, phương thức công tác tuyên giáo trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
102. Nông Đức Mạnh (2008), "Làm tốt công tác lãnh đạo tư tưởng, thông tin tuyên truyền, tạo sự nhất trí, đồng thuận cao trong toàn xã hội", *Tạp chí Thông tin đối ngoại*.
103. Trịnh Thị Tuyết Mai (2024), *Phản bác những luận điệu xuyên tạc về quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, học thuật và sự kiện văn hóa ở Việt Nam*, tại trang https://lyluanchinhtri.vn/phan-bac-nhung-luan-dieu-xuyen-tac-ve-quyen-tu-do-ngon-luan-tu-do-bao-chi-hoc-thuat-va-su-kien-van-hoa-o-viet-nam-5507.html, [truy cập ngày 15/2/2026].
104. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Phạm Bình Minh (chủ biên) (2011), *Đường lối, chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
106. Nguyễn Thị Hồng Nam (chủ nhiệm) (2009), *Quan hệ công chúng với việc xây dựng và quảng bá hình ảnh Việt Nam thời kỳ hội nhập*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
107. Phùng Thị Kim Ngân (2014), *Báo chí tham gia công tác thông tin đối ngoại thời gian qua: Một số vấn đề tồn tại*, *Báo chí đối ngoại Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Khoa Quan hệ quốc tế, Học viện Báo chí Tuyên truyền, Hà Nội.
108. Lưu Văn Nghiêm (2011), *Quan hệ công chúng,* Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
109. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2004), *Sách tra cứu các mục từ về tổ chức,* Hà Nội.

110. Nguyễn Ngọc Oanh (2020), *Giáo trình Lao động nhà báo đối ngoại*, Nxb Lao động, Hà Nội.
111. Nguyễn Ngọc Oanh, Nguyễn Thị Thương Huyền và Nguyễn Đồng Anh (2021), *Giáo trình Tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại và truyền thông quốc tế*, Nxb Lao động, Hà Nội.
112. Hoàng Phê (chủ biên) (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển ngôn ngữ, Hà Nội.
113. Dương Văn Quảng (2003), *Báo chí và ngoại giao*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
114. Bùi Thanh Sơn (2022), "Ngoại giao Việt Nam vì sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo,* số 1, tr.8-10.
115. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang (2007), *Cơ sơ lý luận báo chí truyền thông*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
116. Nguyễn Thanh Sơn (2010), *Nhìn lại 6 năm thực hiện Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và những vấn đề đặt ra.*
117. Nguyễn Thanh Sơn (2014), "Huy động hiệu quả nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài", *Tạp chí Cộng sản,* số 845.
118. Phạm Minh Sơn (2006), *Thông tin đối ngoại với việc tạo dựng hình ảnh đất nước con người Việt Nam, "Hoạt động đối ngoại của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay*", Kỷ yếu hội thảo Khoa học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
119. Phạm Minh Sơn (2007), *Tạo dựng hình ảnh đất nước con người", Quan hệ công chúng - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
120. Phạm Minh Sơn (2008), *Thông tin đối ngoại Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*, Tổng quan đề tài khoa học cấp Bộ.
121. Phạm Minh Sơn, Nguyễn Thị Quế (2009), *Truyền thông đại chúng trong công tác thông tin đối ngoại của Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị - Hành Chính, Hà Nội.

122. Phạm Minh Sơn (Chủ biên) (2011), *Thông tin đối ngoại Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
123. Phạm Minh Sơn (Chủ biên) (2016), *Đối ngoại công chúng - Mô hình hoạt động của một số nước lớn trên thế giới và đề xuất đối với Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
124. Tạ Ngọc Tấn (2011), *Truyền thông đại chúng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
125. Lê Hữu Tầng (Chủ biên), *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
126. Đào Xuân Tiến (2014), *Phát huy vai trò báo chí đối ngoại và báo chí cộng đồng, tăng cường thông tin về tình hình phát triển đất nước*, Báo chí đối ngoại Việt Nam hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Khoa Quan hệ quốc tế, Học viện Báo chí Tuyên truyền, Hà Nội.
127. Lê Công Tiến, Trần Huyền Trang (2023), *Chính sách đối ngoại Mỹ dưới thời chính quyền Joe Biden và những tác động tới quan hệ quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
128. Chu Hiếu Tín, Phùng Linh Chi (2008), *Xây dựng cơ chế phản hồi nhanh dư lậu, tạo ra kênh thông tin thông suốt cho quyết sách của Đảng và Chính phủ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
129. Nguyễn Thị Tình (2015), "Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại nhân dân", *Tạp chí Lịch sử Đảng,* số 12 (301), tr.43-48.
130. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2004), *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Hội nhập quốc tế - nhìn từ thực tế*, Hà Nội.
131. Lưu Trần Toàn (2019), *Tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới qua báo chỉ đối ngoại trong giai đoạn hiện nay* (Qua khảo sát các chuyên mục của kênh VTV4, báo mạng điện tử Vietnam Plus và tạp chí in Vietnam Economic Times), Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

132. Đặng Cẩm Tú, Nguyễn Thái Yên Hương (2023), *Quyền lực Mỹ trong quan hệ ngoại giao tiếp cận từ góc độ lịch sử và văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội..
133. Nguyễn Minh Tuấn, Trần Khắc Việt (đồng chủ biên) (2018), *350 thuật ngữ xây dựng Đảng*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
134. Nguyễn Minh Tuấn (2022), *Khái niệm Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền và mục đích lãnh đạo, cầm quyền của Đảng*, tại trang http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/tu-dien-mo/item/4155-khai-niem-dang-lanh-dao-dangcam-quyen-va-muc-dich-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang.html, [truy cập ngày 15/5/2022].
135. Trương Minh Tuấn (2010), *Đổi mới công tác tư tưởng của Đảng ở Tây Nguyên trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
136. Vũ Anh Tuấn (2006), "Giáo dục và hình thành niềm tin từ hướng tiến cận tâm lý học", *Tạp chí Tâm lý học*.
137. Trần Thị Thanh (2024), "Xây dựng thế trận lòng dân trên không gian mạng: Nhiệm vụ trọng tâm của thông tin đối ngoại hiện nay", *Tạp chí Tuyên giáo*, số 8.
138. Nguyễn Chí Thảo (2012), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác thông tin đối ngoại (1991-2010).*
139. Nguyễn Chí Thảo (2017), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hoạt động thông tin đối ngoại từ năm 1986 đến năm 2013*, Luận án tiến sĩ Đại học Quốc gia Hà Nội.
140. Bùi Quang Thắng (2010), "Tổ chức lễ hội như là tổ chức sự kiện", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 318.
141. Phạm Tất Thắng (2010), *Đổi mới công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
142. Thủ tướng Chính phủ (2000), *Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 26/4/2000 về tăng cường quản lý và đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại*, Hà Nội.

143. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 11 năm 2010 ban hành kèm theo quy chế quản lý Nhà nước về thông tin đối ngoại*, Hà Nội.
144. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Chỉ thị số 21/CT-TTg Về việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020, ngày 06 tháng 8 năm 2012*, Hà Nội.
145. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định 1209/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch phát thanh, truyền hình đối ngoại đến năm 2020, ngày 04 tháng 9 năm 2012*, Hà Nội.
146. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 28/2/2013 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020*, Hà Nội.
147. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Đề án nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tới năm 2020, ngày 14 tháng 2 năm 2014*, Hà Nội.
148. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Nghị định số 72/2015/NĐ-CP, Về quản lý hoạt động Thông tin Đối ngoại, ngày 07 tháng 09 năm 2015*, Hà Nội.
149. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 2434/QĐ-TTg. Phê duyệt quy hoạch hệ thống báo chí đối ngoại đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, ngày 13 tháng 12 năm 2016*, Hà Nội.
150. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 1117/QĐ-TTg, Kế hoạch đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các sự kiện hội nhập quốc tế nổi bật giai đoạn 2017 - 2020, ban hành kèm theo, ngày 28 tháng 7 năm 2017*, Hà Nội.
151. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 về kế hoạch thông tin đối ngoại của Chính phủ giai đoạn 2018-2020*, Hà Nội.
152. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 1191/QĐ-TTg, Quyết định phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực*

công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, ngày 05 tháng 8 năm 2020, Hà Nội.

153. Doãn Thị Thuận (2015), *Báo chí điện tử với hoạt đông thông tin đối ngoại - cơ hội và thách thức*, Báo chí truyền thông: *Những vấn đề đương đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
154. Nguyễn Đình Thuận (2023), *Thuật ngữ lý luận chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
155. Đỗ Thị Hùng Thúy (2023), *Thông tin đối ngoại thông qua tổ chức các sự kiện đối ngoại ở Việt Nam hiện nay,* Luận án tiến sĩ chuyên ngành Công tác tư tưởng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
156. Đỗ Thị Minh Thủy (2012), "Ngoại giao văn hóa qua Festival tại Việt Nam", *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 335.
157. Phan Tất Thứ (2007), *Vận dụng mô hình MECGRIS PR trong tiếp thị hình ảnh quốc gia*, Quan hệ công chúng - Lý luận và thực tiễn, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
158. Nguyễn Thị Huyền Trang (2012), *Đảng lãnh đạo đổi mới chính sách với người Việt Nam ở nước ngoài từ năm 1986 đến 2011*.
159. Lưu Minh Trị (Chủ biên) (1997), *Một số vấn đề về công tác tư tưởng và nghiên cứu dư luận xã hội ở Hà Nội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
160. Nguyễn Phú Trọng (2014), "Công tác đối ngoại phải lấy lợi ích cơ bản, lâu dài của quốc gia dân tộc làm nền tảng", *Tạp chí Cộng sản,* số (855).
161. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Hà Nội.
162. Nguyễn Phú Trọng (2023), "Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc "cây tre Việt Nam"", Hà Nội.
163. Phạm Quốc Trụ (2011), "Hội nhập quốc tế - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn", *Nghiên cứu biển đông,* 30/8/ 2011.

164. Đào Việt Trung (2008), "Tiếp tục đổi mới công tác thông tin đối ngoại", *Tạp chí Thông tin đối ngoại*, số (49).

165. Bùi Thị Vân (2021), *Quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

166. Vũ Thanh Vân (2014), *Truyền thông quốc tế,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

167. Trần Khắc Việt, Đinh Ngọc Giang và Bùi Văn Hải (2017), *Tăng cường công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

168. Hồng Vinh (2006), "Thông tin đối ngoại góp sức tích cực thúc đẩy hội nhập quốc tế", *Tạp chí Thông tin đối ngoại,* (28), tr.8-12.

169. Lương Ngọc Vĩnh (2012), *Hiệu quả của công tác giáo dục chính trị - tư tưởng là sự tương quan giữa kết quả đạt được so với mục đích đề ra và sử dụng hợp lý các nguồn lực để đạt kết quả đó trong những điều kiện cụ thể*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

170. Lương Ngọc Vĩnh (2015), *Nguyên lý tuyên truyền,* Đề tài khoa học cơ sở, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

171. Lương Ngọc Vĩnh (2021), *Công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.

172. Nguyễn Văn Vĩnh (2007), *Đảng lãnh đạo Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

173. Vụ Tuyên truyền và Hợp tác quốc tế (2005), *Đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

174. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

*** Tài liệu tiếng Anh**

175. Armand Mattelart & Michele Mattelart (2018), *History of communication theories*
176. Arnaud Mercier (2020), *Political communication.*
177. Ashu MG Solo (2016), *Political Campaigning in the Information Age*
178. Atsushi Tago (2024), *Public Diplomacy and Foreign Policy*, Oxford.
179. David L. Paletz, Diana Owen và Timothy E. Cook (2017), *American Government and Politics in the Information Age*.
180. Daya Kishan Sosu (2009), *International Communication.*
181. Denis McQuail, Mark Deuze (2020), *Media and Mass Communication Theory.*
182. Gerald Segal (2005), *Openness and Foreign Policy Reform in Communist States,* Routledge (1 edition September 16, 1992).
183. Harold D. Lasswell (2023), *Propaganda techniques in world war*.
184. Joseph s. Nye Jr (2008), *Public Diplomacy and Soft Power*.
185. Junhao Hong (2011), *From the World Largest Propaganda Machine to a Multipurposed Global News Agency: Factors in and Implications of Xinhua's Transformation since 1978*.
186. L. John Martin (1971), *"Effectiveness of International Propaganda",* Annals of the American Academy of Political and Social Science, Vol. 398, pp. 62-63.
187. Mark Deuze (2023), *Life in Media: A Global Introduction to Media Studies.*
188. Nicole Talmacs & Altman Yuzhu Peng (eds.) (2024), *Communications in Contemporary China: Orchestrating Thinking*, Routledg).
189. Paul Pillar (2023), *Beyond the Water's Edge: How Partisanship Corrupts U.S. Foreign Policy.*
190. Pawel Surowiec & Ilan Manor (eds.) (2021), *Public Diplomacy and the Politics of Uncertainty*, Nhà xuất bản: Palgrave Macmillan.

191. Peter Jakobsson, Johan Lindell & Fredrik Stiernstedt (2022), *Media policy attitudes and political attitudes: the politization of media policy and the support for the 'media welfare state'*.
192. Richard C Vincent (2007), *Global Communication and Propaganda*.
193. Rogher H. Davidson và Walter J. Oleszek, *Congress and its members*
194. Thomas Graham (2023), *Getting Russia Right.*
195. Vedat Demir & Carola Richter (eds.) (2025), *The Public Diplomacy of Authoritarian Regimes*, Palgrave Macmillan.
196. Vu Lam (2021), *Information and Communications Technologies, Online Activism, and Implications for Vietnam's Public Diplomacy*, Journal of Current Southeast Asian Affairs, tập 41, số 1, tr.3-33.
197. William Hachten, James F.Scotton (2011), *The World News Prism - Challenges of Digital Communication.*
198. Yayoi Kato (2021), *Party Ideology, Public Discourse, and Reform Governance in China: Playing the Language Game*, Palgrave Macmillan.
199. Yuval Noah Harari (2024), *Nexus - A Brief History of Information Networks from the Stone Age to Artificial Intelligence*.
200. Zhang Qingmin (2014), *Contemporary China's Diplomacy*.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1
CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VỚI CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI TỪ NĂM 2012 ĐẾN NAY

STT	Tên văn bản
1	Ban Bí thư, Chỉ thị 12-CT/TW, ngày 12/2/2022, Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới.
2	Ban Bí thư, Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 05/02/2024, về công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới.
3	Ban Bí thư, Quy định 345-QĐ/TW, ngày 29/7/2025, về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về công tác TTĐN.
4	Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9-6-2014, Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
5	Ban Chấp hành Trung ương (2024), Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023, về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới.
6	Ban Chấp hành Trung ương, Quy định số 246-QĐ/TW ngày 24/01/2025 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương
7	Ban Đối ngoại Trung ương, Hướng dẫn số 05-HD/BĐNTW ngày 26/03/2019, về việc thực hiện Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại ban hành kèm theo Quyết định số 272-QĐ/TW ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Bộ Chính trị khóa XI và Kết luận số 33-KL/TW ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Bộ Chính trị khóa XII;
8	Ban Đối ngoại Trung ương, Hướng dẫn số 07-HD/BĐNTW ngày 8/10/2020, về thực hiện các quy định về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức nhân dân ở Trung ương.
9	Ban Tuyên giáo Trung ương, Hướng dẫn số 103-HD/BTGTW ngày 05/5/2023, hướng dẫn Truyên truyền về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

STT	Tên văn bản
10	Ban Tuyên giáo Trung ương, Hướng dẫn số 106-HD/BTGTW ngày 13/6/2023, hướng dẫn Tăng cường truyên truyền Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (giảm nghèo về thông tin)
11	Ban Tuyên giáo Trung ương, Hướng dẫn số 108-HD/BTGTW ngày 20/6/2023, hướng dẫn Đẩy mạnh tuyên truyền về công tác xây dựng Đang về hệ thống chính trị.
12	Ban Tuyên giáo Trung ương, Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 19/12/2023, hướng dẫn Tuyên truyền kết quả phát triển kinh tế- xã hội năm 2023, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024.
13	Ban Tuyên giáo Trung ương, Hướng dẫn số 129-HD/BTGTW ngày 28/12/2023, hướng dẫn Công tác tuyên truyền miệng, hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền viên năm 2024.
14	Ban Tuyên giáo Trung ương, Hướng dẫn số 132-HD/BTGTW ngày 29/12/2023 hướng dẫn công tác TTĐN năm 2024
15	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Hướng dẫn số 02-HD/BTGDVTW ngày 28-01-2026, Hướng dẫn công tác thông tin đối ngoại năm 2026
16	Ban Tổ chức Trung ương, Kế hoạch số 114-KH/BTCTW ngày 21/4/2023, Kế hoạch Thông tin, tuyên truyền về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, năm 2023.
17	Bộ Chính trị khóa XI, Kết luận 16-KL/TW, ngày 14/2/2012, Về Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020.
18	Bộ Chính trị, Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10-4-2013, về hội nhập quốc tế
19	Bộ Chính trị, Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 25-7-2018, "Về Chiến lược an ninh mạng quốc gia"
20	Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22-10-2018, về "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới"
21	Bộ Chính trị, Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021, về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới
22	Bộ Chính trị, Kết luận 71-KL/TW, ngày 16/2/2024, Về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII
23	Bộ chính trị, Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới
24	Bộ Chính trị, Quy định số 392-QĐ/TW ngày 06/01/2026, về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại.

Phụ lục 2

CÁC VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VỚI CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI TỪ NĂM 2012 ĐẾN NAY

STT	Tên văn bản
1	Chính phủ, Quyết định số 1209/QĐ-TTg ngày 04/9/2012, Phê duyệt Quy hoạch phát thanh, truyền hình đối ngoại đến năm 2020
2	Chính phủ, Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012, quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam (thay thế Nghị định 67/CP ngày 31/10/1996 của Chính phủ).
3	Chính phủ, Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07/09/2015, về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại.
4	Chính phủ, Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017, Quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước.
5	Chính phủ, Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11/02/2020, Quy định chi tiết một số điều của Luật Báo chí liên quan đến hoạt động thông tin đối ngoại
6	Chính phủ, Nghị định số 114/2021/NĐ/CP ngày 16/12/2021, về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài
7	Chính phủ, Nghị định số 18/2022/NĐ-CP ngày 18/02/2022, quy định về nghi lễ đối ngoại
8	Chính phủ, Nghị định số 28/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ goại giao
9	Chính phủ, Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
10	Chính phủ, Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02/3/2025, Nghị định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ.

11	Chính phủ, Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025, Nghị định Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại.
12	Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 06/8/2012 về "việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020"
13	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1209/QĐ-TTg ngày 04/9/2012, Quyết định Phê duyệt Quy hoạch phát thanh, truyền hình đối ngoại đến năm 2020
14	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 368/QĐ-TTg, ngày 28-2-2013, phê duyệt Chương trình hành động của Chính phủ, về thông tin đối ngoại giai đoạn 2013 - 2020.
15	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 210/QĐ-TTg, ngày 8-2-2015, phê duyệt Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030
16	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 về việc ban hành Kế hoạch thông tin đối ngoại của Chính phủ giai đoạn 2015-2017
17	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 252/QĐ-TTg, ngày 17/02/2016 về phê duyệt Đề án tăng cường thông tin đối ngoại với Lào trong tình hình mới.
18	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2434/QĐ-TTg, ngày 13-12-2016, phê duyệt Quy hoạch hệ thống báo chí đối ngoại đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
19	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 30/QĐ-TTg, ngày 14/5/2018 về phê duyệt Đề án tăng cường công tác thông tin đối ngoại với Campuchia đến năm 2020
20	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 về việc ban hành Kế hoạch của Chính phủ giai đoạn 2018-2020
21	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020, Quyết định về việc tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.
22	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1178/QĐ-Ttg ngày 04/8/2020 về Danh mục bí mật Nhà nước trong lĩnh vực đối ngoại và hợp tác quốc tế.
23	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 về việc Phê duyệt Chương trình thông tin đối ngoại giai đoạn 2021 - 2025.

24	Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 12/5/2021, Chỉ thị về tăng cường công tác tuyên truyền, định hướng hoạt động truyền thông, báo chí phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; kịp thời chân chỉnh và xử lý các vi phạm trong hoạt động báo chí, truyền thông.
25	Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 25/CT-TTg, ngày 10/9/2021, Về việc đẩy mạnh triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam.
26	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 30/11/2021 Quyết định phê duyệt chiếu lược ngoại giao văn hóa đến năm 2030
27	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 837/QĐ-TTg ngày 14/7/2022, Quyết định Phê duyệt Đề án "Nâng cao hiệu quả công tác Thông tin đối ngoại của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2030".
28	Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 12/2/2025, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025, Nghị định Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại
29	Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 06/CT-TTg, ngày 10/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo
30	Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Ngoại giao, Thông tư liên tịch 34/2011/TTLT-BTTTT-BNG, ngày 24/11/2011, Hướng dẫn phối hợp thi hành Quy chế quản lý nhà nước về TTĐN (QĐ 79/2010/QĐ-TTg). Quy định rõ cơ chế phối hợp giữa Sở TTTT và Sở Ngoại vụ địa phương trong triển khai TTĐN.
31	Bộ Thông tin và Truyền thông, Thông tư 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014, Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 88/2012/NĐCP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

32	Bộ Thông tin và Truyền thông, Thông tư 22/2016/TT-BTTTT, ngày 19/10/2016, Hướng dẫn quản lý hoạt động TTĐN của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
33	Bộ Thông tin và Truyền thông, Thông tư số 02/2019/TT-BTTTT ngày 08/3/2019, Hướng dẫn về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
34	Bộ Thông tin và Truyền thông, Thông tư số 03/2019/TT-BTTTT ngày 06/5/2019, Thông tư Quy định viêc đăng, phát nội dung thông tin đối ngoại trên báo chí.
35	Bộ Thông tin và Truyền thông, Thông tư số 02/2019/TT-BTTTT ngày08/3/2019, Thông tư hướng dẫn về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
36	Bộ Thông tin và Truyền thông, Công văn số 947/BTTTT-TTĐN ngày 18/03/2024 về việc hướng dẫn hoạt động thông tin đối ngoại năm 2024
37	Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch, Quyết định Số: 570/QĐ-BVHTTDL ngày 11/03/2024, Quyết định ban hành quy chế quản lý hoạt động đối ngoại cảu bộ văn hóa, thể thao và du lịch.
38	Bộ Ngoại giao, Thông tư 06/2012/TT-BNG ngày 10/12/2012 Về biểu mẫu triển khai thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.
39	Bộ Ngoại giao, Thông tư số 09/2025/TT-BNG ngày 30/6/2025, Thông tư Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
40	Bộ Ngoại giao, Công văn số 1222-CV/ĐU-VP ngày 24/02/2026, Công văn về việc những điểm mới, nổi bật của Quy định số 392-QĐ/TW của Bộ Chính trị về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại.
41	Chính phủ, Nghị định số 148/2026/NĐ-CP ngày 12-5-2026 Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại có hiệu lực từ 1/7/2026.

Phụ lục 3

THỐNG KÊ CƠ CẤU, THÀNH PHẦN, NHIỆM VỤ BAN CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI CÁC CẤP

Bảng 2.1 Cơ cấu Ban Chỉ đạo công tác TTĐN các cấp

Cấp	Số lượng	Trưởng ban	Cơ quan thường trực	Ghi chú
Trung ương	01	Ủy viên Bộ Chính trị	Ban TG-DV TW	Điều phối chiến lược
Tỉnh/TP	63 (trước 1/7/2025) 34 (sau 01/7/2025)	Phó Bí thư/BTG	Ban Tuyên giáo	100% địa phương
Bộ/ngành	~20	Thứ trưởng	Vụ/Cục	Theo lĩnh vực

(*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương)*

Bảng 2.2: Thành phần tham gia Ban Chỉ đạo công tác TTĐN

Nhóm thành phần	Trung ương	Tỉnh/TP	Bộ/ngành
Ban Tuyên giáo-Dân vận	✓	✓	✓
Bộ Ngoại giao/Sở Ngoại vụ	✓	✓	✓
Bộ VH,TT&DL / Sở VH,TT&DL	✓	✓	✓
Công an - Quốc phòng	✓	✓	✓
Báo chí chủ lực	✓	✓	✓
Mặt trận - đoàn thể	✓	✓	

(*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương)*

Bảng 2.3: Phân công nhiệm vụ chủ yếu của Ban Chỉ đạo TTĐN

Nhóm nhiệm vụ	Trung ương	Địa phương
Định hướng chiến lược	✓	
Chỉ đạo truyền thông sự kiện lớn	✓	✓
Phản bác thông tin sai trái	✓	✓
Điều phối liên ngành	✓	
Kiểm tra, giám sát	✓	

(*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương)*

Phụ lục 4
THỐNG KÊ TRÌNH ĐỘ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

Bảng 3.1. Khung tiêu chí thống kê trình độ nhân sự TTĐN

Nhóm tiêu chí	Các mức/ nhóm phân loại	Mục đích sử dụng trong đánh giá
Lý luận chính trị	Cao cấp/Cử nhân; Trung cấp; Sơ cấp/Chưa qua đào tạo	Đánh giá bản lĩnh chính trị, điều kiện tiêu chuẩn chức danh
Chuyên môn nghiệp vụ	Sau đại học; Đại học; Cao đẳng/Trung cấp	Đánh giá nền tảng chuyên môn và khả năng tham mưu-tác nghiệp
Ngoại ngữ	Thành thạo; Cơ bản; Chưa đáp ứng	Đánh giá năng lực hội nhập, truyền thông quốc tế

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của Bộ Ngoại giao)

Bảng 3.2. Trình độ lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ TTĐN

Trình độ	Tỷ lệ (%)	Đặc điểm phân bố	Ghi chú
Cao cấp/Cử nhân LLCT	30-35	Tập trung ở Trung ương và lãnh đạo địa phương	Nhóm nòng cốt chỉ đạo-tham mưu
Trung cấp LLCT	45-50	Chủ yếu cán bộ chuyên trách địa phương, phóng viên/biên tập viên kỳ cựu	Cần bồi dưỡng nâng chuẩn theo vị trí
Sơ cấp/Chưa qua đào tạo chính quy	15-20	Thường là nhân sự trẻ mới tuyển, lực lượng mới chuyển đổi	Nhóm cần kế hoạch đào tạo bắt buộc

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của Bộ Ngoại giao)

Bảng 3.3. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ TTĐN

Trình độ	Tỷ lệ ước tính (%)	Đặc điểm
Sau đại học (TS/ThS)	25-30	Cao ở khối nghiên cứu, tham mưu chiến lược (Trung ương)
Đại học	~60	Nhóm đông đảo: phóng viên, biên tập viên, cán bộ đối ngoại bộ/ngành/địa phương
Cao đẳng/Trung cấp	10-15	Chủ yếu lực lượng cơ sở/kiêm nhiệm

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của Bộ Ngoại giao)

Bảng 3.4. Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ TTĐN

Mức độ	Tỷ lệ (%)	Đặc điểm theo cấp
Thành thạo ≥ 1 ngoại ngữ	~70	Trung ương gần 100%; địa phương thấp hơn
Đáp ứng cơ bản	~20	Nhiều ở địa phương
Chưa đáp ứng yêu cầu	~10	Chủ yếu cấp cơ sở/nhân sự mới chuyển sang

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của Bộ Ngoại giao)

Bảng 3.5. Một số chỉ báo quy mô lực lượng TTĐN

Chỉ báo	Số lượng	Năm/ghi chú
Cơ quan báo chí tham gia hoạt động TTĐN	253	Giữa 2023
Văn phòng đại diện báo chí Việt Nam thường trú ở nước ngoài	59	Giữa 2023
Phóng viên thường trú quốc tế	137	Năm 2022
Lực lượng kiêm nhiệm TTĐN tại Sở TT&TT và phòng VH-TT cấp huyện	591	Giữa 2023

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của Bộ Ngoại giao)

Phụ lục 5

ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC TOÀN DIỆN CỦA VIỆT NAM

(Tính đến tháng 01/2026)

STT	Tên nước	Thời gian thiết lập
1	Trung Quốc	Tháng 5/2008
2	Liên Bang Nga	Tháng 7/2012
3	Ấn Độ	Tháng 9/2016
4	Hàn Quốc	Tháng 12/2022
5	Hoa Kỳ	Tháng 9/2023
6	Nhật Bản	Tháng 11/2023
7	Australia	Tháng 3/2024
8	Pháp	Tháng 10/2024
9	Malaysia	Tháng 11/2024
10	New Zealand	Tháng 02/2025
11	Indonesia	Tháng 3/2025
12	Singapore	Tháng 3/2025
13	Thái Lan	Tháng 5/2025
14	Vương quốc Anh	Tháng 10/2025
15	Liên minh châu Âu (EU)	Tháng 01/2026

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Cổng thông tin điện tử của Chính phủ)

Phụ lục 6

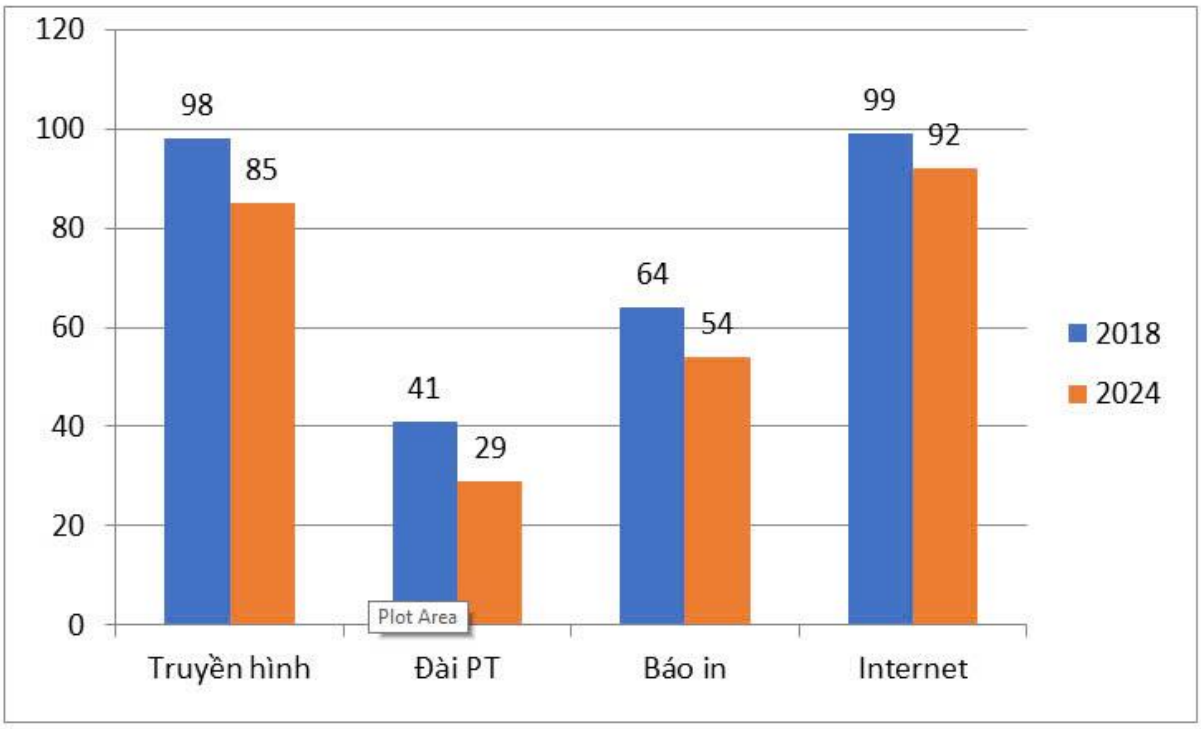
DANH MỤC TRANG BÁO ĐIỆN TỬ VÀ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA MỘT SỐ CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM

1. Báo điện tử Vietnam Plus: vietnamplus.vn
2. Báo điện tử Vietnam News: vietnamnews.vn
3. Báo Le Courrier du Vietnam: lecourrier.vn
4. Hệ Phát thanh Đối ngoại quốc gia, Đài Tiếng nói Việt Nam: vov5.vn
5. Ban Truyền hình Đối ngoại, Đài Truyền hình Việt Nam: vtv4.vn
6. Báo Nhân dân điện tử: en.nhandan.org.vn
   cn.nhandan.org.vn; ru.nhandan.org.vn
7. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam: cpv.org.vn
8. Báo điện tử Chính phủ: baodientu.chinhphu.vn
9. Báo điện tử Quân đội nhân dân: qdnd.vn
10. Thời báo Kinh tế Việt Nam: vneconomy. vn
11. Thời báo Kinh tế Sài Gòn: thesaigontimes.vo
12. Báo điện tử Thời đại: thoidai.com.vn
    vietnamfriendship.com.vn

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương)

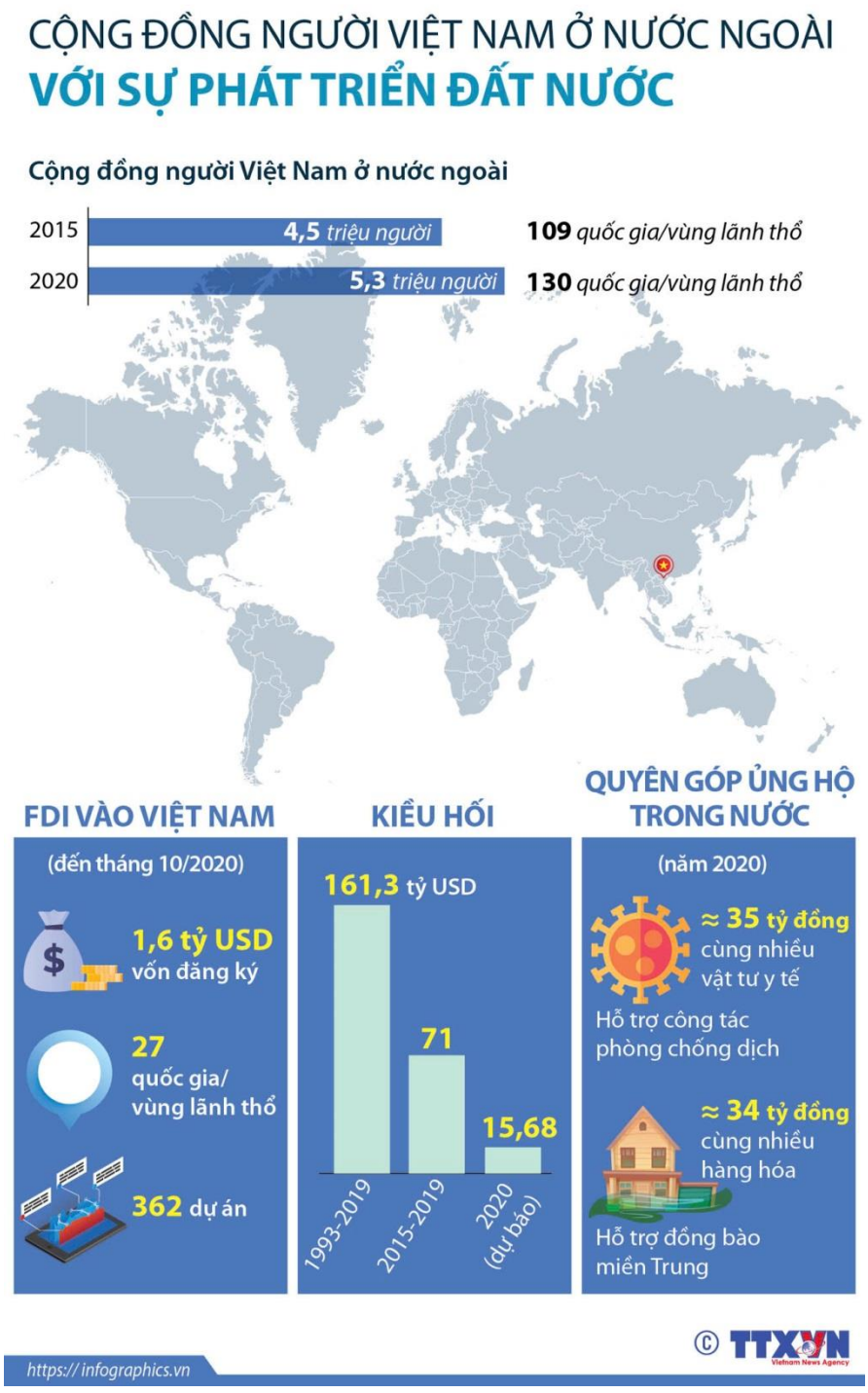
Phụ lục 7

BIỂU ĐỒ TỶ LỆ SỬ DỤNG CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG TRONG NĂM 2018 VÀ 2024



(Nguồn:https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/truyen-thong-dai-chung-trong-ky-nguyen-so-dong-luc-doi-moi-mo-hinh-phat-trien-xa-hoi-viet-nam-hien-nay-p29283.html)

Phụ lục 8


CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
VỚI SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC
Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài
2015
4,5 triệu người
109 quốc gia/vùng lãnh thổ
2020
5,3 triệu người
130 quốc gia/vùng lãnh thổ
FDI VÀO VIỆT NAM
(đến tháng 10/2020)
1,6 tỷ USD
vốn đăng ký
27
quốc gia/
vùng lãnh thổ
362 dự án
KIỀU HỐI
161,3 tỷ USD
71
15,68
1993-2019
2015-2019
2020
(dự báo)
QUYÊN GÓP ỦNG HỘ
TRONG NƯỚC
(năm 2020)
≈ 35 tỷ đồng
cùng nhiều
vật tư y tế
Hỗ trợ công tác
phòng chống dịch
≈ 34 tỷ đồng
cùng nhiều
hàng hóa
Hỗ trợ đồng bào
miền Trung
© TTXVN
Vietnam News Agency
https:// infographics.vn

Phụ lục 9

BẢNG THỐNG KÊ NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI NĂM 2025

Quốc gia	Dân số người Việt (ước tính)	Tỷ lệ phần trăm trong cộng đồng bản địa	Xu hướng phát triển
Hoa Kỳ	2.1 triệu	7%	Tăng trưởng đều đặn
Canada	350,000	6%	Ổn định, mở rộng
Australia	400,000	8%	Tăng nhanh
Nhật Bản	300,000	4%	Ổn định
Đức	250,000	3%	Tăng nhẹ
Pháp	200,000	2.5%	Ổn định
Các quốc gia khác	1 triệu	-	Phát triển đa dạng

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo công tác người Việt Nam ở nước ngoài năm 2025 của Bộ Ngoại Giao

Phụ lục 10


CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
ĐÃ PHÁT TRIỂN NHANH VỀ SỐ LƯỢNG, MẠNH VỀ CHẤT LƯỢNG
(Hội nghị toàn quốc tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài chiều 25/12/2025 tại Hà Nội)
2025
Gần 6,5 triệu người Việt Nam ở nước ngoài
Sinh sống ở 130 quốc gia và vùng lãnh thổ
17 người Việt Nam ở nước ngoài tiêu biểu tham gia Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam
Kiều hối gửi về hằng năm
~15 tỷ USD
Đầu tư của kiều bào (ở 35 quốc gia và vùng lãnh thổ)
457 dự án
1,729 tỷ USD vốn đăng ký
26/34 địa phương trên cả nước
Các trí thức, nhà khoa học, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài tích cực đóng góp phát triển các lĩnh vực trong nước
Khoa học, công nghệ
Đổi mới sáng tạo
Chuyển đổi số...
Đã thành lập mạng lưới đổi mới sáng tạo và chuyên gia Việt Nam tại 22 quốc gia và vùng lãnh thổ
10 mạng lưới
>2.000 thành viên
infographics.vn
© TTXVN

Phụ lục 11

PHIẾU PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông số, công tác thông tin đối ngoại (TTĐN) đã trở thành một bộ phận quan trọng trong tổng thể hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước, có vai trò đặc biệt trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đồng thời quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Trước những biến động nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, yêu cầu đặt ra đối với công tác TTĐN ngày càng cao, đòi hỏi phải được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và thống nhất của Đảng.

Nhằm làm rõ nhận thức, đánh giá thực tiễn và định hướng hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN trong giai đoạn hiện nay, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu các chuyên gia, cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhà nghiên cứu có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực liên quan. Bộ câu hỏi phỏng vấn được xây dựng theo hướng mở, tập trung vào các vấn đề cốt lõi về quan niệm, vai trò, nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng; mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; cơ chế phối hợp, công tác cán bộ, kiểm tra, giám sát và các định hướng, giải pháp trong thời gian tới. Vì vậy:

1. Ông/bà có thể cho biết quan niệm về TTĐN trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay? Theo ông/bà, TTĐN trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam có những đặc trưng cơ bản nào?

2. Theo ông/bà, vai trò của công tác TTĐN trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nâng cao vị thế, uy tín quốc gia và phục vụ phát triển đất nước hiện nay được thể hiện như thế nào?

3. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, bùng nổ truyền thông số và "chiến tranh thông tin", ông/bà đánh giá ý nghĩa chính trị - chiến lược của TTĐN đối với sự lãnh đạo của Đảng hiện nay ra sao?

4. Ông/bà nhận định như thế nào về nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN trong giai đoạn hiện nay so với các giai đoạn trước?

5. Theo ông/bà, sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN hiện nay đã đáp ứng yêu cầu của tình hình mới chưa? Những mặt nào là phù hợp, những mặt nào cần tiếp tục đổi mới?

6. Ông/bà đánh giá thế nào về sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng thông qua các nghị quyết, chỉ thị, kết luận đối với công tác TTĐN trong thời gian qua?

7. Theo ông/bà, mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực TTĐN hiện nay đã thật sự đồng bộ, thống nhất chưa? Những vấn đề đặt ra là gì?

8. Ông/bà có thể phân tích vai trò, trách nhiệm của các chủ thể tham gia công tác TTĐN (Ban Tuyên giáo, Ban Đối ngoại, Bộ Ngoại giao, cơ quan báo chí, địa phương…) dưới sự lãnh đạo của Đảng hiện nay?

9. Theo ông/bà, cơ chế phối hợp liên ngành, liên cơ quan trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác TTĐN hiện nay còn những hạn chế gì, cần điều chỉnh theo hướng nào?

10. Ông/bà đánh giá như thế nào về chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN**,** đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong lĩnh vực này dưới sự lãnh đạo của Đảng hiện nay?

11. Theo ông/bà, Đảng cần định hướng ra sao trong xây dựng đội ngũ cán bộ TTĐN đáp ứng yêu cầu chuyên môn, bản lĩnh chính trị và năng lực thích ứng với môi trường truyền thông số?

12. Ông/bà nhận định như thế nào về việc kết hợp giữa TTĐN với đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng hiện nay?

13. Theo ông/bà, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với hoạt động TTĐN hiện nay đã được thực hiện như thế nào? Còn những "khoảng trống" nào cần khắc phục?

14. Trong bối cảnh gia tăng các nguy cơ xuyên tạc, chống phá trên không gian mạng, ông/bà đánh giá ra sao về vai trò lãnh đạo của Đảng trong định hướng, kiểm soát và xử lý TTĐN nhạy cảm hiện nay?

15. Từ thực tiễn hiện nay, theo ông/bà, những định hướng lớn và giải pháp trọng tâm nào cần được Đảng tiếp tục xác lập nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo công tác TTĐN trong thời gian tới?

Phụ lục 12
TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CHUYÊN GIA
(Nghiên cứu sinh tổng hợp qua việc hỏi ý kiến của 15 chuyên gia về sự lãnh đạo thực hiện công tác thông tin đối ngoại)

Câu 1: Quan niệm về thông tin đối ngoại (TTĐN) trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và các đặc trưng cơ bản ở Việt Nam?

Trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay, TTĐN được quan niệm là một dạng thông tin (tin tức, thông báo, tri thức) được tiếp nhận, lựa chọn và sử dụng trong công tác đối ngoại nhằm thuyết phục công chúng nước ngoài, tạo dựng hình ảnh quốc gia tốt đẹp và kiến tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho việc phát triển đất nước. Tại Việt Nam - quốc gia đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH), công tác TTĐN mang hai đặc trưng cơ bản: Thứ nhất, đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý, điều hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN). Thứ hai, hoạt động này được triển khai đồng bộ, rộng khắp trong bối cảnh đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế sâu rộng, với sự tham gia tích cực của lực lượng toàn dân đông đảo được tổ chức chặt chẽ từ Trung ương đến địa phương.

Câu 2: Vai trò của công tác TTĐN trong bảo vệ nền tảng tư tưởng, nâng cao uy tín quốc gia và phục vụ phát triển đất nước hiện nay?

Công tác TTĐN giữ vai trò là một bộ phận trọng yếu, nòng cốt trong công tác tư tưởng và công tác đối ngoại của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Vai trò này thể hiện qua việc trực tiếp truyền tải chính xác, minh bạch chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước để tăng cường niềm tin của Nhân dân và tạo sự đồng thuận quốc tế. Đồng thời, TTĐN đóng vai trò là "vũ khí sắc bén" trên không gian mạng để đấu tranh phản bác trực diện các thông tin sai lệch, xuyên tạc của thế lực thù địch nhằm bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Ở chiều ngược lại, đây là công cụ đắc lực lan tỏa "sức mạnh mềm" văn hóa, nâng cao uy tín, vị thế quốc gia và thu hút nguồn lực kinh tế (FDI, thương mại, ODA) từ bên ngoài về phục vụ cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Câu 3: Ý nghĩa chính trị - chiến lược của TTĐN đối với sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược và chiến tranh thông tin?

Trong bối cảnh bùng nổ truyền thông số và sự trỗi dậy mạnh mẽ của "chiến tranh thông tin", TTĐN mang ý nghĩa chính trị - chiến lược sống còn đối với sự lãnh đạo của Đảng. Hoạt động này giúp Đảng chủ động chiếm lĩnh mặt trận dư luận quốc tế, định hướng tư tưởng xã hội trong nước và kiến tạo không gian đối ngoại hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Trước sự tinh vi của các hoạt động "diễn biến hòa bình", TTĐN là phương thức giúp Đảng giữ vững trận địa tư tưởng, ngăn chặn nguy cơ "tự diễn biến, tự chuyển hóa" từ sớm, từ xa. Kết quả triển khai TTĐN chính là minh chứng thực tiễn khẳng định tính chính nghĩa của con đường đi lên CNXH và nâng cao năng lực định vị thương hiệu quốc gia trước các sức ép từ vòng xoáy cạnh tranh giữa các nước lớn.

Câu 4: Nhận định về nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN hiện nay so với các giai đoạn trước?

So với các giai đoạn trước, nội dung lãnh đạo của Đảng hiện nay mở rộng toàn diện sang nhiều lĩnh vực mới như kinh tế đối ngoại, ngoại giao văn hóa, khoa học công nghệ, chuyển đổi số và bảo vệ chủ quyền thông tin mạng. Về phương thức, Đảng đã chuyển mạnh từ chỉ đạo mang tính "tuyên truyền, giới thiệu" một chiều truyền thống sang phương thức "truyền thông chiến lược" đa chiều, đa ngữ và tăng cường tương tác. Đảng tập trung lãnh đạo bằng việc ban hành các định hướng vĩ mô (như Kết luận 57-KL/TW) kết hợp phát huy vai trò thể chế hóa của Nhà nước và đẩy mạnh kiểm tra, giám sát. Sự chỉ đạo này cũng chuyển dịch rõ rệt sang việc ứng dụng công nghệ hiện đại (AI, dữ liệu lớn) và mạng xã hội nhằm tiếp cận nhanh chóng đến từng nhóm công chúng mục tiêu toàn cầu.

Câu 5: Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TTĐN hiện nay đã đáp ứng yêu cầu mới chưa? Mặt phù hợp và mặt cần tiếp tục đổi mới?

Về cơ bản, sự lãnh đạo của Đảng đã đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới khi ban hành kịp thời hệ thống quan điểm, mục tiêu và chiến lược TTĐN sát thực tiễn. Mặt phù hợp thể hiện ở việc định hướng chính trị vững vàng, giữ vững nguyên tắc độc lập tự chủ và huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị bước vào kỷ nguyên mới. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu cao hơn, Đảng cần tiếp tục đổi mới tư duy chiến lược, nâng cao năng lực dự báo và tính phản ứng nhanh trước

các cuộc khủng hoảng truyền thông số. Đồng thời, cần đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng tăng cường nguồn lực đầu tư công nghệ, tinh gọn bộ máy tham mưu chuyên trách và khắc phục triệt để tình trạng lúng túng, bị động khi xử lý tin giả xuyên biên giới.

Câu 6: Đánh giá vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng thông qua các nghị quyết, chỉ thị, kết luận đối với công tác TTĐN thời gian qua?

Thời gian qua, phương thức lãnh đạo thông qua ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng (như Kết luận 16-KL/TW, Kết luận 57-KL/TW, Chỉ thị 12-CT/TW) đã phát huy vai trò dẫn dắt, là kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động TTĐN. Các văn kiện này đã đặt nền móng tư tưởng vững chắc, định hình rõ ràng mục tiêu, nhiệm vụ và phương châm "Chủ động, đồng bộ, kịp thời, sáng tạo, hiệu quả". Sự chỉ đạo thống nhất từ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giúp hệ thống chính trị thống nhất cao về nhận thức, tạo hành lang chính trị để Nhà nước thể chế hóa thành các chương trình hành động cụ thể. Nhờ đó, vị thế đối ngoại của Việt Nam tăng cao, tạo bước chuyển biến lớn từ lượng sang chất trong quảng bá hình ảnh quốc gia và đấu tranh dư luận.

Câu 7: Mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực TTĐN hiện nay đã thực sự đồng bộ chưa? Vấn đề đặt ra?

Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý trong lĩnh vực TTĐN đã đạt được độ gắn kết cao nhưng vẫn chưa thực sự đồng bộ toàn diện. Vấn đề đặt ra hiện nay là tiến độ thể chế hóa các chủ trương, kết luận của Đảng thành các văn bản pháp luật hành chính của Nhà nước có lúc còn chậm và phân tán. Hiện nay nước ta vẫn chưa ban hành Luật về Thông tin đối ngoại mà mới dừng lại ở cấp nghị định, quyết định dưới luật. Sự thiếu hụt một khung pháp lý thống nhất, có tính ràng buộc cao dẫn đến việc triển khai ở một số cấp, ngành còn mang tính tự phát; quy trình phối hợp xử lý thông tin nhạy cảm, xuyên biên giới giữa các ban Đảng và bộ chuyên ngành đôi khi gặp độ trễ hành chính.

Câu 8: Phân tích vai trò, trách nhiệm của các chủ thể tham gia công tác TTĐN dưới sự lãnh đạo của Đảng hiện nay?

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các chủ thể tham gia TTĐN được phân vai rõ ràng: Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương là cơ quan đầu mối định hướng tư tưởng, chủ trì tham mưu chiến lược và cẩm nang tuyên truyền. Ban Đối ngoại Trung ương định hướng hoạt động TTĐN theo kênh ngoại giao Đảng. Bộ Ngoại

giao là lực lượng chủ lực triển khai TTĐN ở nước ngoài qua hệ thống cơ quan đại diện ngoại giao và ngoại giao công chúng. Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý, điều phối hạ tầng truyền thông và mạng lưới báo chí đối ngoại. Các cơ quan báo chí chủ lực (TTXVN, VTV, VOV, Báo Nhân Dân) là lực lượng xung kích sản xuất nội dung đa ngữ. Các địa phương bám sát đặc thù vùng biên giới, hải đảo để cụ thể hóa các mục tiêu truyền thông.

Câu 9: Cơ chế phối hợp liên ngành, liên cơ quan trong công tác TTĐN hiện nay còn hạn chế gì và cần điều chỉnh theo hướng nào?

Cơ chế phối hợp liên ngành hiện nay còn một số hạn chế như có lúc còn lỏng lẻo, thiếu nhịp nhàng, xuất hiện tình trạng lúng túng hoặc chồng chéo chức năng giữa các sở, ngành tại địa phương. Các kênh đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân đôi khi vận hành độc lập, chưa tạo được sự hội tụ dòng tin chiến lược. Hướng điều chỉnh thời gian tới là phải thể chế hóa rõ ràng quy chế phối hợp tác nghiệp thời gian thực (real-time) trước các tình huống khủng hoảng thông tin. Cần phát huy mạnh mẽ vai trò điều phối trung tâm của Ban Chỉ đạo Công tác TTĐN các cấp, đồng thời xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, liên thông từ Trung ương đến địa phương để tối ưu hóa nguồn lực.

Câu 10: Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay?

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ làm công tác TTĐN, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý, đã được kiện toàn, nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm và tư duy hội nhập. Tuy nhiên, phẩm chất và năng lực của một bộ phận cán bộ còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của kỷ nguyên số. Hệ thống vẫn thiếu các chuyên gia giỏi am hiểu sâu sắc về truyền thông quốc tế, công nghệ số và kỹ năng xử lý khủng hoảng dư luận toàn cầu. Tại nhiều bộ ngành và địa phương, cán bộ làm TTĐN chủ yếu là kiêm nhiệm, trình độ ngoại ngữ và kỹ năng tương tác đa văn hóa chưa đồng đều. Chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài chưa tương xứng dẫn đến việc thiếu hụt nguồn lực chất lượng cao dài hạn.

Câu 11: Định hướng của Đảng trong xây dựng đội ngũ cán bộ TTĐN đáp ứng yêu cầu chuyên môn, bản lĩnh và năng lực thích ứng môi trường số?

Đảng định hướng xây dựng đội ngũ cán bộ TTĐN có số lượng, cơ cấu hợp lý, đảm bảo tinh gọn, vững vàng về bản lĩnh chính trị và tinh thông nghiệp vụ. Công

tác quy hoạch, đào tạo phải được thực hiện bài bản, chuyển mạnh sang cập nhật các tri thức hiện đại như ngoại giao số, quản trị nội dung số, xây dựng thương hiệu quốc gia và ứng dụng AI để phân tích dữ liệu lớn. Đảng yêu cầu đổi mới nội dung bồi dưỡng, tăng cường các khóa tập huấn thực chiến trong môi trường truyền thông xuyên biên giới. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh rõ ràng và xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ đặc thù, môi trường làm việc hấp dẫn nhằm thu hút, trọng dụng các chuyên gia công nghệ, ngoại ngữ giỏi sẵn sàng cống hiến cho ngành.

Câu 12: Nhận định về việc kết hợp giữa TTĐN với đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân hiện nay?

Việc kết hợp ba trụ cột đối ngoại dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng đã tạo nên bước chuyển biến quan trọng, hình thành thế trận ngoại giao toàn diện, hiện đại. Thông tin đối ngoại đóng vai trò là "chất keo" kết nối, lan tỏa đồng bộ thông điệp của cả ba kênh ra thế giới. Tuy nhiên, sự kết hợp này có lúc còn thiếu chặt chẽ, chưa phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp do các chủ thể vẫn triển khai kế hoạch tương đối độc lập. Để nâng cao hiệu quả, Đảng chỉ đạo phải gắn kết chặt chẽ hơn nữa các chiến dịch tuyên truyền chính trị của ngoại giao Nhà nước với các hoạt động giao lưu văn hóa của đối ngoại Nhân dân và kiều bào. Biến mạng lưới hơn 5 triệu người Việt Nam ở nước ngoài thành những lực lượng cộng tác viên tích cực, làm cầu nối truyền thông tự nhiên cho đất nước.

Câu 13: Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với hoạt động TTĐN được thực hiện thế nào? Những "khoảng trống" cần khắc phục?

Thời gian qua, Đảng đã duy trì kiểm tra, giám sát định kỳ, chuyên đề đối với các cấp ủy, cơ quan TTĐN, giúp chấn chỉnh nhiều biểu hiện lệch lạc, thiếu nhạy cảm chính trị. Tuy nhiên, công tác này vẫn tồn tại "khoảng trống" lớn khi nội dung kiểm tra còn nặng tính hành chính, sự vụ, chủ yếu đếm số lượng ấn phẩm, hội nghị mà chưa đo lường được tác động thực chất đến nhận thức công chúng quốc tế. Phương pháp giám sát trên không gian mạng, nền tảng số xuyên biên giới chưa được thực hiện thường xuyên và thiếu công cụ công nghệ tự động. Cơ chế phối hợp kiểm tra liên ngành giữa các cơ quan Đảng và Nhà nước chưa đồng bộ, chưa có chế tài xử lý nghiêm khắc đối với những địa phương triển khai mang tính đối phó, trì trệ.

Câu 14: Vai trò lãnh đạo của Đảng trong định hướng, kiểm soát và xử lý TTĐN nhạy cảm trước nguy cơ xuyên tạc trên không gian mạng?

Trước làn sóng chống phá tinh vi trên mạng xã hội, vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở việc giữ vững quyền định hướng chính trị và dẫn dắt dư luận xã hội bằng "sức mạnh của sự thật". Đảng lãnh đạo các cơ quan chức năng chủ động thiết lập thế trận bảo vệ nền tảng tư tưởng trên không gian mạng, kịp thời cung cấp thông tin chính thống để áp đảo thông tin xấu độc. Đối với các vấn đề nhạy cảm (biển đảo, dân tộc, tôn giáo, nhân quyền), Đảng đưa ra các định hướng chỉ đạo chặt chẽ, nhất quán nhằm giữ vững nguyên tắc nhưng linh hoạt về đối sách. Sự chỉ đạo sát sao của Đảng giúp các cơ quan báo chí đối ngoại không bị rơi vào bẫy truyền thông của thế lực thù địch, đồng thời nâng cao khả năng "miễn dịch" thông tin cho Nhân dân.

Câu 15: Những định hướng lớn và giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo công tác TTĐN thời gian tới?

Thời gian tới, Đảng tập trung vào 5 giải pháp trọng tâm: Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy chiến lược của các cấp ủy sát với thực tiễn truyền thông số. Hai là, đẩy mạnh đổi mới nội dung, đa dạng hóa phương thức TTĐN, tập trung số hóa toàn diện các hình thức tuyên truyền và làm tốt nội dung về thành tựu đổi mới. Ba là, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, thúc đẩy Nhà nước xây dựng Luật về TTĐN và hoàn thiện quy chế phối hợp liên ngành. Bốn là, tập trung xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp và đào tạo đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ kỷ nguyên mới. Năm là, tăng cường nguồn lực bảo đảm, đầu tư mạnh mẽ cho hạ tầng công nghệ (AI, Big Data) và chuyển đổi số của các cơ quan TTĐN, cơ quan đại diện ở nước ngoài